**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI**

**MÔN ĐỊA LỚP 6, 7, 8, 9**

**CHỦ ĐỀ 1**

**TRÁI ĐẤT**

***(12 tiÕt)***

**1.Vị trí của TĐ trong hệ mặt trời .**

* Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 trong số các hành tinh theo thứ tự xa dần mặt trời .
* 5 hành tinh ( Thủy , Kim , Hỏa , Mộc , Thổ ) được quan sát bằng mắt thường thời cổ đại.
* Năm 1181 bắt đầu có kính thiên văn phát hiện sao Thiên Vương .
* Năm 1846 phát hiện sao Hải Vương .
* Năm 1950 phát hiện sao Diêm Vương .

**2. Ý nghĩa của vị trí thứ 3 :** Vị trí thứ 3 của TĐ là 1 trong những điều kiện rất quan trọng để góp phần nên TĐ là hành tinh duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

1. Hình dạng , kích thước của TĐ và hệ thống kinh , vĩ tuyến .

TĐ có hình cầu, kích thước của TĐ rất lớn. Diện tích tổng cộng của TĐ là:510triệu km2.

**3. Hệ thống kinh vĩ tuyến :**

* Các đường kinh tuyến nối liền 2 điểm cực Bắc và cực Nam , có độ dài bằng nhau.
* Các đường vĩ tuyến vuông góc với các đường kinh tuyến có độ dài nhỏ dần từ xích đạo về cực ( Các đường vĩ tuyến song song với nhau ).

- Từ vĩ tuyến gốc(xích đạo)lên cực B là nửa cầu B, có 90 vĩ tuyến B(1độ vẽ 1vĩ tuyến )

* Từ vĩ tuyến gốc ( xích đạo ) xuống cực Nam là nửa cầu Nam , có 90 vĩ tuyến Nam
* Kinh tuyến Đông bên phải kinh tuyến gốc , thuộc nửa cầu Đông.
* Kinh tuyến Tây bên trái kinh tuyến gốc , thuộc nửa cầu Tây .

**4. Công dụng:** Các đường kinh tuyến , vĩ tuyến dùng để xác định vị trí của mọi địa điểm trên bề mặt TĐ .

**5 . Khí áp và gió trên TĐ .**

*a . Khí áp và các đai khí áp trên Trái Đất .*

**

\* Khí áp : Là sức ép rất lớn của không khí lên bề mặt đất.

* Dụng cụ đo khí áp: khí áp kế.
* Khí áp trung bình chuẩn là 760 mm thủy ngân.

Cứ lên cao 10m thì khí áp giảm 1mm.

\* Các đai khí áp : Các đai khí áp cao và thấp phân bố xen kẻ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo.

*b. Nguyên nhân hình thành các đai khí áp trên TĐ.*

- Do sự phân bố bức xạ Mặt Trời theo vành đai dẫn đến sự phân bố nhiệt theo vành đai khác nhau ( khí áp phụ thuộc vào nhiệt độ).

- Vùng XĐ quanh năm nóng, không khí nở ra, bốc lên cao, sinh ra vành đai khí áp thấp XĐ (do nhiệt).

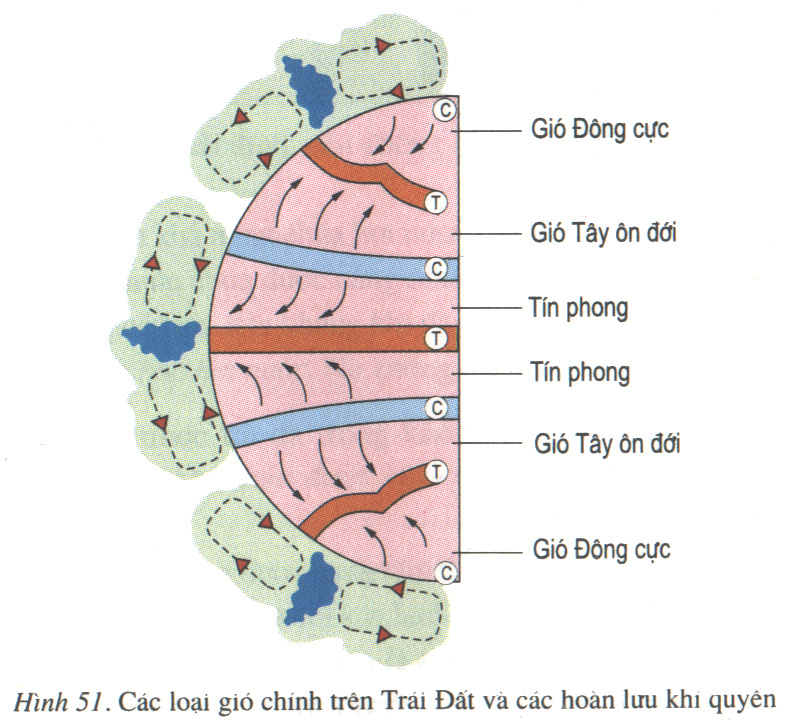
- Không khí nóng ở XĐ bốc lên cao tỏa sang 2 bên đến vĩ tuyến 30o B và N , không khí lạnh bị chìm xuống sinh ra 2 vành đai khí áp cao ở khoảng 30oB - N(do động lực).

- Ở 2 vùng c/B và N, tO thấp quanh năm, ko khí co lại, sinh ra 2 khu áp cao ở cực (do nhiệt)

- Luồng không khí ở cực về và luồng không khí từ đai áp cao sau khi gặp nhau ở khoảng 60o B - N thì bốc lên cao sinh ra 2 vành đai áp thấp.

*c. Gió và các hoàn lưu khí quyển.*

**



* Gió : Sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.
* Trên bề mặt TĐ sự chuyển động của không khí từ các đai khí áp cao về các đai khí áp thấp tạo thành hệ thống gió thổi vòng tròn gọi là hoàn lưu khí quyển .

Do sự vận động tự quay của TĐ nửa cầu Bắc lệch về phía tay phải , nửa cầu Nam lệch về phía tay trái (nhìn xuôi theo chiều gió thổi).

- Gió tín phong và gió tây ôn đới là hai hoàn lưu khí quyển quan trọng nhất .

- Không khí có trọng lượng ->khí áp kế .

- Gió tín phong, gió t©y «n ®íi l¹i thổi tầm 300 B và 300 N vì do không khí nóng bốc lên cao nén chặt xuống mặt đất và toả sang 2 bên tạo ra các khu khí áp trong đó có gió tÝn phong và gió tây ôn đới.

**6. Hơi nước trong không khí và mưa :**



->Nhiệt độ càng tăng thì không khí cũng tăng .

Thành phần: Không khí

Nitơ:78%. Oxi:21%. Các loại khác : 1% ( cacbonnic, bụi, hơi nước )

- Không khí có hơi nước : do sự bốc hơi. Ko khí chứa một lượng lớn hơi nước nhất định, ko khí càng nóng thì càng chứa nhiều hơi nước, ko khí bão hoà thì chứa một lượng hơi nước nhất định .

- Khi kh«ng khí bão hoà mà vẫn được cung cấp thêm nước hoặc bị hoá lạnh thì lượng hơi nước có trong kh«ng khí sẽ ngưng tụ và đông lại thành các hạt nước tạo ra mây, mưa, sương.

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố khá đồng đều tõ xích đạo về cực .

- Các loại sương :

+ Hơi sương lơ lửng trong kh«ng khí là sương mù.

+ Sương mong manh trên mặt hồ là sương bụi .

+ Hơi sương đọng lại trên mặt băng nhỏ là sương muối.

\* Cách tính lượng mưa :

* Lượng mưa trong ngày = tổng cộng của các đợt mưa trong ngày.
* Lư­ợng m­ưa trong tháng = tổng l­ượng mư­a các ngày trong tháng.
* **Lư­ợng m­ưa trong năm = tổng l­ượng mư­a các tháng trong năm.**
* **L­ượng mư­a TB năm = tổng l­ượng mư­a nhiều năm cộng lại chia cho số năm.**

**7. Các đới khí hậu trên Trái Đất**

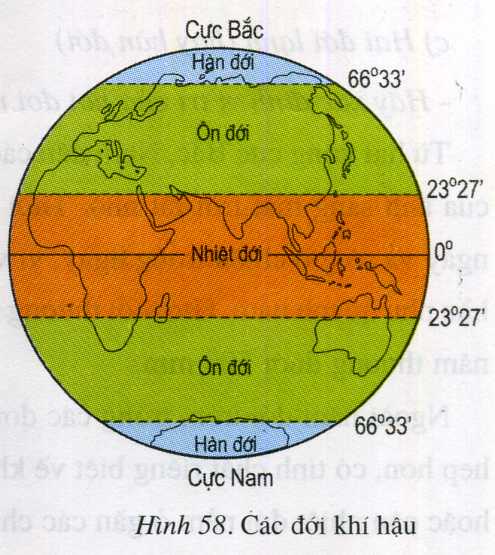
*\* Các chí tuyến và vòng cực .*

- Chí tuyến B là đường vĩ tuyến 23o27’B.

- Chí tuyến N là đường vĩ tuyến 23o27’ N

- Vßng cực B là đường vĩ tuyến 66o33’B.

- Vòng cực N là đường vĩ tuyến 66o33’N.



**8. Bản đồ :**

\* Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ trên giấy tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

\* Vẽ bản đồ là biểu hiện mặt cong của Trái Đất lên mặt phẳng của giấy bằng các phương pháp chiếu đồ.

- Các vùng đất biểu hiện trên bản đồ đều có sự biến dạng so với thực tế . Càng về 2 cực sự sai lệch càng lớn .

\* Một số công việc phải làm khi vẽ bản đồ :

- Thu thập thông tin về đối tượng địa lý.

- Tính tỷ lệ , lựa chọn các kí hiệu để thể hiện các đối tượng địa lý trên bản đồ.

\* Tầm quan trọng của bản đồ trong việc dạy và học địa lý.

Bản đồ cung cấp cho ta khái niệm chính xác về vị trí , về sự phân bố các đại lượng , hiện tượng địa lý tự nhiên, kinh tế, XH ở các vùng đất khác nhau trên bản đồ.

**9. Tỉ lệ bản đồ :**

\* Tỉ lệ bản đồ : là tỉ số giữa khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng trên thực tế .

\* Ý nghĩa :Tỉ lệ bản đồ cho biết bản đồ được thu nhỏ bao nhiêu so với thực địa.

\* Có hai dạng thể hiện tỉ lệ bản đồ là tỉ lệ số và tỉ lệ thước:

- Tỉ lệ số là một phân số có tử số luôn bằng 1.

VD: 1:100000 có nghĩa là cứ 1cm trên bản đồ bằng 100 000 (1Km) trên thực tế.

- Tỉ lệ thước: được thể hiện như một thước đo được tính sẵn, mỗi đoạn trên thước được ghi độ dài tương ứng trên thực tế .

Dạng 1: Tính tỉ lệ bản đồ.

- Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách các địa điểm ngoài thực tế.

- Dựa vào khoảng cách các địa điểm ngoài thực tế để tính tỉ lệ bản đồ.

Dạng 2: Cách xác định phương hướng trên bản đồ(16 phương hướng).

- Dựa vào đường kinh tuyến và vĩ tuyến

- Dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc.

- Lưu ý: Đối với việc xác định phương hướng trên bản đồ: Ta dựa vào điểm mà đề bài cho rồi vẽ một đường kinh tuyến và vĩ tuyến đi qua điểm đó, rồi ta dựa vào đó mà xác định phương hướng.

Dạng 3: Các loại bài toán về tính giờ.

- Vẽ trục giờ ra và cho học sinh biết sự khác nhau về ngày giữa phía Đông và phía Tây.

+ Nếu đi từ Đông sang Tây thì trừ đi 1 ngày.

+ Nếu đi từ Tây Sang Đông thì cộng thêm 1 ngày.

- Hướng dẫn cho học sinh thêm về cách tính từ kinh độ ra múi giờ khi đề bài không cho múi giờ.

Cộng thêm 1 ngày Trừ đi một ngày

13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Ít hơn phía Đông 1 ngày Sớm hơn phía Tây 1 ngày

- Lập công thức tổng quát cho dạng bài tập tính giờ.

Ví Dụ: A B

Tính Cho

Cho Tính

+ Tìm A = B – số múi giờ chênh lệnh giữa A và B.

+ Tìm B = A + số múi giờ chênh lệch giữa A và B.

Lưu ý: Chỉ cần cho học sinh biết được sự chênh lệnh về số múi giờ trên trục múi giờ, rồi ta cộng vào hoặc trừ ra theo trục múi giờ.

Ví dụ 1: Một bức điện đánh từ An Giang đến Paris vào lúc 14h,1/1/2010.Hai giờ sau Paris nhận được điện. Hỏi lúc đó ở Paris là mấy giờ,ngày tháng năm nào?(giờ Paris, biết Parí có múi giờ số1).

Ví dụ 2: Một bà mẹ ở Việt Nam gọi điện chúc tết cho con gái đêm giao thừa ở New york vào ngày 1/1/2008. Hỏi khi đó ở Việt Nam là mấy giờ,ngày tháng năm nào? (biết New york có múi giờ số 19)

Dạng 4: Bài toán về hệ quả Trái Đất quay quanh Mặt Trời và quay quanh trục.

Sự lệch hướng của các vật thể:

- Ở bán cầu Bắc vật lệch về bên phải so với hướng chuyển động

- Ở bán cầu Nam vật lệch về bên trái so với hướng chuyển động

**10. Phương hướng trên bản đồ. Kinh độ ,vĩ độ và toạ độ địa lí**

*a. Phương hướng trên bản đồ*.

\* Xác định dựa vào kinh tuyến và vĩ tuyến.

- Đầu trên của kinh tuyến là hướng Bắc, đầu dưới là hướng Nam.

- Bên phải kinh tuyến là hướng Đông, bên trái là hướng Tây.

Chú ý : Một số bản đồ, lược đồ không thể hiện các đường kinh tuyến ,vĩ tuyến thì dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc rồi tìm các hướng còn lại .

\*. Xác định dựa vào mũi tên chỉ hướng.

|  |  |
| --- | --- |
| B  TB ĐB  T Đ    TN ĐN  N  Bắc | aaa |
|  | Hãy xác định các hướng còn lại trong hình vẽ bên : |

*b. Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lÝ.* Kinh độ, vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến, vĩ tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc.

\* Toạ độ địa lý gồm: K/độ và vĩ độ của điểm đó.(Viết kinh độ ở trên, vĩ độ ở dưới).

**11. Kí hiệu bản đồ . Cách biểu hiện địa hình trên bản đồ .**

a. Các loại lí hiệu bản đồ

- Kí hiệu bản đồ thể hiện các đối tượng địa lí.

- Các kí hiệu rất đa dạng và có tính quy ước.

Bảng chú giải giải thích nội dung và ý nghĩa của kí hiệu .

- Có 3 loại kí hiệu: Kí hiệu điểm ; Kí hiệu đường ; Kí hiệu diện tích.

- Ba dạng kí hiệu : Hình học ; chữ ; tượng hình .

b. Cách biểu hiện địa hình trên bản đồ.

- Trên bản đồ tự nhiên : Địa hình được thể hiện bằng màu sắc .

Quy ước trong các bản đồ giáo khoa địa hình Việt Nam:

+ Từ 0 - 200m : màu xanh lá cây .

+ Từ 200 - 500m : màu vàng hay hồng nhạt .

+ Từ 500 – 1000m : màu đỏ .

- Trên bản đồ địa hình: Địa hình được thể hiện bằng các đường đông mức (Đường đồng mức là đường nối liền các điểm có cùng độ cao ).

+ Khoảng cách giữa hai đường đồng mức cạnh nhau càng gần địa hình càng dốc.

+ Khoảng cách giữa hai đường đồng mức cạnh nhau càng xa địa hình càng thoải.

**12. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả.**

*a. Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.*

Trái Đất quay quanh trục tưởng tượng nối liền hai cực trục Trái Đất và nghiêng 66o33' trên mặt phẳng quỹ đạo.

- Hướng tự quay: Từ Tây sang Đông.

- Thời gian tự quay 24h/vòng. (1 ngày đêm)

Vận tốc chuyển động của Trái đất ở trên bề mặt khác nhau ở mọi nơi .

Các địa điểm nằm trên đường xích đạo có tốc độ lớn nhất (gần 1600 km/h). Càng đi về phía hai cực, tốc độ đó càng giảm dần. Ở hai cực, tốc độ đó bằng 0, vì hai điểm đó chỉ quay tại chỗ mà không thay đổi vị trí .

- Người ta chia bề mặt Trái Đất thành 24 khu vực giờ. Mỗi khu vực có một giờ riêng thống nhất gọi là giờ khu vực.

- Khu vực kinh tuyến gốc đi qua chính giữa gọi là khu vực giờ gốc và đánh số O còn gọi là khu vực giờ gốc (GMT).

(Giờ tính theo khu vực giờ gốc có đường kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn ) . Nước ta nằm ở khu vực giờ thứ 7 .

- Giờ phía Đông sớm hơn giờ phía Tây.

\* Cách tính giờ khu gốc ra giờ hiện tại và ngược lại:

+ Trường hợp 1: Khi GMT + *KVgiờ cần xác định* ≥ 24

Giờ KV *cần xác định* = (GMT+ KV giờ *cần xác định*) - 24

+ Trường hợp 2: Khi (GMT + *KVgiờ cần xác định* ) ≤ 24

Giờ KV*giờ cần xác định* = 24- (Giờ KV + KV *giờ cần xác định*)

- Kinh tuyến 180o là đường đổi ngày quốc tế .

*b. Hệ quả sự vân động tự quay quanh trục của Trái Đất* .

*\* Hiện tượng ngày và đêm .*

Trái Đất có dạng hình cầu, do đó Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa, đó là hiện tượng ngày đêm.

( Ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên bề mặt Trái Đất).

Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm .

*\* Vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất bị lệch hướng.*



**13. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời .**

*a. Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời .*

- TĐ c/động quanh MT theo hướng từ T sang Đ. Trên quỹ đạo có hình elip gần tròn.

- Thời gian TĐ chuyển động trọn một vòng trên q/đạo là 365ngày 6giờ(N¨m thiªn v¨n )

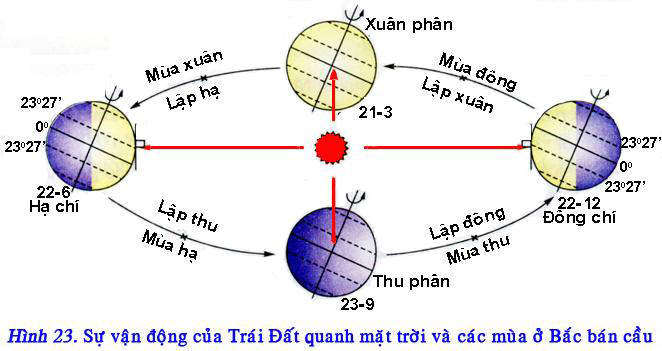
- Năm lịch là 365 ngày. Cứ bốn năm có một năm nhuận.

b. *Hiện tượng các mùa :*

- Khi chuyển động trên quỹ đạo, trục T§ bao giờ cũng có một độ nghiêng ko đổi và hướng về một phía.

- Hai nửa cầu luân phiên nhau ngã gần và chếch xa Mặt Trời sinh ra các mùa.

- Sự phân bố lượng nhiệt, ánh sáng và cách tính mùa ở hai nửa cầu hoàn toàn trái ngược nhau.



- Cách tính mùa theo dương lịch và âm lịch có khác nhau về thời gian.

Ngoài hiện tượng các mùa, sự chuyển động của TĐ quanh MT còn sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau và hiện tượng số ngày có ngày , đêm dài suốt 24h ở các miền cực thay đổi theo mùa .



**14. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa**

1*. Hiện tượng ngày, đêm dài gắn trên các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất.*

- Do trục TĐ nghiêng nên trục nghiêng của TĐ và đường phân chia sáng tối ko trùng nhau các địa điểm trên bề nặt TĐ có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau.

+ Mọi địa điểm trên dường xích đạo có ngày và đêm như nhau.

+ Từ xích đao về hai cực thời gian chênh lệch giữa ngày và dêm càng lớn.

*2. Ở miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 h thay đổi theo mùa.*

- Vào ngày 22-6 và 22-12 các địa điểm ở:

+Vĩ tuyến 66033’B

+ Vĩ tuyến 66033’N Có một ngày hoặc một đêm dài suốt 24 h.

- Từ vòng cực đến cực ở hai bán cầu số ngày hoặc đêm dài suốt 24 h tăng lên.

- Ở hai cực có ngày đêm dài suốt tháng.

Vào ngày 21-3 ánh sáng MT chiếu vuông góc với vĩ tuyến bao nhiêu? Vĩ tuyến đó được gọi là đường gì ?

(Vào ngày 22-6 ánh sáng MT chiếu v/góc với vĩ tuyến 23027’B. Đây là giới hạn cuối cùng ánh sáng MT tạo được một góc vuông xuống nửa cầu B vĩ tuyến này được gọi là CTB)

? Vào ngày 22-12 (Đông chí ) ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc với vi tuyến bao nhiêu ? Vĩ tuyến đó có tên gọi là gì ?

(giới hạn cuối cùng mà ánh sáng Mặt Trời tạo được một góc vuông xuông nửa cầu Nam là vĩ tuyên 23027’N đường đó được gọi là chí tuyến Nam ) .

\* Vào các ngày 22-6 và ngày 22-12 ở các vĩ độ 66033’ Bắc và Nam có hiện tượng ngày đêm dài suốt 24 h

- Vĩ tuyến 66033’B là giới hạn cuối cùng mà ánh snág mặt trời chiếu được xuông mặt đất của nửa cầu Bắc vào ngày 22-12 và đường này gọi là vòng cực Bắc .

- Vĩ tuyến 6603’N là giới hạn cuối cùng mà ánh sáng MT có thể chiếu xuông được bề mặt Trái Đất vào ngày 22-6 và vĩ tuyến đó gọi là vòng cực Nam .



**Một số câu hỏi và bài tập**

Câu 1: Nếu Trái Đất chuyển động theo kinh tuyến quanh mặt trời nhưng không tư quanh xung quanh trục thì hiện tượng gì xảy ra trên bề mặt Trái Đất?

*\*Trả lời :*

- Nửa cầu Bắc sẽ là ngày . - Nửa cầu Nam sẽ là đêm . - Ngược lại .

+ TĐ vẫn có ngày và đêm 1năm chỉ có 1 ngày và 1đêm .

+ Ngày dài 6 tháng , đªm dai 6 tháng .

+ Sự chênh lệch về nhiệt độ gữa ngày và đêm dẫn tới sự chênh lệch về khí áp gữa ngày và đêm từ đó hình thành lên những luồng gió cưc mạnh ->bề mặt Trái đất không có sự sống .

Câu 2 :Thời tiết là gì ? Để nghiên cứu thời tiết cần quan sát những yếu tố nào ?

*\*Trả lời*: - Thời tiết là hiện tượng xảy ra trong một địa phương .

- Quan sát thời tiết cần quan tâm đến : nhiệt độ , lượng mưa , khí áp gió , độ ẩm.

Câu 3 : Mưa axit là gì? Nguyên nhân xảy ra mưa axit ? Tác hại của mưa axit đối với sản xuất.

*\*Trả lời:* - Mưa axit là mưa có độ pH=5,7 trong trường hợp khí quyển bị ô nhiễm có sự gia tăng các chất SOn nước mưa hoà tan thành axit khi đó pH của nước mưa giảm xuống 3 hoặc ít hơn nữa . Những trận mưa có độ pH thấp gọi là mưa axit .

- Nguyên nhân : là hoạt động của núi lửa , cháy rừng , các vũ khí hạt nhân bị khử , khói thải từ các nhà máy..

- Tác hại : làm nước ao hồ bị bẩn tôm cua cá chết đất trồng bị thoái hoá , cầy trồng bị chết và ảnh hưởng đến con người ( Viêm phế quản , trẻ em bị ốm , hen ).

Câu 4: Đặt tên sơ đồ và ®iÒn vµo chỗ trống?

*\*Trả lời :* Sơ đồ đường chuyển động biểu diễn hàng năm của mặt trời :

- Mặt trời lên đỉnh hai lần trong một năm lại là các điểm A và C nên ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào lúc 12 giờ trưa .

- Tại điểm B và D thì mặt trời chỉ lên đỉnh một lần vào ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 tại điểm B và D .

Câu 5 :

Sơ đồ khí áp , nhiệt độ thay đổi theo độ cao :

A. 760mm: 24oC. B. 560mm: 12oC. C. 460mm:6oC D. 560mm: 16oC. E. 760mm: 36oC

Sưên AC là sườn đón gió khí ẩm và nhiệt độ giảm dần cứ 100m giảm 0,6 độ C , đây là điều kiện để gây mưa.

Sườn CE khi không vượt qua được sườn AC hơi nước giảm , nhiệt độ tăng theo tiêu chuẩn là không khí khô khi xuống sườn núi CE với gió khô và nóng .

*\*Trả lời :* - Cách tính :

+ Lên cao 1000m giảm 6o C .

+ \_\_\_\_\_\_\_100m giảm 0,6o C.

- Từ cao xuống thấp 1000m tăng 10oC.

- Từ thấp lên cao giảm 6oC .

Câu 6:Trên bản đồ có tỉ lệ 1/30000000

Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải Phòng : 6,5cm .

Vậy thực tế là bao nhiêu km?

Khoảng cách từ Thanh Hoá đến Đà Nẵng : 360 km

Vậy trên bản đồ là bao nhiêu cm .

*\* Trả lời :*

Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải Phòng ở thực tế là :

6,5 x 30 000 000 = 195 000 000 cm = 195 km

Gọi y là khoảng cách từ Thanh Hoá –Đà Nẵng ở trên bản đồ :

Đổi 360km = 360 000 000 cm .

Câu 7 : Vào lúc 19h ngày 15.2.2003 tại Hà Nội khai mạc SEAGAME 22.Hỏi lúc đó là mấy giờ , ngày bao nhiêu tại các địa điểm sau: Xeun:120oĐ

Matxcơva : 30oĐ ; Pari : 2oĐ; Lot Angiơ let :120oT (Biết Hà Nội :105oĐ)

*\* Trả lời :*

Hà Nội thuộc mui giờ thứ 7.

Xê un thuộc mi giờ ; 120:15= 8

Khoảng cách chênh lệch giữa Xê un và Hà Nội l 8 – 7 = 1 .



Pari thuộc múi giờ 0 (=24h) Khoảng cách chênh lệch từ HN và Pari :7 – 0 =7.



Matxcơva thuộc múi giờ :30 : 15 = 2

K/c chênh lệch từ HN đến Matxcơva :7 – 2 = 5 .



Lot Angiơ let thuộc mi giờ : (360- 120) : 12 = 16

K/c chênh lệch từ HN đến Lot Angiơ let:16 – 7 = 9 .



Vì giờ HN lúc đó là 19 giờ ngày 5.12.2003

Giờ của Xê un 19 + 1 =20h ngày 5.12.2003 .



Giờ của Pari 19 - 7 =12h ngày 5.12.2003

Giờ của Matxcơva 19 - 5 =14h ngày 5.12.2003

Giờ của Lot Angiơ let 19 + 8 =28h – 24h = 4h ngày 6.12.2003

Câu 8 : Nhân dịp năm mới , bạn Hà ở Quảng Ninh ( múi giờ thứ 7) ,đúng 1h ngày1.1.2004 gửi thiệp chúc mừng 1 bạn ở Ha-ba-na( Cu Ba) thuộc múi giờ 19 , sau 2 tiếng thì bạn ở Ha-ba-na nhận được . Hỏi lúc đó là mấy giờ , ngày bao nhiêu ?

*\* Trả lời :*

Ở QN là 1h ngày 1.1.2004 thì giờ ở Ha-ba-na là : 1+ (19 - 7) = 13h ngày 1.1.2004.

Số giờ ở Ha-ba-na : 13+ 2 = 15h ngày 1.1.2004 .

Câu 9 :

Ở QN là 1h ngày 1.1.2004 thì giờ ở Ha-ba-na là : 1+ (19 - 7) = 13h ngày 1.1.2004.

Số giờ ở Ha-ba-na : 13+ 2 = 15h ngày 1.1.2004 .

Câu 10: Bản đồ là gì ? Bản đồ có vai trò như thế nào trong cuộc sống?

*\* Trả lời :*

- Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ tương đối chính xác chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên một mặt phẳng.

- Trong việc giảng dạy và học tập địa lí,bản đồ có vai trò rất quan trọng.Nờ có bản đồ,chúng ta có khái niệm chính xác về vị trí,về sự phân bố các đối tượng,các hiện tượng địa lí tự nhiên cũng như kinh tế xã hội ở các vùng khác nhau trên Trái Đất mà chúng ta chưa đặt chân tới.

Câu 11: Tại sao các nhà hàng hải hay dùng bản đồ có kinh tuyến, vĩ tuyến là đường thẳng?

*\* Trả lời :*

- Bản đồ có kinh tuyến và vĩ tuyến là đường thẳng là bản đồ sử dụng phép chiếu đồ hình trụ đứng. Theo phép chiếu đồ này thì vùng xích đạo có độ chính xác nhất, không có sai số độ dài;càng xa xích đạo càng kém chính xác;tỉ lệ theo lưới chiếu kinh tuyến vĩ tuyến thay đổi giống nhau, iên tục tăng dần từ xích đạo đến cực. Hơn nữa ở góc chiếu này góc trên bản đồ có độ lớn tương ứng bằng góc trên địa cầu.Vì vậy các nhà hàng hải hay sử dụng bản đồ có lưới kinh tuyên vĩ tuyến là những đường thẳng.

Câu 12 : Tỉ lệ bản đồ là gì? Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện dưới mấy dạng? cho biết ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ?

*\* Trả lời :*

a) Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ mức độ thu nhỏ của kích thước được vẽ trên bản đồ so với thực tế trên mặt đất

b) Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở hai dạng:tỉ lệ số và tỉ lệ thước.

*+* Tỉ lệ số là một số luôn có tử số là 1. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ bản đồ càng nhỏ và ngược lại.

*+* Tỉ lệ thước là tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẳn,mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực địa.

1. Ý nghĩa: Dựa vào tỉ lệ bản đồ chúng ta có thể biết được các khoảng cách trên bản đồ đã thu nhỏ bao nhiêu lần so với kích thước của chúng trên thực địa.

Câu 13: Kinh độ là gì ? Vĩ độ là gì ? Cho biết cách xác định tọa độ địa lí của một điểm?

*\* Trả lời :*

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến góc.

- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến góc.

- Kinh độ và vĩ độ của một điểm gọi chung là tọa độ địa lí của điểm đó.

- Để xác định tọa độ địa lí của một điểm,từ điểm đó chiếu lên xác định kịnh độ và chiếu ngang để xác định vĩ độ.

Câu 14: Tại sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở mọi nơi trên Trái Đất ? Giả sử Trái Đất là hình cầu nhưng lại không quay quanh trục và quanh Mặt Trời thì có ngày đêm không? Tại sao ?

*\* Trả lời :*

1. Do Trái Đất tự quay quanh trục chính của nó.vận động này đã làm cho mọi nơi Trên Đất đều có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau
2. Vẫn có ngày và đêm.Vì Trái Đất hình cầu nên ánh sáng Mặt Trời không thể chiếu sáng toàn bộ bề mặt mà chỉ chiếu sang được một nữa.

Câu 15: Nha Trang và Đà Lạt là hai thành phố nằm trên cùng một vĩ tuyến (không tính phút, giây vĩ độ). Mặt trời mọc ở Nha Trang vào thời điểm 5h27’ và lặn 18h05’. Vậy ở Đà Lạt mặt trời mọc và lặn ở thời điểm nào? Biết rằng Nha Trang nằm ở kinh tuyến 109015’Đ, Đà Lạt nằm ở kinh độ 108026’Đ.

Tr¶ lêi:

Tính mặt trời mọc và lặn ở Đà Lạt gồm các bước sau:

- Tính số kinh tuyến (KT) Trái Đất tự quay quanh Mặt Trời trong 1 giờ:

3600KT : 24h = 150KT/h

- Tính khoảng thời gian 10KT quay quanh Mặt Trời:

1h = 60’: 150KT = 4’KT

- Tính khoảng thời gian 1’KT quay quanh Mặt Trời:

4’ = 240” : 60’KT = 4”/1’KT

- Tính khoảng cách Nha Trang đến Đà Lạt:

109015’Đ = 108075’Đ - 108026’Đ = 49’KT

- Thời điểm Mặt Trời mọc ở Đà Lạt là:

5h27’ + (49’KT X 4”) = 5h27’ + 3’16” = 5h30’16”

- Mặt Trời lặn ở Đà Lạt là:

18h05’ + 3’16” = 18h08’16”

*Lưu ý: Thời gian 1’KT; 10KT quay quanh mặt trời thí sinh có thể làm khác kết quả 1/15phút, 1/15h vẫn cho điểm như trên.*

Câu 16: Dựa vào nội dung của sơ đồ địa hình dưới đây (thời tiết ổn định), em hãy:

a) Xác định độ cao tuyệt đối của điểm B(đơn vị tính: m), biết rằng nhiệt độ tại đó là 200C.

b) Vào thời điểm đó khí áp tại C đo được là 750mm (Hg), vậy lớp không khí trên bề mặt ở C là bao nhiêu độ?

c) Độ cao từ C đến B được gọi là độ cao gì? Cao bao nhiêu mét (m)?

Điểm B

Nhiệt độ:200C

Điểm A

Nhiệt độ: 260C

Khí áp: 760mm

Điểm C

Khí áp: 750mm

Biển

Chú thích: Sơ đồ địa hình và hoạt động của gió  
 Hướng chuyển động của gió ẩm

Hướng chuyển động của gió khô

Tr¶ lêi:

*a) Cách xác định độ cao tuyệt đối của vị trí B*

- Trước hết xác định đọ cao tuyệt đối của vị trí A

- Xác định đọ cao tương đối giữa A và B

- Độ cao tuyệt đối vị trí B là tổng độ cao tuyệt đối vị trí A + Độ cao tương đối vị trí A 🡪B

+ Cách xác định độ cao tuyệt đối của vị trí A:

Vì khí áp lên cao 10m thì giãm 1mm, vậy độ cao tuyệt đối ở A là:

{(760mm (Hg) - 740mm (Hg)} X 10m = 200m

+ Xác định độ cao tương đối vị trí A đến B:

Không khí ẩm lên cao 100m thì nhiệt độ giảm 0,60C

Biên độ nhiệt giữa A và B là: 260C - 200C = 60C

Vậy độ cao vị trí B so với vị trí A là:

(60C : 0,60C) X 100m = 1000m

+ Độ cao tuyệt đối của vị trí B: 200m + 1000m = 1200m

b) Xác định nhiệt độ lớp không khí ở trên mặt vị trí C:

- Phải xác định độ cao tuyệt đối của vị trí C:

{(760mm(Hg) - 750mm(Hg)} X 10m = 100m

-Xác định độ cao tương đối từ vị trí C đến vị trí B:

1200m - 100m = 1 100m

- Không khí khô di chuyển xuống thấp cứ 100m nhiệt độ tăng 10C ,

vậy nhiệt độ tại vị trí C là: 200C = (1 100m : 100m) = 110C.

=> Nhiệt độ tại vị trí C là: 200C + 110C = 310C

c) Độ cao từ C đến B:

- Độ cao từ vị trí B so với vị trí C là độ cao tương đối.

- Độ cao đó là 1 100m

Câu 17: Hãy cho biết mặt trời lên thiên đỉnh bao nhiêu lần trong một năm ở vĩ độ 100B? Hãy tính thời gian mặt trời lên thiên đỉnh ở các lần đó?

(*Cho phép tính sai số + 1 ngày*).

Tr¶ lêi:

- Tại vĩ độ 100B trong một năm có 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh. Vì: 100B nằm trong khu vực nội chí tuyến.

- Tính thời gian mặt trời lên thiên đỉnh:

+Mặt trời chuyển động biểu kiến từ 21/3 đến 22/6 mất 93 ngày. Trong 93 ngày Trái Đất chuyển động được một góc là: 23027’

mà: 23027’ = 1407’KT

Vậy một ngày Trái Đất đi được là: 1407’: 93 ngày 0015’06”KT 15’KT

Mà theo đề bài ta có: 100KT = 600’KT => Trái Đất chuyển động được một góc 100 thì mất khoảng thời gian là: 600’KT : 15’KT  40 ngày.

Vậy mặt trời lên thiên đỉnh lần thứ nhất là:

21/3 + 40 ngày = 30/4

Mặt trời lên thiên đỉnh lần thứ hai là:

23/9 - 40 ngày = 14/8 .

3. Cñng cè:

- GV hÖ thèng nh÷ng kiÕn thøc c¬ b¶n cho HS.

4. C©u hái vµ bµi tËp vÒ nhµ:

- H·y cho biÕt nguyªn nh©n dÉn ®Õn hiÖn t­îng ngµy ®ªm dµi ng¾n theo mïa trªn Tr¸i §Êt?

- NÕu Tr¸i §Êt vÉn chuyÓn ®éng xung quanh mÆt trêi nh­ng kh«ng chuyÓn ®éng xung quanh trôc th× sÏ cã hiÖn t­îng g× x¶y ra?

- NÕu nh­ trong khi chuyÓn ®éng quanh mÆt trêi, Tr¸i §Êt kh«ng tù quay vµ trôc cña nã kh«ng nghiªng mµ vu«ng gãc víi mÆt ph¼ng quü ®¹o th× nh÷ng hÖ qu¶ cña nã cã g× thay ®æi?

- Đo độ dài từ Cửa Tùng (Vĩnh Linh) đến Lao Bảo (Hướng Hóa) trên thực địa là 110 Km. Nếu biểu diễn đường đi đó trên bản đồ sẽ dài bao nhiêu cm nếu bản đồ có tỉ lệ:

a. Tỉ lệ: 1: 1 250 000 b. Tỉ lệ: 1: 2 000 000

- Đo khoảng cách bất kì hai bản đồ khác nhau đều có độ dài là: 2,1 cm. Vậy khoảng cách đó trên thực tế là bao nhiêu mét (m) nếu:

a. Bản đồ thứ nhất có tỉ lệ: 1: 1 000 000

b. Bản đồ thứ hai có tỉ lệ: 1: 1 250 000./..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Rèn luyỆn các kĩ năng đỊa lÝ**

***(6 tiÕt)***

**I. Kĩ năng bản đồ**

***1. Kĩ năng xác định vị trí địa lí trên bản đồ***

Vị trí địa lí của một đối tượng là mối quan hệ không gian của nó đối với những đối tượng khác ở xung quanh có liên quan đến nó về toán học, tự nhiên, kinh tế, chính trị, quốc phòng.

Ví dụ: Xác định vị trí địa lí của Việt Nam ( phần đất liền )

\* Toạ độ địa lí phần đất liền:

- Điểm cực Bắc: Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang 23023’B – 105020Đ.

- Điểm cực Nam: Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau 8034’B – 104040’Đ

- Điểm cực Tây: Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên 22022’B – 102010’Đ

- Điểm cực Đông: Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hoà 23023’B – 105020’Đ

\* Vị trí tiếp giáp: Bắc giáp Trung Quốc (1400km ), Tây giáp Lào ( 2067 ) và Cam-pu-chia (1080km ) Đông và Nam giáp biển ( 3260 km ).

\* Tự nhiên: Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biển.

\* Kinh tế: Phát triển kinh tế toàn diện với nhiều ngành nghề, giao lưu với các nước Đông Nam Á và thế giới bằng nhiều phương tiện khác nhau.

***2 Kĩ năng mô tả độ cao, độ sâu:***

Cách biểu hiện độ cao trên bản đồ: dùng đường đồng mức, chỉ số độ cao, màu sắc

- Dựa vào thang màu hoặc dựa vào đường đồng mức để xác định độ cao.

- Xác định độ dốc và hướng dốc:

+ Hướng dốc:Căn cứ vào dòng chảy của sông( Bắt nguồn ở nơi cao, đổ về nơi thấp) Những nơi sông uống khúc nhiều và có nhiều đầm lầy độ dốc nhỏ….

+ Dốc nhiều: những đường đồng mức nằm sát nhau, thang màu chuyển tiếp nhanh …

Ví dụ: Xác định độ cao và hướng dốc của ba miền địa lí tự nhiên.

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

- Cao nhất ở Tây Bắc 2419m và ở phía Bắc 2274m

- Thấp nhất ở Đông Nam

- Dốc lớn ở Tây Bắc và dốc nhỏ ở đồng bằng

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- Cao nhất ở Tây Bắc 3143m

- Thấp nhất ở đồng bằng, hướng dốc là Tây Bắc – Đông Nam.

- Dốc lớn ở Tây Bắc

Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Tây Nguyên dốc ở phía Đông, phía Tây ít dốc. Cao ở phía Bắc và phía Nam, thấp ở giữa. Đồng bằng Nam Bộ bằng phẳng, độ dốc nhỏ.

*3 Kĩ năng mô tả địa hình:*

\* Dàn ý mô tả:

- Có những dạng địa hình nào? Phân bố ra sao?

- Dạng địa hình nào chiếm ưu thế? Chỗ cao nhất, thấp nhất là bao nhiêu?

- Mô tả từng dạng địa hình

+ Núi: Cao (trên 2000m ), trung bình ( 1000 – 2000m ), thấp dưới 1000m nằm ở bộ phận nào của lãnh thổ, tiếp cận với dạng địa hình nào? Với vịnh, biển, đại dương nào? Độ cao trung bình, đỉnh cao nhất là bao nhiêu mét? Dốc về phía nào? Thoải về phía nào?

Bị cắt xẻ nhiều hay ít bởi các thung lũng sông, gây trở ngại lớn hay nhỏ cho sự phát triển giao thông vận tải, ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu?

+ Bình nguyên ( 0 – 200m ), cao nguyên ( Trên 500m) nằm ở phía nào của lãnh thổ, hình dáng, kích thước, tiếp cận với dạng địa hình nào? Bị sông ngòi chia cắt nhiều hay ít? Có những hệ thống sông lớn nào chảy qua?

Ví dụ: Mô tả địa hình của ba miền địa lí tự nhiên?

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

- Gồm khu vực đồi núi thấp ở tả ngạn sông Hồng, đi từ dãy núi con Voi đến vùng đồi ven biển Quảng Ninh, phía Nam là đồng bằng sông Hồng.

- Núi chiếm phần lớn diện tích, cao nhất ở Tây Bắc ( Tây Côn Lĩnh 2402m), thấp nhất ở Đông Nam ( Ven biển dưới 1000m )

- Núi chủ yếu là đồi núi thấp ở phía Bắc và Đông Bắc của miền, Phía Nam là đồng bằng Bắc Bộ, phía Đông là vịnh Bắc Bộ. Các dãy núi hình cánh cung, từ Đông sang Tây là: Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm. Độ cao trung bình dưới 100m, đỉnh cao nhất là Tây Côn Lĩnh 2419m. Dốc về phía Bắc và phía Tây Bắc, thoải về phía Nam và Đông Nam.

- Sông ngòi dày đặc chia cắt vùng núi thành nhiều ngọn và thung lũng. Các dãy núi hình cánh cung này tạo điều kiện thuận lợi cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào lãnh thổ làm tăng tính lạnh về mùa đông, các thung lũng rộng tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông vận tải.

- Đồng bằng ở phía Đông Nam có hình tam giác, rộng 15.000km2 phía Đông là vịnh Bắc Bộ. Có hai hệ thống sông lớn: Sông Hồng và sông Thái Bình chia đồng bằng thành nhiều ô nhỏ.

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, là vùng núi cao và đồ sộ nhất nước ta vơi những dải núi cao, cao nguyên, khe sâu, địa hình hiểm trở, phía Đông của Bắc Trung Bộ là đồng bằng ven biển hẹp.

- Núi chiếm phần lớn diện tích, cao nhất ở Tây Bắc, dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh cao nhất là Phan-xi-păng cao 3143m, thấp nhất là đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.

Núi chiếm phần lớn diện tích, đây là vùng đồi núi cao nhất nước ta ở phía Bắc như dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh cao nhất là Phan-xi-păng cao 3143m được xem như là nóc nhà của Việt Nam. Phía Tây và Tây Nam là các núi cao kế tiếp nhau: Pu-huổi-Long, Pu-Hoạt. Ở giữa là các cao nguyên Sơn La, Mộc Châu. Núi có hướng Tây Bắc – Đông Nam, dốc về phía Tây, thoải về phía Đông Nam.

Vùng núi ở phía Tây Bắc Trung Bộ chủ yếu là đồi núi thấp, hướng Tây Bắc-Đông Nam có hai sườn không cân đối: Dốc về phía Đông và thoải về phía Tây.

Sông ngòi dày đặc chia cắt vùng núi thành nhiều thung lũng sâu, sông ngòi có độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh. Ở vùng Tây Bắc khó khăn cho sự phát triển giao thông vận tải. Hướng núi Tây Bắc-Đông Nam mùa hạ đón gió mùa Tây Nam gây mưa lớn ở một số địa phương Tây Bắc còn ở Bắc Trung Bộ thời tiết khô và nóng. Mùa đông đón gió mùa Đông Bắc gây mưa lớn ở Bắc Trung Bộ, ở Tây Bắc ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

- Đồng bằng nhỏ hẹp ở ven biển bị các nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng thành nhiều ô nhỏ, có hai hệ thống sông lớn là sông Mã và sông Cả.

***4. Kĩ năng mô tả khí hậu***

- Nhiệt độ: các chỉ số màu đỏ, những nơi có cùng nhiệt độ được nối với nhau bằng những đường cong gọi là những đường đẳng nhiệt.

- Lượng mưa: Dùng màu sắc khác nhau để khoanh vùng.

- Gió được biểu hiện bằng mũi tên

\* Dàn ý mô tả:

- Nằm giữa những vĩ độ nào?

- Thuộc vành đai khia hậu gì?

- Mùa hạ có đường đẳng nhiệt nào chạy qua? Đường đẳng nhiệt cao nhất chạy qua những đâu? Vì sao?

- Sự phân bố đường đẳng nhiệt ⭢ đặc điểm khí hậu?

- Gió thịnh hành trong năm là loại gió nào? Ảnh hưởng gì đến khía hậu?

- Lượng mưa trên đại bộ phận lãnh thổ là bao nhiêu? Những vùng nào mưa nhiều? Vùng nào mưa ít? Vì sao?

Ví dụ 1: Dựa vào bản đồ mô tả khí hậu nước ta?

- Nằm giữa 8034’B – 23023’B, nằm hoàn toàn trong vòng đai nhiệt đới nửa cầu Bắc.

- Mùa hạ có các đường đẳng nhiệt: 180C, 280C, 240C, 280C chạy qua. Nhiệt độ cao nhất ở đồng bằng Bắc Bộ và duyên hải miền Trung vì nơi đây chịu ảnh hưởng của gió khô nóng Tây Nam.

- Mùa đông có các đường đẳng nhiệt: 140C, 180C, 240C chạy qua, nhiệt độ thấp nhất là vùng núi và trung du Đông Bắc, Tây Bắc. Đây là những vùng nằm ở vĩ độ cao nhất nước ta, núi cao chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc lạnh và khô.

- Các đường đẳng nhiệt trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam. Nhiệt độ trung bình năm trên 200C. ( Từ một số vùng núi cao có nhiệt độ thấp hơn)

- Gió: Gió mùa Đông Bắc ( Mùa Đông ) lạnh và khô làm cho miền Bắc có mùa đông lạnh. Ở miền khí hậu phía Bắc và phía Nam là mùa khô. Riêng duyên hải Miền Trung có mưa do gió mùa đông Bắc qua biển nhận được hơi nước, gặp dãy Trường Sơn chắn gió.

- Mùa hạ có gió mùa Tây Nam thổi vào miền Nam, miên Trung, miền Bắc gió mùa Tây Nam và Đông Nam. Thời tiết phổ biến là trời nhiều mây, mưa rào, mưa dông. Riêng duyên hải miền Trung thời tiết khô nóng do ảnh hưởng gió khô nóng Tây Nam.

- Lượng mưa trên đại bộ phận lãnh thổ nước ta là từ 1500mm – 2000mm/năm, lượng mưa lớn ( Trừ những nơi kín gió: Mườn Xén ( Nghệ An); Ninh Thuận ( Địa hình khuất gió và song song với hướng gió). Những nơi có lượng mưa lớn ( Hòn Ba – huyện Trà Mi – Quảng Nam), Kon-Tum …4000-5000mm/năm

- Chế độ mưa theo mùa: Mưa tập trung vào mùa hạ ( Tháng 5 – tháng 10) do gió mùa Đông Nam và Tây Nam, riêng Bức Trung Bộ mưa tập trung vào mùa Thu-Đông do gió mùa Đông Bắc đem hơi ẩm đến, bã cũng góp phần làm cho mưa nhiều về mùa đông.

Kết luận: Khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh trên nửa phần phía Bắc của đất nước, lượng mưa hàng năm tương đối lớn trên khắp lãnh thổ.

Ví dụ 2: Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình tháng và năm (0C) tại Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng  Địa điểm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Năm |
| Hà Nội | 16.4 | 17.0 | 20.2 | 23.7 | 27.3 | 28.8 | 28.9 | 28.2 | 27.2 | 24.6 | 21.4 | 18.2 | 23.5 |
| TPHCM | 25.8 | 26.7 | 27.9 | 28.9 | 28.3 | 27.5 | 27.1 | 27.1 | 26.8 | 26.7 | 26.4 | 25.7 | 27.1 |

Hãy phân tích sự khác biệt trong chế độ nhiệt của hai địa điểm trên và giải thích vì sao có sự khác biệt đó?

*Hướng dẫn trả lời*

*\* Phân tích sự khác biệt trong chế độ nhiệt*

- Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn ở Thành Phố Hồ Chí Minh ( nhiệt độ trung bình năm 230C so với 27.10C )

- Hà Nội có ba tháng ( 12, 1, 2 ) nhiệt độ xuống dưới 200C, thậm chí có hai tháng nhiệt độ xuống dưới 180C.

- Hà Nội có 4 tháng ( 6, 7, 8, 9 ) nhiệt độ cao hơn TP Hồ Chí Minh.

- TP Hồ Chí Minh quanh năm nóng, không có tháng nào nhiệt độ dưới 25.70C.

- Biên độ nhiệt ở Hà Nội cao, tới 12.50C

- Biên độ nhiệt ở Thành Phố Hồ Chí Minh thấp,chỉ 3.10C

*\* Giải thích nguyên nhân của sự khác biệt đó:*

- Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc thổi từ vùng áp cao lục địa phương Bắc tràn xuống, nên có nhiệt độ thấp trong các tháng mùa đông. Trong thời gian này TP Hồ Chí Minh không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ cao.

- Từ tháng 5 đến tháng 10 , toàn lãnh thổ nước ta có gió hướng Tây Nam thịnh hành và Tín phong nửa cầu Bắc hoạt động xen kẽ. Vì thế trong thời gian này nền nhiệt độ cao đều trên toàn quốc.

- Hà Nội ở gần chí tuyến Bắc cùng với nhiệt độ hạ thấp vào mùa Đông nên biên độ nhiệt cao hơn. TP Hồ Chí Minh nằm gần xích đạo, cùng với hai mùa đều có nhiệt độ tương đối cao. Vì thế biên độ nhiệt trong năm thấp.

- Hà Nội nằm gần chí tuyến Bắc, thời gian hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh trong mùa hạ ngắn hơn. Thêm vào đó, do ảnh hưởng hiệu ứng phơn xảy ra trong mùa hạ, nên nhiệt độ các tháng 6, 7, 8, 9 cao hơn ở Thành Phố Hồ Chí Minh.

***5. Kĩ năng mô tả sông ngòi***

Nhìn mạng lưới sông ngòi có thể thấy được những nét lớn về đặc điểm khí hậu, địa hình, thực vật, sự phân bố dân cư trên bản đồ.

\* Dàn ý mô tả:

- Nêu những nét chung của sông ngòi:

+ Mạng lưới s/ngòi ra sao( Dày đặc hay thưa thớt, đều hay không đều), nguyên nhân?

+ Sông chảy theo những hướng nào, đổ vào biển, đại dương nào? Hướng nào tập trung nhiều nhất? Vì sao?

+ Nguồn cung cấp nước cho sông ( Mưa, tuyết, băng, nước ngầm ) và chế độ nước.

- Các hệ thống sông chính:

+ Sông chính lớn hay nhỏ, bắt nguồn từ đâu, chảy theo hướng nào? Đổ vào đâu, sông dài hay ngắn? Chảy qua những miền địa hình nào?

+ Độ dốc lớn hay nhỏ, có nhiều hay ít các sông nhánh, các sông này từ đâu chảy đến, nguồn tiếp nước sông chính avf phụ, chế độ nước của sông, ý nghĩa kinh tế?

Ví dụ: Dựa vào AtLát Địa Lí Việt Nam mô tả sông ngòi nước ta.

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đều khắp trên lãnh thổ, đại bộ phận là những sông nhỏ, chỉ có hai hệ thống sông lớn là Sông Hồng va sông Cửu Long. Do lượng mưa trung bình trên lãnh thổ nước ta lớn trên 1500mm/năm. Nên mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc và phân bố rộng khắp. Lãnh thổ đất liền kéo dài theo chiều kinh tuyến, hẹp ngang, phía đông giáp biển, phía tây phần lớn là núi, nơi bắt nguồn của nhiều sông nên đại bộ phận sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và dốc. Riêng Bắc Bộ và Nam Bộ chiều ngang rộng hơn nên có một số sông lớn.

- Phần lớn các sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam đổ ra biển Đông, một số sông chảy theo hướng vòng cung ở vùng Đông Bắc: Sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. Địa hình cao ở Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam, các dãy núi có hai hướng chính là hướng Tây Bắc-Đông Nam và hướng vòng cung.

- Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông là nước mưa ( do nhiệt độ cao ). Lượng mưa lớn nên tổng lượng nước chảy của sông lớn. Ở Bắc Bộ và Nam Bộ lũ về mùa hạ, cạn về mùa Đông do phù hợp với chế độ mưa mùa hạ. Riêng ở Trung Bộ lũ về mùa Đông ( tháng 9 đến tháng 12 ) do mùa này mưa nhiều.

\* Các hệ thống sông lớn:

- Bắc Bộ: Hệ thống sông Hồng

+ Sông Hồng bắt nguồn từ cao nguyên Vân Quí, chỉ có phần trung lưu và toàn bộ hạ lưu chảy qua nước ta theo hướng Tây Bắc-Đông Nam đổ vào vịnh Bắc Bộ. Chiều dài tổng cộng 556km, đoạn trung lưu chảy qua vùng đồi thấp, độ dốc nhỏ, khi vào miền đồng bằng độ cao thấp, độ dốc nhỏ nên uốn thành nhiều khúc, cùng với sông Thái Bình hợp thành tam giác châu mà đỉnh là Việt Trì.

+ Ở Việt Trì nhận được nước của hai phụ lưu là S Đà bên phải và S Lô bên trái. S Đà là phụ lưu lớn nhất bắt nguồn từ Trung Quốc đến Tuyên Quang nhận nước của S Gâm, đến Đoan Hùng nhận phụ lưu sông Chảy, sông Chảy có nhiều thác ghềnh.

+ Nguồn cung cấp nước chính là nước mưa, sông có lũ về mùa hạ, cạn về mùa đông.

Ý nghĩa kinh tế:

+ Thuỷ lợi: Chủ động canh tác, thâm canh, tăng vụ

+ Thuỷ điện: Trữ lượng khá lớn nhưng hiện nay chưa khai thác hết

+ Nối với hệ thống sông Thái Bình thuận lợi cho giao thông vận tải

+ Bồi đắp phù sa tạo điều kiện cho n/nghiệp phát triển; phát triển nghề cá nước ngọt.

- Nam Bộ: Hệ thống sông Mê Kông

+ Dài 4420km, bắt nguồn từ Tây Tạng Trung Quốc chảy qua các nước: Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia và Việt Nam. Ở nước ta chỉ đoạn hạ lưu dài 230km. Ở tỉnh Đòng Tháp phân thành hai nhánh: Phía Bắc là S Tiền, phía Nam là S Hậu đổ ra biển bởi 9 cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Bát Xắc, Trần Đề.

+ Sông chảy qua vùng Đông Nam Bộ độ dốc nhỏ, nguồn cung cấp nước chính là nước mưa. Chế độ nước điều hoà.

Ý nghĩa kinh tế: - Thuỷ lợi, bồi đắp phù sa

- Giao thông đường sông, nghề cá nước ngọt

**II. H­­íng dÉn häc vµ khai th¸c atlat ®Þa lÝ viÖt nam**

***1. Cách đọc Atlat địa lí***

- Nắm được nội dung yêu cầu cần đọc.

- Nắm được mục đích, yêu cầu khi đọc Atlat để tìm kiếm và rút ra được những thông tin cần thiết.

- Cần kết hợp với những kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng địa lí được thể hiện trong bản đồ.

- Đọc Atlat theo trình tự từ khái quát đến chi tiÕt

***2. Các mức độ đọc Atlat địa lí***

- Mức độ 1 *(đơn giản):* chỉ cần đọc kĩ chú giải, tìm và xác định đối tượng trên bản đồ.

- Mức độ 2: dựa vào màu sắc, kí hiệu, ước hiệu để tìm ra những đặc điểm không thể hiện trực tiếp trên bản đồ

- Mức độ 3: Cần phải kết hợp nhiều bản đồ và những kiến thức đã học để tìm ra kiến thức liên quan, đồng thời giải thích các hiện tượng địa lí được thể hiện trên Atlat.

***3. Các bước sử dụng Atlat Địa lí***

*3.1. Tìm hiểu cấu trúc của Atlát*(Gồm những trang nào, mục nào, sắp xếp ra sao)

*3.2. Xem chú giải ở trang 1:* để biết kí hiệu thể hiện trên bản đồ và cố gắng ghi nhớ các kí hiệu đó để tránh phải lật đi lật lại nhiều lần.

Ví dụ: Nắm vững các kí hiệu, ước hiệu của từng loại mỏ khi đọc bản đồ khoáng sản.

- Biết sử dụng màu sắc khi đọc bản đồ khí hậu, địa hình,...

-Biết sử dụng ước hiệu khi đọc bản đồ nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp...

*3.3. Khai thác kiến thức từ các bản đồ*

- Thông thường mỗi bản đồ kinh tế có từ 1- 3 biểu đồ thể hiện sự tăng giảm về giá trị tổng sản lượng, cơ cấu của các ngành kinh tế. Vì vậy GV cần rèn luyện cho HS kĩ năng dựa vào kí hiệu, ước hiệu của bản đồ để tìm ra qui mô sản lượng, cơ cấu của các ngành(căn cứ chiều cao các cột, độ lớn các hình tròn, biểu đồ trên bản đồ, VD các trang 14, 15, 16, 17, 19, 20...).

4. Chú ý khi trả lời câu hỏi khai thác Atlat địa lí:

- Nội dung, mục đích của câu hỏi.

- Trên cơ sở nội dung của câu hỏi cần phải xem phải trả lời một hay nhiều vấn đề từ đó xác định những trang bản đồ cần thiết trong Atlat.

a. Dạng câu hỏi chỉ cần sử dụng một bản đồ:

*Ví dụ 1:* Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy trình bày sự phân bố nguồn tài nguyên khoáng sản của nước ta?

*Ví dụ 2:*

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam:

a. Hãy kể tên các vùng có diện tích trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đã sử dụng ở các mức: trên 40%; từ 15% - 40%

b. Nêu sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm.

b. Dạng câu hỏi dùng nhiều bản đồ trong Atlat.

\* Những câu hỏi đánh giá tiềm năng (thế mạnh) để phát triển một ngành

*Ví dụ 1: Đánh giá tiềm năng để phát triển công nghiệp:*

Cần sử dụng nhiều bản đồ để khai thác như:

+ Bản đồ địa hình để phân tích ảnh hưởng của địa hình đến sự phân bố các cơ sở sản xuất công nghiệp;

+ Sử dụng bản đồ khoáng sản để thấy được cơ sở nguyên liệu để phát triển công nghiệp nặng;

+ Sử dụng bản đồ nông nghiệp để thấy được cơ sở nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến.

+ Sử dụng bản đồ dân cư để thấy được nguồn nhân lực và nguồn tiêu thụ để phát triển công nghiệp...

GV y/c hs nắm vững phần lý thuyết đã học trong bài.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngµy gi¶ng:

**Chñ ®Ò 3**

***(3 tiÕt)***

**§Þa lÝ kinh tÕ x· héi ®¹i c­¬ng**

**C©u 1:** ***Gi¶i thÝch t¹i sao miÒn ven biÓn §¹i T©y D­¬ng cña vïng T©y B¾c ch©u Phi còng n»m cïng vÜ ®é nh­ n­íc ta nh­ng cã khÝ hËu nhiÖt ®íi kh«, cßn n­íc ta cã khÝ hËu nhiÖt ®íi Èm, m­a nhiÒu?***

TL:

- Do ë T©y B¾c ch©u Phi th­êng xuyªn cã ¸p cao chÝ tuyÕn ngù trÞ quanh n¨m, giã chñ yÕu lµ giã mËu dÞch, ven bê cã dßng biÓn l¹nh ch¶y qua.

- N­íc ta n»m ë khu vùc nhiÖt ®íi giã mïa kh«ng bÞ ¸p cao ngù trÞ th­êng xuyªn, nöa n¨m ®­îc giã mïa nãng Èm tõ biÓn thæi vµo vµ ®em theo l­îng m­a lín.

**C©u 2:** ***Gi¶i thÝch t¹i sao l­îng m­a tËp trung nhiÒu nhÊt ë xÝch ®¹o, nhiÒu ë vïng «n ®íi, t­¬ng ®èi Ýt ë 2 vïng chÝ tuyÕn B¾c vµ Nam, cµng Ýt khi vÒ 2 cùc?***

**TL:**

- Khu vùc xÝch ®¹o mua nhiÒu nhÊt do ¸p thÊp, nhiÖp ®é cao, khu vùc nµy chñ yÕu lµ ®¹i d­¬ng vµ rõng xÝch ®¹o Èm ­ít, n­íc bèc h¬i m¹nh.

- 2 khu vùc chÝ tuyÕn m­a Ýtlµ do khÝ ¸p cao, tØ lÖ diÖn tÝch lôc ®Þa t­¬ng ®èi lín.

- 2 khu vùc «n ®íi cã l­îng mua trung b×nh do cã khÝ ¸p thÊp, cã giã t©y «n ®íi tõ biÓn thæi vµo.

- 2 khu vùc ®Þa cùc m­a Ýt nhÊt do khÝ ¸p cao ngù trÞ, do kh«ng khÝ l¹nh l­îng n­íc kh«ng bèc h¬i ®­îc.

**C©u 3:** *TÝnh tØ sè giíi tÝnh cña d©n sè Vn n¨m 2001. BiÕt d©n sè VN n¨m 2001 lµ 78,7 triÖu ng­êi, trong ®ã sè nam lµ 38,7 triÖu ng­êi, sè n÷ lµ 40,0 triÖu ng­êi?*

**TL:**

- TNN = (38,7 triÖu : 40,0 triÖu) x 100% = 96,8%

- TØ lÖ giíi tÝnh Tnam = (38,7 triÖu : 78,7 triÖu) x 100% = 49,2%

=> Cho biÕt: + Cø trong 100 n÷ cã 96,8 nam.

+ D©n sè nam chiÕm 49,2% trong tæng sè d©n.

**C©u 4:** ***Nªu ¶nh h­ëng tÝch cùc vµ tiªu cùc cña ®« thÞ ho¸ ®Õn ph¸t triÓn kinh tÕ - x· héi vµ m«i tr­êng?***

***TL:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C¸c khÝa c¹nh | Nh÷ng ¶nh h­ëng tÝch cùc | Nh÷ng ¶nh h­ëng tiªu cùc |
| Kinh tÕ - x· héi | - ChuyÓn dÞch c¬ cÊu d©n sè ho¹t ®éng kinh tÕ tõ khu vùc 1 sang khu vùc 2 vµ 3, thay ®æi c¬ cÊu ngµnh kinh tÕ, ®Èy m¹nh nhanh tèc ®é t¨ng tr­ëng kinh tÕ.  - Phæ biÕn lèi sèng thµnh thÞ, d©n c­ ®­îc tiÕp cËn víi v¨n minh ®« thÞ.  - Thay ®æi s©u s¾c møc sinh, tö vµ h«n nh©n. | - Khã kh¨n rÊt lín trong viÖc ®¸p øng c¬ cÊu h¹ tÇng ®« thÞ (giao th«ng, ®iÖn, n­íc, c«ng viªn, c©y xanh…).  - BÊt cËp vÒ vÊn ®Ò viÖc lµm.  - Søc Ðp vÒ nhµ ë. |
| M«i tr­êng | - H×nh thµnh m«i tr­êng ®« thÞ. | - ChÊt l­îng m«i tr­êng ®« thÞ kh«ng ®¶m b¶o vµ bÞ xuèng cÊp (« nhiÔm, bôi, tiÕng ån, r¸c th¶i, nguån n­íc), tÖ n¹n x· héi. |

**ĐỊa lí tỰ nhiên ViỆt Nam**

***(18 tiÕt)***

**1. Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam**

*Phần đất liền:*

- Diện tích 329.247km2, kéo dài 15 vĩ độ, hẹp ngang. Chiều dài Bắc – Nam 1650km, nơi hẹp nhất theo chiều Tây – Đông khoảng 50km ( tỉnh Quảng Bình )

- Nằm trọn trong múi giờ thứ 7 theo giờ GMT

- Giáp biển với chiều dài đường bờ biển 3260km

- Đường biên giới trên đất liền dài 4550km.

- Nằm trong vòng đai nhiệt đới nửa cầu Bắc

+ Các điểm cực nằm trên phần đất liền:

+ Điểm cực Bắc: Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang 23023’B – 105020Đ.

+ Điểm cực Nam: Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau 8034’B – 104040’Đ

+ Điểm cực Tây: Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên 22022’B – 102010’Đ

+ Điểm cực Đông: Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hoà 23023’B – 105020’Đ

*Phần biển:*

- Diện tích khoảng 1 triệu km2, có hơn 3000 đảo

Những đặc điểm của vị trí địa lí về mặt tự nhiên

- Vị trí nội chí tuyến

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước ĐNÁ đất liền và ĐNÁ hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

**2. Đặc điểm địa hình Việt Nam**

Ba đặc điểm cơ bản:

*2.1. Đa dạng, nhiều kiểu loại: địa hình đôì núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.*

- Đồi núi: là bộ phận quan trọng của nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam. Núi chiếm ¾ diện tích phân đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp dưới 1000m chiếm 85%. Núi kéo dài hơn 1000km, từ biên giới Tây Bắc tơí Đông Nam Bộ, tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển đông. Nhiều nơi lan ra sát biển hoặc chia cắt bờ biển, hoặc bị biển nhấn chìm tạo thành các đảo, quần đảo ( Vùng biển Quảng Ninh)

- Đ/bằng: chỉ chiếm ¼ diện tích, bị đồi núi chia cắt thành nhiều ô nhỏ, nhiều khu vực.

*2.2. Địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và trẻ lại, tạo thành nhiều bậc địa hình kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa với hướng chủ yếu là hướng TB-ĐN và hướng vòng cung.*

- Trải qua hàng chục triệu năm không được nâng lên, cùng các vùng núi bị ngoại lực bào mòn, phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng cổ, thấp và thoải.

- Đến Tân kiến tạo, vận động tạo núi Hy-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa…Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển, trùng với hướng tây bắc-đông nam và được thể hiện rõ qua hướng chảy của các dòng sông lớn.

- Trong từng bậc địa hình lớn như đồi núi, đồng bằng, bờ biển, còn có các bậc địa hình nhỏ như các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển…đánh dấu sự nâng lên của địa hình nước ta thời kỳ tân kiến tạo.

*2.3. Địa hình nước ta luôn biến đổi do tác động của môi trường nhiệt đới gió mùa và tác động của con người.*

- Cùng với Tân kiến tạo, hoạt động ngoại lực của khí hậu, của dòng nước và của con người là những nhân tố chủ yếu và trực tiếp hình thành đại hình hiện tại của nước ta.

- Trong môi trường nóng ẩm, gió mùa, đất đá bị phong hoá mạnh mẽ. Lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã nhanh chóng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi lớn…

- Các dạng địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều trên đất nước ta như các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch, hồ chứa nước…

**3. Đặc điểm các khu vực địa hình**

*3.1 Khu vực đồi núi: Vùng núi Đông Bắc. Vùng núi Tây Bắc. Vùng núi Trường Sơn Bắc. Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam. Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng núi Đông Bắc** | **Vùng núi Tây Bắc** |
| - Là một vùng núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, đi từ dãy Con Voi đến vùng đồi ven biển Quảng Ninh  - Gồm các dãy núi thấp và vùng đồi trung du phát triển rộng  - Núi cao nhất: Tây Côn Lĩnh (2419m)  - Hướng núi: Vòng cung  - Các dãy núi chính: Các cánh cung Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm  - Địa hình đón gió mùa đông bắc, có mùa đông lạnh nhất nước, thời tiết hay nhiễu động  - Vành đai nhiệt xuống thấp vào mùa đông.  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Hạ Long, Ba Bể | - Nằm giữa sông Hồng và sông Cả  - Gồm các dãy núi cao( 1500-2500m) xen kẻ với sơn nguyên, thung lũng, bồn địa  - Núi cao nhất: Phan-xi-păng(3143m)  - Hướng núi: Tây Bắc – Đông Nam.  - Các dãy núi chính: Hoàng Liên Sơn, sơn nguyên đá vôi dọc sông Đà, các dãy núi ven biên giới Việt – Lào  - Địa hình chắn gió đông bắc, chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.  - Nhiều vành đai tự nhiên theo độ cao  - Địa hình các-xtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp: Sapa, Mai Châu |
| **Vùng núi Trường Sơn Bắc** | **Vùng núi và cao Nguyên Trương Sơn Nam** |
| - Từ phía Nam sông Cả đến dãy núi Bạch Mã, dài khoảng 600km  - Đây là vùng núi thấp, có hai sườn không cân xứng, sườn Đông hẹp, dốc, nhiều đèo, thông sang Lào ( Keo Nưa, Mụ Gia…), nhiều nhánh núi nằm ngang chia cắt đồng bằng duyên hải Trung Bộ.  - Hướng núi tây bắc-đông nam  - Núi cao nhất: Pu-sai-lai-leng(2711m)  - Địa hình chắn gió Tây Nam tạo ra gió phơn khô nóng thổi xuống đồng bằng ven biển  - Cảnh đẹp: Phong Nha, Kẻ Bàng. | - Từ phía Nam dãy Bạch Mã đến ĐNB.  - Là vùng núi, cao nguyên hùng vĩ và với các cao nguyên xếp tầng rộng lớn: Kom Tum, Gia Lai, Đắc Lắk, Lâm Viêng, Di Linh, Mơ Nông. Các cao nguyên bề mặt có phủ badan, xếp tầng có độ cao 400m, 800m, 1000m  - Núi, cao nguyên làm thành cung lớn quay lưng ra Biển Đông.  - Núi cao nhất: Ngọc Linh (2598m )  - Là nóc nhà của phía Nam bán đảo Đông Dương, nơi bắt nguồn nhiều dòng chảy về phía Đông, phía Nam, Phía tây  - Cảnh đẹp: Đà Lạt |

\* Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ phần lớn là những thềm phù sa cổ có nơi cao tới 200m, mang tính chất chuyển tiếp giữa miền núi và miền đồng bằng.

*3.2. Khu vực đồng bằng: Đồng bằng hạ lưu châu thổ các sông lớn: Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Đồng bằng duyên hải Trung Bộ*

- ĐB SCL: Cao TB 2-3m so với mực nước biển có DT khoảng 40.000km2, do phù sa S MêKông bồi đắp. Có cá đê bao trong phạm vi hẹp, có nhiều vùng trũng rộng lớn: Đồng Tháp Mười, khu Tứ Giác Long Xuyên. DT đất mặn, đất chua mặn rất lớn. ĐB SCL là vùng trọng điểm lúa số 1 nước ta.

- ĐB SH: có DT khoảng 15.000km2 do phù sa S Hồng và S TBình bồi đắp. Có hệ thống đê chống lũ vững chắc dài 2700km. Các ô trũng thấp hơn mực nước ngoài đê 3 đến 7m. Có lịch sử khai thác lâu đời, là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm thứ 2 của cả nước.

- Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ: Có tổng diện tích khoảng 15.000km2 và chia thành hiều đồng bằng nhỏ, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hoá ( 3100km2 ). Do núi vùng duyên hải T/Bộ núi phát triển đâm ra sát biển, hẹp ngang, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, lũ lên nhanh và rút nhanh nên các đồng bằng ở đây đều nhỏ hẹp và kém phì nhiêu.

*3.3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa*

- Bờ biển: Dài 3260km, chia thành nhiều đoạn khác nhau. Bờ biển ở các đồng bằng châu thổ có nhiều bãi bùn, bãi triều, rừng ngập mặn, thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản, khai thác muối. Bờ biển ở các vùng chân núi, hải đảo khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh sâu thuận lợi xây dựng hải cảng, nhiều bãi cát đẹp thích hợp cho du lịch tắm biển.

- Thềm lục địa: rộng khoảng nửa triệu km2, độ sâu TB 50-100m. Mở rộng ở vịnh BBộ, vùng biển NBộ, thu hẹp ở vùng biển TBộ. Có nhiều bể trầm tích dầu khí, k/sản kim loại…

**4. Đặc điểm khí hậu Việt Nam**

*- Các nhân tố hình thành khí hậu VN:* Vị trí địa lí. Hoàn lưu gió mùa. Bề mặt địa hình

*- Đặc điểm chung của khí hậu Việt nam:*

*4.1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:*

- Tính nhiệt đới: Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được 1 triệu kilô calo/năm, số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000giờ/năm. Nhiệt độ TB trên 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam.

- Gió mùa: có hai mùa khí hậu phù hợp với hai mùa gió là mùa đông lạnh với gió mùa Đông Bắc và mùa hạ nóng ẩm với gió mùa Tây Nam.

- Tính ẩm: Lượng mưa TB năm đạt từ 1500-2000mm/năm. Một số nơi do điều kiện địa hình, lượng mưa hàng năm tăng lên rất cao như Bắc Quang(Hà Giang) 4802mm, Hoàng Liên Sơn(Lào Cai) 3552mm, Huế 2568mm và Hòn Ba(Quảng Nam)3752mm. Độ ẩm không khí trên 80%.

*4.2. Tính đa dạng và thất thường*

Tính đa dạng: Khí hậu nước ta phân hoá mạnh mẽ theo không gian và theo thời gian

- Theo không gian:

+ Miền khí hậu phía Bắc, từ Hoành Sơn(Vĩ tuyến 180B) trở ra, có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông rất ẩm ướt. Mùa hè nóng và mưa nhiều.

+ Miền khí hậu Đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ T Bộ phía Đ dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn đến Mũi Dinh (Vĩ tuyến 110B) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

+ Miền khí hậu phía Nam bao gồm Nam Bộ và Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo, nhiệt dộ cao quanh năm, với một mùa mưa và một mùa khô tương phản sâu sắc.

+ Miền khí hậu Biển Đông Việt Nam mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

Ngoài ra sự đa dạng của địa hình nước ta đã góp phần hình thành nhiều vùng khí hậu, nhiều kiểu khí hậu khác nhau. Sườn núi đón gió Tây Nam mưa nhiều, sườn khuất gió khô hạn. Các vùng núi quanh năm mát hơn vùng đồng bằng.

- Theo thời gian: Phía Bắc có mùa đông lạnh mưa ít, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều. Phía Nam có một mùa mưa và một mùa khô.

Tính thất thường: Năm mưa nhiều, năm mưa ít, năm rét sớn, năm rét muộn, năm bão nhiều, năm ít bão…

- Sự thất thường trong chế đọ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc hoạt động không điều hoà. Các hiện tượng En-ni-nô và La-ni-na trong những năm gần đây đã làm tăng tính thất thường của thời tiết, khí hậu nước ta.

**6. Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta**

*6.1. Mùa gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 ( Mùa đông )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió đông bắc và xen kẻ là những đợt gió đông nam. Trong thời kỳ này thời tiết-khí hậu trên các miền của nước ta khác nhau rõ rệt.

- Miền Bắc: chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa ĐB từ vùng áp cao ở lục địa phương Bắc tràn xuống từng đợt, mang lại một mùa đông không thuần nhất. Đầu mùa đông lạnh khô, cuối đông có mưa phùn ẩm ướt, nhiệt độ TB tháng nhiều nơi xuống dưới 150C. Trên các miền núi cao có thể xuất hiện sương giá, sương muối, tuyết rơi.

- Duyên hải Trung Bộ: cómưa rất lớn vào các tháng cuối năm.

- Nam Bộ và Tây Nguyên: thời tiết khô, nóng, ổn định suốt mùa.

*6.2. Gió mùa Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 ( Mùa hạ )*

Đây là thời kỳ thịnh hành của gió Tây Nam trên cả nước. Ngoài ra, Tín phong nửa cầu Bắc vẫn hoạt động xen kẻ và thổi theo hướng đông nam.

- Nhiệt độ cao đều trên toàn quốc, đạt trên 250C ở các vùng thấp. Tập trung trên 80% lượng mưa cả năm.

- Kiểu thời tiết phổ biến: Trời nhiều mây, thjường có mưa rào, mưa dông.

+ Vùng Tây Bắc và Duyên hải Miền Trung chịu tác đông của gió Tây khô nóng, gây hạn hán vào các tháng 6, 7, 8.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có mưa ngâu kéo dài gây úng ngập.

+ Vùng đồng bằng ven biển thường bị ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão mang lại một lượng mưa đáng kể.

*6.3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại*

- Thuận lợi: + Sinh vật phát triển quanh năm

+ Có điều kiện thực hiện các biện pháp thâm canh, tăng vụ, xen canh, gối vụ, luân canh…trong sản xuất nông nghiệp.

+ Phát triển giao thông, di lịch quanh năm

- Khó khăn: + Nhiều tai biến thiên nhiên: bão, lũ lụt, hạn …

+ Nấm mốc, sâu bệnh phát triển ảnh hưởng đến đời sống sản xuất.

+ Quá trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ vào màu mưa ở các vùng đồi núi.

**7. Đặc điểm sông ngòi Việt Nam**

*7. 1. Đặc điểm chung*

*\* Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước*

- Do lượng mưa TB trên lãnh thổ nước ta lớn trên 1500mm/năm. Nên mạng lưới S/ngòi nước ta dày đặc và phân bố rộng khắp trên cả nước. Theo thống kê, nước ta có tới 2360 con sông dài trên 10km, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn (DT lưu vực dưới 500km2).

- Tuy nhiên các sông ở nước ta phần lớn là những sông nhỏ, ngắn và dốc. Lãnh thổ đất liền kéo dài theo chiều kinh tuyến, hẹp ngang, phía Đông giáp biển, phía tây phần lớn là núi, nơi bắt nguồn của nhiều sông nên đại bộ phận sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và dốc. Riêng Bắc Bộ và Nam Bộ có chiều ngang rộng hơn nên có một số sông lớn.

*\* Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là TB – ĐN và hướng vòng cung****.***

- Địa hình cao về phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam, các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc đông nam và hướng vòng cung.

- Các sông điển hình cho hướng TB – ĐN: S Hồng, S Đà, S Tiền, S Hậu…Các sông chảy theo hướng vòng cung: S Cầu, S Lô, S Thương, S Gâm, S lục Nam

*\* Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt*

- Chế độ nước của sông ngòi phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ mưa của khí hậu. Khí hậu nước ta chia làm hai mùa, một mùa mưa và một mùa khô khác nhau. Mùa lũ trùng với mùa gió tây nam -mùa hạ có lượng mưa lớn chiếm 80% lượng mưa cả năm.

- Tuy nhiên sự phân bố lượng mưa không đồng nhất trên cả nước nên mùa lũ và mùa cạn của sông ngòi có sự khác nhau giữa các miền: Ở BBộ và Nam Bộ lũ về mùa hạ, cạn về mùa đông. Riêng ở Trung Bộ lũ về mùa đông từ tháng 9-12 do mùa này nhiều mưa.

*\* Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn.*

- Hàng năm sông ngòi vận chuyển tới 839 tỉ m3 nước cùng với hàng triệu tấn phù sa.

- Bình quân mỗi mét khối nước sông có 223 gam cát bùn và chất hoà tan khác. Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước tới trên 200triệu tấn/năm

Do khí hậu nhiệt đới ẩm làm cho các chất hữu cơ phân huỷ nhanh, lượng mưa lớn tập trung theo mùa.

7.2. Giá trị của sông ngòi

- Tạo ra các châu thổ màu mỡ ( châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long…), quá trình bồi đắp vẫn còn tiếp diễn ở nhiều vùng cửa sông, ven biển và trong nội địa.

- Cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp

- Phát triển giao thông đường thuỷ, du lịch ( sông Hồng, sông Cửu Long…)

- Khai thác và nuôi trồng thuỷ sản

- Xây dựng các công trình thuỷ điện: Hoà Bình trên sông Đà, YaLy trên sông Sê San, Trị An trên sông Đồng Nai…

**8. Các hệ thống sông lớn ở nước ta**

Đặc điểm các hệ thống sông lớn ở nước ta

*8.1 Sông ngòi Bắc Bộ*

- Chế độ nước rất thất thường. Mùa lũ kéo dài 5 tháng và cao nhất vào tháng 8

- Các sông ở đây có dạng nan quạt nên lũ tập trung nhanh và kéo dài. Một số sông nhánh chảy giữa các cánh cung núi, quy tụ về đỉnh tam giác châu sông Hồng.

- Tiêu biểu cho khu vực sông ngòi Bắc Bộ là hệ thống S Hồng. Hệ thống S Hồng gồm ba sông chính là S Hồng(sông Thao), S Lô và S Đà hợp lưu ở gần Việt Trì.

*8.2 Sông ngòi Trung Bộ* ( Sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, Sông Ba⭢Đà Rằng)

- Thường ngắn và dốc phân thành nhiều khu vực nhỏ độc lập. Lũ lên nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão lớn. Do lãnh thổ Trung Bộ hẹp ngang, núi ở phía Tây, nhiều dãy núi phát triển đâm ra sát biển.

- Mùa lũ tập trung vào những tháng cuối năm( tháng 9 đến 12) do chế độ mưa.

*8.3 Sông ngòi Nam Bộ*

- Thường có lượng nước chảy lớn, chế độ nước cũng theo mùa nhưng điều hoà. Do lòng sông rộng và sâu, độ dốc nhỏ

- Do lòng sông rộng và sâu, ảnh hưởng của thuỷ triều lớn, rất thuận lợi cho giao thông vận tải.

- Có hai hệ thống sôg lớn là sông Mê Công và sông Đồng Nai.

**9. Các miền địa lí tự nhiên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Miền  Yếu tố** | **Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc**  **và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** |
| Vị trí địa lí | - Nằm sát chí tuyến Bắc và á nhiệt đới Hoa Nam  - Chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa đông bắc lạnh và khô. | - Thuộc hữu ngạn sông Hồng, từ Lai Châu đến Thừa Thiên-Huế  - Chịu ảnh hưởng của gió nóng tây nam vào mùa hạ | - Từ Đà Nẳng Cà  Mau, chiếm diện tích lớn .  - Chịu ảnh hưởng của gió tây nam và tín phong đông bắc |
| Địa chất,  địa hình | - Miền nền cổ núi thấp, hướng vòng cung là chính  - Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núimở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo  - Đồng bằng sông Hồng  - Đảo và quần đảo trong vịnh Bắc Bộ. | - Miền địa máng, núi cao hướng Tây Bắc - Đông Nam là chính  - Địa hình cao nhất nước ta: đây là vùng núi non trùng đẹp, nhiều núi cao, thung lũng sâu (Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phanxipăng 3143m Pu-đen-Đinh…), nhiều dãy núi đâm ra sát biển như Hoành Sơn, Bạch Mã…)  - Đ.bằng ven biển nhỏ hẹp bị chia cắt thành nhiều ô nhỏ. Lớn nhất là đ.bằng Thanh-Nghệ | - Miền nền cổ, núi và cao nguyên hình khối, nhiều hướng.  - Trường Sơn Nam là khu vực núi, cao nguyên rộng lớn được hình thành trên nền cổ Kontum  - Nhiều đỉnh cao trên 2000m: Ngọc Linh 2598m, Vọng Phu 2051m…  - Các cao nguyên xếp tàng có phủ badan  - Phía Nam là đồng bằng Nam bộ rộng lớn |
| **Khí hậu, thuỷ văn** | - Tc nhiệt đới bị giảm sút mạnh, mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước.  - Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn. To có thể xuống 00C ở miền núi và dưới 50C ở đồng bằng .  - Mùa hạ nóng ẩm và mưa nhiều. Có mưa ngâu vào giữa hạ.  - Nhiều sông ngòi, hệ thống sông Hồng và sông Thái bình, hướng chảy TB- ĐN và vòng cung. Có 2 mùa nước rõ rệt | - Khí hậu đặc biệt do tác đông của địa hình: mùa đông đến muộn và kết thúc sớm  - Mùa hạ gió tây nam vượt qua các dãy núi cao ở biên giới Việt -Lào bị biến tính trở nên nóng và khô ảnh hưởng mạnh đến chế độ mưa của miền .  - Sông ngòi ngắn, dốc, lũ lên nhanh và đột ngột. Theo sát mùa mưa, mùa lũ chậm dần từ Bắc vào Nam. | - Miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc  - Nhiệt độ trung bình năm từ 25-270C  - Mùa khô kéo dài 6 tháng dễ gây hạn hán và cháy rừng  - Gió tín phong đông bắc và gió tây nam nóng ẩm thổi thường xuyên |
| **Đất, sinh vật** | Đất feralit ở vùng đồi núi, vùng đồng bằng có đất phù sa | Đất feralit và đất badan ở vùng đồi núi, vùng đồng bằng có đất phù sa | - Đất badan ở Tây nguyên, đồng bằng có đất phù sa, đặc biệt là đồng bằng Nam Bộ |
| **Bảo vệ môi trường** | - Chống rét đậm, rét hại, hạn, bão  - Xói mòn đất, trồng cây gây rừng | - Bảo vệ rừng đầu nguồn tại các sườn núi cao và dốc.  - Chủ động phòng chống thiên tai. | - Bảo vệ rừng, hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông  - Chống bão, lũ, hạn vào mùa khô  - Chống mặn, phèn, cháy rừng |

**10. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam**

*10.1. Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa ẩm*

Biểu hiện của tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm trong cảnh quan tự nhiên nước ta:

- Địa hình: + Quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ, lớp vỏ phong hoá dày.

+ Quá trình xâm thực mạnh mẽ ở vùng đồi núi đi đôi với quá trình bồi tụ ở các đồng bằng.

- Khí hậu: nóng ẩm, phân hoá theo mùa rõ rệt

- Sông ngòi: Dày đặc, nhiều nước, thuỷ chế theo mùa, không bị đóng băng

- Thổ nhưỡng: Feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở vùng đồi núi

- Thảm thực vật: Đặc trưng là rừng nhiệt đới gió mùa, nhiều tầng, tán, nhiều thành phần loài, xanh quanh năm.

*\* Những thuận lợi và khó khăn*

- Thuận lợi:

+ Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là cơ sở để xây dựng và phát triển nền kinh tế với cơ cấu đa dạng

+ Thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới thâm canh, đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi

- Khó khăn: Môi trường sinh thái dễ bị biến đổi, mất cân bằng. Thiên tai thường xảy ra: bão lụt, hạn hán, lũ quét.…gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

*10.2. Việt Nam là nước ven biển*

- Ảnh hưởng của biển rất mạnh mẽ, sâu sắc, tăng cường tính nóng ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam

- Cứ 1km2 đất liền tương ứng với 3,03km2 mặt biển(1.000.000: 330.000=3.03)

- Địa hình phần đất liền kéo dài, hẹp ngang biển ảnh hưởng sâu vào đất liền làm cho nước ta không khô hạn như những nước có cùng vĩ độ như Tây Nam A, Châu Phi…

*10.3. Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi*

- Nước ta có nhiều đồi núi( đồi núi chiếm ¾ diện tích phần đất liền)

- Địa hình đa dạng tạo nên sự phân hoá mạnh của các cảnh quan tự nhiên

- Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế trong cảnh quan tự nhiên và thay đổi nhanh chóng theo đai cao.

- Vùng núi nước ta chứa nhiều tài nguyên khoáng sản, lâm sản, du lịch, thuỷ văn…

*10.4. Thiên nhiên nước ta đa dạng, phức tạp*

- Cảnh quan thay đổi từ đông sang tây: xa dần ảnh hưởng của biển, càng về phía Tây cảnh quan mang tính chất đồi núi

- Cảnh quan thay đổi từ thấp lên cao

- Cảnh quan thay đổi từ Nam ra Bắc

***Bài 33: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam***

*Hoạt động 1* ( *trọng tâm*): *Đặc điểm chung*

Muốn tạo được kĩ năng nhận biết, phân tích các mối liên hệ địa lí thì yêu cầu hs phải tự chuẩn bị bài ở nhà, đồng thời kết hợp dựa trên những đơn vị kiến thức đã được học ở những bài trước, lớp trước( yêu cầu học sinh học đến đâu phải nắm bài, nắm chắc kiến thức đến đấy- “ tạo vốn”ngay từ ban đầu) thì mới có thể làm tốt được kĩ năng này).

Mục tiêu của hoạt động này sau bài học, học sinh phải:

- Nắm được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam(4 đặc điểm)

- Rèn kĩ năng đọc, phân tích bản đồ, tìm mối quan hệ giữa các yếu tố địa hình với mạng lưới sông, khí hậu với thuỷ chế của sông ngòi.

Đăc điểm 1 : *mạng lưới sông.*

Giáo viên (Gv): Nhận xét đặc điểm mạng lưới sông ngòi nước ta?

Học sinh (Hs): Quan sát bản đồ (sông ngòi hoặc tự nhiên Việt Nam ) nhận xét: mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc phân bố rộng khắp cả nước.

Hs: đọc SGK + thực tế c/m cho nhận xét trên ( số lượng sông 2360 con sông dài trên 10 km, trong đó 93% là các con sông nhỏ, ngắn và dốc (DT lưu vực dưới 500m2,…)

Gv: Vì sao nước ta có rất nhiều sông suối, song phần lớn lại là các sông ngắn nhỏ và dốc( 93% là sông nhỏ, ngắn; diện tích lưu vực dưới 500 km2)?

Hs : - Nhiều sông suối vì: + Địa hình 3/4 diện tích là đồi núi

+ Lượng mưa nhiều(1500-2000 mm/năm)

- Sông nhỏ, ngắn và dốc vì: + 3/4 diện tích nước ta là đồi núi

+ Đồi núi lan ra sát biển

+ Chiều ngang lãnh thổ hẹp

+ Sông chảy theo hướng TB-ĐN

Như vậy, học sinh đã xác lập được *mối quan hệ địa lí đầu tiên của bài: ảnh hưởng của đặc điểm địa hình tới mạng lưới sông* và đã phân tích được mối quan hệ địa lí này*.*

Để xác lập được mối quan hệ này học sinh phải nhớ lại kiến thức. *Bài 28: Đặc điểm địa hình* *Việt Nam*-đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam (3/4 diện tích lãnh thổ ).

Nếu học sinh nào ham tìm hiểu các em sẽ nhớ lại khái niệm lưu vực sông: *là diện tích đất đai* *cung cấp nước thường xuyên cho một con sông*- (địa lí 6 ) và học sinh sẽ nhớ lại lưu vực sông Hồng 170000 km2; lưu vực sông Mê Công 795000 km2 để nắm chắc đặc điểm này hơn.

Đặc điểm 2 : *hướng chảy*.

Gv: Cho 2 nhóm học sinh xác định lần lượt vị trí ( tìm nơi bắt nguồn, nơi đổ về của một số con sông) .

Nhóm 1: sông Đà, sông Hồng, sông Tiền, sông Hậu, sông Cả, sông Mã, sông Ba,

Nhóm 2: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu , sông Thương, sông Lục Nam.

Từ đó Gv yêu cầu Hs nhận xét: Hướng chảy của sông ngòi Việt Nam?

Nhóm 1: Hướng TB- ĐN

Nhóm 2: Hướng vòng cung

Gv: Giải thích vì sao đại bộ phận sông ngòi Việt Nam lại chảy theo hai hướng chính đó ( và hầu hết tất cả các cửa sông đều đổ ra biển Đông)?

Hs: Tiếp tục nhớ, *huy động* lại kiến thức bài 28 *Đ/điểm đ/hình V/ Nam* để giải thích:

+ Vì trong cấu trúc của địa hình VN thì đồi núi là bộ phận quan trọng nhất (*đặc điểm một*).

+ Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau*(đặc điểm hai),* vì vậy, địa thế thấp dần từ TB xuống ĐN (phân bố của các bậc địa hình như đồi núi =>đồng bằng =>thềm lục địa; thấp dần từ nội địa ra biển(qua phân tích các sơ đồ lát cắt “khu HLSơn ; khu vực VBắc”; địa hình nước ta có 2 hướng chính(TB-ĐN; vòng cung)

Để rèn kĩ năng tốt ở đặc điểm hai này, yêu cầu học sinh phải nắm chắc kiến thức bài 28 *Đặc điểm địa hình Việt Nam.* Nếu các em không tích luỹ vốn ngay từ đầu thì sẽ rất khó khăn cho việc phân tích mối quan hệ địa lí này. Như vậy, học sinh sẽ hiểu rằng hướng chảy của sông ngòi chịu ảnh hưởng từ địa hình.

Đặc điểm 3*:chế độ nước ( mùa nước)*

Gv: Đặc điểm mùa nước sông ngòi Việt Nam như thế nào?

Hs :Đọc SGK kết hợp với kiến thức thực tế sẽ trả lời chính xác :sông ngòi nước ta có 2 mùa nước: mùa lũ và mùa cạn .

Để tiếp tục rèn kĩ năng tiếp theo, *Gv sẽ khéo léo đưa ra câu hỏi có vấn đề* để kích thích sự suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo của học sinh Vì sao sông ngòi nước ta lại có hai mùa nước khác nhau rõ rệt?

Hs:Sẽ suy ngay ra được, *chế độ nước sẽ liên quan đến chế độ mưa* (khí hậu điều hoà=>chế độ nước điêù hoà).

Từ việc lưu nhớ lại kiến thức của bài cũ Hs giải thích dựa vào hai bảng số liệu là bảng 31.1 và bảng 33.1

Gv yêu cầu H đọc, quan sát bảng 33.1 .Mùa lũ trên các lưu vực sông

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Các sông ở Bắc Bộ |  |  |  |  |  | + | + | ++ | + | + |  |  |
| Các sông ở Trung Bộ |  |  |  |  |  |  |  |  | + | + | ++ | + |
| Các sông ở Nam Bộ |  |  |  |  |  |  | + | + | + | ++ | + |  |

*Ghi chú: tháng lũ: + ; tháng lũ cao nhất: ++*

Hs: Quan sát bảng 31.1.Nhiệt độ và lượng mưa các trạm khí tượng Hà Nội , Huế và thành phố Hồ Chí Minh nhận xét được mùa lũ trên các lưu vực sông không trùng nhau ( giống nhau) .

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | | 1 | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| Hà Nội  Độcao: 5m  Vĩ độ :  210 01/B  Kinhđộ:  105048/ | Lượng mưa (mm) | *18,6* | *26,2* | *43,8* | *90,1* | *188,5* | *239,9* | *288,2* | *318* | *265,4* | *130,7* | *43,4* | *23,4* |
|  | Lượng mưa (mm) | *161,3* | *62,2* | *47,1* | *51,6* | *82,1* | *116,7* | *95,3* | *104* | *473,4* | *795,6* | *580,6* | *297,4* |
| TpHCM Nhiệt độ (0C)  Độ cao:  11m  Vĩ độ :  10047’B  Kinhđộ:  106040’Đ |
|
| Lượng mưa (mm) | *13,8* | *4,1* | *10,5* | *50,4* | *218,4* | *311,7* | *293,7* | *269,8* | *327,0* | *266,7* | *116,5* | *48,3* |

- Mùa lũ của sông sẽ trùng với mùa gió Tây Nam ( mùa hạ): có lượng mưa lớn chiếm 80% lượng mưa cả năm.

VD: Lượng mưa trung bình tháng 7(mm)

+ Bắc Bộ ( Hà Nội): 288,2mm=>mưa rào

+ Trung Bộ (Huế):95,3mm=> mưa rất ít (gió Tây khô nóng ,bão)

+ Nam Bộ ( thành phố Hồ Chí Minh):293,7mm=> mưa rào

- Mùa cạn của sông sẽ trùng với mùa gió Đông Bắc( mùa đông): có lượng mưa rất ít.

VD: Lượng mưa trung bình tháng 1(mm):

+ Bắc Bộ( Hà Nội): 18,6mm=>mưa phùn

+Trung Bộ(Huế): 161,3 mm=>mưa lớn ( mưa phùn)

+ Nam Bộ( thành phố Hồ Chí Minh): 13,8mm =>mưa rất ít vì nắng , nóng , khô hạn

Như vậy, chế độ nước sông phụ thuộc vào chế độ mưa ( chế độ mưa gió mùa)

Gv yêu cầu Hs : Giải thích vì sao có sự khác biệt ấy? *H phân tích tiếp mối quan hệ địa lí giữa mùa lũ trên các lưu vực sông với yếu tố khí hậu*

Vì chế độ mưa trên mỗi lưu vực( mỗi khu vực ) một khác:

- Bắc Bộ(Hà Nội): mưa nhiều tháng 5=> tháng 10 (tháng 8: 318mm ).

- Trung Bộ + Đông Trường Sơn: mưa nhiều từ tháng 9 =>tháng 12(tháng10: 795,6 mm)

- Nam Bộ + Tây Nguyên: mưa nhiều tháng 5, tháng 6=> tháng 11(tháng 9:327,0mm)

* Mùa lũ có xu hướng chậm dần từ Bắc vào Nam.

Gv đưa ra kết luận *sông ngòi là hàm số của khí hậu* - đây có thể coi là một kết luận rất tiêu biểu minh chứng cho mối quan hệ địa lí chặt chẽ giữa sông ngòi và khí hậu.

Đặc điểm 4 : *Phù sa sông ngòi*

Gv yêu cầu H đọc SGK kết hợp với vốn hiểu biết *nhận xét về hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta?*

*Hs:*  -Hàm lượng phù sa : lớn (trung bình có 223g/m3)

- Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước trên:200 triệu tấn / năm

Cái đích của hoạt động 1 sắp đạt được, nhờ vào khâu tổ chức khéo léo của G mà H lại tiếp tục bị cuốn vào bài học, mặc dù các em đã có rất nhiều thao tác rèn kĩ năng địa lí như : nhận xét, liên hệ; lưu nhớ kiến thức cũ, phân tích, so sánh, tổng hợp,…Và đến với đặc điểm cuối này H sẽ phát huy khả năng sáng tạo, tìm tòi, sự nhanh trí của mình trên cơ sở những kiến thức đã học kết hợp với kiến thức của bài 3- *Sông ngòi và cảnh quan châu Á*-Hàm lượng phù sa cúa sông lớn là do ảnh hưởng từ :

+ độ dốc của địa hình

+ độ che phủ của rừng

=> độ xâm thực lớn

Qua đó, HS sẽ lí giải được một cách dễ dàng mối quan hệ địa lí giữa hàm lượng phù sa của sông với địa hình và mật độ che phủ của rừng.

Gv: *Hàm lượng phù sa lớn như vậy đã có những tác động như thế nào tới thiên nhiên và đời sống dân cư đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long?(có cả thuận lợi và có cả khó khăn )*

Hs: lưu nhớ kiến thức đã học từ lớp 6- Bài 23: Sông và hồ và kiến thức thực tế để giải thích điều này :

\*Thuận lợi :

* Thiên nhiên : bồi đắp phù sa tạo ra các đồng bằng châu thổ, mở rộng diện tích đồng bằng, bồi đắp phù sa màu mỡ,…
* Đời sống nhân dân : xuất hiện phong tục, tập quán, lịch canh tác và sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là nghề thâm canh trồng lúa nước ),…

\*Khó khăn :

Hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn như vậy còn chứng tỏ một điều, đó là do độ che phủ của rừng nước ta đang báo động; chỉ có chặt phá, khai thác một cách bừa bãi không có kế hoạch,…như vậy đã làm cho đất đá từ các vùng thượng nguồn theo các dòng sông chảy về hạ lưa là rất lớn.

Từ đó đặt ra vấn đề, chúng ta phải làm gì để hạn chế bớt khó khăn trên?( Mặc dù chúng ta biết rằng hàm lượng phù sa của sông lớn đem lại giá trị không nhỏ cho việc phát triển kinh tế –xã hội ở nước ta. )

Có rất nhiều kĩ năng xác lập, nhận xét, phân tích, giải thích,…các mối quan hệ địa lí trong *hoạt* *động 1 -* Đặc điểm chung của bài 33- Đặc điểm sông ngòi Việt Nam nhưng nói tóm lại, thông các kĩ năng đó học sinh đã được tiếp thu kiến thức mới của bài học, cụ thể là sông ngòi Việt nam có 4 đặc điểm chính:

1. Mạng lưới sông: dày đặc, phân bố rộng.

2. Hướng chảy: có 2 hướng chính: Tây Bắc- Đông Nam ; vòng cung

3. Mùa nước: có 2 mùa lũ và cạn

4. Hàm lượng phù sa:lớn

Tìm hiểu được bốn đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam học sinh đã được rèn kĩ năng quan trọng không kém phần chỉ bản đồ, xác định các đối tượng địa lí, phân tích các đối tượng địa lí trên bản đồ, lược đồ, sơ đồ… Đó là kĩ năng phát hiện, phân tích, giải thích các mối quan hệ điạ lí.

Dựa trên phần tìm hiểu đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam học sinh vừa tiếp thu kiến thức mới, vừa được củng cố kiến thức cũ của các bài học trước, của các lớp trước.

VD: + Bài 23: Sông và hồ ( Địa lí 6)

+ Bài 3: Sông ngòi và cảnh quan châu Á (Địa lí 8).

+ Bài 14: Đông Nam Á- Đất liền và hải đảo (Địa lí 8).

+ Bài 25: Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam (Địa lí 8).

+ Bài 28: Đặc điểm địa hình Việt Nam (Địa lí 8).

+ Bài 31: Đặc điểm khí hậu Việt Nam (Địa lí 8).

+ Bài 32: Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta (Điạ lí 8),...

Từ việc tìm hiểu đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam học sinh đã “ *chụp ảnh*”được kiến thức: sông ngòi Việt Nam sẽ mang những đặc điểm chung của sông ngòi châu Á; sông ngòi khu vực Đông Nam Á và cũng sẽ nhận thấy đó là “ bản sao” của địa lí châu cũng như khu vực mà Việt Nam là một quốc gia thành viên.

**Gîi ý tr¶ lêi mét sè c©u hái**

**Câu 1:** *Nêu mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm phát triển kinh tế (2001-2010) của nước ta?*

*-* Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển

- Nâng cao đời sống vật chất văn hoá tinh thần của nhân dân

- Tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại

**Câu 2:** *Vị trí địa lí và hình dạng của lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc nước ta hiện nay?*

*-* Thuận lợi:

+ Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ làm cho thiên nhiên nước ta phân hoá đa dạng tạo điều kiện phát triển một nền kinh tế toàn diện

+ Hội nhập giao lưu với các nước trong và ngoài khu vực

- Khó khăn:

+ Giặc ngoại xâm thường xuyên dòm ngó.

+ Vùng có nhiều thiên tai:bão,lũ lụt,hạn hán…

**Câu 3:***Vùng biển nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó qua các tính chất của khí hậu biển?*

*-* Chế độ gió: gió trên biển mạnh hơn so với đất liền

+ Tháng 10 – tháng 4:gió mùa đông bắc lạnh khô, ít mưa.

+ Tháng 5 – tháng 9 : gió mùa tây nam nóng ẩm mưa nhiều.

- Chế độ mưa:lượng mưa trên biển ít hơn so với đất liền đạt từ 1100 – 1300 mm/năm

- Chế độ nhiệt : nhiệt độ trung bình của nước biển tầng mặt trên 23 0 C

**Câu 4:** *Biển nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống kinh tế và tự nhiên của nước ta?*

1. *Thuận lợi:*

Về tự nhiên: điều hoà khí hậu và tạo nhiều cảnh quan tự nhiên đẹp.

- Về kinh tế : Vùng biển nước ta nhiều tài nguyên khoáng sản thuận lợi cho sự phát triển nhiều ngành kinh tế:

+ khoáng sản có nhiều dầu khí, ti tan,muối thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến nguyên liệu, nhiên liệu.

+ Hải sản phong phú:cá,tôm,cua,rong biển…thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến thuỷ sản.

+ Mặt biển có các tuyến đường giao thông trong và ngoài nước thuận lợi phát triển giao thông hàng hải

+ nhiều phong cảnh đẹp,bãi tắm đẹp (Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Mũi Né, nha Trang…)thuận lợi phát triển ngành du lịch biển

1. *Khó khăn:*

- Nguồn lợi thuỷ sản có chiều hướng giảm sút

- Môi trường một số vùng biển ven bờ bị ô nhiễm

- Thiên tai thường xuyên xảy ra

**Câu 5:** *Nêu ý nghĩa của giai đoạn tân Kiến Tạo đối với sự phát triển lãnh thổ nước ta hiện nay ? Một số trận động đất xảy ra gần đây ở Lai Châu, Điện Biên… điều đó chứng tỏ điều gì?*

1. *Ý nghĩa của giai đoạn Tân Kiến Tạo:*

Đây là giai đoạn rất ngắn nhưng có ý nghĩa rất quan trọng đối với nước ta:

- Quá trình nâng cao địa hình làm cho sông ngòi trẻ lại và hoạt động mạnh mẽ. đồi núi cổ được nâng cao và mở rộng

- Quá trình mở rộng Biển Đông và tạo các bể dầu khí ở thềm lục địa và đồng bằng châu thổ (đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long)

- Quá trình hình thành các cao nguyên badan và đồng bằng phù sa trẻ

- Quá trình tiến hoá của giới sinh vật

1. *Một số trận động đất xảy ra gần đây ở Điện Biên, Lai Châu chứng tỏ rằng giai đoạn Tân Kiến Tạo vẫn còn đang diễn ra*.

**Câu 6:** *Nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta?*

- Quản lí tài nguyên lỏng lẻo,khai thác bừa bãi.

- Kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải

- Thăm dò , đánh giá không chính xác về hàm lượng, trữ lượng làm cho việc khai thác khó khăn, đầu tư lãng phí.

**Câu 7***: Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?*

- Đồi núi là bộ phận quan trọng trong cấu trúc địa hình nước ta.

- Địa hình nước ta được Tân kiến Tạo nâng lên mạnh mẽ và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu sự tác động mạnh mẽ của con người

**Câu 8:** *Địa hình nước ta chia thành mấy khu vực ? Đó là những khu vực nào?*

Ba khu vực:

- Khu vực đồi núi.

- Khu vực đồng bằng.

- Bờ biển và thềm lục địa.

**Câu 9:** *Hãy so sánh địa hình của hai vùng Đồng Bằng Sông Hồng và Đồng Bằng Sông Cửu Long?*

Đồng Bằng Sông Hồng Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Nhiều ô trũng, thấp hơn mực nước sông 3-7 m - Cao hơn mực nước biển 2-3 m

- Hệ thống đê lớn dài 2700 km - Không có đê lớn bị ngập lũ hang năm

- Đắp đê ngăn lũ vững chắc - Sống chung với lũ cải tạo đất

**Câu 10:** *Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là gì? Nét độc đáo của khí hậu nước ta thể hiện ỏ những mặt nào?*

* Đặc điểm chung của khí hậu nước ta:

+ Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm

+ Tính chất đa dạng và thất thường.

* Nét độc đáo của khí hậu nước ta là :

+ Có lượng mưa lứon theo mùa và trong nămở miền bắc xcó mùa Đông lạnh (từ vĩ tuyến 180B trở ra)

+ Chế độ gió mùa, độ cao và hướng một số dãy núi lớn đã làm cho thời tiết , khí hậu nước ta đa dạng và thất thường.

**Câu 11:** *Nước ta có mấy miền khí hậu? Nêu đặc điểm chung của từng miền?*

\* Nước ta có bốn miền khí hậu

\* Đặc điểm chung:

- Miền khí hậu phía Bắc: Từ dãy Hoành Sơn (vĩ tuyến 180B ) trở ra: có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm,mưa nhiều.

- Miền khí hậu Đông Trường Sơn:Từ dãy Hoành Sơn (VT 180 B) trở vào mũi Dinh(VT 110 B).Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

- Miền khí hậu Biển Đông: Nằm ở vùng biển nước ta, mang tính chất nhioệt đới gió mùa hải dương*.*

**Câu 12:** *Trong gió mùa đông bắc thời tiết , khí hậu Bắc Bộ, Trung bộ và Nam Bộ có giống nhau không? Vì sao?*

a) Trong gió mùa đông bắc thời tiết , khí hậu Bắc Bộ, Trung bộ và Nam Bộ khác nhau

- Bắc Bộ: Thời tiết lạnh khô vào đầu mùa, lạnh ẩm vào cuối mùa .

- Bắc Trung Bộ lạnh vừa,ít có mưa phùn; Trung, Nam Trung Bộ nóng, mưa nhiều vào đầu mùa đông

- Nam Bộ thời tiết nóng khô, ổn định suốt mùa .

b) Nguyên nhân sự khác nhau:

- Gió mùa đông lạnh (hướng Đông Bắc) chỉ ảnh hưởng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ .

- Gió Đông Bắc ( tín phong) ảnh hưởng tới Trung, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 13:** *So sánh ba nhóm đất chính ở nước ta về đặc tính ,sự phân bố và giá trị sử dụng?*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| yếu tố  Nhóm đất | Đặc tính | Nơi phân bố | Giá trị sử dụng |
| Đất Feralit | - Chua , nghèo mùn, nhiều sét  - Có màu đỏ ,vàng do có nhiều hợp chất sắt , nhôm  - Dễ bị kết von thành đá ong | - Vùng núi đá vôi phía Bắc  - đông Nam Bộ và Tây Nguyên | Thích hợp trồng cây công nghiệp. Đặc biệt là cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su… |
| Đất Mùn núi cao | - Xốp, giàu mùn  - Màu đen hoặc nâu | Địa hình núi cao trên 2000m | Phát triển lâm nghiệp và bảo vệ rừng đầu nguồn |
| Đất bồi tụ phù sa | - Tơi xốp, ít chua, giàu mùn  - Độ phì cao, dễ canh tác | - Tập trung nhiều ở ĐBSH, ĐBSCL  - các đồng bằng nhỏ khác | Phát triển nông nghiệp ,đặc biệt là cây lúa |

**Câu 14:** *Chứng minh tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn trên các mặt sau: Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và bảo vệ môi trường sinh thái ?*

*a) Về kinh tế:*

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

- Cung cấp thực phẩm cho nhân dân

- Dùng làm dược liệu

*b) Về văn hoá-xã hội-du lịch:*

- Tạo nhiều khu vực đẹp (các loại cây cảnh dung làm trang trí,trưng bày trong gia đình,các ngày lễ hội)

- Nghiên cứu khoa học

- Là nơi vui chơi giải trí,an dưỡng ,nghỉ mát

*c) Về môi trường sinh thái:*

- Cung cấp o xi, điều hoà khí hậu

- Phòng chống thiên tai ,bảo vệ môi trường

**Câu 15 :** *Nguyên nhân nào làm cho tự nhiên Việt Nam có tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm, tính chất này được thể hiện như thế nào trong thành phần tự nhiên nước ta. Nó ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và dời sống ?*

a) Nguyên Nhân: Do nằm trong vành đai nhiệt đới, ở khu vực Đông Nam Á và tiếp giáp với Thái Bình Dương

b) Biểu hiện:

* Khí hậu : Nhận được nguồn nhiệt năng lớn, nhiệt độ TB năm cao trên 210C, lượng mưa lớn từ 1500 đến 2000 mm/năm, chia làm hai mùa rõ rệt .
* Địa hình: quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ, lớp võ phong hóa dày.
* Sông ngòi: có hai mùa nước( mùa lũ và mùa cạn), sông không đóng băng.
* Đất đai: Đất Feralit đỏ vàng
* Sinh vật: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới phát triển .

c)Ảnh hưởng:

- Thuận lợi:

+ Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là nông sản nhiệt đới .

+ Cây trồng,vật nuôi phát triển quanh năm tạo điều kiện tăng năng suất .

- Khó khăn:

+ Sâu bệnh phát triển gây hại cho nông nghiệp.

+ Làm cho nhiều loại sản phẩm của nhiều ngành sản xuất bị hư hỏng do ẩm móc, oxi hóa …

**Câu 16:** *Sự phân hóa đa dạng, phức tạp của cảnh quan tự nhiên tạo ra những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta? Cho ví dụ.*

a)Thuận lợi:

- Tạo điều kiện để phát triển nhiều ngành kinh tế ( Nông nghiệp: trồng trọt. chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Công nghiệp: nhiên liệu, năng lượng, luyện kim, chế biến nông lâm thủy sản)

- Thiên nhiên đa dạng, tươi đẹp, hấp dẫn tạo điều kiện phát triển du lịch.

- Cảnh quan thiên nhiên nhiều vùng khác nhau tạo điều kiện để xây dựng các vùng sản xuất phù hợp từng vùng, đa dạng hóa sản phẩm .

b) Khó khăn:

- Nhiều thiên tai như hạn hán, bão lụt,… làm cho môi trường sinh thái dễ bị biến đổi

- Tài nguyên thiên nhiên dễ bị cạn kiệt nếu như sử dụng không hợp lý .

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Chủ đề 5**

**Giải các dạng bài tập về vẽ biểu đồ**

***(12 tiết)***

**GV:** Giới thiệu cho hs các bước tiến hành vẽ biểu đồ.

Bước 1 :

Xử lý số liệu (từ số liệu tuyệt đối sang số liệu tương đối)

Bước 2 : Vẽ biểu đồ

- Xác định biểu đồ cần vẽ.

- Chọn, chia tỉ lệ thích hợp.

- Vẽ lần lượt từng đối tượng.

Bước 3 : Hoàn thiện biểu đồ

+ Ghi bảng chú giải (kí hiệu).

+ Tên bản đồ (tên chung nếu là biểu đồ so sánh).

***\* Một số lưu ý khi vẽ biểu đồ.***

- Đọc kĩ số liệu bài ra.

- Tuyệt đối không dùng màu để tô, kí hiệu trên bản đồ.

- Nếu là biểu đồ tròn: khi vẽ đường tròn, vẽ 1 bán kính trùng với phương kim đồng hồ chỉ 12 giờ và vẽ theo chiều kim đồng hồ.

- Bất cứ một biểu đồ nào cũng cần chú giải và tên biểu đồ.

- Khi vẽ bất cứ một biểu đồ nào cũng phải đảm bảo được 3 yêu cầu:

+ Khoa học (chính xác).

+ Trực quan (rõ ràng, dễ đọc).

+ Thẩm mỹ (đẹp).

**GV** đưa ra một số dạng bài tập thực hành cho hs

**HS:** dưới sự hướng dẫn của gv theo dõi và các giải bài tập.

**1. Biểu đồ cột**

*a. yêu cầu :* Thể hiện quy mô khối lư­ợng, động thái phát triển của một đại lư­ợng nào đó hoặc so sánh t­ương quan về độ lớn giữa một số đại l­ượng khác nhau.

*b. Các dạng:*

- Biểu đồ có một dãy cột đơn.

- Biểu đồ có từ 2 - 3 cột gộp nhóm có cùng một đơn vị hoặc khác đơn vị.

- Biểu đồ cột chồng.

- Biểu đồ có nhiều đối t­ượng thể hiện trong cùng một thời điểm ( thời gian).

- Biểu đồ thanh ngang.

*c. Cách vẽ:*

- B­ước 1: Chọn dạng biểu đồ thích hợp.

- B­ước 2: Vẽ hệ chục toạ độ, l­ưu ý khoảng cách năm, chọn tỉ lệ trên trục tung, ghi đơn vị trên cả 2 trục tung và trục hoành.

- B­ước 3: Vẽ biểu đồ cột, cột năm đầu tiên vẽ cách trục đơn vị từ 0,5 - 1 cm. (Lư­u ý chiều rộng các cột phải bằng nhau)

- B­ước 4: Ghi các số liệu trên biểu đồ, có kí hiệu để phân biệt, có tên biểu đồ, bảng chú giải.

- B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xét, phân tích.

*d. Bài tập áp dụng:*

**Bài tập 1**

Cho bảng số liệu tình hình khai thác thuỷ sản ở n­ước ta, giai đoạn 1995 - 2005  
 (Đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1990** | **1995** | **2000** | **2002** | **2005** |
| **Tổng sản l­ượng** | **890.6** | **1584.4** | **2250.5** | **2647.4** | **3465.9** |
| **- Khai thác** | **728.5** | **1195.3** | **1660.9** | **1802.6** | **1987.9** |
| **- Nuôi trồng** | **162.1** | **389.1** | **589.6** | **844.8** | **1478.0** |

- Nếu là biểu đồ trũn: khi vẽ đường trũn, vẽ 1 bỏn kớnh trựng với phương kim đồng hồ chỉ 12 giờ và vẽ theo chiều kim đồng hồ.

- Bất cứ một biểu đồ nào cũng cần chỳ giải và tờn biểu đồ.

- Khi vẽ bất cứ một biểu đồ nào cũng phải đảm bảo được 3 yờu cầu:

+ Khoa học (chớnh xỏc).

+ Trực quan (rừ ràng, dễ đọc).

+ Thẩm mỹ (đẹp).

**GV** đưa ra một số dạng bài tập thực hành cho hs

**HS:** dưới sự hướng dẫn của gv theo dừi và cỏc giải bài tập.

**1. Biểu đồ cột**

*a. yờu cầu :* Thể hiện quy mụ khối lư­ợng, động thỏi phỏt triển của một đại lư­ợng nào đú hoặc so sỏnh t­ương quan về độ lớn giữa một số đại l­ượng khỏc nhau.

*b. Cỏc dạng:*

- Biểu đồ cú một dóy cột đơn.

- Biểu đồ cú từ 2 - 3 cột gộp nhúm cú cựng một đơn vị hoặc khỏc đơn vị.

- Biểu đồ cột chồng.

- Biểu đồ cú nhiều đối t­ượng thể hiện trong cựng một thời điểm ( thời gian).

- Biểu đồ thanh ngang.

*c. Cỏch vẽ:*

- B­ước 1: Chọn dạng biểu đồ thớch hợp.

- B­ước 2: Vẽ hệ chục toạ độ, l­ưu ý khoảng cỏch năm, chọn tỉ lệ trờn trục tung, ghi đơn vị trờn cả 2 trục tung và trục hoành.

- B­ước 3: Vẽ biểu đồ cột, cột năm đầu tiờn vẽ cỏch trục đơn vị từ 0,5 - 1 cm. (Lư­u ý chiều rộng cỏc cột phải bằng nhau)

- B­ước 4: Ghi cỏc số liệu trờn biểu đồ, cú kớ hiệu để phõn biệt, cú tờn biểu đồ, bảng chỳ giải.

- B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xột, phõn tớch.

*d. Bài tập ỏp dụng:*

**Bài tập 1**

Cho bảng số liệu tỡnh hỡnh khai thỏc thuỷ sản ở n­ước ta, giai đoạn 1995 - 2005  
 (Đơn vị: nghỡn tấn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiờu** | **1990** | **1995** | **2000** | **2002** | **2005** |
| **Tổng sản l­ượng** | **890.6** | **1584.4** | **2250.5** | **2647.4** | **3465.9** |
| **- Khai thỏc** | **728.5** | **1195.3** | **1660.9** | **1802.6** | **1987.9** |
| **- Nuụi trồng** | **162.1** | **389.1** | **589.6** | **844.8** | **1478.0** |

- Nếu là biểu đồ trũn: khi vẽ đường trũn, vẽ 1 bỏn kớnh trựng với phương kim đồng hồ chỉ 12 giờ và vẽ theo chiều kim đồng hồ.

- Bất cứ một biểu đồ nào cũng cần chỳ giải và tờn biểu đồ.

- Khi vẽ bất cứ một biểu đồ nào cũng phải đảm bảo được 3 yờu cầu:

+ Khoa học (chớnh xỏc).

+ Trực quan (rừ ràng, dễ đọc).

+ Thẩm mỹ (đẹp).

**GV** đưa ra một số dạng bài tập thực hành cho hs

**HS:** dưới sự hướng dẫn của gv theo dừi và cỏc giải bài tập.

**1. Biểu đồ cột**

*a. yờu cầu :* Thể hiện quy mụ khối lư­ợng, động thỏi phỏt triển của một đại lư­ợng nào đỳ hoặc so sỏnh t­ương quan về độ lớn giữa một số đại l­ượng khỏc nhau.

*b. Cỏc dạng:*

- Biểu đồ cỳ một dúy cột đơn.

- Biểu đồ cỳ từ 2 - 3 cột gộp nhỳm cỳ cựng một đơn vị hoặc khỏc đơn vị.

- Biểu đồ cột chồng.

- Biểu đồ cỳ nhiều đối t­ượng thể hiện trong cựng một thời điểm ( thời gian).

- Biểu đồ thanh ngang.

*c. Cỏch vẽ:*

- B­ước 1: Chọn dạng biểu đồ thớch hợp.

- B­ước 2: Vẽ hệ chục toạ độ, l­ưu ý khoảng cỏch năm, chọn tỉ lệ trờn trục tung, ghi đơn vị trờn cả 2 trục tung và trục hoành.

- B­ước 3: Vẽ biểu đồ cột, cột năm đầu tiờn vẽ cỏch trục đơn vị từ 0,5 - 1 cm. (Lư­u ý chiều rộng cỏc cột phải bằng nhau)

- B­ước 4: Ghi cỏc số liệu trờn biểu đồ, cỳ kớ hiệu để phừn biệt, cỳ tờn biểu đồ, bảng chỳ giải.

- B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xột, phừn tớch.

*d. Bài tập ỏp dụng:*

**Bài tập 1**

Cho bảng số liệu tỡnh hỡnh khai thỏc thuỷ sản ở n­ước ta, giai đoạn 1995 - 2005  
 (Đơn vị: nghỡn tấn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiờu** | **1990** | **1995** | **2000** | **2002** | **2005** |
| **Tổng sản l­ượng** | **890.6** | **1584.4** | **2250.5** | **2647.4** | **3465.9** |
| **- Khai thỏc** | **728.5** | **1195.3** | **1660.9** | **1802.6** | **1987.9** |
| **- Nuụi trồng** | **162.1** | **389.1** | **589.6** | **844.8** | **1478.0** |

**\*Lưu ý:** Biểu đồ đường thường thể hiện các đối tượng có nhiều đơn vị tính khác nhau và diễn ra trong nhiều năm trong phần chú giải có thể viết luôn vào biểu đồ.

**3. Biểu đồ tròn:**

*a. yêu cầu :* Thể hiện cơ cấu thành phần trong một tổng thể của 3 năm hoặc 3 vùng, đồng thời cũng thể hiện quy mô của đối t­ượng cần trình bày.

*b. Các dạng:*

- Biểu đồ có một hình tròn

- Biểu đồ có từ 2 -3 hình tròn có bán kính bằng nhau hoặc khác nhau.

- Biểu đồ cặp 2 nửa hình tròn ( th­ường thể hiện 2 đối t­ượng đối lập nhau như­ xuất nhập khẩu)

*c. Cách vẽ:*

- B­ước 1: Xử lí số liệu ( nếu bảng số liệu là giá trị tuyệt đối), quy đổi tỉ lệ % ra độ góc của hình quạt

- Bư­ớc 2: *Tính bán kính* biểu đồ khi có giá trị tuyệt đối khác nhau ( bán kính biểu đồ chính là thể hiện quy mô)

- B­ước 3: *Vẽ* lần lư­ợt từng số liệu *theo đúng thứ tự số liệu xuất hiện trong bảng số liệu theo chiều kim đồng hồ.*

- Bư­ớc 4: Ghi các số liệu vào biểu đồ có kèm theo đơn vị %, có kí hiệu để phân biệt, có tên biểu đồ, bảng chú giải. Lư­u ý d­ưới mỗi biểu đồ tròn cần ghi năm hoặc vùng - miền, nếu vẽ 2 – 3 biều đồ tròn thì tâm các vòng tròn thẳng hàng)

- B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xét, phân tích ( nếu có)

*d. Bài tập áp dụng:*

**Bài tập 7**

***Cho BSL sau: Giá trị sản xuất của ngành trồng trọt theo giá so sánh 1994 phân theo nhóm cây trồng của n­ước ta***

***(****Đ****ơn vị: tỉ đồng)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Năm*** | ***Tổng số*** | ***Trong đó*** | | | |
| ***Cây LT*** | ***Cây CN*** | ***Rau đậu*** | ***Câu khác*** |
| ***1995*** | ***66183.4*** | ***42110.4*** | ***12149.4*** | ***4983.6*** | ***6940.0*** |
| ***2005*** | ***107897.6*** | ***63852.5*** | ***25585.7*** | ***8928.2*** | ***9531.2*** |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện qui mô và cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt theo bảng số liệu trên?

2. Nhận xét?

***1. Vẽ biểu đồ:  
a. Xử lí số liệu:  
Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt phân theo nhóm cây trồng***

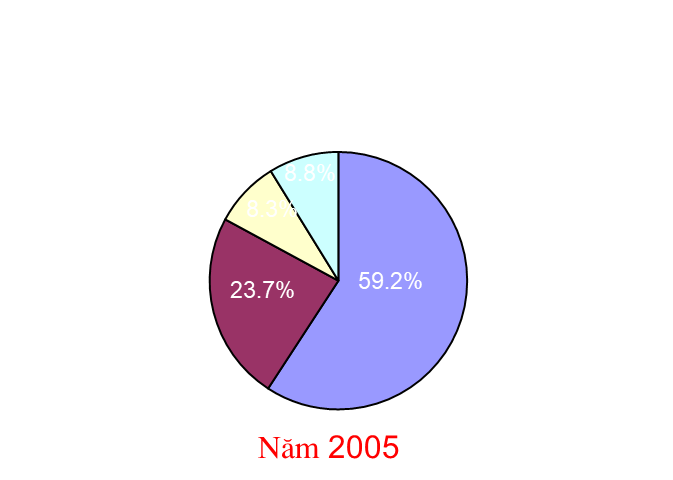
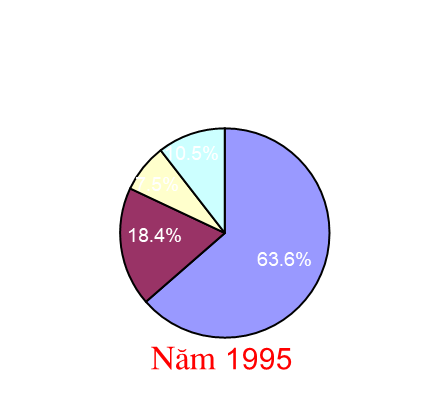
***( Đơn vị %)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Trong đó | | | |
| Cây LT | Cây CN | Rau đậu | Câu khác |
| 1995 | 100 | 63.6 | 18.4 | 7.5 | 10.5 |
| 2005 | 100 | 59.2 | 23.7 | 8.3 | 8.8 |

***So sánh quy mô và bán kính biểu đồ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | So sánh quy mô giá trị | So sánh bán kính biểu đồ |
| 1995 | 1.0 | 1.0 |
| 2005 | 1.6 | 1.3 |

***Vẽ biểu đồ:***



Cây LT

Cây CN

Rau đậu

Cây khác

**biểu đồ thể hiện qui mô và cơ cấu giá trị sản xuất**

**của ngành trồng trọt giai đoạn 1990 - 2000**

***2. Nhận xét***

- Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt năm 2005 có sự thay đổi so với năm 1995.

+ Tỉ trọng của nhóm cây CN và rau đậu tăng ( dẫn chứng)

+ Tỉ trọng của nhóm cây LT và các loại cây khác giảm ( dẫn chứng)

+ Tuy nhiên nhóm cây LT vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất ( dẫn chứng)./.

**Bài tập 8**

Cho bảng số liệu sau

Tổng sản phẩm trong n­ước (GDP)

***(Đơn vị: tỉ đồng)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | N-L-ngư nghiệp | CN- XD | Dịch vụ |
| 1990 | 41955 | 16252 | 9513 | 16190 |
| 1995 | 228892 | 62219 | 65820 | 100853 |
| 2000 | 441646 | 107320 | 161643 | 1726883 |

1. Hãy vẽ biểu đồ thể hiện quy mô cơ cấu GDP qua các năm theo bảng số liệu?

2. Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu từ 1990-> 2000?

**Các bước tiến hành:**

Bước 1: Xử lý số liệu (đơn vị %)

Năm 1990: Tổng sản phẩm trong nước là: 41.955 tỉ đồng.

- N-L-Ngư nghiệp = x 100 = 38,8 %

41.955

16252

- CN - XD  = x 100 = 22,7 %

9513

41.955

- Dịch vụ = 100% - (38,8 % + 22,7%) = 38,5%

Năm 1995 và năm 2000 tính tương tự năm 1990. Ta được bảng số liệu đã sử lí

***(Đơn vị: %)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | N-L-ngư nghiệp | CN- XD | Dịch vụ |
| 1990 | 100 | 38,8 | 22,7 | 38,5 |
| 1995 | 100 | 27,2 | 28,8 | 44 |
| 2000 | 100 | 24,3 | 36,6 | 39,1 |

Bước 2 : Vẽ biểu đồ.

- Xác định đường tròn phù hợp với khổ giấy.

- Chia hình tròn thành những nan quạt theo đúng tỉ lệ và vẽ các đối tượng theo trật tự của các thành phần trong bài. (Nông lâm ngư nghiệp, CN-XD và dịch vụ).

- Để chia các đại lượng chính xác theo tỉ lệ cần lấy tỉ lệ 1% = 3,60 (vì toàn bộ hình tròn là 3600, tương ứng với tỉ lệ 100%) và dùng thước đo độ để tính góc ở tâm và vẽ theo chiều kim đồng hồ bắt đầu từ 12h.

- Thứ tự các thành phần của các biểu đồ phải giống nhau để tiện cho việc so sánh. (tuy nhiên theo kinh nghiệm khi biểu đồ có 3 số liệu, sau khi vẽ xong số liệu thứ nhất ta vẽ luôn số liệu thứ 3 theo chiều ngược chiều kim đồng hồ)

**Ví dụ:**  Năm 1990

+ Nông lâm ngư nghiệp : 38,8% x 3.60­­­ = 1400.

+ Công nghiệp – xây dựng : 22,7% x 3.60­­­ = 820.

+ Dịch vụ : 38,5% x 3.60­­­ = 1380.

Năm 1995 và năm 2000 làm tương tự như năm 1990.



*\* Nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu từ 1990-> 2000 :*

- Qua biểu đồ và bảng số liệu cho thấy tổng sản phẩm trong nước của n­ước ta không ngừng đ­ược tăng lên: Từ 14955 tỉ đồng năm 1995 tăng lên 441646 tỉ đồng năm 2000, nh­ vậy tăng thêm 399691 tỉ đồng với tốc độ tăng là 10,5 lần.

- Qua biểu đồ và bảng số liệu cho thấy tỉ trọng ngành N-L-Ngư­ nghiệp giảm và tăng dần tỉ trọng của ngành CN-XD và dịch vụ. Điều này cho thấy nền kinh tế nuớc ta đang có sự chuyển dịch theo hư­ớng CNH-HĐH đất n­ước.

+ Ngành N-L-Ngư­ nghiệp giảm ( dẫn chứng). Đây là xu h­ớng tiến bộ phản ánh nư­ớc ta chuyển từ 1 n­ước nông nghiệp là chính sang 1 n­ước CN

+ Ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhanh đặc biệt là cho đến năm 2000 ( dẫn chứng)

+ Ngành dịch vụ tỉ trọng còn thấp. Nh­ưng do các ngành dịch vụ phát triển khá nhanh như­ du lịch, ngân hàng…nên tỉ trọng không ngừng tăng lên.

* Kết luận…

**4. Biểu đồ miền**

*a. yêu cầu :* Biểu đồ miền thực chất là biểu đồ cột chồng khi chiều rộng các cột đ­ược thu nhỏ thành đư­ờng thẳng. Biểu đồ miền thể hiện đồng thời cả hai mặt cơ cấu và động thái phát triển của đối t­ượng qua nhiều thời điểm ( từ 4 năm trở lên)

*b. Các dạng:*

- Biểu đồ miền theo giá trị tuyệt đối. ( ít sử dụng)

- Biểu đồ miền theo giá trị tư­ơng đối ( %)

*c. Cách vẽ:*

- B­ước 1: Xử lí số liệu ( nếu bảng số liệu là giá trị tuyệt đối)

- B­ước 2: *Kẻ khung hệ toạ độ*, ở trục tung biểu thị từ 0 – 100%, trục hoành biểu thị thời gian năm đầu tiên nằm ở gốc toạ độ và *đóng khung thành hình chữ nhật* ( l­ưu ý khoảng cách năm trên trục hoành)

- Bư­ớc 3: *Vẽ đ*ư*­ờng ranh giới* theo số liệu đã tính lần l­ượt từ d­ưới lên trên ( đư­ờng ranh giới sẽ chia biểu đồ thành các miền khác nhau, mỗi miền thể hiện một đối t­ượng địa lí)

- B­ước 4: Ghi các số liệu vào đúng vị trí từng miền trong biểu đồ đã vẽ. Có kí hiệu để phân biệt mỗi miền, có tên biểu đồ, bảng chú giải.

- B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xét, phân tích ( nếu có)

*d. Bài tập áp dụng:*

**Bài tập 9**

Cho BSL sau: Cơ cấu vận chuyển hàng hoá phân theo ngành vận tải ở n­ước ta. Giai đoạn 1985 - 2005 ( đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Đư­ờng sắt | Đ­ường bộ | Đ­ường sông | Đ­ường biển |
| 1985 | 7.6 | 58.3 | 29.2 | 4.9 |
| 1990 | 4.4 | 58.9 | 30.2 | 6.5 |
| 1995 | 5.2 | 64.2 | 23.0 | 7.6 |
| 2000 | 4.6 | 63.8 | 22.2 | 9.4 |
| 2005 | 2.8 | 66.9 | 19.9 | 10.4 |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu hàng hoá vận chuyển phân theo loại hình vận tải giai đoạn 1985- 2005?

2. Nhận xét?

***Hướng dẫn làm BT***

***1. Vẽ biểu đồ***

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN PHÂN THEO LOẠI HèNH VẬN TẢI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1985- 2005**



***2. Nhận xét:***- Cơ cấu vận tải hàng hoá của các loại hình GTVT ở n­ước ta luôn có sự biến động qua các giai đoạn. Nh­ưng nhìn chung giai đoạn từ 1985 - 2005, cơ cấu vận tải thay đổi theo chiều h­ướng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại hình vận tải | Thay đổi tỉ trọng | |
| Đư­ờng sắt | Giảm | 4.8% |
| Đư­ờng bộ | Tăng | 8.6% |
| Đ ường sông | Giảm | 9.3% |
| Đường biển | Tăng | 5.5% |

**Bài tập 10**

Cho BSL về cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế theo giá trị hiện hành.

***Đơn vị: %***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1991 | 1992 | 1993 | 1994 | 1995 | 1996 |
| Nông-Lâm-ngư nghiệp | 40,6 | 33,9 | 29,9 | 28,7 | 28,4 | 27,2 |
| Công nghiệp-Xây dựng | 23,8 | 27,3 | 28,9 | 29,6 | 29,9 | 30,7 |
| Dịch vụ | 35,7 | 38,8 | 41,2 | 41,7 | 41,7 | 42,1 |
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |

*1. Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi cơ cấu GDP qua các năm?*

*2. Hãy phân tích sự chuyển dịch cơ cấu GDP nói trên?*

**Hướng dẫn giải bài tập:**

***Các bước tiến hành:***

- Vẽ khung biểu đồ là hình chữ nhật hoặc hình vuông, cạnh đứng thể hiện 100%, cạnh ngang thể hiện khoảng cách năm, chia sao cho phù hợp giữa các năm.

- Ranh giới của biểu đồ miền là đường biểu diễn, thành phần nào cho trước thì vẽ trước và vẽ từ dưới lên.

- Khi vẽ biểu đồ miền nếu có 3 thành phần thì vẽ thành phần đầu tiên sau đó ta vẽ thành phần thứ 3 vẽ từ trên xuống coi 100% = 0%.

- Phần số liệu thể hiện ngay trong biểu đồ.



***2. Phân tích***:

- Qua bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ cho thấy xu h­ướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nư­ớc ta:

+ Giảm tỉ trọng của ngành nông lâm thuỷ sản.( dẫn chứng)

+ Tăng nhanh tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ. ( dẫn chứng nhịp điệu gia tăng giữa các năm)

+ Sự chuyển biến này là kết quả của sự tăng trư­ởng không đều giữa các khu vực kinh tế. Đó là sự phục hồi và tăng nhanh của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

=> Sự chuyển dịch như­ vậy là tích cực, tiến bộ. N­ước ta từ chỗ là n­ước nông nghiệp đang từng b­ước chuyển dịch thành n­ước công nghiệp theo h­ướng CNH – HĐH đất nư­ớc.

**5. Biểu đồ kết hợp:**

*a. Yêu cầu :* Thể hiện động thái phát triển và tư­ơng quan độ lớn giữa các đại lượng qua các thời điểm

*b. Các dạng:*

- Biểu đồ kết hợp giữa cột và đư­ờng (một đ­ường một cột hoặc một đ­ường hai cột)

- Biểu đồ kết hợp giữa cột và tròn.

*c. Cách vẽ:*

*- Biểu đồ cột đ­ường:*

+ B­ước 1: Kẻ khung hệ toạ độ, hai trục tung với 2 trục đơn vị khác nhau, trục hoành biểu thị thời gian

+ Bước 2: *Vẽ từng cột lần l­ượt theo thứ tự bảng số liệu.*

+ B­ước 3: *Vẽ đư­ờng biểu diễn, các điểm để nối đ­ường biểu diễn đặt ở giữa cột* ( nếu biểu đồ chỉ có một cột) đặt ở giữa hai cột (nếu biểu đồ có hai cột)

+ B­ước 4: Ghi các số liệu vào biểu đồ đã vẽ. Có kí hiệu để phân biệt, có tên biểu đồ, bảng chú giải.

+ B­ước 5: Hoàn chỉnh nhận xét, phân tích ( nếu có)

*d. Bài tập áp dụng:*

**Bài tập 11**

***Cho BSL sau*: *Tình hình phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1990 – 2005***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Khách du lịch (nghìn l­ượt) | Doanh thu ( tỉ đồng) |
| 1990 | 1.250 | 65 |
| 1995 | 6.858 | 8.000 |
| 2000 | 13.430 | 17.400 |
| 2005 | 19.577 | 30.000 |

1.Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tình hình phát triển du lịch giai đoạn 1990 - 2005?

2. Nhận xét và giải thích nguyên nhân?

***1. Vẽ biểu đồ:***

****

***2. Nhận xét và giải thích nguyên nhân:***

*\* Nhận xét:*

- Lượng khách du lịch và doanh thu du lịch ở nước ta tăng nhanh trong thời gian 1990 – 2005.

+ Khách du lịch tăng: 15,6 lần

+ Doanh thu du lịch tăng 461,5 lần

*\* Giải thích:*

- Du lịch phát triển mạnh đặc biệt từ năm 1990 nhờ chính sách đổi mới mở của nhà nước.

- Nước ta có tiềm năng du lịch to lớn và đang được khai thác.

- Nhu cầu du lịch tăng mạnh do mức sống ngày càng cao.

**Bài tập 12**

1. Vẽ biểu đồ về tình hình sản xuất mía đường và nhập khẩu mía đường của nước ta dựa vào bảng số liệu sau?

2. Nhận xét và giải thích xu hư­ớng biến đổi của sản xuất mía đ­ường của n­ước ta trong thời gian 1990- 1995?

***Diện tích gieo trồng mía, sản xuất đ­ường mật và nhập khẩu đ­ường của Việt Nam qua các năm.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích gieo trồng mía (nghìn ha) | Sản xuất đường mật (nghìn tấn) | Nhập khẩu đường (nghìn tấn) |
| 1990 | 130,6 | 324 | 23,8 |
| 1991 | 143,7 | 372 | 15,9 |
| 1992 | 146,5 | 365 | 11,3 |
| 1993 | 143 | 369 | 44,3 |
| 1994 | 164,8 | 364,1 | 124,4 |
| 1995 | 224,8 | 517,2 | 145,5 |

**Các bước tiến hành:**

Bước 1: Chọn dạng biểu đồ thích hợp: biểu đồ cột kết hợp đường.

Bước 2: Xử lý số liệu (biểu đồ đường và cột thường có mối quan hệ nhất định với nhau, vì vậy số liệu thường không cần sử lí)

Bước 3:

- Do phải biểu hiện các đối tượng có đơn vị khác nhau nên ta dùng hai trục đứng để thể hiện các đơn vị.( diện tích với sản xuất và nhập khẩu...)

- Kẻ hệ trục toạ độ vuông góc gồm : hai trục đứng năm ở hai bên biểu đồ, trục hoành thể hiện thời gian (năm).

- Xác định tỉ lệ thích hợp ở cả 2 trục sao cho phù hợp như : Tỉ lệ nghìn tấn và nghìn ha ; độ rộng của cột và khoảng cách giữa các năm.



***b. Nhận xét và giải thích:***

- Diện tích gieo trồng mía tăng nhanh trong thập kỉ 90, đặc biệt trong 2 năm 1994 –1995. (dẫn chứng…)

- Trong khi sản xuất đ­ường mật tăng thì việc nhập khẩu đ­ường cũng tăng (dẫn chứng…)

Giải thích:

- N­ước ta có nhiều điều kiện để phát triển sản xuất mía đ­ường (tự nhiên, lao động)

- Tr­ước đây trồng mía chủ yếu trên đất bãi, ở đồng bằng. Trong những năm gần đây phát triển trồng trên đồi, đất xám phù sa cổ.

- Nhu cầu ngày càng tăng, có thể thấy sản xuất chư­a đáp ứng đ­ược nhu cầu nên sản xuất trong n­ước tăng, đồng thời nhập khẩu đ­ường cũng tăng.

**3. Củng cố:**

- Có mấy dạng biểu đồ ?

- Nêu các bước cơ bản khi vẽ các dạng biểu đồ ?

**4. Hướng dẫn học ở nhà:**

- GV giao bài tập về nhà cho hs (bằng phiếu học tập)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CHỦ ĐỀ 6**

**địa lí dân cư VIỆT NAM**

**(9 tiết)**

**A - KIEÁN THÖÙC CÔ BAÛN :**

I **- Coäng ñoàng caùc daân toäc Vieät Nam:**

***1- Caùc daân toäc ôû Vieät Nam***:

- Caùc thaønh töïu khaûo coå hoïc ñaõ khaúng ñònh Vieät Nam laø moät trong nhöõng nôi loaøi ngöôøi xuaát hieän raát sôùm. Quaù trình hình thaønh sôùm vaø phaùt trieån nhanh caùc coäng ñoàng daân toäc Vieät Nam khoâng taùch rôøi hoàn caûnh ñòa lyù chung cuûa khu vöïc vaø tieán trình cuûa lòch söû theá giôùi.

- ÔÛ vò trí trung taâm ÑNA nöôùc ta coù ñaëc ñieåm chung cuûa caùc nöôùc phöông Ñoâng vaø ñaëc ñieåm rieâng cuûa caùc nöôùc ÑNA veà nhieàu maët vaên hoaù, daân toäc, kinh teá.

-Vôùi vò trí ngaõ ba ñöôøng, Vieät Nam trôû thaønh nôi giao thoa, tieáp xuùc giöõa nhieàu daân toäc cuøng vôùi caùc luoàn vaên hoaù khaùc nhau treân luïc ñòa vaø treân hai ñaûo. Song ñaõ trôû thaønh moät coäng ñoàng thoáng nhaát treân cô sôû moät neàn vaên hoaù mang ñaäm tính chaát chung, nhöng laïi ña daïng veà hình thöùc theå hieän beân ngoaøi.

-Theo baûn danh muïc caùc thaønh phaàn daân toäc Vieät Nam do Toång cuïc thoáng keâ coâng boá ngaøy 02/3/1949 ñaõ xaùc ñònh ñöôïc nöôùc ta coù 54 thaønh phaàn daân toäc khaùc nhau ñang sinh soáng. Ñaïi ña soá caùc daân toäc coù nguoàn goác baûn ñòa, coù quaù trình hình thaønh vaø phaùt trieån cuøng vôùi lòch söû döïng nöôùc vaø giöõ nöôùc, cuøng soáng chung döôùi maùi nhaø cuûa nöôùc Vieät Nam thoáng nhaát. Moåi moät daân toäc coù moät neùt vaên hoaù rieâng theå hieän trong ngoân ngöõ, trang phuïc, quaàn cö, phong tuïc, taäp quaùn…laøm cho neàn vaên hoaù Vieät Nam theâm phong phuù giaøu baûn saéc.

+ Trong coäng ñoàng caùc daân toäc Vieät Nam daân toäc Vieät (Kinh) coù soá daân ñoâng nhaát, chieám khoaûng 86% daân soá caû nöôùc, laø löïc löôïng lao ñoäng ñoâng ñaûo trong caùc ngaønh noâng nghieäp , coâng nghieäp, dòch vuï, KHKT … coù nhieàu kinh ngieäm trong thaâm canh luùa nöôùc, coù caùc ngheà thuû coâng ñaït möùc ñoä tinh xaûo .

+ Caùc daân toäc ít ngöôøi coù soá daân vaø trình ñoä phaùt trieån kinh teá khaùc nhau moãi daân toäc coù kinh nghieäm rieâng trong moät soá lónh vöïc nhö troàng caây coâng nghieäp, caây aên quaû vaø tham gia vaøo caùc hoaït ñoäng kinh teá- xaõ hoäi

+ Ngöôøi Vieät ñònh cö ôû nöôùc ngoaøi cuõng laø moät boä phaän cuûa coäng ñoàng caùc daân toäc Vieät Nam

***2- Söï phaân boá caùc daân toäc:***

Trong 54 daân toäc cuûa nöôùc ta hieän nay coù 04 daân toäc (Kinh, Chaêm, Hoa, Khôme) phaân boá chuû yeáu ôû ñoàng baèng, ven bieån vaø trung du. Caùc daân toäc coøn laïi chuû yeáu phaân boá ôû mieàn nuùi.

- Ngöôøi Vieät (Kinh) coù maët haàu heát ôû khaép tænh thaønh trong caû nöôùc, chæ coù 11 tænh coù tyû leä ngöôøi Vieät döôùi 50% daân soá (Cao Baèng, Haø Giang, Tuyeân Quang, Baéc Caïn, Laïng Sôn, Sôn La, Ñieän Bieân, Lai Chaâu, Hoaø Bình, Laøo Cai vaø Kon Tum). Ngöôøi Vieät coù kinh nghieäm thaâm canh luùa nöôùc, laøm caùc ngheà thuû coâng tinh xaûo, coù truyeàn thoáng laøm ngheà soâng, bieån vaø coù khaû naêng tieáp thu nhanh khoa hoïc kyõ thuaät.

- Caùc daân toäc ít ngöôøi chieám 13,8% daân soá, phaân boá chuû yeáu ôû mieàn nuùi vaø trung du. Ñaây laø vuøng thöôïng nguoàn cuûa caùc con soâng, coù tieàm naêng lôùn veà taøi nguyeân thieân nhieân vaø coù vò trí quan troïng veà ANQP.

- Trung du Mieàn nuùi Baéc Boä laø ñòa baøn cö truù ñan xen cuûa treân 30 daân toäc. ÔÛ vuøng thaáp ngöôøi Taøy, Nuøng soáng taäp trung ñoâng ôû taû ngaïn Soâng Hoàng; Ngöôøi Thaùi, Möôøng phaân boá töø taû ngaïn Soâng Hoàng ñeán Soâng Caû. Ngöôøi Dao sinh soáng chuû yeáu ôû caùc söôøn nuùi töø 700 -1000m. Treân caùc vuøng nuùi cao laø ñòa baøn cö truù cuûa ngöôøi Moâng.

- Khu vöïc Tröôøng Sôn – Taây Nguyeân coù treân 20 daân toäc ít ngöôøi. Caùc daân toäc ôû ñaây cö truù thaønh vuøng khaù roõ reät, ngöôøi EÂ-ñeâ ôû Ñaéc Laéc, ngöôøi Gia –rai ôû Kon Tum vaø Gia Lai, ngöôøi Cô-ho chuû yeáu Laâm Ñoàng…

- Caùc tænh cöïc nam Trung Boä vaø Nam Boä coù caùc daân toäc Chaêm, Khô-me cö truù thaønh töøng daûi hoaëc xen keõ vôùi ngöôøi Vieät. Ngöôøi Hoa taäp trung chuû yeáu ôû caùc ñoâ thò, nhaát laø ôû TP. Hoà Chí Minh.

- Hieän nay phaân boá caùc daân toäc ñaõ coù nhieàu thay ñoåi. Moät soá daân toäc ít ngöôøi töø mieàn nuùi phía Baéc ñeán cö truù ôû Taây Nguyeân. Nhôø cuoäc vaän ñoäng ñònh canh, ñònh cö gaén vôùi xoaù ñoùi giaûm ngheøo maø tình traïng du canh, du cö cuûa moät soá daân toäc vuøng cao ñaõ ñöôïc haïn cheá, ñôøi soáng caùc daân toäc ñöôïc naâng leân, moâi tröôøng ñöôïc caûi thieän.

**II- Soá daân vaø gia taêng daân soá:**

1***- Soá daân***: Vieät Nam laø quoác gia ñoâng daân ( 80.9 trieäu ngöôøi – 2003 ), ñöùng thöù 3 ôû Ñoâng Nam AÙ , thöù 8 ôû Chaâu AÙ vaø thöù 14 treân theá giôùi.

->Daân soá laø nguoàn löïc quan troïng ñeå phaùt trieån kinh teá. Vôùi daân soá ñoâng, nöôùc ta coù nguoàn lao ñoäng doài daøo. Ñoàng thôøi ñaây coøn laø thò tröôøng tieâu thuï roäng lôùn. Tuy nhieân, trong ñieàu kieän cuûa nöôùc ta hieän nay, daân soá ñoâng laø moät trôû ngaïi lôùn cho vieäc phaùt trieån kinh teá, giaûi quyeát vieäc laøm, naâng cao ñôøi soáng vaät chaát vaø tinh thaàn cho nhaân daân.

2***- Gia taêng daân soá***:

- Con ngöôøi ñaõ xuaát hieän treân laõnh thoå nöôùc ta töø raát laâu. Soá daân vaøo thôøi kì ñoù taêng leân raát chaäm do tæ suaát sinh vaø tæ suaát töû ñeàu ôû möùc cao. Theo öôùc tính soá daân vaøo thôøi kì ñaàu döïng nöôùc, soá daân coù khoaûng 1 trieäu ngöôøi. Töø giöõa theá kæ XVIII ñeán heát theá kæ XIX, daân soá nöôùc ta taêng nhanh hôn. Ñeán ñaàu theá kæ XX ñaân soá nöôùc ta tieáp tuïc taêng, vaøo naêm 1921 DS laø 15.6 trieäu ngöôøi, naêm 1943 laø 22.1 trieäu ngöôøi. Ñeán naêm 1945 do naïn ñoùi AÁt Daäu, daân soá tuïc xuoáng coøn 20 trieäu. Töø ñoù ñeán nay, daân soá nöôùc ta taêng leân nhanh choùng. Cho ñeán heát naêm 2003 daân soá VN ñaït 80.9 trieäu ngöôøi.

- Nhö vaäy toác ñoä gia taêng daân soá khoâng gioáùng nhau giöõa caùc thôøi kì. Trong suoát theá kæ XIX, tæ suaát taêng bìng quaân haøng naêm ñaït 0.4%. Vaøo ñaàu theá kæ XX, tæ suaát taêng bình quaân ñaït 1.3% ñaëc bieät ôû thôøi kì 1943-1951 soá daân giaûm nhöng töø nhöõng naêm 50 trôû laïi ñaây, nöôùc ta baét ñaàu coù hieän töôïng “ buøng noå daân soá” vaø chaám döùt vaøo trong nhöõng naêm cuoái theá kæ XX. Daân soá taêng nhanh laøm aûnh höôûng lôùn ñeán ñôøi soáng kinh teá, xaõ hoäi vaø baûo veä taøi nguyeân, moâi tröôøng.

- Nhôø thöïc hieän toát chính saùch daân soá vaø keá hoaïch hoaù gia ñình neân tæ leä gia taêng töï nhieân cuûa daân soá coù xu höôùng giaûm daàn, tuy nhieân moãi naêm daân soá nöôùc ta vaãn taêng leân khoaûng moät trieäu ngöôøi.

- Tæ leä gia taêng töï nhieân cuûa daân soá coøn coù söï khaùc nhau giöõa mieàn nuùi vôùi ñoàng baèng vaø giöõa thaønh thò vôùi noâng thoân

**3- *Cô caáu daân soá***:

***- Theo ñoä tuoåi:***

Cô caáu daân soá theo nhoùm tuoåi ñuôïc bieûu hieän baèng thaùp daân soá

+ Qua hình daùng thaùp daân soá 1989-1999 cho ta thaáy VN vaãn laø moät nöôùc coù cô caáu daân soá treû vaø ñang coù söï thay ñoåi( ñaùy roäng caøng leân cao caøng heïp nhanh chöùng toû treû em nhieàu ngöôøi giaø ít, tuoåi thoï trung bình khoâng cao).

+ Cô caáu caùc nhoùm tuoåi ñöôïc ôû VN ñang coù söï thay ñoåi:

0->14 ñang giaûm

Nhoùm tuoåi 15-> 59 vaø nhoùm treân 60 tuoåi coù chieàu höôùng gia taêng.

***- Giôùi tính:***

Ôû VN tæ leä nöõ luoân cao hôn tæ leä nam vaø ñang thay ñoåi theo khoâng gian vaø thôøi gian(töø naêm 1979-1999 tæ leä nöõ giaûm daàn)

Tæ soá giôùi tính ôû caùc ñòa phöông coøn coù söï khaùc nhau vaø chòu aûnh höôûng cuûa hieän töôïng chuyeån cö.

**CAÂU HOÛI VAØ BAØI TAÄP**

1/Theo em hieän nay söï thay ñoåi caùc daân toäc theo höôùng naøo?

->Töø ñoàng baèng leân mieàn nuùi vaø töø mieàn Baéc vaøo Taây Nguyeân.

2/Em haõy tìm hieåu vaø cho bieát caùc neùt vaên hoaù ñaëc saéc sau ñaây phuø hôïp vôùi daân toäc naøo:

-Haùt löôïn, haùt then Taøy

-Muùa xoeø, muùa quaït Thaùi

-Coàng chieâng, ñaøn Tô nöng Gia rai, Ba na

-Haùt si, Giao duyeân Nuøng

-Kheøn, ñaøn moâi Moâng

-Leå hoäi Choânchô nam Thômaây Khô-me

-Leå hoäi Mbaêng Ka teâ Chaêm

**3**- Cho baûng soá lieäu sau ñaây veà daân soá Vieät Nam trong thôøi kì 1954 – 2003 ( ñôn vò : trieäu ngöôøi)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1954 | 1960 | 1965 | 1970 | 1976 | 1979 | 1989 | 1999 | 2003 |
| Soá daân | 23,8 | 32,0 | 34.9 | 41,1 | 49,2 | 52,7 | 64,4 | 76,3 | 80,9 |

a) Veõ bieåu ñoà theå hieän tình hình taêng daân soá nöôùc ta qua caùc naêm.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích taïi sao tæ leä gia taêng töï nhieân cuûa daân soá nöôùc ta ñaõ giaûm nhöng daân soá vaãn taêng?

c) Neâu haäu quaû cuûa vieäc taêng daân soá nhanh cuûa nöôùc ta , yù nghóa cuûa söï giaûm tæ leä taêng daân soá töï nhieân vaø thay ñoåi cô caáu daân soá .

# Höôùng daãn traû lôùi

a***) Veõ bieåu ñoà coät*** ( Chuù yù khoaûng caùch giöõa caùc naêm )

***b) – Nhaän xeùt:***

+ Daân soá nöôùc ta taêng nhanh, lieân tuïc qua caùc naêm

+ Töø 1954 ñeán 2003 trong voøng 49 naêm taêng theâm 57,1 trieäu ngöôøi gaàn gaáp 2,5 laàn , ñaëc bieät töù 1960 ñeán 1979 naûy sinh söï buøng noå daân soá ôû nöôùc ta.

- Giaûi thích : tæ leä gia taêng daân soá cuûa nöôùc ta ñaõ giaûm nhöng daân soá vaãn taêng nhanh do qui moâ daân soá lôùn , tæ leä ngöôøi ôû ñoä tuoåi sinh ñeû cao ,tæ leä töû ôû möùc oån ñònh thaáp .

4/Cho baûng soáp lieäu sau ñaây veà DS VN trong thôøi kì töø 1901-2002 (ñôn vò trieäu ngöôøi)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1901 | 1921 | 1936 | 1956 | 1960 | 1970 | 1979 | 1989 | 1999 | 2002 |
| Soá daân | 13.0 | 15.5 | 18.8 | 27.5 | 30.2 | 41.0 | 52.7 | 64.8 | 76.6 | 79.7 |

a/Veõ bieåu ñoà theå hieän tình hình gia taêng DS nöôùc ta.

b/Nhaän xeùt vaø giaûi thích taïi sao tæ leä GTDSTN cuûa nöôùc ta ñaõ giaûm nhönh DS vaãn taêng nhanh.

c/Haäu quaû cuûa vieäc taêng DS quaù nhanh? YÙ nghóa cuûa vieäc giaûm TLGTDS vaø thay ñoåi cô caáu DS?

***Höôùng daån traø lôøi***

***a/Veõ bieåu ñoà***

HS veõ bieåu ñoà coät doïc (coù theå laáy 10 tr töông öùng vôùi 1cm)

***b/Nhaän xeùt vaø giaûi thích***

-Töø naêm 1901 ñeán naêm 1956 trong voøng 55 naêm DS nöôùc ta taêng 14.5 tr ngöôøi. Töø naêm 1960 ñeán 1979 trong voøng 19 naêm DS nöôùc ta taêng raát nhanh. Töø naêm 1989 ñeán 2002 trong voøng 13 naêm DS nöôùc ta taêng theâm 15.1 tr ngöôøi

-Tæ leä GTDS nöôùc ta ñaõ giaûm nhöng DS nöôùc ta vaãn taêng nhanh laø do quy moâ DS ngaøy caøng lôùn.

***c/ \*Haäu quaû:***

- Chaát löôïng cuoäc soáng:

+ GDP bình quaân ñaàu ngöôøi thaáp

+ Vieäc cung caáp löông thöïc, phaùt trieån y teá giaùo duïc, vaên hoaù gaëp nhieàu khoù khaên.

- Taøi nguyeân moâi tröôøng:

+Taøi nguyeân caïn kieät, moâi tröôøng oâ nhieãm

+Khoâng gian cö truù chaät heïp

- Phaùt trieån KT:

+Toác ñoä taêng tröôûng KT vaø toång thu nhaäp quoác daân thaáp

+V/ñ giaûi quyeát vieäc laøm gaëp raát nhieàu khoù khaên

- An ninh chính trò traät töï XH khoâng ñaûm baûo

***\* YÙ nghóa:*** Nhaèm tieán ñeán quy moâ DS oån ñònh ñeå coù ñieàu kieän naâng cao CLCS, môû roäng SX vaø phaùt trieån KT, oån ñònh XH vaø baûo veä moâi tröôøng.

5/Cho baûng soá lieäu veà TSS vaø TST ôû nöôùc ta thôøi kì 1960-2001 (ñôn vò %*0*)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1960 | 1965 | 1970 | 1976 | 1979 | 1985 | 1989 | 1993 | 1999 | 2001 |
| TSS | 46.0 | 37.8 | 34.6 | 39.5 | 32.2 | 28.4 | 31.3 | 28.5 | 23.6 | 19.9 |
| TST | 12.0 | 6.7 | 6.6 | 7.5 | 7.2 | 6.9 | 8.4 | 6.7 | 7.3 | 5.6 |

a/Veõ bieåu ñoà thích hôïp theå hieän TSS vaø TST vaø TSGTDS nöôùc ta?

b/Neâu nhaän xeùt

c/Tính TST taêng TN cuûa töøng naêm(ñôn vò %)

***Höôùng daån traû lôøi***

a/Hs veõ hai ñöôøng (moät ñöôøng theå hieän TSS vaø moät ñöôøng theå hieän TST)

Khoaûng caùch giöõa (TSS vaø TST) laø tæ suaát GTDS

b/Tính TSGTDS ta laáy (TSS-TST) : 10

***c/Nhaän xeùt***

Nhòp ñieäu taêng DS ôû nöôùc ta khoâng ñeàu coù theå phaân thaønh 3 giai ñoaïn nhö sau:

-Töø 1960-1976: GTTN ôû möùc cao trung bình vöôït quaù 3%

-Töø 1979-1999: GTDS TN ñaõ giaûm nhöng DS vaãn coøn cao trung bình vöôït quaù 2%

-Töø 1999-2001: TL GTDS TN ñaõ giaûm maïnh, naêm 2001 chæ coøn 1.43%

6/Cho baûng soá lieäu sau: Cô caáu DS theo ñoä tuoåi ôû nöôùc ta(ñôn vò %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Naêm** | **Soá daân (trieäu ngöôøi)** | **Tæ leä daân soá phaâ theo nhoùm tuoåi (%)** | | |
| 0->14 tuoåi | 15->59 tuoåi | Töø 60 trôû leân |
| 1979 | 52.4 | 42.5 | 50.4 | 7.1 |
| 1989 | 64.4 | 39.0 | 53.8 | 7.2 |
| 1999 | 76.6 | 33.1 | 59.3 | 7.6 |

a/Veõ bieåu ñoà theå hieän cô caáu nhoùm tuoåi cuûa DS nöôùc ta?

b/Haõy neâu nhaän xeùt söï thay ñoåi DS vaø cô caáu DS phaân theo nhoùm tuoåi trong thôøi kì 1979-1999

c/Giaûi thích nguyeân nhaân cuûa söï thay ñoåi ñoù?

d/Neâu nhöõng thuaän lôïi vaø khoù khaên ? Bieän phaùp khaéc phuïc?

***Höôùng daån traû lôøi***

***a/Veõ bieåu ñoà:*** Hình troøn (ba bieåu ñoà hìmh troøn coù kích thöôùc khoâng baèng nhau)

***b/Nhaän xeùt:***

-Söï thay ñoåi cô caáu theo nhoùm tuoåi:

+Tæ troïng nhoùm tuoåi 0 -> 14 tuoåi giaûm nhanh(9.4%)

+Tæ troïng nhoùm tuoåi 15 -> 59 tuoåi taêng nhanh (8.9%)

+Tæ troïng nhoùm tuoåi 60 trôû leân taêng nhöng chaäm(taêng 0.5%)

->Cô caáu DS theo nhoùm tuoåi cuûa nöôùc ta coù söï thay ñoåi theo xu höôùng: chuyeån daàn töø keát caáu DS treû sang keát caáu DS giaø

-Söï thay ñoåi quy moâ DS lôùn:

Quy moâ DS ngaøy caøng lôùn, trung bình moåi naêm coù theâm hôn 1 trieäu ngöôøi

+Töø 1979- 1989 taêng theâm 11.7 trieäu ngöôøi

+Töø 1989- 1999 taêng theâm 11.9 trieäu ngöôøi

***c/Giaûi thích:***

-Do keát quaû cuûa vieäc thöïc hieän CSDS vaø KHHGÑ neân tæ suaát sinh cuûa nöôùc ta ñaõ giaûm daàn

-Chaát löôïng cuoäc soáng cuûa daân cö ñöôïc caûi thieän neân tuoåi thoï trung bình cuûa daân cö taêng

-Quy moâ DS ngaøy caøng lôùn, tæ suaát sinh tuy ñaõ giaûm nhöng DS taêng haøng naêm vaãn coøn nhieàu, do soá ngöôøi trong ñoä tuoåi sinh ñeû ngaøy caøng lôùn

***d/Thuaän lôïi vaø khoù khaên:***

-Thuaän lôïi: +Cung caáp nguoàn lao ñoäng vaø döï tröõ lao ñoäng lôùn

+Taïo ra moät thò tröôøng tieâu thuï roäng lôùn

-Khoù khaên: + Gaây söùc eùp lôùn ñeán vaán ñeà giaûi quyeát vieäc laøm

+Taøi nguyeân caïn kieät, moâi tröôøng oâ nhieãm, nhu caàu giaùo duïc, y teá,nhaø ôû cuõng raát caêng thaúng.

-Bieän phaùp khaéc phuïc:

+Coù keá hoaïch giaùo duïc ñaøo taïo hôïp lyù, ñaåy maïnh coâng taùc höôùng nghieäp daïy ngheà.

+Phaân boá laïi löïc löôïng lao ñoäng theo ngaønh vaø theo laõnh thoå.

Chuyeån ñoåi cô caáu KT theo höôùng CNH hieän ñaïi

7/Cho baûng soá lieäu sau ñaây: Tình hình phaùt trieån daân soá cuûa nöôùc ta giai ñoaïn 1995-2005

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | Toång soá daân  (triệu ngöôøi) | Soá daân thaønh thò  (triệu ngöôøi) | Tæ suaát taêng DSTN (%) |
| 1995 | 71.9 | 14.9 | 1.65 |
| 1998 | 75.4 | 17.4 | 1.55 |
| 2000 | 77.6 | 18.7 | 1.36 |
| 2003 | 80.9 | 20.8 | 1.47 |
| 2005 | 83.1 | 22.4 | 1.30 |

Haõy neâu nhaän xeùt vaø giaûi thích tình hình phaùt trieån daân soá cuûa nöôùc ta trong giai ñoaïn 1995-2005

***Höôùng daãn traû lôøi***

***\*Nhaän xeùt***

-DS nöôùc ta taêng nhanh, trong giai ñoaïn 1995-2005 taêng theâm 11.2 trieäu ngöôøi, bình quaân moåi naêm taêng theâm hôn 1.1 trieäu ngöôøi

-Soá daân ñoä thò cuõng taêng maïnh töø 14.9 trieäu ngöôøi leân 22.4 trieäu ngöôøi, taêng theâm 7.5 trieäu ngöôøi. Tæ leä daân thaønh thò tuy chöa cao nhöng ngaøy caøng taêng(1995laø 20.7% ñeán 2005 laø 26.9%)

-Tæ suaát taêng DS TN tuy coù bieán ñoäng nhöng xu höôùng chung laø giaûm daàn

***\*Giaûi thích:***

-Do DS lôùn, tæ suaát taêng DS TN tuy coù giaûm nhöng DS vaãn coøn taêng nhanh.

-Do ñaåy maïnh CNH neân quaù trình ñoä thò hoaù dieãn ra nhanh hôn, laøm cho soá daân thaønh thò taêng(caû veà soá löôïng laãn tæ troïng)

-Tæ suaát taêng DS giaûm do thöïc hieän coù keát quaû coâng taùc DS-KHHGÑ.

**III - Phaân boá daân cö vaø caùc loaïi hình quaàn cö:**

***1- Maät ñoä daân soá vaø phaân boá daân cö:***

- Vieät Nam coù maät ñoä daân soá thuoäc loaïi cao treân theá giôùi, 246 ngöôøi/ km2(2003) gaáp 5 laàn so vôùi maät ñoä daân soá theá giôùi vaø ngaøy caøng taêng.

- Söï phaân boá daân cö khoâng ñeàu giöõa caùc vuøng, giöõa thaønh thò vaø noâng thoân

+ Daân cö taäp trung ñoâng ñuùc ôû ñoàng baèng, ven bieån vaø caùc ñoâ thò.

Naêm 2003 MDDS ôû ÑBSH laø1192 ngöôøi/km2, TP Hoà Chí Minh laø 2664 ngöôøi/km2, Haø Noäi laø2830 ngöôøi/km2

+ Mieàn nuùi vaø cao nguyeân coù daân cö thöa thôùt.

+Phaàn lôùn daân cö soáng ôû noâng thoân (Naêm 2003 khoaûng 74% daân soá sinh soáng ôû noâng thoân)

+Tyû leä daân thaønh thò cuûa nöôùc ta coøn thaáp nhöng ñang gia taêng khaù nhanh

Daân cö phaân boá khoâng ñeàu coù aûnh höôûng raát lôùn ñeán söï phaùt trieån kinh teá , xaõ hoäi vaø quoác phoøng:

+ Dieän tích ñaát canh taùc bình quaân theo ñaàu ngöôøi ôû caùc vuøng ñoàng baèng ngaøy caøng giaûm gaây khoù khaên cho vieäc naâng cao saûn löôïng löông thöïc thöïc phaåm .

+ ÔÛ mieàn nuùi vaø cao nguyeân thieáu nhaân löïc ñeå khai thaùc taøi nguyeân .

+ Aûnh höôùng ñeán caùc vuøng an ninh bieân giôùi vì phaàn lôùn ñöôøng bieân giôùi ñaát lieàn ôû nöôùc ta thuoäc caùc tænh mieàn nuùi vaø cao nguyeân.

-Sôû dó coù tình traïng phaân boá nhö treân laø do:

+ Vieät Nam laø nöôùc coù neàn kinh teá noâng nghieäp vôùi lòch söû laâu daøi veà ngheà troàng luùa nöôùc , do ñoù ñoàng baèng laø nôi coù ñuû ñieàu kieän thuaän lôïi ñeå troàng luùa ( ñaát phuø sa maøu môõ, nöôùc töoùi phong phuù, khí haäu thuaän lôïi…)

Maët khaùc ñoàng baèng coù ñòa hình baèng phaúng, giao thoâng ñi laïi deã daøng, ñieàu kieän saûn xuaát , sinh hoaït thuaän lôïi hôn mieàn nuùi vaø cao nguyeân.

+ Mieàn nuùi vaø cao nguyeân maët duø ñaát roäng, taøi nguyeân phong phuù nhöng thieân nhieân coøn laém traéc trôû, giao thoâng ñi laïi khoù khaên, ñieàu kieän sinh hoaït coøn thieáu thoán do ñoù daân cö ít.

-Giaûi phaùp khaéc phuïc: Phaân boá laïi daân cö lao ñoäng giöõa caùc vuøng cho hôïp lí baèng caùch:

+ Chuyeån moät boä phaän daân cö lao ñoäng töø ñoàng baèng leân mieàn nuùi , cao nguyeân nhaát laø nhöõng ngöôøi chöa coù vieäc laøm ñeå xaây döïng vuøng kinh teá môùi.

+ Mieàn nuùi vaø cao nguyeân phaûi taêng cöôøng khaûo saùt qui hoaïch treân cô sôû ñaàu tö xaây döïng caùc cô sôû coâng nghieäp, noâng nghieäp theo höôùng chuyeân moân hoaù.

+ Phaùt trieån, môû roäng maïng löôùi giao thoâng, giaùo duïc, y teá, vaên hoaù mieàn nuùi, xaây döïng cô sôû haï taàng vaø phaùt trieån caùc ngaønh coâng nghieäp cheá bieán caùc saûn phaåm ñöôïc saûn xuaát ôû mieàn nuùi nhaèm thu huùt daân cö, lao ñoäng.

+ Giaûm söï gia taêng daân soá baèng keá hoaïch hoaù gia ñình.

***2- Caùc loaïi hình quaàn cö:***

- Quaàn cö noâng thoân chieám 74% daân soá taäp trung thaønh töøng ñieåm daân cö coù qui moâ vaø teân goïi khaùc nhau. Hoaït ñoäng kinh teá chuû yeáu laø saûn xuaát noâng nghieäp . Hieän nay dieän maïo laøng queâ ñang coù söï thay ñoåi , tæ leä ngöôøi khoâng laøm noâng nghieäp ngaøy caøng taêng.

- Quaàn cö ñoâ thò chieám khoaûng 26% daân soá , maät ñoä daân soá raát cao. Hoaït ñoäng kinh teá chuû yeáu laø coâng nghieäp, tieåu thuû coâng nghieäp, dòch vuï, khoa hoïc kó thuaät …

***3 - Ñoâ thò hoaù:***

- Quaù trình ñoâ thò hoaù ôû VN dieãn ra raát chaäm chaïp, trình ñoä ñoâ thò hoaù thaáp, tyû leä daân soá ñoâ thò dao ñoäng treân döôùi 20% daân soá toaøn quoác.

-Moái quan heä giöõa noâng thoân vaø thaønh thò mang tính chaát xen caøi caû trong khoâng gian ñoâ thò, caû veà loái soáng sinh hoaït vaên hoaù, phong tuïc taäp quaùn vaø moái quan heä kinh teá.

-Veà cô baûn, Vieät Nam vaãn laø moät nöôùc noâng nghieäp, vôùi treân 60% daân soá noâng nghieäp. Caùc ñoâ thò ra ñôøi vaø phaùt trieån treân cô sôû cuûa saûn xuaát noâng nghieäp, tieåu thuû coâng nghieäp, thöông nghieäp, dòch vu,ï haønh chính. Raát ít ñoâ thò phaùt trieån maïnh meõ döïa vaøo saûn xuaát coâng nghieäp. Taùc phong vaø loái soáng noâng nghieäp vaãn coøn phoå bieán trong daân cö ñoâ thò, nhaát laø ôû caùc ñoâ thò vöøa vaø nhoû.

-Caùc ñoâ thò vöøa vaø nhoû ñöôïc hình thaønh chuû yeáu bôûi chöùc naêng haønh chính, vaên hoaù hôn laø chöùc naêng kinh teá. Vì theá khi khoâng coøn ñoùng vai troø trung taâm cuûa tænh hoaëc huyeän thì ñoâ thò bò xuoáng caáp nhanh choùng vaø ít ñöôïc söï chuù yù ñaàu tö.

-Cô sôû haï taàng kyõ thuaät kinh teá, xaõ hoäi vaø moâi tröôøng cuûa caùc ñoâ thò coøn yeáu keùm nhaát laø ôû Mieàn Baéc vaø Mieàn Trung. Ñieàu ñoù ñaõ laøm cho caùc ñoâ thò naøy luoân chòu aùp löïc cuûa vieäc gia taêng daân soá, ñoàng thôøi laïi chòu söùc eùp cuûa caû neàn kinh teá keùm phaùt trieån.

-Ñoâ thò Vieät Nam coù qui moâ haïn cheá phaân boá phaân taùn, taûn maïn ña phaàn laø ñoâ thò nhoû, nöûa ñoâ thò, nöûa noâng thoân. Söï raûi ñeàu cuûa caùc ñoâ thò nhoû laøm haïn cheá khaû naêng ñaàu tö vaø phaùt trieån kinh teá, daãn ñeán vieäc noâng thoân hoaù ñoâ thò, ñoâ thò khoâng ñuû söùc phaùt trieån.

Cuøng vôùi söï bieán ñoåi chung cuûa kinh teá ñaát nöôùc, caùc ñoâ thò Vieät Nam ñaõ coù nhöõng böôùc phaùt trieån roõ reät, nhöng vaãn chöa ñaït ñöôïc yeâu caàu cuûa cuoäc soáng ñoâ thò. Phaùt trieån ñoâ thò vöøa laø moät ñoøi hoûi, vöøa laø moät trong nhöõng yeáu toá cô baûn ñeå thuùc ñaåy söï phaùt trieån kinh teá xaõ hoäi theo höôùng Coâng Nghieäp Hoaù, Hieän Ñaïi Hoaù ñaát nöôùc.

**CAÂU HOÛI VAØ BAØI TAÄP**

1/Trình baøy ñaëc ñieåm phaân boá daân cö ôû nöôùc ta? Giaûi thích taïi sao ÑBSH laø nôi daân cö taäp trung ñoâng ñuùc nhaát caû nöôùc?

***Höôùng daãn traû lôøi***

***a/Ñaëc ñieåm phaân boá daân cö:*** nhö phaàn 1 muïc III

***b/ÑBSH laø nôi daân cö ñoâng ñuùc nhaát trong caû nöôùc do:***

-Vò trí ñòa lí, ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân (ñòa hình, ñaát ñai, khí haäu, nguoàn nöôùc…)

-Lòch söû khai phaù vaø ñònh cö laâu ñôøi nhaát nöôùc ta.

-Neàn noâng nghieäp phaùt trieån sôùm vôùi hoaït ñoäng troàng luùa nöôùc laø chuû yeáu, caàn nhieàu lao ñoäng.

-Coù maïng löôùi ñoâï thò khaù daøy ñaëc, taäp trung nhieàu trung taâm coâng nghieäp, dòch vuï.

2/ Cho baûng soá lieäu sau: (1999)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mieàn ñòa hình | Dieän tích ( km2) | Daân soá ( trieäu ngöôøi) |
| Ñoàng baèng | 85 000 | 60 |
| Nuùi vaø cao nguyeân | 240 000 | 16,3 |

a) Veõ bieåu ñoà so saùnh tæ leä dieän tích , daân soá cuûa ñoàng baèng vôùi mieàn nuùi vaø cao nguyeân.

b) Nhaän xeùt.

c) Giaûi thích nguyeân nhaân vaø neâu giaûi phaùp khaéc phuïc.

***Höôùng daãn traû lôùi:***

***a) Xöû lí baûng soá lieäu*** ( tính tæ leä % dieän tích vaø daân soá treân moãi mieàn )

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mieàn ñòa hình | Dieän tích ( %) | Daân soá ( %) |
| Ñoàng baèng | 26,2 | 78,6 |
| Nuùi vaø cao nguyeân | 73,8 | 21,4 |

Veõ hai bieåu ñoà hình troøn baèng nhau coù ñaày ñuû teân bieàu ñoà, chuù giaûi .

***b) Nhaän xeùt:*** Qua bieåu ñoà cho thaáy : dieän tích ñoàng baèng raát nhoû chæ chieám 26,2% nhöng daân soá laïi raát ñoâng chieám 78,6% , trong khi ñoù dieän tích mieàn nuùi vaø cao nguyeân lôùn chieám 73,8% nhöng daân soá laïi raát ít chæ chieám 21,4% . Qua ñoù thaáy ñöôïc söï phaân boá daân cö ôû nöôùc ta khoâng ñoàng ñeàu giöõa ñoàng baèng vôùi mieàn nuùi vaø cao nguyeân,

***c) Giaûi thích nguyeân nhaân vaø neâu giaûi phaùp khaéc phuïc*** ( ôû phaàn kieán thöùc cô baûn baøi 4 )

3/Cho baûng soá lieäu sau

Tæ leä daân soá ñoä thò VN thôøi kì 1975- 2003

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1975 | 1979 | 1985 | 1989 | 1995 | 1999 | 2003 |
| Tæ leä DS ñoä thò (%) | 21.5 | 19.2 | 19.0 | 20.1 | 20.0 | 23.5 | 25.4 |

a/Veõ bieåu ñoà theå hieän tæ leä daân soá ñoâ thò VN thôøi kì 1975- 2003

b/Nhaän xeùt vaø giaûi thích veà quaù trình ñoâ thò hoaù ôû nöôùc ta?

***Höôùng daãn traû lôøi***

***a/Veõ bieåu ñoà***: HS veõ bieåu ñoà coät doïc

***b/Nhaän xeùt vaø giaûi thích:***  
-Quaù trình ñoâ thò hoaù ôû nöôùc ta dieãn ra chaäm vaø khoâng oån ñònh, tæ leä daân ñoâ thò coøn thaáp, phaûn aùnh trình ñoä CNH cuûa nöôùc ta coøn thaáp.

-Tæ leä daân thaønh thò raát cheânh leäch giöõa caùc vuøng, cho thaáy quaù trình CNH, ñoâ thò hoaù ôû nöôùc ta dieãn ra khoâng ñeàu giöõa caùc vuøng.

+Caùc vuøng ñoàng baèng vaø ven bieån (Ñoâng Nam Boä, DH NTB, ÑBSH…) coù tæ leä daân ñoâ thò khaù cao, do caùc ñoâ thò hoaù taäp trung chuû yeáu ôû ñoàng baèng vaø ven bieån.

+Tæ leä daân ñoâ thò ôû trung du vaø mieàn nuùi coøn thaáp, do ña soá caùc ñoâ thò laø ñoâ thò nhoû môùi ñöôïc hình thaønh trong quaù trình ñaåy maïnh CNH.

**4- Lao ñoäng vaø vieäc laøm. Chaát löôïng cuoäc soáng.**

***a- Nguoàn lao ñoäng vaø söû duïng nguoàn lao ñoäng:***

- Nguoàn lao ñoäng:

+ Nguoàn lao ñoäng bao goàm nhöõng ngöôøi trong ñoä tuoåi lao ñoäng, coù khaû naêng lao ñoäng, coù nghóa vuï lao ñoäng vaø nhöõng ngöôøi ngoaøi ñoä tuoåi lao ñoäng nhöng vaãn tham gia lao ñoäng.

+ Nöôùc ta coù nguoàn lao ñoäng raát doài daøo vaø taêng nhanh, ñoù laø ñieàu kieän ñeå phaùt trieån kinh teá.

+ Lao ñoäng Vieät Nam phaàn lôùn taäp trung ôû noâng thoân treân 75,8% naêm 2003

+ Trình ñoä vaên hoaù cuûa lao ñoäng nöôùc ta coøn thaáp, löïc löôïng lao ñoäng coù chuyeân moân kó thuaät coøn moûng, coøn haïn cheá veà theå löïc vaø chaát löôïng ( 78,8% chöa qua ñaøo taïo )

- Giaûi phaùp ñeå naâng cao chaát löôïng lao ñoäng hieän nay laø phaûi coù keá hoaïch giaùo duïc ñaøo taïo hôïp lí vaø coù chieán löôïc ñaàu tö môû roäng ñaøo taïo daïy ngheà.

- Söû duïng lao ñoäng: Cô caáu söû duïng lao ñoäng ôû nöôùc ta trong caùc ngaønh kinh teá ñang thay ñoåi theo höôùng ñoåi môùi cuûa neàn kinh teá xaõ hoäi : lao ñoäng trong khu vöïc noâng, laâm, ngö nghieäp giaûm lao ñoäng trong coâng nghieäp dòch vuï ngaøy caøng taêng, tuy nhieân lao ñoäng trong khu vöïc noâng, laâm ngö nghieäp vaãn coøn cao.

***b- Vaán ñeà vieäc laøm:***

- Hieän nay vaán ñeà vieäc laøm laø vaán ñeà gay gaét ôû nöôùc ta vì löïc löôïng lao ñoäng ôû nöôùc ta doài daøo nhöng chaát löôïng lao ñoäng coøn raát thaáp, trong khi neàn kinh teá chöa phaùt trieån cho neân naêm 2003 tæ leä thôøi gian laøm vieäc ñöôïc söû duïng cuûa lao ñoäng ôû noâng thoân laø77.7% vaø tæ leä thaát ngheäp ôû khu vöïc thaønh thò töông ñoái cao khoaûng 6%

- Giaûi phaùp: +Phaân boá laïi daân cö, lao ñoäng giöõa caùc vuøng

+ Ña daïng caùc hoaït ñoäng kinh teá ôû noâng thoân.

+ Ña daïng caùc loaïi hình ñaøo taïo, ñaåy maïnh hoaït ñoâng höôùng nghieäp, daïy ngheà, giôùi thieäu vieäc laøm

+ Phaùt trieån hoaït ñoäng coâng nghieäp, dòch vuï ôû thaønh thò

+Ñaåy maïnh keá hoaïch hoaù gia ñình ñeå giaûm tæ suaát sinh, giaûm nguoàn taêng lao ñoäng

+Ñaåy maïnh xuaát khaåu lao ñoäng

***c- Chaát löôïng cuoäc soáng:***

- Chaát löôïng cuoäc soáng cuûa ngöôøi daân Vieät Nam ngaøy caøng ñöôïc caûi thieän vaø ñaõ ñaït ñöôïc nhöõng thaønh töïu ñaùng keå:

+ Tæ leä ngöôøi lôùn bieát chöõ ñaït 90.3%( naêm 1999).

+ Möùc thu nhaäp bình quaân ñaàu ngöôøi gia taêng.

+ Ngöôøi daân ñöôïc höôûng caùc dòch vuï XH ngaøy caøng toát hôn.

+ Tuoåi thoï taêng leân: bình quaân cuûa nam laø 67.4 vaø cuûa nöõ laø 74 (naêm 1999)

+ Tæ leä töû vong, suy dinh döôûng cuûa treû em ngaøy caøng giaûm, nhieàu dòch beänh ñaõ bò ñaåy luøi…

Hieän nay nhòp ñoä taêng tröôûng kinh teá cuûa Vieät Nam khaù cao, trung bình GDP moãi naêm taêng 7%. Xoaù ñoùi giaûm ngheøo töø 16,1% naêm 2001 xuoáng 14,5% naêm 2002, 12% naêm 2003, 10% naêm 2005 caûi thieän veà giaùo duïc, yteá, chaêm soùc söùc khoûe, nhaø ôû, nöôùc saïch, ñieän sinh hoaït …

- Chaát löôïng cuoäc soáng cuûa daân cö coøn cheânh leäch khaù roõ neùt giöõa caùc vuøng vaø giöõa caùc taàng lôùp daân cö trong xaõ hoäi.

**CAÂU HOÛI VAØ BAØI TAÄP**

1/ Nguoàn lao ñoäng cuûa nöôùc ta coù nhöõng maët maïnh vaø haïn cheá naøo? Haõy neâu nhöõng thay ñoåi trong cô caáu söû duïng lao ñoäng cuûa nöôùc ta?

***\* Nhöõng maët maïnh vaø haïn cheá:***

- Nhöõng maët maïnh

+Nguoàn lao ñoäng cuûa nöôùc ta doài daøo vaø taêng nhanh, bình quaân moåi naêm coù theâm hôn 1 trieäu lao ñoäng

+Ngöôøi Lñ VN coù nhieàu kinh nghieäm trong Sx noâng, laâm, ngö nghieäp vaø thuû coâng nghieäp, coù khaû naêng tieáp thu nhanh nhöõng tieán boä KHKT.

+Chaát löôïng nguoàn lao ñoäng ñang ñöôïc naâng cao

-Nhöõng haïn cheá:

+Phaàn lôùn lao ñoäng chöa qua ñaøo taïo ( naêm 2003 coøn 78.8% lao ñoäng chöa qua ñaøo taïo)

+Theå löïc cuûa ngöôøi VN coøn haïn cheá.

***\*Nhöõng thay ñoåi trong CCSDLÑ:***

- Theo ngaønh kinh teá:

+Tæ leä lao ñoäng trong noâng- laâm- ngö nghieäp giaûm daàn.

+Tæ leä lao ñoäng trong khu vöïc CN- XD vaø dòch vuï taêng daàn.

- Theo thaønh phaàn KT:

Giaûm tæ troïng trong lao ñoäng cuûa nhaø nöôùc, taêng tæ leä lao ñoäng trong caùc khu vöïc KT khaùc.

2/ Taïi sao giaûi queát vieäc laøm ñang laø vaán ñeà xaõ hoäi gay gaét ôï nöôùc ta ? Ñeå giaûi quyeát vieäc laøm caàn coù nhöõng bieän phaùp gì (coù phaân tích)?

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Nguoàn lao ñoäng doài daøo trong ñieàu kieän neàn kinh teá chöa phaùt trieån, chaát löôïng cuûa nguoàn lao ñoäng thaáp taïo söùc eùp lôùn ñoái vôùi giaûi quyeát vieäc laøm ôû nöôùc ta:

+ ÔÛ noâng thoân: Do ñaëc ñieåm muøa vuï cuûa saûn xuaát noâng nghieäp vaø söï phaùt trieån ngaønh ngheà ôû noâng thoân coøn haïn cheá neân thieáu vieäc laøm ôû noâng thoân, VD: Tæ leä thôøi gian laøm vieäc ñöôïc söû duïng cuûa lao ñoäng noâng thoân laø 77.7% (naêm 2003)

+ ÔÛ thaønh thò: tæ leä thaát nghieäp cao 6%, trong khi thieáu lao ñoäng coù trình ñoä kó thuaät ôû caùc ngaønh coâng nghieäp, dòch vuï, KHKT.

- Höôùng giaûi quyeát:

+ Phaân boá laïi daân cö vaø lao ñoäng giöõa caùc vuøng ñeå vöøa khai thaùc toát hôn tieàm naêng cuûa moåi vuøng vöøa taïo theâm vieäc laøm môùi

+ Ñaåy maïnh KHHGÑ vaø ña daïng hoaù caùc hoaït ñoäng KT ôû noâng thoân. Neàn noâng nghieäp nöôùc ta chuyeån daàn töø töï tuùc töï caáp thaønh moät neàn noâng nghieäp haøng hoaù, thaâm canh vaø chuyeân canh. Caùc ngaønh ngheà thuû coâng truyeàn thoáng,caùc hoaït ñoäng dòch vuï ôû noâng thoân ñöôïc khoâi phuïc vaø phaùt trieån. Coâng nghieäp hoaù noâng thoân ñöôïc ñaåy maïnh. Nhö vaäy vaán ñeàø vieäc laøm ôû noâng thoân seõ ñöôïc giaûi quyeát.

-Phaùt trieån caùc hoaït ñoäng coâng nghieäp vaø dòch vuï. Môû roäng lieân doanh, ñaàu tö nöôùc ngoaøi vaø xuaát khaåu lao ñoäng cuõng laø nhöõng höôùng taïo khaû naêng giaûi quyeát vieäc laøm.

- Ña daïng hoaù caùc loaïi hình ñaøo taïo, ñaåy maïnh hoaït ñoäng höôùng nghieäp ôû nhaø tröôøng, hoaït ñoäng daïy ngheà vaø giôùi thieäu vieäc laøm, giuùp cho ngöôøi lao ñoäng töï taïo vieäc laøm hoaëc deã tìm vieäc laøm…

3/ Chuùng ta ñaït ñöôïc nhöõng thaønh töïu gì trong vieäc naâng cao chaát löôïng cuoäc soáng cuûa ngöôøi daân?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày giảng:**

**CHỦ ĐỀ 7**

**ÑÒA LÍ CAÙC NGAØNH KINH TEÁ VIỆT NAM**

**(15 tiết)**

**A/ Kieán thöùc cô baûn:**

**1- Neàn kinh teá nöôùc ta tröôùc thôøi kì ñoåi môùi:**

Neàn kinh teá nöôùc ta traûi qua nhieàu giai ñoaïn phaùt trieån gaén lieàn vôùi quaù trình döïng nöôùc vaø giöõ nöôùc .

- CM thaùng 8/1945 ñem laïi ñoäc laäp cho ñaát nöôùc, töï do cho nhaân daân, nöôùc VN daân chuû coäng hoaø ra ñôøi.

- 1946-1954 laø giai ñoaïn 9 naêm khaùng chieán choáng Phaùp.

- 1954-1975:

+ Mieàn Baéc xaây döïng CNXH vaø chi vieän cho mieàn Nam ñaùnh Mó.

+ Mieàn Nam choáng ñeá quoác Mó vaø tay sai.

Nhìn chung trong caùc giai ñoaïn treân neàn KT nöôùc ta coøn ngheøo naøn, laïc haäu vaø chòu nhieàu toån thaát qua chieán tranh.

- 1976-1986 ñaát nöôùc thoáng nhaát nhöng laïi gaëp raát nhieàu khoù khaên : KT khuûng hoaûng keùo daøi, tình traïng laïm phaùt cao**,** möùc taêng tröôûng KT thaáp, saûn xuaát ñình treä.

Trong hoaøn caûnh neàn KT coøn boäc loä nhieàu toàn taïi vaø yeáu keùm aûnh höôûng ñeán toaøn boä hoaït ñoäng KT vaø ñôøi soáng nhaân daân, Ñaïi hoäi VI cuûa Ñaûng thaùng 12/1986 ñaõ quyeát ñònh ñoåi môùi ñaát nöôùc. Ñaây laø moác lòch söû quan troïng treân con ñöôøng ñoåi môùi saâu saéc, toaøn dieän ôû nöôùc ta, trong ñoù coù söï ñoåi môùi veà KT.

**2- Neàn kinh teá nöôùc ta trong thôøi kì ñoåi môùi:**

**a) Söï chuyeån dòch cô caáu kinh teá:**

**\* Chuyeån dòch cô caáu ngaønh:**

- Noâng, laâm, ngö nghieäp coù tæ troïng giaûm lieân tuïc töø 40% naêm 1991 xuoáng coøn 23% naêm 2002. Do neàn KT chuyeån töø KT bao caáp sang KT thò tröôøng, xu höôùng môû roäng neàn KT noâng nghieäp haøng hoaù vaø nöôùc ta ñang chuyeån töø nöôùc noâng nghieäp sang nöôùc coâng nghieäp.

- Ngaønh coâng nghieäp – xaây döïng (CN-XD) coù tæ troïng taêng leân nhanh töø döôùi 23.8% naêm 1991 leân gaàn 38.5% naêm 2002. Do chuû tröông CNH-HÑH gaén lieàn vôùi ñöôøng loái ñoåi môùi neàn KT do ñoù ñaây laø ngaønh ñöôïc khuyeàn khích phaùt trieån nhaát.

CN-XD taêng chöùng toû quaù trình CNH-HÑH ñaát nöôùc ñang tieán trieån toát.

- Ngaønh dòch vuï coù tæ troïng taêng nhanh töø naêm 1991-1996 cao nhaát laø gaàn 45%, sau ñoù giaûm xuoáng döôùi 38.5% naêm 2002, do aûnh höôûng cuûa cuoäc khuûng hoaûng taøi chính khu vöïc cuoái naêm 1997 (khuûng hoaûng tieàn teä ôû Thaùi Lan ) laøm caùc hoaït ñoäng KT ñoái ngoaïi taêng tröôûng chaäm.

**\* Chuyeån dòch cô caáu laõnh thoå:**

- nöôùc ta coù 7 vuøng KT :

Trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä, Ñoàng baèng soâng Hoàng, Baéc Trung Boä. Duyeân haûi Nam Trung Boä, Taây Nguyeân, Ñoâng Nam Boä vaø Ñoàng baèng soâng Cöûu Long.

Trong ñoù coù 6 vuøng KT giaùp bieån (Tröø vuøng taây nguyeân), do ñoù ñaëc tröng cuûa haàu heát caùc vuøng KT laø keát hôïp KT treân ñaát lieàn vaø KT bieån ñaûo.

- 3 vuøng kinh teá troïng ñieåm :

Vuøng KT troïng ñieåm Baéc Boä, Vuøng KT troïng ñieåm Mieàn Trung vaø Vuøng KT troïng ñieåm phía Nam.

Caùc vuøng kinh teá troïng ñieåm coù taùc duïng maïnh ñeán söï phaùt trieån kinh teá xaõ hoäi cuûa caùc vuøng kinh teá laân caän.

-> Söï dòch chuyeån cô caáu laõnh thoå ñaõ hình thaønh caùc vuøng chuyeân canh trong noâng nghieäp, caùc laõnh thoå taäp trung coâng nghieäp, dòch vuï taïo neân caùc vuøng KT phaùt trieån naêng ñoäng.

\* **Chuyeån dòch cô caáu thaønh phaàn kinh teá:**

Töø moät neàn KT chuû yeáu laø Nhaø nöôùc vaø taäp theå ñaõ chuyeån sang neàn KT nhieàu thaønh phaàn : KT Nhaø nöôùc, KT taäp theå, KT tö nhaân, KT caù theå vaø KT coù voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi.

Chính saùch khuyeán khích phaùt trieån kinh teá nhieàu thaønh phaàn ñaõ goùp phaàn tích cöïc vaøo söï chuyeån dòch cô caáu ngaønh vaø cô caáu laõnh thoå.

**b) Nhöõng thaønh töïu vaø thaùch thöùc**

Trong coâng cuoäc ñoåi môùi KT ñaát nöôùc ñaõ ñaït ñöôïc nhieàu thaønh töïu taïo ñaø thuaän lôïi cho söï phaùt trieån trong nhöõng naêm tôùi, cuï theå nhö sau:

-Coâng cuoäc ñoåi moùi neàn KT töø naêm 1986 ñaõ ñöa neàn KT nöôùc ta ra khoûi tình traïng khuûng hoaûng, KT coù toác ñoä taêng tröôûng KT cao (treân 7%) vaø töông ñoái vöõng chaéc, oån ñònh.

- Cô caáu kinh teá chuyeån dòch theo höôùng CNH:

+Sx nn phaùt trieån theo höôùng haøng hoaù, Ña daïng hoaù töø choå phaûi nhaäp khaåu löông thöïc ñeán nay VN ñaõ trôû thaønh moät trong ba nöôùc xuaát khaåu gaïo lôùn cuûa theá giôùi.

+Neàn CN phaùt trieån maïnh nkieàu khu CN môùi, khu cheá xuaát ñöôïc xaây döïng vaø ñi vaøo hoaït ñoäng. Hình thaønh caùc ngaønh CN troïng ñieåm.Tæ troïnh CN trong cô caáu GDP taêng nhanh.

-Caùc ngaønh dòch vuï phaùt trieån nhanh.

-Ñôøi soáng nhaân daân ñöôïc caûi thieän.

- Nöôùc ta ñang hoäi nhaäp vaøo neàn KT khu vöïc vaø toaøn caàu. Vò theá cuûa VN treân tröôøng quoác teá ñöôïc naâng cao.

Tuy nhieân, trong quaù trình phaùt trieån cuõng phaûi vöôït qua nhieàu khoù khaên:

* Nhieàu tænh, huyeän nhaát laø mieàn nuùi vaãn coøn caùc xaõ ngheøo, hoä ngheøo.
* Moâi tröôøng bò oâ nhieãm, taøi nguyeân caïn kieät
* Vaán ñeà vieäc laøm coøn nhieàu böùc xuùc
* Coøn nhieàu baát caäp trong vieäc phaùt trieån vaên hoaù, giaùo duïc, y teá.
* Bieán ñoäng treân thò tröôøng theá giôùi vaø khu vöïc, nhöõng thaùch thöùc khi nöôùc ta thöïc hieän caùc cam keát AFTA, Hieäp ñònh thöông maïi Vieät –Mó, gia nhaäp WTO….

**II Baøi taäp:**

**1/**  Neâu ñaëc ñieåm neàn KT nöôùc ta tröôùc thôøi kì ñoåi môùi( thaùng 12/1986) vaø trong thôøi kì ñoåi môùi.

**\***  **Traû lôøi:** (theo noäi dung ñaõ ghi)

**2/**  Haõy neâu moät soá thaønh töïu vaø thaùch thöùc trong phaùt trieån KT cuûa nöôùc ta.

**\***  **Traû lôøi:** (theo noäi dung ñaõ ghi)

**3/**  Cho baûng soá lieäu sau ñaây:

Baûng cô caáu GDP phaân theo thaønh phaàn KT, naêm 2002

|  |  |
| --- | --- |
| Caùc thaønh phaàn kinh teá | Tæ leä % |
| kinh teá Nhaø nöôùc  kinh teá taäp theå  kinh teá tö nhaân  kinh teá caù theå  kinh teá coù voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi  **Toång coäng** | 38.4  8.0  8.3  31.6  13.7  **100.0** |

Veõ bieåu ñoà vaø nhaän xeùt veà cô caáu caùc thaønh phaàn kinh teá.

**\***  **Traû lôøi:**

- Veõ bieåu ñoà: Bieåu ñoà hình troøn coù chuù thích, teân bieåu ñoà.

- Nhaän xeùt:

Nöôùc ta coù cô caáu GDP theo thaønh phaàn KT ña daïng. Trong ñoù thaønh phaàn KT Nhaø nöôùc chieám tæ troïng cao nhaát ( vì ñaây laø thaønh phaàn KT chuû ñaïo),thaønh phaàn KT taäp theå chieám tæ troïng thaáp nhaát

**4/**  Cho baûng soá lieäu veà toång saûn phaåm trong nöôùc theo giaù trò hieän haønh phaân theo khu vöïc KT ( Ñôn vò tæ ñoàng).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vöïc kinh teá. | 1989 | 1994 | 1997 |
| Noâng, laâm, ngö nghieäp  Coâng nghieäp – Xaây döïng  Dòch vuï | 11818  6444  9381 | 48865  50481  70913 | 75620  92357  120819 |

a) Veõ bieåu ñoà cô caáu toång saûn phaåm xaõ hoäi trong nöôùc phaân theo khu vöïc KT cuûa caùc naêm treân.

b) Nhaän xeùt söï chuyeån dich cô caáu toång saûn phaåm trong nöôùc vaø giaûi thích nguyeân nhaân cuûa söï chuyeån dòch ñoù.

**\***  **Traû lôøi:**

a) Veõ bieåu ñoà:

\*Xöû lí baûng soá lieäu:

Baûng soá lieäu veà toång saûn phaåm trong nöôùc theo giaù trò hieän haønh phaân theo khu vöïc KT ( ñôn vò %).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vöïc kinh teá. | 1989 | 1994 | 1997 |
| Noâng, laâm, ngö nghieäp  Coâng nghieäp – Xaây döïng  Dòch vuï | 42.8  23.3  33.9 | 28.7  29.6  41.7 | 26.2  32.0  41.8 |

\*Veõ bieåu ñoà: veõ 3 bieåu ñoà hình troøn khoâng ñeàu nhau (Döïa vaøo qui moâ)

\*Hoaøn thieän bieåu ñoà: - Ghi soá lieäu

- Baûng chuù giaûi

- Teân bieåu ñoà

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích:

\* Nhaän xeùt: Qua bieåu ñoà ta thaáy

- Toác ñoä taêng tröôûng kinh teá nhanh, toång GDP taêng (10.45 laàn töø1989 🡪 1997)

- Chuyeån dòch cô caáu :

+ Noâng laâm thuyû saûn giaûm maïnh ( giaûm 16.6% )

+ Coâng nghieäp – xaây döïng taêng nhanh ( taêng 7.9% )

+ Dòch vuï taêng nhanh (8.7%)

\* Giaûi thích:

- Cô caáu kinh teá nöôùc ta ñang chuyeån dòch theo höôùng CNH.

- Thaønh töïu cuûa coâng cuoäc ñoåi môùi KT-XH ôû nöôùc ta ñaëc bieät laø quaù trình CNH, HÑH ñaõ aûnh höôûng ñeán toác ñoä taêng tröôûng vaø chuyeån dòch cô caáu neàn KT.

**5/**  Cho baûng soá lieäu sau veà cô caáu GDP nöôùc ta thôøi kì 1986 – 2002 ( ñôn vò %)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khu vöïc KT | 1986 | 1988 | 1991 | 1993 | 1996 | 1998 | 2000 | 2002 |
| Noâng, laâm, ngö  CN – XD  Dòch vuï | 38.1  28.9  33.0 | 46.3  24.0  29.7 | 40.5  23.8  35.7 | 29.9  28.9  41.2 | 27.8  29.7  42.5 | 25.8  32.5  41.7 | 24.6  36.7  38.7 | 23.0  38.5  38.5 |

1. Veõ bieåu ñoà mieàn theå hieän söï thay ñoåi cô caáu GDP phaân theo caùc ngaønh kinh teá ôû nöôùc ta trong thôøi kì 1986 – 2002.
2. Nhaän xeùt vaø giaûi thích nguyeân nhaân cuûa söï thay ñoåi ñoù.

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) Veõ bieåu ñoà:

\* Veõ bieåu ñoà mieàn

\*Hoaøn thieän bieåu ñoà: - Ghi soá lieäu

- Baûng chuù giaûi

- Teân bieåu ñoà

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích nguyeân nhaân:

Cô caáu GDP phaân theo caùc ngaønh KT ôû nöôùc ta coù söï chuyeån bieán: giaûm daàn tæ troïng khu vöïc noâng, laâm, thuyû saûn; taêng daàn tæ troïng caùc khu vöïc CN – XD vaø dòch vuï. Cuï theå nhö sau:

\* Noâng, laâm, ngö nghieäp coù tæ troïng taêng töø 1986 – 1988 ( 38.1% -> 46.3%). Töø 1988 – 2002 tæ troïng giaûm xuoáng lieân tuïc ( 46.3% -> 23%)

Nguyeân nhaân:

-Töø 1986 – 1988 nöôùc ta coøn laø nöôùc noâng nghieäp.

- Töø 1988 – 2002:

+ Nöôùc ta ñang chuyeån töø kinh teá bao caáp sang kinh teá thò tröôøng, xu höôùng môû roäng neàn noâng nghieäp haøng hoaù.

+ Nöôùc ta ñang trong thôøi kì thöïc hieän CNH, HÑH ñaát nöôùc, chuyeån töø nöôùc noâng nghieäp sang nöôùc coâng nghieäp.

\* CN – XD : töø 1986 – 1991 tæ troïng giaûm (28.9 -> 23.8), töø naêm 1991-2002 tæ troïng lieân tuïc taêng ( 28.9 – 38.5 )

Nguyeân nhaân:

+ Töø 1986 – 1991 nöôùc ta laø nöôùc noâng nghieäp .

+ 1991 – 2002 chuû tröông CNH , HÑH gaén lieàn vôùi ñöôøng loái ñoåi môùi , ñaây laø ngaønh ñöôïc khuyeán khích phaùt trieån nhaát .

Coâng nghieäp – Xaây döïng taêng tröôûng chöùng toû quaù trình CNH , HÑH ôû nöôùc ta ñang tieán trieån toát

\* Dòch vuï : Coù tæ troïng taêng nhanh töø 1991 – 1996 cao nhaát gaàn 45% sau ñoù giaûm xuoáng döôùi 40% naêm 2002.

Nguyeân nhaân: Do aûnh höôûng cuûa cuoäc khuûng hoaûng taøi chính khu vöïc cuoái naênm 1997, do ñoù caùc hoaït ñoäng KT ñoái ngoaïi taêng tröôûng chaäm.

6/Cho baûng soá lieäu sau

Lao ñoäng phaân theo khu vöïc ngaønh KT cuûa nöôùc ta trong thôøi hai naêm 2000 vaø 2005 ( ñôn vò nghìn ngöôøi)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vöïc ngaønh | Naêm 2000 | Naêm 2005 |
| Noâng – laâm – ngö nghieäp | 24481.0 | 24257.1 |
| Coâng nghieäp – Xaây döïng | 4929.7 | 7636.0 |
| Dòch vuï | 8298.9 | 10816.0 |
| Toång soá | 37609.6 | 42709.1 |

a/Tính tæ leä lao ñoäng phaân theo khu vöïc ngaønh cuûa hai naêm treân.

b/Veõ bieåu ñoà theå hieän keát quaû tính.

c/Neâu nhaän xeùt vaø giaûi thích vì sao tæ leä lao ñoäng phaân theo khu vöïc ngaønh cuûa nöôùc ta laïi coù söï thay ñoåi trong tjôøi kì treân.

Höôùng daãn traû lôøi

a/Tính tæ leä lao ñoäng phaân theo KV ngaønh KT:

-Tæ leä lao ñoäng phaân theo KV ngaønh KT( ñôn vò %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vöïc | Naêm 2000 | Naêm 2005 |
| Noâng – laâm – ngö nghieäp | 65.1 | 56.9 |
| Coâng nghieâp – Xaây döïng | 12.8 | 17.9 |
| Dòch vuï | 22.1 | 25.3 |
| **Toång soá** | 100.0 | 100.0 |

b/Veõ bieåu ñoà: HS veõ hai bieåu ñoà hình troøn kích thöôùc khoâng baèng nhau. Ñuùng tæ leä, coù baûng chuù giaûi, teân bieåu ñoà

c/NX vaø GT:

-Nhaän xeùt:

+Tæ leä lao ñoäng trong noâng –laâm –ngö nghieäp giaûm.

+Tæ leä lao ñoäng trong khu vöïc CN – XD vaø khu vöïc dòch vuï taêng.

-Giaûi thích: Coù söï thay ñoåi trong cô caáu lao ñoäng phaân theo khu vöïc ngaønh KT nöôùc ta laø do keát quaû cuûa vieäc thöïc hieän CNH – HÑH.

**B. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**ÑÒA LÍ NOÂNG NGHIEÄP**

**Kieán thöùc caàn nhôù**

**I- CAÙC NHAÂN TOÁ AÛNH HÖÔÛNG ÑEÁN NOÂNG NGHIEÄP :**

**1. caùc nhaân toá töï nhieân**

**Nhaân toá töï nhieân**

Ñaát khí haäu nöôùc sinh vaät

1. **TN Ñaát :** laø taøi nguyeân voâ cuøng quí giaù, laø tö lieäu khoâng theå thay theá ñöôïc cuûa ngaønh noâng nghieäp.

- Taøi nguyeân ñaát Nöôùc ta khaù ña daïng vôùi 14 nhoùm ñaát khaùc nhau, trong ñoù coù hai nhoùm ñaát chieám dieän tích lôùn nhaát laø ñaát feralit vaø ñaát phuø sa.

- Ñaát phuø sa: khoaûng 3 triệu ha taäp trung taïi caùc ñoàøng baèng thích hôïïp nhaát vôùi caây luùa nöôùc vaø caùc caây ngaén ngaøy khaùc.

- Ñaát feralit: chieám dieän tích treân 16 triệu ha chuû yeáu ôû trung du, mieàn nuùi thích hôïp cho vieäc troàng caây CN laâu naêm nhö cheø, caø pheâ, cao su… caây aên quaû vaø moät soá caây ngaén ngaøy nhö saén , ngoâ, khoai, ñaäu.

- Dieän tích ñaát noâng nghieäp hieän nay laø hôn 9 triệu ha do ñoù vieâïc söû duïng hôïpï lí caùc taøi nguyeân ñaát laø raát quan troïng ñoái vôùi phaùt trieån noâng nghieäp cuûa nöôùc ta.

- Khoù khaên : coøn nhieàu dieän tích ñaát bò nhieãm maën, nhieãm pheøn, xoùi moøn, baïc maøu, caàn phaûi caûi taïo.

b. **TN Khí haäu:**

- Nöôùc ta coù khí haäu nhieät ñôùi gioù muøa aåm, do ño ùcaây coái xanh töôi quanh naêêm sinh tröôûng nhanh,saûn xuaát nhieàu vuï trong naêm. Khí haäu thích hôïp cho nhieàu loaïi caây CN, caây aên quaû.

- Söï phaân hoaù ña daïng cuûa khí haäu nöôùc ta theo muøa vaø theo khoâng gian laõnh thoå taïo cho cô caáu caây troàng ña daïng coù theå troàng ñöôïc caùc loaïi caây nhieät ñôùi, oân ñôùi, caän nhieät ñôùi. Ví duï: mieàn Baéc coù muøa ñoâng laïnh, mieàn nuùi vaø cao nguyeân coù khí haäu maùt meû neân troàng ñöôïc raát nhieàu loaïi caây oân ñôùi, caän nhieät ñôùi : khoai taây, caûi baéùp, su haøo, taùo, leâ, maän, cheø…

- Ngoaøi ra cô caáu muøa vuï vaø cô caáu caây troàng coøn coù söï khaùc nhau giöõa caùc vuøng.

- Nhöõng tai bieán thieân nhieân thöôøng gaây khoù khaên lôùn cho saûn xuaát noâng nghieäp nhö baõo, gioù taây khoâ noùng, söông muoái, reùt haïi…. Khí haäu noùng aåm coøn laø moâi tröôøng thuaän lôïi cho caùc loaïi naám moác, saâu beänh coù haïi phaùt trieån….Taát caû caùc khoù khaên ñoù laøm aûnh höôûng lôùn ñeán naêng xuaát vaø saûn löôïng caây troàng vaät nuoâi.

c. **TN Nöôùc:**

- Nöôùc ta coù heä thoáng soâng ngoøi ,hoà ao daøy daëc vôùi löôïng nöôùc doài daøo, phong phuù coù giaù trò lôùn cho saûn xuaát noâng nghieäp.

- Nguoàn nöôùc ngaàm cuõng raát doài daøo ñeå giaûi quyeát nöôùc töôùi nhaát laø muøa khoâ

- Khoù khaên: luõ luït vaøo muøa möa, haïn haùn vaøo muøa khoâ do ñoù thuyû lôïi laø bieän phaùp haøng ñaàu trong saûn xuaát noâng nghieäp nöôùc ta, vì:

+ Choáng luõ luït vaøo muøa möa.

+ Cung caáp nöôùc töôùi vaøo muøa khoâ

+ Caûi taïo ñaát môûi roäng dieän tích ñaát canh taùc

+ Taêng vuï,thay ñoåi cô caáu muøa vuï vaø caây troàng taïo ra naêng xuaát vaø saûn löôïng caây troàng cao

d. **TN Sinh vaät:**

-Nöôùc ta coù nguoàn taøi nguyeân sinh vaät ña daïng vaø heâï sinh thaùi, giaøu coù veà thaønh phaàn loaøi, ñoù laø cô sôû ñeå thuaàn döôõng lai taïo neân caùc gioáng caây troàng vaät nuoâi coù chaát löôïng toát thích nghi cao vôùi ñieàu kieän sinh thaùi nöôùc ta

-Khoù khaên

+ Taøi nguyeân sinh vaät ñang daàøn caïn kieät

+ OÂ nhieãm moâi tröôøng

**2. Caùc nhaân toá kinh teá – xaõ hoäi:**

**a. Daân cö lao ñoäng:**

- Ñeán naêm 2003nöôùc ta coù khoaûng 60% lao ñoâng laøm vieäc trong lónh vöïc noâng nghieäp

- Noâng daân VN caàn cuø , saùng taïo, nhieàu kinh nghieäm saûn xuaát

\* Khoù khaên: Thieáu vieäc laøm trong ñieàu kieän saûn xuaát noâng nghieäp ngaøy caøng ñöôïc cô giôùi hoaù.

**b. Cô sôû vaät chaát- kó thuaät**: nhö heä thoáng thuyû lôïi, caùc dòch vuï troàng troït chaên nuoâi vaø nhieàu cô sôû vaät chaát kó thuaät khaùc hieän nay ñang ngaøy caøng ñöôïc hoaøn thieän vaø phaùt trieån.

- Coâng nghieäp cheá bieán noâng saûn phaùt trieån vaø phaân boá roäng khaép caû nöôùc laøm taêng giaù trò vaø khaû naêng caïnh tranh cuûa haøng noâng nghieäp, naâng cao hieäu quaû saûn xuaát, oån ñònh vaø phaùt trieån caùc vuøng chuyeân canh

- Khoù khaên : thieáu voán ñaàu tö, cô sôû vaät chaát kó thuaät vaø trình ñoä khoa hoïc kó thuaät coøn haïn cheá

**c. Chính saùch phaùt trieån noâng nghieäp:**

- Phaùt trieån kinh teá hoä gia ñình, kinh teá trang traïi, noâng nghieäp höôùng ra xuaát khaåu

-Vai troø cuûa caùc chính saùch ñoù laø cô sôû ñoäng vieân noâng daân laøm giaøu. Khuyeán khích saûn xuaát, khôi daäy vaø phaùt huy maêït maïnh haøng noâng nghieäp. Taïo nhieàu vieäc laøm, oån ñònh ñôøi soáng noâng daân.

- Taïo moâ hình phaùt trieån noâng nghieäïp thích hôïp, khai thaùc moïi tieàm naêng saün coù

**d. Thò tröôøng trong vaø ngoaøi nöôùc:**

- Thò tröôøng trong vaø ngoaøi nöôùc ngaøy caøng ñöôïc môû roäng thuùc ñaåy saûn xuaát, ña daïng hoaù saûn phaåm noâng nghieäp, chuyeån ñoåi cô caáu caây troàng, vaät nuoâi

- Khoù khaên: Söï bieán ñoäng cuûa thò tröôøng, giaù caû khoâng oån ñònh cuõng aûnh höôûng lôùn ñeán saûn xuaát moät soá caây troàng, vaät nuoâi quan troïng.

**II- Söï phaùt trieån vaø phaân boá noâng nghieäp**

**1/ Ngaønh troàng troït:**

**a) Caây löông thöïc:**

- Goàm luùa, hoa maøu: dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng, ngaøy moät taêng( maët duø tæ troïng trong cô caáu caây troàâøng giaûm).

- Thaønh töïu ñaït ñöôïc : nöôùc ta chuyeån töø moät nöôùc phaûi nhaäp löông thöïc sang moät nöôùc xuaát khaåu gaïo haøng ñaàu theá giôùi.

Ví duï: 1986 ta phaûi nhaäp 351 nghìn taán gaïo ñeán naêm1989 ta ñaõ coù gaïo ñeå xuaát khaåu.

- Töø 1991 trôû laïi ñaây löôïng gaïo xuaát khaåu taêng daàn töø 1 trieäu ñeán 2 trieäu taán (1995). Naêm 1999, 4,5 trieäu taán. Naêm 2003 laø 4 trieäu taán.

- Caây löông thöïc phaân boá ôû khaép caùc ñoàng baèng trong caû nöôùc nhöng troïng ñieåm laø ñoàng baèng soâng Cöûu Long vaø ñoàng baèng soâng Hoàng.

**b) Caây coâng nghieäp:**

- Taïo ra nhieàu nguoàn xuaát khaåu cung caáp nguyeân lieäu cho CN cheá bieán taän duïng taøi nguyeân ñaát pha ùtheá ñoäc canh khaéc phuïc tính muøa vuï vaø baûo veä moâi tröôøng

- Bao goàm caây CN haøng naêm nhö : laïc, mía, ñoã töông, daâu taèm, … vaø caây coâng nghieäp laâu naêm nhö : caø pheâ, cao su, haït dieàu, hoà tieâu, döøa, …

-Thaønh töïu : tæ troïng, cô caáu, giaù trò saûn suaát noâng nghieäp ngaøy moät taêng

- Phaân boá haàu heát treân 7 vuøng sinh thaùi caû nöôùc. Nhöng troïng ñieåm laø 2 vuøng Taây nguyeân vaø ÑNB

**c.** **Caây aên quaû:**

- Nöôùc ta coù tieàm naêng töï nhieân ñeå phaùt trieån caùc loaïi caây aên quaû: khí haäu vaø ñaát troàng ña daïng,

nöôùc töôùi phong phuù, …

- Vôùi nhieàu loaïi ñaëc saûn coù giaù trò xuaát khaåu cao. Ví duï : cam xaõ Ñoaøi, vaûi thieàu, ñaøo SaPa, nhaõn Höng Yeân, böôûi naêm roi, saàu rieâng ,maêng cuït…

-Phaân boá nhieàu nhaát ôû ÑNB vaø ÑB Soâng Cöûu Long

**2. Ngaønh chaên nuoâi:**

- Chieám tæ troïng thaáp trong noâng nghieäp khoaûng 20%

- Goàm :

+ Nuoâi traâu boø chuû yeáu ôû mieàn nuùi vaø trung du laáy söùc keùo, thòt

+ Ven caùc thaønh phoá lôùn hieän nay coù nuoâi boø söõa ( vì gaàn thò tröôøng tieâu thuï)

+ Nuoâi lôïn ôû ÑB Soâng Hoàng , Soâng Cöûu Long laø nôi coù nhieàu löông thöïc thöïc phaåm vaø ñoâng daân, söû duïng nguoàn lao ñoäng phuï

+ Nuoâi gia caàm chuû yeáu ôû vuøng ñoàng baèng.

**BAØI TAÄP:**

**1/**  *Phaân tích nhöõng thuaän lôïi vaø khoù khaên cuûa taøi nguyeân thieân nhieân, kinh teá xaõ hoäi ñeå phaùt trieån noâng nghieäp ôû nöôùc ta ?*

**\***  **Traû lôøi:** (theo noäi dung ñaõ ghi ôû treân)

**2/**  *Söï phaùt trieån vaø phaân boá coâng nghieäp cheá bieán coù aûnh höôûng nhö theá naøo ñeán phaùt trieån vaø phaân boá noâng nghieäp*

**\***  **Traû lôøi:**

- Taêng giaù trò vaø khaû naêng caïnh tranh cuûa haøng noâng saûn

- Naâng cao hieäu quaû saûn xuaát noâng nghieäp

- Thuùc ñaåy söï phaùt trieån caùc vuøng chuyeân canh caây coâng nghieäp coù giaù trò xuaát khaåu

**3/**  *Vai troø cuûa yeáu toá chính saùch phaùt trieån noâng thoân ñaõ taùc ñoäng leân nhöõng vaán ñeà gì trong noâng nghieäp?*

**\***  **Traû lôøi:**

- Taùc ñoäng maïnh tôùi daân cö vaø lao ñoäng noâng thoân :

+ Khuyeán khích saûn xuaát, khôi daäy vaø phaùt huy maët maïnh trong lao ñoäng noâng nghieäp

+ Thu huùt, taïo vieäc laøm, caûi thieän ñôøi soáng noâng daân

- Hoaøn thieän cô sôû vaät chaát, kó thuaät trong noâng nghieäp

- Taïo moâ hình phaùt trieån noâng nghieäp thích hôïp, khai thaùc moïi tieàm naêng saün coù : moâ hình kinh teá hoä gia ñình, trang traïi, höôùng xuaát khaåu

- Môû roäng thò tröôøng tieâu thuï saûn phaåm, chuyeån ñoåi cô caáu caây troàng, vaät nuoâi .

**4/**  *Döïa vaøo baûn ñoà trong Atlat ñòa lí VN vaø kieán thöùc ñaõ hoïc, haõy nhaän xeùt vaø giaûi thích söï phaân boá caùc vuøng troàng luùa ôû nöôùc ta.*

**\***  **Traû lôøi:**

a) Nhaän xeùt:

- Luùa laø caây löông thöïc chính ôû nöôùc ta, khoâng chæ ñaùp öùng nhu caàu trong nöôùc maø coøn ñeå xuaát khaåu. Caùc chæ tieâu veà saûn xuaát luùa nhö dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng vaø saûn löôïng luùa bình quaân ñaàu ngöôøi naêm 2002 ñeàu taêng leân roû reät so vôùi caùc naêm tröôùc.

- VN laø moät trong nhöõng trung taâm xuaát hieän sôùm ngheà troàng luùa ôû ÑNA. Luùa ñöôïc troàng treân khaép ñaát nöôùc ta, nhöng taäp trung chuû yeáu vaãn ôû ñoàng baèng:

+ ÑB soâng Hoàng

+ ÑB soâng Cöûu Long

+ ÑB duyeân haûi BTB vaø NTB

2 vuøng troïng ñieåm luùa lôùn nhaát laø ÑB soâng Hoàng vaø ÑB soâng Cöûu Long.

b) Giaûi thích: vì nöôùc ta naèm trong khu vöïc khí haäu nhieät ñôùi gioù muøa, ÑB laø nôi coù ñaát phuø sa maøu môõ, ñoâng daân cö, taäp trung lao ñoäng coù kinh nghieäm, cô sôû vaät chaát kó thuaät toát, nhaát laø thuyû lôïi vaø thò tröôøng tieâu thuï roäng lôùn… taát caû caùc ñieàu kieän treân thích hôïp cho troàng luùa.

*5/ Phân tích những thuận lợi của TNTN đối với phát triển Nông nghiệp ở nước ta?*

**a)Tài nguyên Đất:**

Đất là tài nguyên vô cùng quý giá trong sản xuất nông nghiệp không có gì thay thế được.Đất nông nghiệp ở nước ta gồm hai nhóm đất cơ bản:

-Đất phù sa tập trung ở ĐBSH và ĐBSCL và các ĐB ven biển Miền Trung.Đất phù sa có diện tích khoảng 3 triệu ha thích hợp với cây lúa nước và các cây ngắn ngày khác.

-Đất Feralit tập trung chủ yếu ở vùng Trung Du,Miền Núi chiếm diện tích trên 16 triệu ha thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê,chè,cao su…),cây ăn quả và một số cây ngắn ngày khác( sắn,ngô,đậu tương…)

**b) Tài nguyên khí hậu:**

-Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm,nguồn nhiệt và độ ẩm phong phú giúp cho cây trồng xanh tươi quanh năm,sinh trưởng nhanh,có thể trồng hai ba vụ trong năm.

-Khí hậu nước ta phân hóa rõ theo chiều Bắc-Nam,theo độ cao và theo mùa nên có thể trồng được các loại cây nhiệt đới,một số cây cận nhiệt và ôn đới.

**c) Tài nguyên Nước:**

Nước ta có mạng lưới song ngòi dày đặc với lượng nước lớn.Nguồn nước ngầm cũng khá dồi dào.Đây là nguồn tưới nước rất quan trọng trong mùa khô,nhất là ở vùng chuyên canh cây công nghiệp như Tây Nguyên ,ĐNB.

**d) Tài nguyên sinh vật:**

Do điều kiện khí hậu thuận lợi nên tài nguyên sinh vậy nước ta phong phú và đa dạng với nhiều loại rừng và động vật hoang dã quý hiếm.Nước ta có nhiều loại cây trồng từ nhiệt đới đến cận nhiệt và ôn đới và nhiều vật nuôi có chất lượng tốt thích nghi với điều kiện sinh thái của từng địa phương. Đó là điều kiện thuận lợi cho chúng ta lai tạo ,nhân giống được các loại cây trồng ,vật nuôi có chất lượng tốt , năng suất cao phục vụ tốt cho ngành nông nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

**6/**  *Cho baûng soá lieäu sau ñaây veà dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng luùa nöôùc ta thôøi kì 1990 – 2002*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | Dieän tích (nghìn ha) | Naêng suaát (taï/ha) | Saùn löôïng luùa (nghìn taán) |
| 1990  1993  1995  1997  1998  2000  2002 | 6043.0  6559.0  6766.0  7099.7  7363.0  7660.3  7700.0 | 31.8  34.8  36.9  38.8  39.6  42.4  45.9 | 19225.1  22836.5  24963.7  27523.9  29145.5  32529.5  34454.4 |

a) Veõ bieåu ñoà thích hôïp theå hieän toác ñoä taêng tröôûng veà dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng luùa nöôùc ta thôøi kì 1990 – 2002.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích nguyeân nhaân söï taêng tröôûng ñoù.

**\***  **Traû lôøi:**

a) Veõ bieåu ñoà:

- Xöû lí baûng soá lieäu:

Baûng soá lieäu veà dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng luùa nöôùc ta thôøi kì 1990 – 2002(%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | Dieän tích | Naêng suaát | Sảùn löôïng luùa |
| 1990  1993  1995  1997  1998  2000  2002 | 100  108.5  112.0  117.5  121.8  126.8  127.4 | 100  109.4  116.0  122.0  123.5  133.3  144.3 | 100  118.8  129.8  143.2  161.6  169.2  179.2 |

- Veõ bieåu ñoà:( 3 ñöôøng)

- Hoaøn thieän bieåu ñoà

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích:

- Nhaän xeùt

+ Töø 1990 – 2002 caû dieän tích, naêng suaát, saûn löôïng luùa ñeàu taêng.

+ Toác ñoä taêng tröôûng coù söï khaùc nhau: taêng nhanh nhaát laø saûn löôïng luùa (1.79 laàn) roài ñeán naêng suaát luùa (1.44 laàn) vaø cuoái cuøng laø dieän tích (1.27 laàn).

- Giaûi thích:

+ Dieän tích luùa taêng chaäm hôn laø dokhaû naêng môû roäng dieän tích vaø taêng vuï coù haïn cheá hôn khaû naêng aùp duïng tieán boä KHKT trong noâng nghieäp.

+ Naêng suaát luùa taêng nhanh laø do aùp duïng tieán boä KHKT trong noâng nghieäp, trong ñoù noåi baät nhaát laø söû duïng caùc gioáng môùi cho naêng suaát cao ( naêm 1990 laø 31.8 taï/ha ñeán naêm 2002 laø 48.9 taï/ha)

+ Saûn löôïng luùa taêng nhanh laø do keát quaû cuûa vieäc môû roäng dieän tích vaø taêng naêng suaát.

**7/**  Cho baûng soá lieäu sau veà giaù trò saûn löôïng chaên nuoâi trong toång giaù trò saûn löôïng noâng nghieäp cuûa nöôùc ta ( ñôn vò tæ ñoàng ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Naêm | Toång giaù trò saûn löôïng noâng nghieäp | Giaù trò saûn löôïng chaên nuoâi |
| 1990  1993  1996  1999 | 20666.5  53929.2  92066.2  121731.5 | 3701.0  11553.2  17791.8  22177.7 |

a) Nhaän xeùt vaø giaûi thích vò trí ngaønh chaên nuoâi ôû nöôùc ta trong saûn xuaát noâng nghieäp.

b) Vì sao nöôùc ta caàn phaûi ñöa chaên nuoâi leân ngaønh saûn xuaát chính.

**\***  **Traû lôøi:**

a) Nhaän xeùt vaø giaûi thích vò trí ngaønh chaên nuoâi ôû nöôùc ta trong saûn xuaát noâng nghieäp.

- Chuyeån ñoåi baûng soá lieäu:

Baûng giaù trò saûn löôïng chaên nuoâi trong toång giaù trò saûn löôïng noâng nghieäp cuûa nöôùc ta ( ñôn vò % ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Naêm | Toång giaù trò saûn löôïng noâng nghieäp | Giaù trò saûn löôïng chaên nuoâi |
| 1990  1993  1996  1999 | 100  100  100  100 | 17.9  21.4  19.3  18.2 |

- Nhaän xeùt:

+ Qua baûng soá lieäu ta thaáy chaên nuoâi coøn chieám tæ troïng thaáp trong saûn xuaát noâng nghieäp ( töø 17.9 🡪 21.4 ), nhö vaäy môùi chieám khoaûng gaàn ¼ toång giaù trò saûn löôïng noâng nghieäp.

+ Giaù trò saûn löôïng chaên nuoâi töø naêm 1990 – 1999 taêng nhöng vaãn chöa oån ñònh theå hieän ôû tæ troïng coù luùc taêng luùc giaûm.

- Giaûi thích:

+ Chaên nuoâi chaäm phaùt trieån laø do:

**✓** Töø xöa ñeán nay ngaønh naøy döôïc xem laø ngaønh phuï ñeå phuïc vuï cho troàng troït.

**✓** Cô sôû thöùc aên chöa vöõng chaéc: ñoàng coû chaát löôïng thaáp, saûn xuaát hoa maøu chöa nhieàu, coâng nghieäp cheá bieán thöùc aên coøn haïn cheá.

**✓** Gioáng gia suùc, gia caàm naêng suaát coøn thaáp.

**✓** Maïng löôùi thuù y chöa ñaûm baûo cho vaät nuoâi.

**✓ C**oâng nghieäp cheá bieán coøn haïn cheá, saûn phaåm chöa ña daïng.

b) Caàn phaûi ñöa chaên nuoâi leân ngaønh saûn xuaát chính vì vai troø cuûa noù raát quan troïng :

- Cung caáp thöïc phaåm coù nguoàn goác ñoäng vaät vôùi giaù trò dinh döôõng cao.

- Cung caáp nguyeân lieäu cho coâng nghieäp nheï, CN thöïc phaåm, CN döôïc phaåm…

- Cung caáp saûn phaåm ñöôïc xuaát khaåu thu ngoaïi teä.

- Cung caáp söùc keùo, phaân boùn cho troàng troït, phöông tieän giao thoâng thoâ sô.

- Taïo vieäc laøm cho ngöôøi lao ñoäng, naâng cao ñôøi soáng nhaân daân.

**LAÂM NGHIEÄP – NGÖ NGHIEÄP:**

**A. Kieán thöùc cô baûn:**

**I/ LAÂM NGHIEÄP:**

1. **Taøi nguyeân röøng:**

- Tröôùc kia Vieät Nam laø nöôùc giaøu taøi nguyeân röøng ñeán nay ñaõ bò caïn kieät ôû nhieàu nôi chæ coøn khoaûng 11,6 ha, naêm 2000 ñoä che phuû toaøn quoác laø 35%. Trung bình moãi naêm maát khoaûng 19 vaïn ha.

Nguyeân nhaân :

+ Chieán tranh taøn phaù

+ Khai thaùc böøa baõi vaø quaù möùc

+ Chaùy röøng

+ Taäp quaùn ñoát röøng laøm raãy

+ Daân soá taêng nhanh

- Goàm 3 loaïi:röøng phoøng hoä, röøng saûn xuaát vaø röøng ñaëc duïng .

+ Röøng phoøng hoä: phaân boá ôû ñaàu nguoàn caùc soâng, ven bieån vaø röøng ngaäp maën chieám khoaûng 5,4tr ha.Chöùc naêng: choáng thieân tai , baûo veä moâi tröôøng

+ Röøng saûn xuaát :röøng töï nhieân vaø röøng troàng phaân boá ôû nuùi thaáp vaø nuùi trung bình dieän tích khoaûng hôn 4.7 tr ha. Chöùc naêng: cung caáp nguyeân lieäu cho coâng nghieäp daân duïng vaø xuaát khaåu.

+ Röøng ñaëc duïng phaân boá ôû moâi tröôøng tieâu bieåu ñieån hình cho caùc heä sinh thaùi. Dieän tích khoaûng hôn 1,4tr ha. Chöùc naêng: baûo veä heä sinh thaùi , baûo veä caùc gioáng loaøi quyù hieám.

Ví duï: Khu baûo toàn thieân nhieân Traøm chim (Ñoàng Thaùp) ñaêc tröng cho heä sinh thaùi ñaát ngaäp nöôùc ñieån hình ôû Ñoàng Thaùp Möôøi. Röøng Buø Gia Maäp ñaëc tröng cho kieåu röøng ÑNB. Vöôøn quoác gia Caùt Tieân ñaëc tröng cho kieåu sinh thaùi vuøng chuyeån tieáp cao nguyeân cöïc NTB xuoáng ÑB Nam Boä.

1. **Tình hình phaùt trieån vaø phaân boá laâm nghieäp:**

- Khai thaùc khoaûng 2.5 tr m3 goã moãi naêm ôû vuøng röøng saûn xuaát chuû yeáu ôû mieàn nuùi vaø trung du.

- Coâng nghieäp cheá bieán goã vaø laâm saûn ñöôïc phaùt trieån gaén vôùi caùc vuøng nguyeân lieäu.

- Troàng röøng, baûo veä röøng chuû yeáu theo moâ hình noâng keát hôïp (VACR) ñem laïi hieäu quaû lôùn cho khai thaùc, baûo veä vaø caûi taïo taøi nguyeân röøng naâng cao ñôøi soáng nhaân daân.

Vieäc ñaàu tö troàng röøng theo moâ hình VACR goùp phaàn:

+ Baûo veä moâi tröôøng sinh thaùi, haïn cheá gioù baõo luõ luït, haïn haùn vaø sa maïc hoaù.

+ Goùp phaàn to lôùn vaøo vieäc hình thaønh vaø baûo veä ñaát, choáng xoùi moøn, ñoàng thôøi baûo veä nguoàn gen quí giaù .

+ Cung caáp nhieàu laâm saûn thoaû maõn nhu caàu cuûa saûn xuaát vaø ñôøi soáng.

1. **Moät soá giaûi phaùp ñeå khoâi phuïc tieàm naêng röøng:**

- Taêng cöôøng baûo veä caùc khu baûo toàn thieân nhieân, vöôøn quoác gia, röøng phoøng hoä.

- tieán haønh ñònh cö cho caùc daân toäc mieàn nuùi.

- Troàng caây gaây röøng baèng bieän phaùp noâng laâm keát hôïp

- Toå chöùc toát vieäc khai thaùc, cheá bieán goã vaø laâm saûn.

- GD yù thöùc baûo veä röøng ñi ñoâi vôùi vieäc xöû lí nghieâm khaéc caùc tröôøng hôïp vi phaïm phaùp leänh baûo veä röøng.

**II/ NGÖ NGHIEÄP**

**1. Nhöõng ÑK phaùt trieån ngaønh thuyû saûn:**

a) Thuaän lôïi:

\* ÑK töï nhieân:

- Nhieàu soâng ngoøi, ao hoà thuaän lôïi cho khai thaùc vaø nuoâi troàng thuyû saûn nöôùc ngoït.

- Vuøng bieån roäng haøng trieäu Km2 vôùi nhieàu baõi toâm, baõi caù vaø 4 ngö tröôøng lôùn: ngö tröôøng Caø Mau – Kieân Giang, ngö tröôøng Ninh Thuaän – Bình Thuaän – Baø Ròa – Vuõng taøu, ngö tröôøng Haûi Phoøng – Quaûng Ninh vaø ngö tröôøng quaàn ñaûo Hoaøng Sa, quaàn ñaûo Tröôøng sa thuaän lôïi cho khai thaùc thuyû saûn nöôùc maën.

- Bôø bieån daøi 3260 Km, doïc bôø bieån coù ñaàm phaù, baõi trieàu, röøng ngaäp maën thuaän lôïi cho nuoâi troàng thuyû saûn nöôùc lôï.

- ÔÛ nhieàu vuøng bieån ven caùc ñaûo, vuõng, vònh coù ñieàu kieän thuaän lôïi cho nuoâi troàng thuyû saûn nöôùc maën( nuoâi treân bieån).

\* ÑK KT-XH:

- Nhaân daân coù truyeàn thoáng vaø kinh nghieäm khai thaùc nuoâi troàng thuyû saûn.

- Cô sôû vaät chaát kó thuaät, caùc dòch vuï phuïc vuï, cô sôû cheá bieán thuyû saûn ngaøy caøng phaùt trieån maïnh.

- Thò tröôøng trong vaø ngoaøi nöôùc ngaøy caøng môû roäng.

a) Khoù khaên :

+ Nhieàu tai bieán thieân nhieân nhö baõo, aùp thaáp nhieät ñôùi, luõ luït phaù hoaïi hoaëc laøm giaûm naêng suaát ñaùnh baét, nuoâi troàng thuyû saûn.

+ Moâi tröôøng bò suy thoaùi, oâ nhieãm, taøi nguyeân caïn kieät , suy giaûm .

+ Voán ñaàu tö coøn thieáu , hieäu quaû kinh teá thaáp, taøu thuyeàn, phöông tieän ñaùnh baét coøn nhoû be,ù thoâ sô do ñoù chæ khai thaùc ôû ven bôø laøm cho nguoàn haûi saûn bò caïn kieät.

+ Do nuoâi troàng thieáu quy hoaïch neân nhieàu nôi ñaõ phaù huyû moâi tröôøng sinh thaùi .

+ Phaàn lôùn ngö daân coøn ngheøo , khoâng coù tieàn ñeå ñoùng taøu coâng xuaát lôùn ….

**2. Söï phaùt trieån vaø phaân boá ngaønh thuyû saûn :**

- Ngaønh khai thaùc vaø nuoâi troàng thuyû saûn phaùt trieån ôû taát caû caùc tænh giaùp bieån nhöng taäp trung nhieàu nhaát ôû duyeân haûi Nam Trung Boä vaø Nam Boä .

- Ngaønh thuyû saûn thu huùt khoaûng 3.1% lao ñoäng caû nöôùc ( khoaûng 1.1 trieäu ngöôøi naêm 1999 ) .

- Saûn löôïng caû khai thaùc vaø nuoâi troàng ñeàu taêng nhanh vaø lieân tuïc:

+ Saûn löôïng khai thaùc taêng khaù nhanh chuû yeáu laø do ñaàu tö taêng soá löôïng taøu thuyeàn vaø taêng coâng suaát taøu. Caùc tænh troïng ñieåm ngheà caù laø Kieân Giang , Caø Mau , Baø Ròa – Vuõng Taøu, Bình Thuaän .

+ Nuoâi troàng thuyû saûn gaàn ñaây phaùt trieån nhanh. Ñaëc bieät laø nuoâi toâm, caù. Caùc tænh coù saûn löôïng thuyû saûn nuoâi troàng lôùn nhaát laø Caø Mau, An Giang vaø Beán Tre.

- Xuaát khaåu thuyû saûn ñaõ coù böôùc phaùt trieån vöôït baäc, ñöùng thöù 3 sau daàu khí vaø may maëc.

- Tuy nhieân coøn nhieàu haïn cheá nhö saûn löôïng chöa cao so vôùi caùc nöôùc treân theá giôùi, chuû yeáu laø do phöông tieän ñaùnh baét thoâ sô chòu aûnh höôûng nhieàu cuûa moâi tröôøng, khí haäu,….

**B – Baøi taäp:**

**1/** - Phaân tích caùc ñieàu kieän ñeå phaùt trieån ngaønh thuyû saûn nöôùc ta?

- Trình baøy söï phaùt trieån vaø phaân boá ngaønh thuyû saûn.

- Giaûi thích taïi sao saûn löôïng thuyû saûn nöôùc ta chöa cao? Phaûi laøm gì ñeå naâng cao saûn löôïng thuyû saûn?

**\***  **Traû lôøi:**

a) Caùc ñieàu kieän ñeå phaùt trieån ngaønh thuyû saûn nöôùc ta:( Ñaõ ghi)

b) Söï phaùt trieån vaø phaân boá ngaønh thuyû saûn: (Ñaõ ghi)

c) - Saûn löôïng thuyû saûn nöôùc ta chöa cao laø do phöông tieän ñaùnh baét thoâ sô chòu aûnh höôûng nhieàu cuûa moâi tröôøng, khí haäu, kó thuaät ñaùnh baét coøn thaáp, chuû yeáu ñaùnh baét gaàn bôø….

- Giaûi phaùp ñeå naâng cao saûn löôïng thuyû saûn:

+Huy ñoäng voán töø nhaân daân, voán vay nöôùc ngoaøi, voán Nhaø nöôùc ñeå taêng cöôøng hieän ñaïi hoaù cô sôû vaät chaát kó thuaät.

+ Chuù troïng gioáng con nuoâi, nguoàn thöùc aên vaø phoøng tröø dòch beänh cho thuyû saûn nuoâi.

+ Caûi taïo caùc caûng caù, ñoåi môùi coâng ngheä cheá bieán ñeå naâng cao chaát löôïng thuyû saûn cheá bieán.

+ Ñieàu tra nguoàn lôïi thuyû saûn, xaây döïng keá hoaïch khai thaùc, cheá bieán, tieâu thuï.

+ Qui ñònh soá taøu thuyeàn khai thaùc gaàn bôø ñeå baûo veä oån ñònh nguoàn thuyû saûn.

+ Choáng oâ nhieãm moâi tröôøng bieån, soâng ngoøi, ao hoà. Nghieâm caám haønh vi khai thaùc mang tính huyû dieät.

+ Ñaåy maïnh vieäc khai thaùc xa bôø gaén vôùi baûo veä an ninh quoác phoøng treân bieån.

+ Ña daïng hoaù caùc maët haøng thuyû saûn cheá bieán ñeå ñaåy maïnh xuaát khaåu.

**2/** Trình baøy ñaëc ñieåm taøi nguyeân röøng nöôùc ta. Tình hình phaùt trieån vaø phaân boá laâm nghieäp ôû nöôùc ta. Laøm theá naøo ñeå sôùm khoâi phuïc tieàm naêng röøng?

**\***  **Traû lôøi:** (theo noäi dung ñaõ ghi)

**3/** Cho baûng soá lieäu : Saûn löôïng thuyû saûn(nghìn taán)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | Toång soá | Chia ra | |
| Khai thaùc | Nuoâi troàng |
| 1990  1994  1998  2002 | 890.6  1465.0  1782.0  2647.4 | 728.5  1120.9  1357.0  1802.6 | 162.1  344.1  425.0  844.8 |

a) Veõ bieåu ñoà saûn löôïng thuyû saûn(ñöôøng hoaëc coät) theå hieän saûn löôïng thuyû saûn thôøi kì 1990-2002.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích.

**\***  **Traû lôøi:**

a) Veõ bieåu ñoà saûn löôïng thuyû saûn:

Tröôøng hôïp 1: Veõ 3 ñöôøng bieåu dieãn, coù chuù giaûi, teân bieåu ñoà.

Tröôøng hôïp 2: Veõ bieåu ñoà coät, moãi naêm goàm 3 coät: toång soá, khai thaùc vaø nuoâi troàng. Coù chuù giaûi, teân bieåu ñoà.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích:

\*Nhaän xeùt: Qua bieåu ñoà ta thaáy

Saûn löôïng thuyû saûn khai thaùc vaø nuoâi troàng ñeàu taêng, khai thaùc taêng gaàn 2.5 laàn, nuoâi troàng taêng hôn 5.2 laàn. Nhö vaäy saûn löôïng thuyû saûn nuoâi troàng taêng nhanh hôn, nhöng saûn löôïng thuyû saûn khai thaùc vaãn chieám tæ troïng cao hôn.

\* Giaûi thích:

- Saûn löôïng thuyû saûn khai thaùc taêng laø do ñaàu tö taêng soá löôïng taøu thuyeàn vaø taêng coâng suaát taøu. Caùc tænh troïng ñieåm ngheà caù laø Kieân Giang , Caø Mau , Baø Ròa – Vuõng Taøu, Bình Thuaän.

- saûn löôïng thuyû saûn nuoâi troàng taêng vaø taêng nhanh hôn laø do taêng cöôøng nuoâi caùc loaïi caù, toâm, cua loät, ba ba, rong caâu ñeå phuïc vuï xuaát khaåu vôùi saûn löôïng ngaøy caøng lôùn. Caùc tænh troïng ñieåm laø Caø Mau, An Giang vaø Beán Tre.

**4/** **Làm** **baøi 1, 2 trong baøi thöïc haønh 10 SGK/ 38**

**COÂNG NGHIEÄP**

**Kieán thöùc cô baûn:**

**I. Caùc nhaân toá aûnh höôûng ñeán söï phaùt trieån vaø phaân boá coâng nghieäp:**

**1.Caùc nhaân toá töï nhieân:**

a)Taøi nguyeân thieân nhieân nöôùc ta ña daïng laø cô sôû nguyeân lieäu, nhieân lieäu vaø naêng löôïng ñeå phaùt trieån cô caáu CN ña ngaønh. Ví duï:

+Caùc taøi nguyeân khoaùng saûn : than, daàu moû , saét, thieác, ñoàng, chì, apatit, ñaù voâi… ñeå phaùt trieån caùc ngaønh CN: luyeän kim, cô khí, naêng löôïng, hoaù chaát , vaät lieäu xaây döïng.

+ Caùc nguoàn thuyû naêng soâng suoái ñeå phaùt trieån CN thuyû ñieän.

+ Taøi nguyeân ñaát, nöôùc, khí haäu, röøng, bieån ñeå phaùt trieån noâng, laâm, ngö nghieäp cung caáp nhieân lieäu cho ngaønh coâng nghieäp cheá bieán noâng, laâm, thuyû saûn.

+ Caùc nguoàn taøi nguyeân coù tröõ löôïng lôùn laø cô sôû ñeå phaùt trieån caùc ngaønh CN troïng ñieåm:

Ví duï:✓Coâng nghieäp khai khaùc nhieân lieäu taäp trung chuû yeáu ôû Trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä nôi coù nhieàu than vaø thuyû naêng hoaëc ÑNB nôi coù nhieàu daàu, khí.

✓Coâng nghieâïp luyeän kim, hoaù chaát taäp chung chuû yeáu trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä nôi taäp trung nhieàu khoaùng saûn hoaëc ÑNB.

✓Saûn xuaát vaät lieäu xaây döïng taäp trung chuû yeáu ôû ñoàng baàng soâng Hoàng hoaëc Baéc Trung Boä.

Do ñoù söï phaân hoaù taøi nguyeân treân laõnh thoå taïo ra theá maïnh khaùc nhau giöõa caùc vuøng .

+Vieäc phaùt trieån caùc ngaønh noâng, laâm, thuyû saûn cuõng taïo ra cô sôû nguyeân lieäu cho phaùt trieån ngaønh CN cheá bieán löông thöïc, thöïc phaåm, saûn xuaát haøng tieâu duøng.

**2. Caùc nhaân toá kinh teá-xaõ hoäi:**

a. Daân cö vaø lao ñoäng

+ Daân ñoâng, söùc mua taêng, thò hieáu cuõng coù nhieàu thay ñoåi 🡪 thò tröôøng trong nöôùc ngaøy caøng ñöôïc chuù troïng trong phaùt trieån coâng nghieäp.

+ Nguoàn lao ñoäng doài daøo vaø coù khaû naêng tieáp thu KH-KT, thuaän lôïi cho caùc ngaønh CN caàn lao ñoäng nhieàu vaø thu huùt voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi vaøo coâng nghieäp.

b.Cô sôû vaät chaát-kyõ thuaät vaø cô sôû haï taàng.

- Nhìn chung trình ñoä coâng ngheä cuûa ngaønh CN coøn thaáp, hieäu quaû söû duïng thieát bò chöa cao, möùc tieâu hao naêng löôïng vaø nguyeân vaät lieäu coøn lôùn. Cô sôû vaät chaát kó thuaät chöa ñoàng boä vaø chæ phaân boá taäp trung ôû moät soá vuøng.

- Cô sôû haï taàng GTVT, BCVT, cung caáp ñieän , nöôùc … ñang töøng böôùc ñöôïc caûi thieän vaø naâng caáp ñaëc bieät ôû caùc vuøng kinh teá troïng ñieåm.

c. Chính saùch phaùt trieån Coâng nghieäp:

- Goàm chính saùch Coâng nghieäp hoaù vaø chính saùch ñaàu tö phaùt trieån CN.

- Hieän nay chính saùch CN ñaõ gaén lieàn vôùi phaùt trieån kinh teá nhieàu thaønh phaàn, khuyeán khích ñaàu tö ngoaøi nöôùc vaø trong nöôùc, ñoåi môùi cô cheá quaûn lí kinh teá, ñoåi môùi chính saùch kinh teá ñoái ngoaïi.

d. Thò tröôøng:

- Trong nöôùc: Haøng CN nöôùc ta coù thò tröôøng khaù roäng nhöng bò haøng ngoaïi nhaäp caïnh tranh gay gaét.

- Ngoaøi nöôùc: Haøng CN nöôùc ta cuõng coù nhöõng lôïi theá nhaát ñònh trong xuaát khaåu sang thò tröôøng caùc nöôùcù CN phaùt trieån, tuy nhieân coøn haïn cheá veà maãu maõ, chaát löôïng neân söùc eùp caïnh tranh raát lôùn.

Toùm laïi caùc nguoàn taøi nguyeân laø raát quan troïng nhöng quyeát ñònh cho vieäc phaùt trieån vaø phaân boá CN laø phuï thuoäc maïnh meõ vaøo caùc nhaân toá kinh teá- xaõ hoäi (vì noù taùc ñoäng maïnh ñeán CN caû ñaàu vaøo vaø ñaàu ra)

**II.SÖÏ PHAÙT TRIEÅN VAØ PHAÂN BOÁ COÂNG NGHIEÄP:**

**1.Cô caáu ngaønh coâng nghieäp :** - Heä thoáng CN nöôùc ta goàm coù caùc cô sôû cuûa nhaø nöôùc, caùc cô sôû ngoaøi nhaø nöôùc vaø caùc cô sôû coù voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi. Trong ñoù caùc cô sô ûnhaø nöôùc giöõ vai troø chuû ñaïo.

- Cô caáu ngaønh raát ña daïng trong ñoù coù caùc ngaønh troïng ñieåm(ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm laø nhöõng ngaønh chieám tæ troïng cao trong giaù trò saûn löôïng coâng nghieäp, ñöôïc phaùt trieån döïa treân caùc theá maïnh veà taøi nguyeân, lao ñoäng ñaùp öùng thò tröôøng trong nöôùc vaø taïo ñöôïc nguoàn haøng xuaát khaåu chuû löïc) coù taùc duïng thuùc ñaåy söï chuyeån dòch cô caáu kinh teá vaø taêng tröôûng kinh teá .

**2.Caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm :**

- **Cheá bieán löông thöôïc thöïc phaåm** chieám tæ troïng cao nhaát trong cô caáu giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp cuûa nöôùc ta (2002) bao goàm :

+ Cheá bieán saûn phaåm troàng troït (caø pheâ, cheø, thuoác laù, daàu thöïc vaät, xay xaùt…)

+ Cheá bieán saûn phaåm chaên nuoâi.

+ Cheá bieán thuyû saûn

Phaân boá roäng khaép caû nöôùc taäp trung chuû yeåu ôû vuøng ñb soâng Hoàng, Ñoâng Nam Boä, ñb soâng Cöûu Long vì ñoâng daân, coù nguoàn nhieân lieäu, nguoàn lao ñoäng vaø tieän cho vieäc xuaát khaåu.

- **Cô khí - ñieän töû** coù cô caáu saûn phaåm ña daïng nhö maùy coâng cuï, ñoäng cô ñieän, phöông tieän giao thoâng, thieát bò ñieän töû.

Phaân boá nhieàu nôi trong nöôùc nhöng taäp trung chuû yeáu ôû caùc trung taâm lôùn: Haø Noäi, Ñaø Naüng, tp HCM, Haûi Phoøng, Thaùi Nguyeân, Vinh, Bieân Hoaø, Caàn Thô …

- **Khai thaùc nhieân lieäu** (than, daàu khí )

+ Than chuû yeáu ôû Quaûng Ninh chieám 90% saûn löôïng than caû nöôùc, saûn löôïng töø 15-20tr taán / naêm

+Daàu ôû theàm luïc ñòa ngoaøi khôi tænh Baø Ròa- Vuõng Taøu ñaây laø maët haøng xuaát khaåu chuû löïc cuûa ta saûn löôïng haøng traêm trieäu taán daàu/naêm.

+Khí ñoát haøng tæ meùt khoái khí/naêm taäp trung ôû caùc moû Tieàn Haûi (Thaùi Bình ), Lan Ñoû, Lan Taây ( Vuõng Taøu)

-**Vaät lieäu xaây döïng** coù cô caáu khaù ña daïng :saûn xuaát xi maêng, gaïch ngoùi, beâ toâng ñuùc saün, taám lôïp vaø caùc vaät lieäu xaây döïng cao caáp …

Phaân boá roäng khaép caû nöôùc, nhöng taäp trung nhaát ôû ñb soâng Hoàng, Baéc Trung Boä, Ñoâng Nam Boä, ñb soâng Cöûu Long

- **Hoaù chaát** coù caùc saûn phaåm ñöôïc söû duïng roäng raõi trong saûn xuaát vaø sinh hoaït.

Caùc trung taâm lôùn nhaát laø: tp HCM, Bieân Hoaø, Haø Noäi, Haûi Phoøng, Vieät Trì – Laâm Thao…

- **Deät may** laø ngaønh saûn xuaát haøng tieâu duøng quan troïng, döïa treân nguoàn lao ñoäng daøo doài vaø reû. Saûn phaåm chuû yeáu laø ñeå xuaát khaåu, laø moät trong nhöõng maët haøng xuaát khaåu chuû löïc cuûa nöôùc ta.

Caùc trung taâm deät may lôùn nhaát caû nöôùc nhö: tpHCM, Haø Noäi, Ñaø Naüng, Nam Ñònh….

- **Ñieän** goàm nhieät ñieän vaø thuyû ñieän, saûn löôïng khoaûng 40 tæ kWh/naêm vaø ngaøy caøng taêng ñaùp öùng nhu caàu cuûa neàn kinh teá.

+ Thuyû ñieän: Hoaø bình, Y-a-ly, Trò An, (Sôn La ñang xaây döïng)…

+ Nhieät ñieän: Phuù Myõ ( chaïy baèng khí), Phaû laïi ( chaïy baèng than),….

**3.Caùc trung taâm coâng nghieäp lôùn :**

- Hai khu vöïc taäp trung coâng nghieäp lôùn nhaát laø: ÑNB vaø ñb soâng Hoàng.

- Hai trung taâm coâng nghieäp lôùn nhaát laø: tpHCM, Haø Noäi

Ngoaøi ra coøn coù caùc trung taâm lôùn vaø vöøa khaùc nhö: Haûi Phoøng, Bieân Hoaø, Vuõng Taøu, Ñaø Naüng, Nha Trang,….

**D2/ Baøi taäp:**

**1/** *Döïa vaøo kieán thöùc ñaõ hoïc haõy cho bieát nöôùc ta coù nhöõng ñieàu kieän gì thuaän lôïi ñeå phaùt trieån moät neàn coâng nghieäp coù cô caáu ña ngaønh?*

**\***  **Traû lôøi:** Theo noäi dung ñaõ ghi

**2/** *Haõy CMR cô caáu coâng nghieäp nöôùc ta khaù ña daïng.*

**\***  **Traû lôøi:** CM cô caáu coâng nghieäp nöôùc ta khaù ña daïng

- Veà thaønh phaàn KT: Cô caáu coâng nghieäp phaân theo thaønh phaàn KT goàm coù caùc cô sôû nhaø nöôùc, ngoaøi nhaø nöôùc vaø caùc cô sôû coù voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi.

- Veà cô caáu ngaønh: ña daïng, coù ñuû caùc ngaønh coâng nghieäp thuoäc caùc lónh vöïc nhö khai thaùc nhieân lieäu, ñieän, cô khí- ñieän töû, hoaù chaát vaät lieäu xaây döïng, cheá bieán LTTP, deät may, in, cheá bieán laâm

saûn…

Trong ñoù coù caùc ngaønh CN troïng ñieåm, coù taùc duïng thuùc ñaåy söï taêng tröôûng vaø chuyeån dòch cô caáu kinh teáá cuûa nöôùc ta.

**3/** *Döïa vaøo Atlat ñòa lí VN haõy cho bieát tình hình phaùt trieån vaø söï phaân boá caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm cuûa nöôùc ta.*

**\***  **Traû lôøi:** Theo noäi dung ñaõ ghi

***4/*** *Hãy phân tích ý nghĩa cuả việc phát triển Nông- Ngư nghiệp đơi với ngành Công nghiệp chế biến lương thực , thực phẩm?*

Việc phát triển Nông Ngư nghiệp tạo cơ sở nguyên liệu cho ngành CN chế biến lương thực thực phẩm như :

- CN chế biến sản phẩm trồng trọt: xay xát, sản xuất đường, thuốc lá, chế biến chè, dầu thực vật…

- CN chế biến sản phẩm căn nuôi: Chế biến thịt, trứng, sữa, thực phẩm đông lạnh, đồ hộp…

-CN chế biến thủy sản: làm nước mắm, sấy khô, thủy hải sản đông lạnh: Tôm, cá Basa…

**5/** Cho baûng soá lieäu sau veà giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp caû nöôùc vaø phaân theo caùc vuøng naêm 2002( ñôn vò nghìn tæ ñoàng)

|  |  |
| --- | --- |
| Caùc vuøng | Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp |
| Trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä  Ñoàng baèng soâng Hoàng  Baéc Trung Boä  Duyeân haûi Nam Trung Boä  Taây Nguyeân  Ñoâng Nam Boä  Ñoàng baèng soâng Cöûu Long  Caû nöôùc | 44.8  55.2  9.9  14.7  9.3  82.0  52.2  268.1 |

1. Veõ bieåu ñoà cô caáu giaù trò saûn löôïng toaøn ngaønh coâng nghieäp phaân theo caùc vuøng ôû nöôùc ta naêm 2002.
2. Nhaän xeùt vaø giaûi thích söï phaân hoaù giaù trò saûn löôïng theo vuøng laõnh thoå.

**\***  **Traû lôøi:**

a) – Xöû lí baûng soá lieäu

- Veõ bieåu ñoà hình troøn, coù chuù giaûi, teân bieåu ñoà.

b) – Nhaän xeùt:

+ Giaù trò saûn löôïng CN khoâng ñeàu giöõa caùc vuøng, cao nhaát laø ÑNB, thaáp nhaát laø Taây Nguyeân.

+ Giaù trò saûn löôïng CN vuøng ÑNB gaáp 8.8 laàn so vôùi Taây Nguyeân vaø nhieàu laàn so vôùi caùc vuøng khaùc.

– Giaûi thích:

+ Giaù trò saûn löôïng CN khoâng ñeàu giöõa caùc vuøng laø do khaùc nhau veà: Vò trí ñòa lí vaø taøi nguyeân thieân nhieân, löïc löôïng lao ñoäng vaø nhaát laø lao ñoäng coù tay ngheà, cô sôû haï taàng vaø cô sôû vaät chaát kó thuaät….

+ Nhöõng vuøng coù coâng nghieäp phaùt trieån, giaù trò saûn löôïng CN raát cao laø do möùc ñoä taäp trung coâng nghieäp raát cao, thuaän lôïi veà vò trí ñòa lí, taøi nguyeân, cô sôû VC-KT vaø cô sôû haï taàng, taäp trung nhieàu lao ñoäng coù KT cao, nhieàu coâng nhaân laønh ngheà.

**DÒCH VUÏ**

**A/ Kieán thöùc cô baûn**

**I/** **Vai troø, ñaëc ñieåm phaùt trieån vaø phaân boá cuûa dòch vuï:**

**1. Cô caáu ngaønh dòch vuï:**

- DV laø caùc hoaït ñoäng ñaùp öùng nhu caàu saûn xuaát vaø sinh hoaït cuûa con ngöôøi .

- Bao goàm 3 nhoùm ngaønh:

+ DV tieâu duøng: thöông nghieäp, DV söûa chöõa, khaùch saïn, nhaø haøng, DV caù nhaân vaø coäng ñoàng.

+ DV saûn xuaát: GTVT, BCVT, taøi chính, tín duïng, kinh doanh taøi saûn, tö vaán

+ DV coâng coäng: KHCN, giaùo duïc, y teá, vaên hoaù, theå thao, quaûn lí nhaø nöôùc, ñoaøn theå vaø baûo hieåm xaõ hoäi.

- Khi kinh teá caøng phaùt trieån thì dòch vuï caøng trôû neân ña daïng. VD:

+ ÔÛ noâng thoân hieän nay, Nhaø nöôùc ñaàu tö xaây döïng caùc moâ hình ñöôøng, tröôøng, traïm, ñoù laø caùc dòch vuï coâng coäng.

+ Ngaøy nay, KT phaùt trieån vieäc ñi laïi trong nöôùc vaø nöôùc ngoaøi baèng ñuû caùc loaïi phöông tieän.

+ Hieän nay, caùc khaùch saïn, nhaø haøng, caùc khu vui chôi giaûi trí ngaøy caøng ñöôïc xaây döïng nhieàu (dòch vuï tieâu duøng).

**2.** **Vai troø cuûa dòch vuï:**

- Cung caáp nguyeân lieäu, vaät tö saûn xuaát cho caùc ngaønh KT.

- Tieâu thuï saûn phaåm taïo ra moái lieân heä giöõa caùc ngaønh saûn xuaát trong vaø ngoaøi nöôùc.

- Ñem laïi nguoàn thu nhaäp lôùn cho ñaát nöôùc.

**3. Ñaëc ñieåm phaùt trieån cuûa ngaønh dòch vuï ôû nöôùc ta:**

- DV nöôùc ta chieám khoaûng 25% lao ñoäng vaø 38,5% cô caáu GDP(2002).

- Trong ñieàu môû cöûa neàn kinh teá, caùc hoaït ñoäng DV nöôùc ta ñang ngaøy caøng phaùt trieån raát nhanh ñeå vöôn leân taàm khu vöïc vaø quoác teá.

- Vieät Nam ñang trôû thaønh thò tröôøng thu huùt nhieàu coâng ty nöôùc ngoaøi môû caùc hoaït ñoäng DV 🡪 khaû naêng thu lôïi nhuaän cao cuûa caùc ngaønh DV.

- Vieäc naâng cao chaát löôïng DV vaø ña daïng hoaù caùc loaïi hình DV phaûi döïa treân trình ñoä coâng ngheä cao, lao ñoäng laønh ngheà, cô sôû haï taàng kó thuaät toát. Ñaây laø moät thaùch thöùc trong phaùt trieån caùc hoaït ñoäng DVôû nöôùc ta hieän nay.

**4.Ñaëc ñieåm phaân boá cuûa ngaønh dòch vuï ôû nöôùc ta:**

DV taäp trung chuû yeáu ôû nhöõng nôi ñoâng daân cö vaø coù neàn kinh teá phaùt trieån.

VD: Haø Noäi vaø tpHCM laø 2 trung taâm dòch vuï lôùn nhaát nöôùc ta, vì ôû ñaây taäp trung caùc ñaàu moái GTVT, vieãn thoâng lôùn nhaát caû nöôùc, taäp trung nhieàu tröôøng ñaïi hoïc lôùn, caùc vieän nghieân cöùu, caùc beänh vieän chuyeân khoa haøng ñaàu, caùc trung taâm thöông maïi, taøi chính, ngaân haøng lôùn nhaát vaø nhieàu dòch vuï khaùc nhö quaûng caùo, baûo hieåm, tö vaán, vaên hoaù, ngheä thuaät, aên uoáng, … ñeàu phaùt trieån maïnh.

**II/** **Caùc loaïi hình dòch vuï quan troïng nhaát ôû nöôùc ta:**

**1. Giao thoâng vaän taûi:**

**a) YÙ nghóa:**

- Thöïc hieän caùc moái quan heä kinh teá trong vaø ngoaøi nöôùc.

- Taïo ÑK cho nhöõng vuøng khoù khaên coù cô hoäi phaùt trieån.

- Khi tieán haønh ñoåi môùi neàn KT thì GTVT phaûi ñöôïc chuù troïng vaø phaùt trieån ñi tröôùc 1 böôùc.

**b) Caùc loaïi hình GTVT:** Bao goàm ñöôøng boä, ñöôøng saét, ñöôøng khoâng, ñöôøng bieån, ñöôøng soâng, ñöôøng oáng.

\* **Ñöôøng boä:** laø quan troïng nhaát vì noù chuyeân chôû khoái löôïng haøng hoaù vaø haønh khaùch lôùn nhaát. Ñaây laø loaïi hình thích hôïp vôùi vaän chuyeån haøng hoaù ôû cöï li ngaén vaø trung bình, nhaát laø GT trong thaønh phoá lôùn. GT ñöôøng boä coù tính cô ñoäng cao hôn caùc loaïi hình vaän taûi khaùc. Vôùi ÑK nöôùc ta ñoài nuùi chieám ¾ S neân loaïi hình vaän taûi ñöôøng boä laø thích hôïp hôn caû

Ñöôøng boä cuõng laø ñöôøng ñöôïc ñaàu tö naâng caáp nhieàu nhaát, nhieàu caàu lôùn ñöôïc thay cho phaø, nhieàu haàm ñeøo ñöôïc xaây döïng. VD: caàu Mó Thuaän, haàm ñeo Haûi Vaân….

Caùc tuyeán ñöôøng quan troïng QL 1A, 5, 18. 51, 22.

\* **Ñöôøng haøng khoâng:** coù toác ñoä phaùt trieån nhanh nhaát ñeå ñaùp öùng nhu caàu vaän chuyeån nhanh cuûa ñaát nöôùc trong thôøi kì CNH, HÑH. Tuy nhieân tæ troïng vaän chuyeån haøng hoaù coøn thaáp.

Caùc saân bay quoác teá: Noäi Baøi, Taân Sôn Nhaát, Ñaø Naüng vaø 19 saân bay ñòa phöông noái VN vôùi nhieàu nöôùc chaâu AÙ, chaâu Aâu, Baéc Mó vaø OÂ-xtraây-li-a. Hieän nay VN ñaõ coù nhöõng maùy bay hieän ñaïi nhö: Boeing 777, Boeing 767,…

\* **Ñöôøng saét:** Phaùt trieån chuû yeáu ôû mieàn Baéc, daøi nhaát laø tuyeán ñöôøng saét thoáng nhaát 1730 km, cuøng vôùi tuyeán quoác loä 1A taïo thaønh truïc xöông soáng cuûa GTVT nöôùc ta. Ñöôøng saét luoân ñöôïc caûi tieán kó thuaät vaø naâng cao chaát löôïng. Tuy nhieân coù nhieàu haïn cheá neân tæ troïng vaän chuyeån haøng hoaù khoâng taêng.

\* **Ñöôøng soâng :** Maïng löôùi ñöôøng soâng cuûa nöôùc ta môùi ñöôïc khai thaùc ôû möùc ñoä thaáp, chuû yeáu laø ôû 2 heä thoáng soâng Hoàng vaø Cöûu Long.

\* **Ñöôøng bieån:** Bao goàm vaän taûi ven bieån vaø vaän taûi bieån quoác teá. Hoaït ñoäng vaän taûi bieån quoác teá ñöôïc ñaåy maïnh do vieäc môû roäng caùc quan heä kinh teá ñoái ngoaïi. Ba caûng bieån lôùn nhaát laø Haûi Phoøng, Ñaø Naüng, Saøi Goøn.

\* **Ñöôøng oáng:** ñang ngaøy caøng phaùt trieån, gaén vôùi söï phaùt trieån cuûa ngaønh daàu khí. Vaän chuyeån baèng ñöôøng oáng laø caùch hieäu quaû nhaát ñeå chuyeân chôû daàu moû vaø khí.

**2. Böu chính vieãn thoâng:**

a) **YÙ nghóa:**

- Laø loaïi hình DV coù yù nghóa chieán löôïc goùp phaàn ñöa VN trôû thaønh 1 nöôùc coâng nghieäp, nhanh choùng hoäi nhaäp vôùi KT theá giôùi.

- Caùc DV cô baûn cuûa böu chính vieãn thoâng laø ñieän thoaïi, ñieän baùo, truyeàn daãn soá lieäu, internet, phaùt haønh baùo chí, chuyeån böu kieän, böu phaåm. Nhieàu dòch môùi chaát löôïng cao nhö ñieän hoa, chuyeån phaùt nhanh, chuyeån tieàn nhanh…

b) **Nhöõng thaønh töïu töø sau coâng cuoäc ñoåi môùi:**

- Maät ñoä ñieän thoaïi vaø toác ñoä phaùt trieån ñieän thoaïi taêng raát nhanh

-Maïng löôùi vieãn thoâng quoác teá vaø lieân tænh naâng leân vöôït baäc phaùt trieån roäng khaép caû nöôùc

-Ñaõ xaây döïng caùc traïm veä tinh, caùc tuyeán caùp quang noái caùc tænh trong nöôùc vaø noái VN vôùi hôn 30 nöôùc treân TG

- Nöôùc ta ñaõ hoaø maïng Internet vaøo cuoái naêm 1997, ñaây laø keát caáu haï taàng kó thuaät toái quan troïng ñeå VN phaùt trieån vaø hoäi nhaäp

**c. Vai troø:**

- Cung caáp thoâng tin kieäp thôøi cho phaùt trieån kinh teá xaõ hoäi vaø ñôøi soáng nhaân daân

- Laø phöông tieän ñeå tieáp thu caùc tieán boä KH-KT.

- Phuïc vuï vui chôi giaûi trí hoïc taäp cuûa nhaân daân.

- Laø phöông tieän ñeå VN hoäi nhaäp kinh teá quoác teá.

**3. Thöông maïi:** Bao goàm noäi thöông vaø ngoaïi thöông

**a. Noäi thöông:**

- Thaønh töïu :

+ Haøng hoaù ña daïng, doài daøo, töï do löu thoâng.

+ Caû nöôùc laø moät thò tröôøng thoáng nhaát.

+ Heä thoáng caùc chôïï hoaït ñoäng taáp naäp, caùc trung taâm thöông maïi, sieâu thò vaø caùc cöûa haøng ngaøy caøng xuaát hieän nhieàu ôû caùc thaønh phoá

- Tuy nhieân noäi thöông nöôùc ta phaùt trieån chöa ñeàu giöõa caùc vuøng trong nöôùc laø do phuï thuoäc vaøo caùc ñk sau:

+Quy moâ daân soá

+Kinh teá phaùt trieån

+Vò trí thuaän lôïi

Do ñoù ÑNB, ñb Soâng Hoàng, ñb Soâng Cöûu Long laø nhöõng vuøng coù noäi thöông phaùt trieån nhaát.

Haø Noäi, tp Hoà Chí Minh laø hai trung taâm thöông maïi lôùn nhaát nöôùc ta.

- Haïn cheá:

+ Söï phaân taùn manh muùn, haøng thaät, haøng giaû cuøng toàn taïi treân thò tröôøng.

+ Lôïi ích cuûa ngöôøi kinh doanh chaân chính vaø cuûa ngöôøi tieâu duøng chöa ñöôïc baûo veä ñuùng möùc.

+ Cô sôû vaät chaát coøn chaäm ñoåi môùi.

1. **Ngoaïi thöông:**

Laø hoaït ñoäng kinh teá ñoái ngoaïi quan troïng nhaát ôû nöôùc ta: Giaûi quyeát ñaàu ra cho caùc saûn phaåm, ñoåi môùi coâng ngheä, môû roäng saûn xuaát vaø caûi thieän ñôøi soáng nhaân daân.

**Xuaát khaåu:** - Haøng CN nheï vaø thuû coâng nghieäp.

- Haøng CN naëng vaø khoaùng saûn.

- Haøng noâng, laâm, thuyû saûn.

**Nhaäp khaåu:**

Maùy moùc, thieát bò, nguyeân nhieân lieäu, moät ít löông thöïc, thöïc phaåm vaø haøng tieâu duøng.

Thò tröôøng mua baùn chuû yeáu cuûa ta laø khu vöïc Chaâu AÙ Thaùi Bình Döông, thò tröôøng chaâu AÂu, Baéc Mó

**4.Du lòch:**

Ñem laïi nguoàn thu nhaäp lôùn, goùp phaàn môû roäng giao löu giöõa nöôùc ta vôùi caùc nöôùc treân theá giôùi vaø caûi thieän ñôøi soáng nhaân daân.

VN giaøu taøi nguyeân du lòch:

- Du lòch töï nhieân: Phong caûnh, baõi taém ñeïp, khí haäu toát, coù nhieàu vöôøn quoác gia vôùi caùc ñoäng thöïc vaät quí hieám, … .

- Du lòch vaên nhaân: Caùc coâng trình kieán truùc, di tích lòch söû, leã hoäi truyeàn thoáng, caùc laøng ngheà truyeàn thoáng, vaên hoaù daân gian,…

Nhieàu ñòa ñieåm du lòch noåi tieáng ñaõ ñöôïc coâng nhaän laø di saûn theá giôùi nhö: Vònh Haï Long, Ñoäng Phong Nha, Coá ñoâ Hueá, Di tích Myõ Sôn, Phoá coå Hoäi An.

**B/**- **Baøi taäp:**

**1/** *Haõy cho bieát cô caáu ngaønh DV. Giaûi thích vì sao DV taäp trung chuû yeáu ôû nhöõng nôi ñoâng daân cö vaø coù neàn kinh teá phaùt trieån?*

**\***  **Traû lôøi:**

- Cô caáu ngaønh DV: ( ñaõ ghi)

- DV taäp trung chuû yeáu ôû nhöõng nôi ñoâng daân cö vaø coù neàn kinh teá phaùt trieån, vì:

Nhuõng vuøng naøy coù nhu caàu raát lôùn veà: aên uoáng, ñi laïi, mua saém, giaùo duïc, y teá, vaên hoaù, KHKT… taïo ñieàu kieän cho caùc hoaït ñoäng DV phaùt trieån maïnh.

**2*/*** *Haõy keå teân 2 trung taâm dòch vuï lôùn nhaát ôû nöôùc ta vaø giaûi thích taïi sao ngaønh dòch vuï laïi phaùt trieån maïnh ôû ñaây?*

**\***  **Traû lôøi:**

- Nöôùc ta coù 2 trung taâm DV lôùn nhaát vaø ña daïng nhaát laø: Haø Noäi vaø tp HCM.

- Giaûi thích:

+ Ñaây laø 2 ñaàu moái GTVT, vieãn thoâng lôùn nhaát caû nöôùc.

+ Taäp trung nhieàu tröôøng ñaïi hoïc lôùn, caùc vieän nghieân cöùu, caùc beänh vieän chuyeân khoa haøng ñaàu

+ 2 trung taâm thöông maïi, taøi chính, ngaân haøng lôùn nhaát caû nöôùc.

+ Caùc dòch vuï khaùc nhö quaûng caùo, baûo hieåm, tö vaán, vaên hoaù, ngheä thuaät, aên uoáng, … luoân ñi ñaàu.

**3/** *Taïi sao nöôùc ta laïi buoân baùn nhieàu nhaát vôùi thò tröôøng khu vöïc chaâu AÙ- TBD?*

**\***  **Traû lôøi:** Vì:

- Vò trí ñòa lí thuaän lôïi cho vieäc vaän chuyeån, giao nhaän haøng hoaù.

- Caùc moái quan heä coù tính truyeàn thoáng.

- Thò hieáu tieâu duøng coù nhieàu ñieåm töông ñoàng neân deã xaâm nhaäp thò tröôøng.

- Tieâu chuaån haøng hoaù khoâng cao 🡪 phuø hôïp vôùi trình ñoä saûn xuaát coøn thaáp cuûa VN…

**4/** *Cho baûng soá lieäu 14.1/trang 51(SGK)*

1. Veõ bieåu ñoà theå hieän cô caáu khoái löôïng haøng hoaù phaân theo caùc loaïi hình vaän taûi naêm 1990 vaø 2002.
2. Nhaän xeùt söï thay ñoåi tæ troïng haøng hoaù vaän chuyeån. Loaïi hình vaän taûi naøo laø quan troïng nhaát? Taïi sao? loaïi hình vaän taûi naøo taêng nhanh nhaát? Taïi sao?

**\***  **Traû lôøi:**

a) Veõ 2 bieåu ñoà hình troøn.

b) Nhaän xeùt:

- Tæ troïng haøng hoaù vaän chuyeån cuûa caùc loaïi hình vaän taûi coù söï thay ñoåi :

+Khoái löôïng haøng hoaù vaän chuyeån cuûa ñöôøng boä, ñöôøng bieån vaø ñöôøng haøng khoâng taêng

+ Khoái löôïng haøng hoaù vaän chuyeån cuûa ñöôøng saét vaø ñöôøng soâng giaûm.

- Loaïi hình vaän taûi ñöôøng boä laø quan troïng nhaát, vì noù chuyeân chôû khoái löôïng haøng hoaù, haønh khaùch lôùn nhaát, laø loaïi hình thích hôïp vôùi vaän chuyeån haøng hoaù ôû cöï li ngaén vaø trung bình, coù tính cô ñoäng cao thích hôïp vôùi ñòa hình nöôùc ta.

- Loaïi hình vaän taûi ñöôøng haøng khoâng laø taêng nhanh nhaát, vì ñaùp öùng nhu caàu vaän chuyeån nhanh ngaøy caøng taêng cuûa khaùch haøng, ñöôïc hieän ñaïi hoaù, môû roäng maïng löôùi quoác teá vaø noäi ñòa.

**5/** *Tại sao Hà Nội và TPHCM lại là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất nước ta?*

Bởi vì:  
- Đây là hai đầu mối GTVT, viễn thông lớn nhất cả nước.

- Ở đây tập trung nhiều trường đại học,các viện nghiên cứu,các bệnh viện chuyên khoa hang đầu.

- Là hai trung tâm thương mại,tài chính, ngân hàng lớn nhất nước.

- Ngoài ra ở đây còn tập trung các loại dịch vụ khác như quảng cáo,bảo hiểm,tư vấn,văn hóa,nghệ thuật,ăn uống cũng luôn dẫn đầu cả nước.

**6/** *Việc phát triển dịch vụ điện thoại và internet tác động như thế nào đến đời sống KT-XH nước ta?*

Tác động cả về hai mặt tích cực và tiêu cực:

a)Tích cực: Dịch vụ điện thoại và internet giúp cho việc thông tin liên lạc trong nước và quốc tế được tiện lợi và nhanh chống nhất, đi đôi với việc phát triển các dịch vụ như chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, dạy học trên mạng, buôn bán trên mạng…

b)Tiêu cực: Bên cạnh mặt tích cực cũng không ít mặt tiêu cực như qua internet có những thông tin , hình ảnh bạo lực,đồi trụy nguy hại nhất là đối với lứa tuổi học sinh và thanh thiếu niên.

**7/** *Vì sao nước ta lại buôn bán nhiều với thị trường khu vực Châu Á-Thái Bình Dương?*

Vì:

* Vị trí địa lí thuận lợi cho việc vận chuyển,giao nhận hàng hóa.
* Có mối quan hệ truyền thống
* Thị hiếu tiêu dùng có nhiều điểm tương đồng với người dân Việt Nam nên dễ xâm nhập thị trường
* Tiêu chuẩn hàng hóa không cao nên phù hợp với trình độ phát triển sản xuất ở nước ta.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày giảng:**

**CHỦ ĐỀ 8**

**THỰC HÀNH GIẢI MỘT SỐ ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9**

**(9 tiết)**

**ĐỀ SỐ 1**

**Câu 1 (***2,5 điểm).*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

(*Hình 1)*

1400

1200

1000

200

400

600

B

A

a. Thế nào là tọa độ địa lí của một điểm?

b. Xác định tọa độ địa lý của các điểm A, B trên hình 1.

c. Một trận bóng đá được tổ chức ở Nam Phi (múi giờ số 2) vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 25/06/2010, được truyền hình trực tiếp. Tính giờ truyền hình trực tiếp tại các quốc gia: Việt Nam, Anh.

**Câu 2 (***4,0 điểm).* Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng  Địa điểm | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Tp Hồ Chí Minh | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

(*SGK Địa lý 8*, trang 110, NXBGD - 2010)

a. Trình bày sự khác biệt trong chế độ nhiệt của 2 địa điểm trên.

b. Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?

**Câu 3 (***4,5 điểm).* Dựa vào kiến thức đã học và Atlát Địa lý Việt Nam, em hãy:

a. Trình bày sự phân bố ngành công nghiệp điện lực.

b. Vì sao công nghiệp điện là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**Câu 4 (***4,0 điểm).* Cho bảng số liệu:

Số lượng lao động phân theo nhóm ngành kinh tế của Nghệ An năm 2002 và năm 2008

(đơn vị: *nghìn người*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm  Ngành | 2002 | 2008 |
| Nông - lâm - ngư nghiệp | 1057,4 | 1129,6 |
| Công nghiệp - xây dựng | 111,7 | 251,8 |
| Dịch vụ | 172,4 | 342,2 |

(Nguồn Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2002 - 2008)

a. Vẽ biểu đồ thể hiện qui mô và cơ cấu lao động phân theo nhóm ngành kinh tế của Nghệ An năm 2002 và năm 2008.

b. Qua biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra những nhận xét cần thiết.

**Câu 5 (***5,0 điểm).* Dựa vào Atlát địa lý Việt Nam và những kiến thức đã học về vùng Đồng bằng sông Cửu Long, em hãy trình bày:

a. Các nhóm đất chính và ảnh hưởng của chúng đến phát triển nông nghiệp của vùng.

b. Những thế mạnh về tự nhiên để phát triển ngành thuỷ sản.

(*Thí sinh được sử dụng Atlát Địa lí Việt Nam*)

---------------- ***Hết*** ----------------

**HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM THI HỌC SINH GIỎI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  |  | **2,5** |
| **a** | - Tọa độ địa lý của một điểm là: kinh độ và vĩ độ của điểm đó (chỗ gặp nhau của đường kinh tuyến và vĩ tuyến) | 0,5 |
| **b** | - Tọa độ địa lý:  1300T  400N  + Điểm A  1000T  500N  + Điểm B | 0,5  0,5 |
| **c** | - Giờ truyền hình trực tiếp tại các quốc gia:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Quốc gia | Múi giờ | Giờ truyền hình trực tiếp | Ngày, tháng | | Nam Phi | 2 | 20h30' | 25/06/2010 | | Anh | 0 | 18h30' | 25/06/2010 | | Việt Nam | 7 | 1h30' | 26/06/2010 |   (*Học sinh trình bày được cách tính hoặc nêu được múi giờ mới cho điểm tối đa)* | 0,5  0,5 |
| **2** |  |  | **4,0** |
| **a** | **- Sự khác biệt trong chế độ nhiệt của Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh:**  + Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn Tp Hồ Chí Minh: nhiệt độ TB năm của Hà Nội là 23,50C so với Tp Hồ Chí Minh là 27,10C  + Hà Nội có 3 tháng (12,1 và 2) nhiệt độ < 200C, 4 tháng (6,7,8 và 9) nhiệt độ cao hơn ở Tp Hồ Chí Minh.  + Tp Hồ Chí Minh quanh năm nóng, không có tháng nào có nhiệt độ < 250C.  + Biên độ nhiệt ở Hà Nội cao (12,50C), biên độ nhiệt ở Tp Hồ Chí Minh thấp (3,20C) | 0,75  0,5  0,5  0,5 |
| **b** | **- Giải thích sự khác biệt:**  + Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc nên có nhiệt độ thấp hơn trong các tháng mùa đông. Trong thời gian này Tp Hồ Chí Minh không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ cao hơn.  + Từ tháng 5 đến tháng 10 toàn lãnh thổ nước ta có gió Tây Nam thịnh hành và Tín phong của nửa cầu Bắc hoạt động xen kẽ nên nhiệt độ cao đều trên toàn quốc.  + Hà Nội gần chí tuyến Bắc cùng với hiệu ứng Phơn thỉnh thoảng xẩy ra trong mùa hạ nên nhiệt độ 4 tháng (6,7,8 và 9) cao hơn Tp Hồ Chí Minh  + Hà Nội gần chí tuyến Bắc cùng nhiệt độ hạ thấp về mùa đông nên biên độ nhiệt cao. Tp Hồ Chí Minh gần xích đạo không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nền nhiệt độ cao quanh năm, biên độ nhiệt thấp | 0,5  0,25  0,5  0,5 |
| **3** |  |  | **4,5** |
| **a** | **- Sự phân bố của ngành công nghiệp điện lực:**  + CN điện ở nước ta bao gồm nhiệt điện và thuỷ điện.  + Nhiệt Điện: chủ yếu phân bố ở TDMNBB (Phả Lại, Uông Bí,...); Đông Nam Bộ (Phú Mỹ, Thủ Đức,...) là các vùng giàu tài nguyên khoáng sản (than, dầu khí) và một số khu vực khác (Ninh Bình, Trà Nóc,...)  + Thuỷ điện: phân bố ở những vùng với các hệ thống sông có tiềm năng thuỷ điện lớn:  \* TDMNBB (dc)  \* Đông Nam Bộ (dc)  \* Tây Nguyên (dc)  \* Bắc Trung Bộ và DHNTB (dc)  - Có mối quan hệ trong sự phân bố các cơ sở khai thác nguyên nhiên liệu với các cơ sở sản xuất điện năng hoặc nhu cầu tiêu thụ điện (dc)... | 0,5  0,75  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **b** | **- Công nghiệp điện là ngành công trọng điểm vì:**  + Có thế mạnh lâu dài: Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện: cơ sở nhiên liệu cho công nghiệp nhiệt điện (than, dầu, khí,...), tiềm năng thuỷ điện dồi dào (dc), các tiềm năng khác (Mặt Trời, sức gió, thuỷ triều,...)  + Thị trường tiêu thụ rộng lớn: phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt nâng cao đời sống văn minh xã hội cho trên 85 triệu dân  + Mang lại hiệu quả kinh tế cao: là tiền đề thực hiện CNH - HĐH, là ngành đi trước một bước tác động mạnh đến các ngành kinh tế một cách toàn diện từ qui mô, kỹ thuật, công nghệ, chất lượng sản phẩm | 0,75  0,5  0,5 |
| **4** |  |  | **4,0** |
| **a** | **- Vẽ biểu đồ:**  + Xử lý số liệu:  Cơ cấu lao động phân theo nhóm ngành kinh tế của Nghệ An  năm 2002 và 2008 (%)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Năm**  **Ngành** | **2002** | **2008** | | Nông - lâm - ngư nghiệp | 78,8 | 65,5 | | Công nghiệp - xây dựng | 8,3 | 14,6 | | Dịch vụ | 12,9 | 19,9 | | Tổng | 100 | 100 |   + Xác định tỉ lệ bán kính:  Chọn R2002 = 1 đvbk thì R2008 = ≈ 1,13 đvbk  + Vẽ biểu đồ: biểu đồ tròn (vẽ các biểu đồ khác không cho điểm)  Yêu cầu: rõ ràng, đẹp, chính xác, có tên biểu đồ, số liệu trên biểu đồ và chú giải...(nếu thiếu các chú thích, số liệu, tên biểu đồ... trừ mỗi ý 0,25 điểm). | 0,5  0,5  1,5 |
| **b** | **- Nhận xét:**  + Tổng số lượng lao động tăng (dc)  + Tuy vậy, có sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong các nhóm ngành kinh tế:  \* Tỉ trọng lao động khu vực nông - lâm - ngư có xu thế giảm, tuy vậy vẫn chiếm tỉ lệ cao (dc)  \* Tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có xu thế tăng nhưng vẫn chiếm tỉ lệ thấp và tăng chậm (dc) | 0,5  0,5  0,5 |
| **5** |  |  | **5,0** |
| **a** | **- Các nhóm đất chính ở ĐBSCL:**  + Đất phù sa ngọt ven sông: khoảng 1,2 tr.ha, phân bố dọc các sông lớn: sông Tiền, sông Hậu,...  + Đất phèn: khoảng 1,6 tr.ha có diện tích lớn nhất, phân bố ở các vùng trũng (Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Cà Mau)  + Đất mặn: khoảng 75 vạn ha, phân bố dọc ven biển  + Các loại đất khác: khoảng 40 vạn ha, phân bố rải rác khắp đồng bằng  - Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:  + Các vùng đất phù sa ngọt: là loại đất tốt nhất, thuận lợi cho thâm canh lúa nước, các loại cây công nghiệp, cây ăn quả (mía, rau đậu, xoài, dừa, bưởi,...)  + Vùng đất phèn, đất mặn: không thích hợp cho việc trồng lúa. Tuy nhiên là vùng có tiềm năng lớn để có thể cải tạo, mở rộng diện tích trồng lúa và một số cây trồng khác. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **b** | **- Những thế mạnh về tự nhiên để phát triển ngành thuỷ sản ở ĐBSCL:**  + Biển và hải đảo: nguồn hải sản cá, tôm,... phong phú, trữ lượng hải sản lớn, ngư trường rộng...  +Vùng có khoảng 50 vạn ha mặt nước để nuôi trồng thuỷ sản. Rừng ngập mặn có diện tích lớn nhất cả nước, trong rừng giàu nguồn thuỷ sản  + Sông ngòi, kênh rạch dày đặc thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản.  + Khí hậu có tích chất cận xích đạo nên hoạt động đánh bắt thuỷ sản có điều kiện hoạt động quanh năm. Hoạt động nuôi trồng có năng suất cao. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |

**ĐỀ SỐ 2**

**Câu l:(2đ)**

Trong một năm vào những ngày nào ở khắp mọi nơi trên trái đất có ngày và đêm đều dài bằng nhau? Nguyên nhân?

**Câu 2: (4đ)**

\* Cho bảng số liêu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa phương | Nhiệt độ TB năm (oC) | Nhiệt độ nóng nhất (oC) | Nhiệt độ lạnh (oC) |
| Hà Nôi | 23.9 | 29.2 | 17.2 |
| Huế | 25.2 | 29.3 | 20.5 |
| TP Hồ Chí Minh | 27.6 | 29.7 | 26.0 |

\* Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, trình bày chế độ nhiệt ở nước ta.

**Câu 3: (4đ)**

Sử dụng Atlát Địa lý Việt Nam (trang 20 bản đồ lâm nghiệp, trang 22 bản đồ công nghiệp năng lượng) và kiến thức đã học:

1. Nhận xét và giải thích sự phân bố của ngành công nghiệp năng lượng

2. Kể tên các tỉnh: có tỷ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh là trên 60%

**Câu 4: (4đ)**

Mật độ dân số cao ở Đồng Bằng Sông Hồng cố những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế xã hội.

**Câu 5: (6đ)**

Cho bảng số liệu dưới đây

*Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta.*

*(đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm hàng | 1995 | 1999 | 2000 | 2005 |
| Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 25.3 | 31.3 | 37.2 | 36.l |
| Hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp | 28.5 | 36.8 | 33.8 | 41.0 |
| Hàng nông, lâm, thuỷ sản | 46.2 | 31.9 | 29.0 | 22.9 |

Từ bảng số liệu trên em hãy:

1. Nêu các dạng biểu đồ có thể vẽ được để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta.

2.Lựa chọn một dạng biểu đồ thích hợp nhất và giải thích tại sao có sự lựa chọn này.

3.Vẽ biểu đồ đã lựa chọn

4.Nhận xét xu hướng thay đổi cơ cấu giá trị hàng xuất khẩu ở nước ta.

**ĐÁN ÁN + BIẾU ĐIỂM + H ƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1: (2đ)**

- Ngày 21/3 và ngày 23/9 ( 1đ)

- Do trục trái đất nằm trong mặt phẳng phân chia sáng tối của trái đất ( 1đ)

**Câu 2: (4đ)**

Qua bảng số liệu ta thấy:

- Hà Nội ( miền bắc ), Huế (miền Trung), TP Hồ Chí Minh (miền Nam) (O,5đ)

- Nhiệt độ trung bình năm nước ta cao (trên 23oc) (0,5đ)

- Do nước ta nằm trọn trong khu vực nội chí tuyến bắc bán cầu

- Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta có sự phân hoá theo chiều Bắc Nam: (CM-SL)(O,5đ)

- Do càng vào nam góc nhập xạ càng lớn

- Càng vào Nam tác động của gió mùa đông bắc yếu dần

- Nhiệt độ tháng nóng nhất cao trên 29oc Chênh lệch giữa ba địa điểm không đáng kể (cm=sl) (0,5đ)

- Do cả ba địa điểm đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh nên nhận được góc nhập xạ lớn nên nhiệt độ cao

- Nhiệt độ tháng lạnh nhất tăng dần từ Bắc vào Nam, ở miền Bắc có sự phân hoá mùa rõ rệt (CM = SL của Hà Nội) (0,5đ )

- Do tác động của gió mùa đông bắc giảm dần từ Bắc vào Nam

- Do góc nhập xạ lớn dần

- Biên độ nhiệt trong năm giảm dần từ Bắc vào Nam (CM = SL) (1đ)

- Do tác động của gió mùa mùa đông yếu dần.

- Do độ chênh góc nhập xạ càng vào Nam càng lớn

- Kết luận: Chế độ nhiệt nước ta qua bảng số liệu có đặc điểm: (O,5đ)

- Mang tính chất nhiệt đới điển hình

- Có sự phân hóa theo mùa và theo chiều Bắc Nam

**Câu 3: (4đ)**

1. Nhận xét và giải thích về phân bố của ngành công nghiệp năng lượng (3đ)

- Ngành công nghiệp năng lượng phân bố không đều, những vùng có công nghiệp năng lượng phát triển mạnh hơn cả là Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên. (0,75đ)

- Công nghiệp khai thác nhiên liệu gắn liền với sự phân bố các mỏ khoáng sản. Do đó công nghiệp khai thác than tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ, công nghiệp khai thác dầu khí tập trung chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam thuộc vùng Đông Nam Bộ.(0,75đ)

- Các nhà máy thuỷ điện phân bố chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên vì đây là các vùng có tiềm năng thuỷ điện lớn.(0,75đ)

- Các nhà máy nhiệt điện phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu là than, dầu mỏ, khí tự

nhiên nên được phân bố tập trung ở các vùng Đông Bắc, Đồng bàng sông Hồng (dựa vào than ở Quảng Ninh) Đông Nam Bộ và đang phát triển nhanh ở Đồng bằng sông Cửu Long (dựa vào dầu khí) (0,75đ)

2. Các tỉnh: (1đ)

- Tuyên Quang

- Quảng Bình

- Kon Tum

- Lâm Đồng

**Câu 4: (4đ)**

\* Thuận lợi: (2đ)

Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu dùng rộng lớn

Hơn nữa người dân ở Đồng bằng' sông Hồng có trình độ thâm canh nông nghiệp lúa nước, giỏi nghề thủ công, tỉ lệ lao động qua đào tạo tương đối cao; đội ngũ trí thức, kỹ thuật và công nghệ đông đảo.

\* Khó khăn: (2đ)

Bình quân đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) hiện ở mức thấp nhất trong cả nước; tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn mức trung bình toàn quốc; nhu cầu lớn về việc làm, y tế, văn hoá giáo dục ngày càng cao đòi hỏi đầu tư lớn, khó khăn trong vấn đề bảo vệ môi trường.

**Câu 5: (6đ)**

1. Các dạng biểu đồ có thể vẽ được : (1đ)

- Biểu đồ miền

- Biểu đồ hình tròn

- Biểu đồ cột chồng

- Biểu đồ cột ghép

- Biểu đồ hình vuông

2.Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất và giải thích (1đ)

- Biểu đồ miền (0,5đ)

- Giải thích (0,5đ)

3. Vẽ biểu đồ miền (2,5đ)

Vẽ biểu đồ theo số liệu, tên biểu đồ, chú thích

4. Nhận xét (1,5đ)

Từ năm 1995 đến 2005 cơ cấu hàng xuất khẩu thay đổi theo hướng:

- Tăng tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (dẫn chứng) (0,5đ)

- Tăng tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp (dẫn chứng) (0,5đ)

- Giảm nhanh tỷ trọng của nhóm hàng nông, lâm, thuỷ sản (dẫn chứng) (0,5đ)

**ĐỀ SỐ 3**

**Câu 1 (1 điểm)**

**1.** Một bức điện được gửi đi từ thành phố Hồ Chí Minh (múi giờ số 7) lúc 10 giờ ngày 01/03/2009, một giờ sau thì trao cho người nhận ở Washington D.C (múi giờ số 19). Hỏi người nhận vào lúc mấy giờ, ngày nào?

**2.** Điện hồi đáp từ Washington D.C lúc 1giờ ngày 01/03/2009, một giờ sau trao cho người nhận ở thành phố Hồ Chí Minh. Hỏi người nhận vào lúc mấy giờ, ngày nào?

**Câu 2 (1 điểm)**

Tại sao ở khu vực Bắc Trung Bộ (thuộc miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ) thường có mưa lớn tập trung vào các tháng cuối năm?

**Câu 3 (4 điểm)**

**1**. Dựa vào bảng số liệu: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính ở Việt Nam (đơn vị %)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm tuổi | Năm 1979 | | Năm 1989 | | Năm 1999 | |
| Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ |
| 0-14  15-59  60 trở lên | 21,8  23,8  2,9 | 20,7  26,6  4,2 | 20,1  25,6  3,0 | 18,9  28,2  4,2 | 17,4  28,4  3,4 | 16,1  30,0  4,7 |

a. Nhận xét tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ của nước ta thời kì 1979-1989.

b. Tính tỉ số giới tính của dân số nước ta năm 1979, 1989, 1999.

c. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của các năm 1979, 1989, 1999.

**2**. Dựa vào bảng số liệu: Tổng giá trị xuất nhập khẩu, cán cân xuất nhập khẩu Việt Nam.

(đơn vị: tỷ USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Tổng giá trị xuất nhập khẩu | Cán cân xuất nhập khẩu |
| 2000 | 30,1 | - 1,1 |
| 2005 | 69,2 | - 4,4 |

a. Tính giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta qua hai năm 2000 và 2005.

b. Nhận xét tình hình xuất khẩu, nhập khẩu giai đoạn 2000 đến 2005.

**Câu 4 (4 điểm)**

**1**. Dựa vào bảng số liệu: Dân số, sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ số | 1995 | 2000 | 2002 | 2005 |
| Dân số (nghìn người) | 16137 | 17040 | 17460 | 18028 |
| Sản lượng lương thực (triệu tấn) | 5,34 | 6,87 | 7,00 | 6,52 |

a. Tính bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng qua các năm.

b. Tính tốc độ tăng của các chỉ số: sản lượng lương thực, dân số, bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn 1995 - 2005 (lấy năm 1995 = 100%).

**2**. Dựa vào bảng số liệu: Diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng

Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, cả nước năm 2005.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cây công nghiệp  lâu năm | Diện tích (nghìn ha) | | |
| Cả nước | Trung du và miền núi Bắc Bộ | Tây Nguyên |
| Cao su | 482,0 | 0 | 109,4 |
| Cà phê | 497,4 | 3,3 | 445,4 |
| Chè | 122,5 | 80,0 | 27,0 |
| Cây lâu năm khác | 531,0 | 7,7 | 52,5 |
| **Tổng diện tích** | **1632,9** | **91,0** | **634,3** |

Hãy so sánh sự giống nhau, khác nhau về quy mô và cơ cấu diện tích cây công nghiệp ở hai vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. Giải thích nguyên nhân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

a. Lập bảng tính giá trị xuất khẩu, nhập khẩu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU NƯỚC TA

(đơn vị: tỷ USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 |
| Xuất khẩu | 14,5 | 32,4 |
| Nhập khẩu | 15,6 | 36,8 |

b. Nhận xét:

- Tổng giá trị xuất nhập khẩu qua 2 năm tăng nhanh: khoảng 2,3 lần.

- Nước ta nhập siêu, giá trị nhập siêu ngày càng lớn. Dẫn chứng.

- Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu tăng 2,23 lần, giá trị nhập khẩu tăng 2,35 lần.

- Tỉ trọng xuất khẩu có xu hướng giảm, tỉ trọng nhập khẩu có xu hướng tăng:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUÂT, NHẬP KHẨU NƯỚC TA

(đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 |
| Xuất khẩu | 48,2 | 46,8 |
| Nhập khẩu | 51,8 | 53,2 |

**Câu 4 (4đ)**

**1 (1,5đ)**

**1**.a Tính bình quân lương thực theo đầu người của ĐBSH qua các năm**:**

Sản lượng

Số dân

Bình quân lương thực =

(kg/người)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ số | 1995 | 2000 | 2002 | 2005 |
| Bình quân lương thực (kg/người) | 330,9 | 403,2 | 400,9 | 361,7 |

**1**.b. Tính tốc độ tăng của các chỉ số: (năm 1995 = 100%).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ số | 1995 | 2000 | 2002 | 2005 |
| Dân số | 100 | 105,6 | 108,2 | 111,7 |
| Sản lượng lương thực | 100 | 128,7 | 131,1 | 122,1 |
| Bình quân lương thực | 100 | 121,8 | 121,2 | 109,3 |

**2**. So sánh sự giống nhau và khác nhau về quy mô và cơ cấu diện tích cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên: **(2,5đ)**

\* Giống nhau:

- Đều là hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm với diện tích có quy mô lớn.

- Có cơ cấu cây công nghiệp đa dạng: gồm cả cây công nghiệp nhiệt đới, cận nhiệt đới.

\* Khác nhau:

- Tây Nguyên là vùng chuyên canh có quy mô lớn hơn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (diện tích gấp gần 7 lần).

- Tây Nguyên có ưu thế trồng cây CN nhiệt đới (dẫn chứng). Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là cây công nghiệp cận nhiệt đới.(dẫn chứng)

Giải thích:

- Cả hai vùng đều có điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu...) thuận lợi cho trồng cây công nghiệp lâu năm.

- Tây Nguyên có địa hình khá bằng phẳng thuận lợi cho việc hình thành vùng chuyên canh sản xuất với quy mô lớn . Trung du và miền núi Bắc Bộ địa hình bị chia cắt mạnh khó khăn cho quy hoạch vùng chuyên canh.

- Tây Nguyên có đất đỏ, khí hậu cận xích đạo thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm (nhất là cây cà phê). Khí hậu phân hóa theo độ cao nên trồng cả cây cận nhiệt đới (có chè và cà phê chè). Trung du và miền núi Bắc Bộ khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh thích hợp với cây cận nhiệt (chè...).

**ĐỀ SỐ 4**

**Câu 1: (3,0 điểm*)***

a.Tại sao nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng ?

b. Hãy nêu các giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay.

**Câu 2: (2,0 điểm)**

Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết :

1.Ý nghĩa về vị trí địa lí của Đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

2. Nêu những khó khăn chính về điều kiện tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 3: (2,5 điểm).**  **Cho bảng số liệu sau:**

**SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN CẢ NƯỚC**

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Chia ra** | |
| **Khai thác** | **Nuôi trồng** |
| **1990**  **1995**  **2000**  **2003** | 890,6  1584,4  2250,5  2794,6 | 728,5  1195,3  1660,9  1828,5 | 162,1  389,1  589,6  966,1 |

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu ngành thuỷ sản ở nước ta thời kì 1990 - 2003.

**Câu 4: (2,5 điểm)**. **Cho bảng số liệu sau :**

**Giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên và Cả nước thời kì 1995- 2002**

*(giá so sánh năm 1994, đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm 1995** | **Năm 2000** | **Năm 2002** |
| **Tây Nguyên** | 1,2 | 1,9 | 2,3 |
| **Cả nước** | 103,4 | 198,3 | 261,1 |

1. Từ bảng số liệu trên vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ phát triển công nghiệp của Tây Nguyên và Cả nước thời kì 1995- 2002 (lấy năm 1995 = 100%).

2. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1: (3.0 điểm)**

**a. Nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng vì: (1.0đ)**

*-* Sự phân bố dân cư và nguồn lao động của nước ta diễn ra không đồng đều giữa đồng bằng và miền núi (*dẫn chứng*) (0.25 đ)

- Sự phân bố dân cư không đồng đều giữa thành thị và nông thôn (*dẫn chứng*) (0.25 đ)

- Sự phân bố dân cư không đều, đã dẫn đến nơi dư thừa lao động nơi thiếu lao động. (0,25đ)

- Điều này ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hợp lý. (0,25đ)

**b. Các giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay . (2.0đ)**

- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng. (0,25đ)

-Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khoẻ sinh sản. (0,25đ)

- Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh tế ở nông thôn (đẩy mạnh phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống…..) (0.5đ)

- Phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị . (0,5đ)

- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn lao động . (0,25đ)

- Tăng cường mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động (0,25đ)

**Câu 2: (2,0 điểm)**

**1. Ý nghĩa của vị trí địa lí của Đồng bằng sông Cửu Long đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. (1.0đ)**

- Nằm ở phía cực nam đất nước, khí hậu cận xích đạo, có mùa mưa và mùa khô rõ rệt, bức xạ và nhiệt độ trung bình năm cao, lượng mưa khá lớn, là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp, nhất là cây lúa nước. (0.25đ)

- Nằm giáp ĐNB vùng kinh tế phát triển năng động. Vì vậy Đồng bằng sông Cửu Long nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt như trang thiết bị kỹ thuật, công nghịêp chế biến, nguồn lao động, thị trường tiêu thụ…. (0,25đ)

- Phía bắc giáp Campuchia giúp cho vùng có điều kiện giao lưu hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Campuchia và các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công bằng đường thủy và đường bộ. (0.25đ)

- Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt tiếp giáp biển, đường bờ biển dài, thềm lục địa rộng có nhiều ngư trường và tài nguyên dầu khí lớn. Thuận lợi cho vùng khai thác, nuôi trồng thủy hải sản và khai thác dầu khí (0.25đ)

**2. Những khó khăn chính về điều kiện tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long. (1,0đ)**

- Khí hậu có sự phân hóa làm hai mùa rõ rệt: một mùa mưa và một mùa khô, gây không ít khó khăn cho sản xuất và đời sống dân cư của vùng. (0,5đ)

- Mùa khô kéo dài, lượng mưa ít, dẫn đến diện tích đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn lớn. (0,25đ)

- Mùa mưa ngắn, mưa tập trung, gây ra hiện tượng ngập úng trên diện rộng. (0,25đ)

**Câu 3: (2,5 điểm)**

**1- Nhận xét chung:**

- Hoạt động khai thác và nuôi trồng thuỷ sản nước ta phát triển mạnh. Có sự chuyển dịch về cơ cấu sản lượng. (0,25 đ)

**2- Xử lí số liệu: (0,5 đ)**

**CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN CẢ NƯỚC**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Khai thác** | **Nuôi trồng** |
| 1990  1995  2000  2003 | 100,0  100,0  100,0  100,0 | 81,8  75,4  73,8  65,4 | 18,2  24,6  26,2  34,6 |

**a. Tình hình sản xuất**

- Tổng sản lượng thuỷ sản tăng liên tục (d/c số liệu). (0,25 đ)

- Sản lượng khai thác và nuôi trồng đều tăng: Khai thác tăng 2,5 lần (d/c số liệu), nuôi trồng tăng 2,7 lần (d/c số liệu). (0,25 đ)

- Về tốc độ tăng trưởng nuôi trồng nhanh hơn (d/c số liệu). (0,25 đ)

**b. Cơ cấu:**

- Khai thác luôn chiếm tỉ trọng lớn hơn nuôi trồng: Có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Giảm tỉ trọng của hoạt động khai thác, tăng nhanh tỉ trọng của hoạt động nuôi trồng (d/c số liệu). (0,5 đ)

- Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng tăng mạnh không những có ý nghĩa lớn trong việc khai thác các tiềm năng về tự nhiên, giải quyết việc làm cho xã hội mà còn có ý nghĩa về bảo vệ tài nguyên và môi trường. (0,5 đ)

**Câu 4: (2,5 điểm)**

**1- Vẽ biểu đồ:**

**a- Xử lí số liệu: (0,5 điểm)**

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC**

*(Lấy năm 1995=100%)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2002** |
| **Tây Nguyên** | 100 | 158,3 | 191,7 |
| **Cả nước** | 100 | 191,8 | 252,5 |

**b- Vẽ biểu đồ:** **(1,0đ)** Vẽ biểu đồ đường : Hai đường, chính xác, đẹp

- Thiếu tên biểu đồ, bảng chú giải, khoảng cách không chính xác trừ 0,25 điểm ở mỗi phần.

**2. Nhận xét (1,0đ)**

-Tốc độ phát triển công nghiệp của Tây Nguyên tương đối nhanh (dẫn chứng số liệu). (0.25đ)

- Do ở Tây Nguyên phát triển nhanh các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thuỷ điện. (0,25 đ)

- Trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của Cả nước, Tây Nguyên chiếm tỷ trọng nhỏ...(dẫn chứng số liệu) (0,25đ)

- Do các điều kiện phát triển công nghiệp của Tây Nguyên còn nhiều hạn chế so với các vùng khác.(0,25đ)

**ĐỀ SỐ 5**

**Câu 1 (4 điểm)**: Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta.

**Câu 2 (3.5 điểm)**: Nêu và giải thích điều kiện phát triển và phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm?

**Câu 3 (3.5 điểm):** Đặc điểm và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**Câu 4 (4 điểm):** cho bảng số liệu

*Bảng 2: Một số tiêu chí về sản xuất lúa ở nước ta, thời kỳ 1980 – 2005*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Tiêu chí** | **1980** | **1990** | **2005** |
| Diện tích *(ngàn ha)* | 5600 | 6043 | 7329 |
| Năng suất lúa cả năm *(tạ/ha)* | 20,8 | 31,8 | 48,9 |
| Sản lượng lúa cả năm *(triệu tấn)* | 11,6 | 19,2 | 35,8 |
| Sản lượng lúa bình quân *(kg/người)* | 217 | 291 | 431 |

a) Dựa vào bảng 2 và kiến thức đã học, phân tích các thành tựu trong sản xuất lúa của nước ta, thời kỳ 1980-2005.

b) Nêu các vùng sản xuất lúa quan trọng của nước ta.

**\* Câu 5 (5 điểm):**

*Bảng 2: Tỉ suất sinh, tử và tăng tự nhiên dân số tỉnh Bến Tre (%)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1995** | **1996** | **1997** | **1998** | **1999** | **2000** | **2001** | **2003** | **2005** |
| Tỉ suất sinh | 20.5 | 19.5 | 18.5 | 16.4 | 15.7 | 15.5 | 14.7 | 15.5 | 15.2 |
| Tỉ suất tử | 5.7 | 5.7 | 5.6 | 5.5 | 5.3 | 5.1 | 5.0 | 4.6 | 5.4 |
| Tỉ suất tăng tự nhiên | 14.8 | 13.8 | 12.9 | 10.9 | 10.4 | 10.4 | 9.7 | 10.9 | 9.8 |

a) Dựa vào bảng 2, vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ suất sinh, tử và tăng

tự nhiên dân số tỉnh Bến Tre, thời kỳ 1995-2005.

b) Nhận xét tình hình tăng dân số ở tỉnh Bến Tre.

**ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM + H ƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1 (4 điểm):** | **Điểm** |
| **\* Thuận lợi:**  ***Đối với ngành khai thác thủy sản:***  + Khai thác thủy sản nước ngọt trong các sông, suối, ao, hồ.  + Khai thác hải sản (nước lợ, nước mặn): Nước ta có nhiều bãi tôm, bãi cá.  Đặc biệt là có bốn ngư trường trọng điểm:   * Ngư trường Cà Mau – Kiên Giang. * Ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu. * Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh. * Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.   ***Đối với ngành nuôi trồng thủy sản:***  + Nước ta có các bãi triều, đầm phá, các dải rừng ngập mặn: thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ.  + Các vùng biển ven các đảo, vũng vịnh: thuận lợi nuôi thủy sản nước mặn.  + Nước ta có nhiều sông suối, ao hồ có thể nuôi cá, tôm nước ngọt.  **\* Khó khăn:**  - Biển động trong mùa mưa bão.  - Môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thuỷ sản bị suy giảm ở nhiều vùng.  - Cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư,... | 0,5  0,5  1.0  1.25  0.75 |
| **Câu 2 (3.5 điểm):** |  |
| Học sinh nêu được:  \* **CN chế biến lương thực thực phẩm bao gồm:**  + Các ngành chế biến sản phẩm trồng trọt ( xay xát gạo, chế biến cà phê, cao su, sản xuất đường, bia, rượu...).  + Chế biến sản phẩm chăn nuôi ( thịt, sữa...), thực phẩm đông lạnh, đồ hộp...  + Chế biến thuỷ sản ( làm nước mắm, sấy khô...)  Đây là ngành CN chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.  \* **Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm có điều kiện phát triển là do:**  + Có nguồn nguyên liệu dồi dào, phong phú tại chỗ, như: Lúa gạo, cà phê, cao su, cá thịt, mía...  + Nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ.  + Thị trường mở rộng... | 2.0  1,5 |
| **Câu 3 (3.5 điểm):** | **Điểm** |
| **\* Đặc điểm:**  - Gồm các tỉnh và thành phô: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.  - Cơ cấu kinh tế đa dạng, bao gồm: cơ khí, hoá chất, chế biến thuỷ sản, trồng cây lương thực; dịch vụ vận tải, du lịch…  - Trung tâm kinh tế lớn và quan trọng nhất: Thủ đô Hà Nội, TP Hải Phòng.  **\* Ý nghĩa của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:**  - Về kinh tế: Thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả vùng; đồng thời làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế các vùng Bắc Trung Bộ và Miền núi trung du Bắc Bộ.  - Về xã hội: tạo thêm việc làm; nâng cao mức sống cho ngưòi dân, phân bố lại dân cư trong vùng. | 0.5  1.0  0.5  0.75  0.75 |
| **Câu 4 (4 điểm):** | **Điểm** |
| **a) Phân tích các thành tựu:**  - Phân tích sự gia tăng diện tích, năng suất, sản lượng, sản lượng bình quân đầu người qua các năm (có số liệu cụ thể)  - Nguyên nhân chủ yếu: áp dụng giống mới, thay đổi cơ cấu mùa vụ.  - Kết luận: Lúa là cây lương thực chính; sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu.  **b) Các vùng sản xuất lúa quan trọng:**  - Hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất: ĐBSCL và ĐBSH.  - Các đồng bằng ven biển miền Trung. | 1.5  0.5  1.0  0.5  0.5 |
| **Câu 5 (5 điểm):** | **Điểm** |
| 1. **Vẽ biểu đồ:**   - Hình thức: 3 đường biểu diễn (đồ thị), mỗi đường thể hiện 1 chỉ số  - Nội dung : Thể hiện đủ số liệu, đúng tỉ lệ; kí hiệu và chú thích phù hợp  - Trình bày : sạch sẽ, có thẩm mỹ  **b) Nhận xét:**  - Tỉ suất sinh giảm nhanh, tỉ suất tử thấp và ổn định  Tỉ suất tăng tự nhiên giảm.  - Nguyên nhân của tình hình trên: thực hiện chính sách dân số (KHHGĐ) có hiệu quả, công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ có tiến bộ. | 2.0  0.5  1.0  0.5  1.0 |

**ĐỀ SỐ 6**

**Câu 1 (1,5 điểm):** Phân biệt giờ địa phương, giờ khu vực. Cho biết giờ địa phương, giờ khu vực của New York (800 Tây) và Hà Nội (1050 Đông ) chênh nhau mấy giờ?

**Câu 2 (2,0 điểm):** Cho bảng số liệu sau:

**DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CÁC VÙNG LÃNH THỔ Ở VIỆT NAM NĂM 2006**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Vùng*** | ***Diện tích (km2)*** | ***Dân số (Triệu người)*** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 100 965 | 12,0 |
| Đồng bằng sông Hồng | 14 806 | 18,2 |
| Bắc Trung Bộ | 51 513 | 10,6 |
| Duyên Hải Nam Trung Bộ | 44 254 | 8,9 |
| Tây Nguyên | 54 475 | 4,9 |
| Đông Nam Bộ | 23 550 | 12,0 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 39 734 | 17,4 |
| *Tổng số* | ***329 297*** | ***84,0*** |

a) Tính mật độ dân số các vùng lãnh thổ ở nước ta năm 2006.

b) Nhận xét sự phân bố dân cư trên lãnh thổ nước ta và cho biết ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế - xã hội?

**Câu 3 (2,5 điểm):** Dựa vào Átlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.

**Câu 4 (3,0 điểm):** Cho bảng số liệu sau về giá trị sản xuất của ngành trồng trọt và chăn nuôi nước ta giai đoạn 1994 - 2004 (Giá so sánh năm 1994, đơn vị tỷ đồng).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1994** | **1997** | **2000** | **2004** |
| Trồng trọt | 61 660,0 | 75 745,5 | 90 858,2 | 106 422,5 |
| Chăn nuôi | 12 999,0 | 15 465,4 | 18 505,4 | 23 438,6 |

a) Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt, chăn nuôi nước ta trong giai đoạn 1994-2004 ( lấy năm 1994 = 100 ).

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt, chăn nuôi trong giai đoạn trên. Giải thích tại sao những năm gần đây ngành chăn nuôi nước ta có tốc độ tăng trưởng khá nhanh.

**Câu 5 (1,0 điểm):** Dựa vào Átlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy giải thích tại sao thành phố Hồ Chí Minh lại trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

**ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM + H ƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội Dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(1,5 đ)** | **Phân biệt giờ địa phương, giờ khu vực:**  - Giờ địa phương: ***Là giờ căn cứ vào vị trí của Mặt Trời trên bầu trời*.** Các địa phương nằm trên cùng một kinh tuyến sẽ có giờ địa phương giống nhau.  - Giờ khu vực ( giờ múi ): Là giờ quy định thống nhất cho từng khu vực ( múi giờ), ***đó là giờ địa phương của kinh tuyến đi qua giữa khu vực (múi giờ).***  **Tính chênh lệch giờ địa phương, giờ khu vực:**  - Giờ địa phương : + Hà Nội và New York cách nhau: 105 + 80 = 185 kinh tuyến  + Giờ địa phương của Hà Nội và New York chênh nhau: 185 4’ = ***12 giờ 20’***  - Giờ khu vực (múi): + Hà Nội ở múi giờ số +7, còn New York ở múi giờ số -5  + Giờ khu vực (giờ múi) của Hà Nội và New York chênh nhau: 7+5 = ***12 giờ***  ***( Học sinh có thể chỉ đưa ra kết quả, nhưng đúng vẫn cho điểm tối đa )*** | 1,0 đ  0,5 đ |
| **Câu 2**  **( 2,đ)** | **Tính mật độ dân số các vùng lãnh thổ:** *( H/S có thể nêu công thức tính, hoặc không, nhưng kết quả đúng vẫn cho 0,5 điểm )*  Mật độ dân số các vùng lãnh thổ   |  |  | | --- | --- | | Các vùng | Mật độ dân số ( người/km2) | | TDMNBB  ĐBSH  BTB  DHNTB  Tây Nguyên  Đông Nam Bộ  ĐBSCL  Cả nước | ***119***  ***1229***  ***206***  ***201***  ***90***  ***510***  ***438***  **255** | | 0,5 đ |
| **\* Nhận xét:**  **-** Nước ta có mật độ dân số khá cao ( 255 người/km2), nhưng phân bố không đều giữa các vùng.  - Vùng có mật độ dân số cao nhất là ĐBSH 1229 người/km2, … thấp nhất là Tây Nguyên (DC)  - Phân bố không đều giữa đồng bằng với vùng núi, trung du (DC)  - Không đều ngay trong nội bộ mỗi vùng (DC)  **\* Ảnh hưởng:** Gây khó khăn cho sử dụng hợp lí sức lao động và tài nguyên của mỗi vùng … | 1,0  0,5 |
| **Câu 3**  **(2,5 đ)** | **Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí … đối với PTKT-XH vùng BTB**  - Khái quát vị trí, lãnh thổ vùng BTB …  - Phía tây giáp Lào có một số cửa khẩu giao lưu với nước bạn, được coi là cửa ngõ ra biển của Lào và Đông bắc Thái Lan…  - Phía đông giáp vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng để phát triển các ngành kinh tế biển…  - Phía bắc giáp ĐBSH, TDMNBB; Phía nam giáp DHNTB lại có trục giao thông B-N đi qua nên được coi là cầu nối giữa các vùng KT phía bắc với phía nam tạo điều kiện phát triển KT-XH.  - Nằm trong vùng có nhiều thiên tai, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống …  *( Học sinh có thể nêu thêm ý khác,nhưng đúng, thưởng 0,5 đ, nếu chưa đạt điểm tối đa trong câu)* | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 4**  **(3 đ )** | **a. Vẽ biểu đồ:**  \* Xử lí số liệu: (đơn vị %)  \* Vẽ biểu đồ :Yêu cầu  + Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng trồng trọt, chăn nuôi( Biểu đồ khác không cho điểm).  + Vẽ đẹp, tương đối chính xác  + Có chú giải và ghi các số liệu cần thiết …  **b. Nhận xét, giải thích:**  ***\* Nhận xét:***  - Trong giai đoạn 1994-2004 cả trồng trọt , chăn nuôi đều tăng, nhưng mức tăng khác nhau.  - Chăn nuôi tăng trưởng nhanh hơn trồng trọt (DC)  - Do vậy trong cơ cấu ngành NN, chăn nuôi đang tăng dần tỷ trọng.  ***\* Giải thích chăn nuôi tăng trưởng khá nhanh là do:***  - Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo tốt hơn …  - Chính sách quan tâm phát triển chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, thị trườngcó nhu cầu lớn về sản phẩm chăn nuôi …  - Tăng cường áp dụng khoa học kĩ thuật: Lai tạo giống mới, phòng chống dịch bệnh… | 0,5  1,0  0,75  0,75 |
| **Câu 5**  **(1,0 đ)** | **Thành phố HCM trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước do:**  **-** Có vị trí địa lí thuận lợi: Là đầu mối giao thông lớn nhất cả nước, năm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, đỉnh của tứ giác tăng trưởng công nghiệp …  - Dân cư, lao động: là thành phố đông dân nhất cả nước, nên có thị trường tiêu thụ tại chỗ rộng lớn; lao động dồi dào, có chuyên môn kĩ thuật cao …  - Cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, kết cấu hạ tầng hoàn thiện nhất cả nước  - Ý khác: Khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, cơ cấu ngành đa dạng | 0,25  0,25  0,25 |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐỀ SỐ 7**

**Câu 1** (2 điểm):

1. Nếu trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo thì có sự thay đổi các mùa như hiện nay không ? Khi đó thì khí hậu ở các vành đai nhiệt sẽ thay đổi như thế nào ?
2. Tại sao thủy chế sông Hồng lại thất thường ?

**Câu 2** (1 điểm): Dựa vào Atlat địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích tình hình phân bố dân cư ở Tây Nguyên ?

**Câu 3** (3 điểm):

1. Giải thích tại sao Hà Nội là trung tâm du lịch lớn của nước ta ?
2. Vì sao trong sản xuất lương thực, Đồng bằng sông Cửu Long luôn có sản lượng lương thực bình quân đầu người cao hơn so với Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 4** (1 điểm): So sánh sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế giữa hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 5** (3 điểm):

**Cho bảng số liệu: GDP của 3 vùng KTTĐ nước ta năm 2007 (Đơn vị: tỉ đồng)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế**  **trọng điểm** | Vùng KTTĐ Bắc Bộ | Vùng KTTĐ miền Trung | Vùng KTTĐ phía Nam |
| Nông nghiệp | 24 919,0 | 14 374,5 | 37 059,9 |
| Công nghiệp | 105 137,9 | 23 966,6 | 295 222,9 |
| Dịch vụ | 108 809,8 | 25 319,5 | 165 560,0 |
| **Tổng GDP** | **238 866,7** | **63 660,6** | **497 842,8** |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện quy mô và cơ cấu GDP của 3 vùng kinh tế trọng điểm nước ta năm 2007.
2. Có nhận xét gì về quy mô và cơ cấu GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với 2 vùng kinh tế trọng điểm còn lại.

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  (2 điểm**)** | **a) Trả lời:**  - Nếu trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo thì góc chiếu từ Mặt Trời đến từng vùng trên Trái Đất (trong một năm) không thay đổi, do đó sẽ không có các mùa khác nhau nữa mà lượng nhiệt sẽ giảm đều về xích đạo và 2 cực.  + Vùng nhiệt đới: Khí hậu không thay đổi gì nhiều so với hiện nay (nóng quanh năm).  + Vùng ôn đới: Quanh năm có khí hậu như mùa xuân, ngày và đêm lúc nào cũng bằng nhau.  + Vùng cực: Quanh năm có ánh sáng và khí hậu bớt khắc nghiệt hơn hiện nay.  **b) Thủy chế sông Hồng thất thường do:**  - Sông Hồng bắt nguồn từ Vân Nam (Trung quốc), chảy qua miền đồi núi có địa hình dốc. Hướng chảy TB - ĐN, có nhiều đoạn gần như thẳng tắp làm tăng tốc độ dòng chảy.  - Sông Hồng chảy đến xã Hồng Đà thì nhận nước sông Đà, đến phường Bạch Hạc nhận nước sông Lô làm tăng lưu lượng nước.  - Sông chảy qua miền địa hình có thảm thực vật bị tàn phá nhiều.  - Sông Hồng đổ ra biển bằng 1 cửa chính là cửa Ba Lạt nên tốc độ thoát nước chậm. | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2**  (1 điểm**)** | Dựa vàoAtlat địa lý Việt Nam trang 15 (Nếu thiếu trừ 0,25 điểm)  **- Mật độ chung:**  + Là vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta (50 - 100 người/km2, năm 2007).  + Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở đô thị và ven các trục đường giao thông.  **- Tình hình phân bố và giải thích:**  + Mật độ đông nhất 201 – 500 người/km2,ở các thành phố: KonTum, Plâyku, Đà Lạt, Buôn Mê Thuột….Vì đây là những trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của các tỉnh.  + Mật độ dưới 50 người/km2 ở các vùng còn lại. Do đây là những vùng núi cao địa hình hiểm trở, kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. | **0,5**  0,25  0,25  **0,5**  0,25  0,25 |
| **3**  (3 điểm**)** | **a)** **Hà Nội là trung tâm du lịch lớn của nước ta vì hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển ngành này:**  - Vị trí địa lý:  + Hà Nội nằm ở trung tâm của ĐBSH, nằm trong vùng KTTĐ phía Bắc và là thủ đô, trung tâm VH-KT-XH của cả nước. Có sân bay Nội Bài, là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng (đường bộ, đường sắt, đường không, đường thủy).  + Gần các địa danh du lịch nổi tiếng như Đền Hùng (Phú Thọ), Tam Đảo (Vĩnh Phúc)  - Các loại hình du lịch TN như VQG: Ba Vì, hang động: Hương Tích và các thắng cảnh: hồ Gươm, hồ Tây…  - Tài nguyên du lịch nhân văn:  + DSVHTG: Ca trù Thăng Long, 82 bia tiến sĩ Văn Miếu Quốc Tử Giám. Di tich lịch sử: Lăng Bác,Chùa Một Cột... (kể từ 5 di tích trở lên cho điểm tối đa)  + Lế hội truyền thống, làng nghề cổ truyền ( kể tên ít nhất 3 lễ hội, 3 làng nghề cho điểm tối đa)  - Nhân tố xã hội:  + Thăng Long – Hà Nội là một thành phố có lịch sử 1000 năm văn hiến, người dân ở đây thanh lịch, thân thiện và hiếu khách.  + CSVCKT, CSHT tương đối tốt: Các khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí, viện bảo tàng… Chính sách: Ưu tiên phát triển du lịch, quảng bá – giới thiệu hình ảnh thủ đô Hà Nội.  **b) Trong sản xuất lương thực, Đồng bằng sông Cửu Long luôn có sản lượng lương thực bình quân đầu người cao hơn so với Đồng bằng sông Hồng do:**  - ĐBSCL có DT trồng cây lương thực lớn: chiếm > 51% DT trồng lúa của cả nước.  - ĐKTN thuận lợi, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai:  + ĐH thấp, tương đối băng phẳng. Đất đai màu mỡ (có đất phù sa ngọt ven sông Tiền và sông Hậu)  + KH cận xích đạo: nóng ẩm, mưa nhiều, nắng nhiều…Thời tiết ít biến động, hầu như không có bão; thích hợp cho sự phát triển của cây trồng.  + Nguồn nước phong phú từ hạ lưu sông Mê Kông, cung cấp nước tưới để thau chua, rửa mặn và cung cấp phù sa cải tạo đồng ruộng.  - KT-XH: ĐBSCL ít chịu ảnh hưởng của sức ép dân số. Năm 2002 dân số của vùng khoảng 16,7 triệu người, MĐDS: 420 người/km2.  (Chú ý: Nếu thiếu số liệu về DT trồng cây LT và số dân, MĐDS thì trừ 0,25 điểm) | **1,75**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **1,25**  0,25    0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **4**  (1 điểm**)**  **5**  (3 điểm**)** | **Sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế giữa 2 vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ:**  - Địa hình: BTB có diện tích ĐB lớn hơn so với DHNTB. Sông ngòi: DHNTB có nhiều sông có giá trị thủy điện hơn như thủy điện Vĩnh Sơn (Sông Côn), thủy điện Sông Hinh (Sông Ba).  - Khí hậu:  + BTB: Chịu tác động của gió phơn TN nhiều hơn và mùa mưa bão đến sớm hơn DHNTB.  + DHNTB: Mùa mưa bão đến muộn hơn, nền nhiệt cao hơn BTB. Đặc biệt có 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận có khí hậu khô hạn nhất nước ta.  - Thế mạnh kinh tế: Vùng BTB có thế mạnh hơn về trồng lúa (năm 2002, BQLT của BTB 333,7kg/người còn DHNTB 281,5kg/người). Còn DHNTB có lợi thế hơn về nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản.  **a) Vẽ biểu đồ**  **\* Xử lí số liệu**  Bảng cơ cấu GDP của 3 vùng kinh tế trọng điểm nước ta năm 2007 (Đơn vị: %)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Vùng kinh tế**  **trọng điểm** | Vùng KTTĐ  Bắc Bộ | Vùng KTTĐ  miền Trung | Vùng KTTĐ phía Nam | | Nông nghiệp | 10,4 | 22,6 | 7,4 | | Công nghiệp | 44,0 | 37,6 | 59,3 | | Dịch vụ | 45,6 | 39,8 | 33,3 | | **Tổng GDP** | **100** | **100** | **100** |   Bảng so sánh quy mô và bán kính biểu đồ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Vùng kinh tế**  **trọng điểm** | Quy mô,tổng GDP (lần) | Bán kính biểu đồ (cm) | | Vùng KTTĐ miền Trung | 1 | 1 | | Vùng KTTĐ Bắc Bộ | 3,75 | 1,9 | | Vùng KTTĐ phía Nam | 7,82 | 2,8 |   **\* Vẽ biểu đồ** (vẽ 3 biểu đồ tròn) Yêu cầu:  - Vẽ đẹp, bán kính như trên, tỷ lệ phần trăm tương đối chính xác. Đủ tên biểu đồ, chú thích.  - Mỗi lỗi sai về biểu đồ trừ 0,25 điểm.  - Vẽ biểu đồ dạng khác không cho điểm.  **b) Nhận xét:** Năm 2007, GDP vùng KTTĐ phía Nam có:  - Quy mô: 497843 tỉ đồng, gấp 2.1 lần vùng KTTĐ Bắc Bộ, gấp 7,8 lần vùng KTTĐ miền Trung.  - Cơ cấu: NN thấp nhất (7,4 %), CN-XD cao nhất (59.3 %), còn dịch vụ (33.3 %) … | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25  **2,5**  0,75  0,25  1,5  **0,5**  0,25  0,25 |

**ĐỀ SỐ 8**

**C©u 1: (2 ®iÓm)**

|  |  |
| --- | --- |
| Quan sát hình vẽ bên hãy:  - Xác định vị trí hai miền cực.  - Hai ngày 22/6 và 22/12 ở hai miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 giờ thay đổi như thế nào? | *H×nh 25*. HiÖn t­îng ngµy, ®ªm dµi ng¾n ë c¸c ®Þa ®iÓm cã vÜ ®é kh¸c nhauimg456 |

Quan sỏt hỡnh vẽ bờn hóy:

- Xỏc định vị trớ hai miền cực.

- Hai ngày 22/6 và 22/12 ở hai miền cực số ngày cú ngày, đờm dài suốt 24 giờ thay đổi như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - NhiÖt ®é:  - L­îng m­a:  - Giã mïa:  - KÕt luËn: | - NhiÖt ®é trung b×nh n¨m cña c¶ n­íc cao (trªn 210C), t¨ng dÇn tõ B¾c vµo Nam (CM = SL 3 tr¹m ®¹i diÖn: Hµ Néi, §µ N½ng, t.p Hå ChÝ Minh).  V× n­íc ta n»m trong khu vùc néi chÝ tuyÕn B¾c, l·nh thæ kÐo dµi nªn cµng vµo Nam cµng gÇn xÝch ®¹o gãc nhËp x¹ cµng lín vµ t¸c ®éng cña giã mïa ®«ng b¾c suy gi¶m.  - L­îng m­a trong n¨m rÊt lín (1500 mm – 2000 mm) vµ ®é Èm kh«ng khÝ cao (> 80%).  V×: do ¶nh h­ëng cña giã mïa, l·nh thæ hÑp ngang nªn ¶nh h­ëng cña biÓn vµo s©u trong ®Êt liÒn.  - Mét sè n¬i cã l­îng m­a rÊt lín (nªu tªn) do ®Þa h×nh ë nh÷ng n¬i ®ã cao, ®ãn giã.  - KhÝ hËu n­íc ta chia hai mïa giã râ rÖt:  + Mïa giã ®«ng b¾c (l¹nh kh«)  + Mïa giã t©y nam (nãng Èm)  Do n­íc ta n»m ë trong khu vùc giã mïa §«ng Nam ¸.  - KhÝ hËu n­íc ta mang tÝnh chÊt nhiÖt ®íi Èm giã mïa. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**C©u 3: 2 ®iÓm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - VÏ  - NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch: | - BiÓu ®å h×nh cét (5 cét).  Trôc tung ®¬n vÞ: ngh×n tÊn (nÕu häc sinh nµo chuyÓn thµnh triÖu tÊn còng ®­îc)  Trôc hoµnh thÓ hiÖn c¸c n¨m, kho¶ng c¸ch n¨m kh«ng ®Òu nhau.  Trªn c¸c cét ghi sè liÖu, cã tªn biÓu ®å.  - S¶n l­îng khai th¸c dÇu th« cña n­íc ta t¨ng:  Tõ n¨m 2000 ®Õn 2005 t¨ng 2228 ngh×n tÊn (1,1 lÇn)  Do n­íc ta cã tr÷ l­îng dÇu khÝ lín ë thÒm lôc ®Þa phÝa Nam, dÇu th« lµ mét trong nh÷ng mÆt hµng xuÊt khÈu chñ lùc cña n­íc ta.  - S¶n l­îng khai th¸c dÇu th« cña n­íc ta kh«ng æn ®Þnh:  Tõ n¨m 2004 ®Õn 2005: s¶n l­îng gi¶m 1532 ngh×n tÊn (1,08 lÇn)  do nh÷ng biÕn ®éng cña thÞ tr­êng xuÊt khÈu dÇu khÝ. | 1,0  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**C©u 4: 2 ®iÓm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - KÓ tªn c¸c c©y c«ng nghiÖp:  - T×nh h×nh s¶n xuÊt vµ ph©n bè c©y cao su:  - Gi¶i thÝch: | - Cµ phª, cao su, chÌ, hå tiªu, ®iÒu, mÝa, l¹c, ®Ëu t­¬ng.  **L­u ý:** NÕu HS nªu tªn mét sè c©y l­¬ng thùc, c©y ¨n qu¶ lÉn vµo c©y c«ng nghiÖp th× kh«ng trõ ®iÓm.  - C©y cao su chiÕm diÖn tÝch vµ s¶n l­îng lín ë §«ng Nam Bé vµ dÉn ®Çu c¶ n­íc: chiÕm 65,6% diÖn tÝch vµ 78,9% s¶n l­îng cao su c¶ n­íc.  - C©y cao su ®­îc trång nhiÒu ë c¸c tØnh B×nh D­¬ng, B×nh Ph­íc, §ång Nai. NhiÒu nhÊt lµ ë §ång Nai.  V×:  - §«ng Nam Bé cã ®Þa h×nh b¸n b×nh nguyªn thÊp, l­în sãng, kh«ng cã giã m¹nh (c©y cao su kh«ng ­a giã m¹nh).  - DiÖn tÝch ®Êt ba dan, ®Êt x¸m lín.  - KhÝ hËu cËn xÝch ®¹o chia lµm hai mïa m­a, kh« râ rÖt.  (Häc sinh tr×nh bµy ®óng 2 ý vÉn cho ®iÓm tèi ®a). | 0,5  0,5  0,5  0,5 |

**C©u 5: 2 ®iÓm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - ThuËn lîi:  - Khã kh¨n: | - §Þa h×nh ®ång b»ng ch©u thæ, cã ®é cao thÊp.  - KhÝ hËu nhiÖt ®íi giã mïa Èm, l­îng m­a lín.  - Nguån n­íc phong phó (s. Hång – s. Th¸i B×nh), hµm l­îng phï sa lín.  - Cã diÖn tÝch ®Êt phï sa mµu mì (phï sa trong ®ª) thÝch hîp víi c©y lóa.  - §Þa h×nh cã nhiÒu « tròng dÔ bÞ ngËp n­íc trong mïa m­a.  - Thêi tiÕt thay ®æi thÊt th­êng (mïa ®«ng l¹nh).  - Lò s«ng Hång thÊt th­êng.  - DiÖn tÝch ®Êt canh t¸c bÞ thu hÑp, dÔ bÞ b¹c mµu nÕu kh«ng chó ý c¶i t¹o.  **L­u ý**: HS cã thÓ nªu thuËn lîi vµ khã kh¨n cña tõng ®Æc ®iÓm, kh«ng t¸ch nh­ h­íng dÉn chÊm th× vÉn cho ®iÓm tèi ®a nh­ng ®èi chiÕu víi h­íng dÉn chÊm cho s¸t. | 0,25  0,5  0,25  0,5  0,5 |

**ĐỀ SỐ 9**

**Câu 1** (3 điểm): Hãy giải thích rõ sự thay đổi nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo độ cao và theo vĩ độ?

**Câu 2** (4 điểm):Tại sao nói: “ Đất đai là nguồn tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá”? Nước ta có mấy loại đất chính, nêu sự phân bố và giá trị sử dụng cơ bản của mỗi loại đất?

**Câu 3** (3.0 điểm ): Trình bày vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống? Vì sao Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai trung tâm dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta?

**Câu 4** (5.0 điểm): Phân tích thế mạnh và hạn chế của vùng Đông Nam Bộ.

**Câu5** (5.0 điểm):

**Cho bảng số liệu về:**

**Diện tích và sản lượng cao su nước ta giai đoạn 1985 – 1999.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1990** | **1999** |
| **Diện tích ( nghìn ha)** | 180.2 | 221.7 | 394.3 |
| **Sản lượng ( nghìn tấn)** | 47.9 | 57.9 | 214.8 |

a. Vẽ biểu đồ so sánh diện tích và sản lượng cây cao su của nước ta qua các năm 1985, 1990 và 1999?

b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi diện tích và sản lượng cao su nước ta giai đoạn 1985 – 1999?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **KIẾN THỨC YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **điểm** |
| **Câu 1**  **( 1.5đ )** | **\* Sự thay đổi nhiệt độ không khí theo độ cao:**  + Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm *( lên cao 100m nhiệt độ không khí giảm trung bình 0.60C).*  + Lớp không khí ở gần mặt đất có mật độ cao chứa nhiều bụi và hơi nước nên hấp thụ được nhiều nhiệt hơn lớp không khí trên cao loãng hấp thụ được ít nhiệt.  **\* Sự thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ:**  + Nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất giảm dần từ xích đạo về 2 cực.  + Ở xích đạo góc chiếu xạ lớn nên mặt đất nhận được nhiều nhiệt, không khí nóng. Càng về 2 cực góc chiếu xạ của mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí cũng ít nóng hơn. | 0.25đ  0.5đ  0.25đ  0.5đ |
| **Câu 2**  **( 3.5đ)** | **\* Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia vì:**  + Là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được của nông nghiệp, lâm nghiệp.  + Là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là tài nguyên có thể phục hồi.  + Là địa bàn cư trú của dân cư, nơi diễn ra các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội, anh ninh quốc phòng.  + Diện tích đất tự nhiên nước ta không nhiều: 33 triệu ha, bình quân 0,4ha/người (trong đó đất nông nghiệp chỉ chiếm 24% diện tích đất tự nhiên)  **\* Các loại đất chính của nước ta: Nước ta có 3 loại đất chính:**  + Đất feralit: phân bố chủ yếu ở các vùng đồi núi thấp Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ thích hợp với nhiều cây công nghiệp.  + Đất mùn núi cao: tập trung ở vùng núi cao phía Tây và Tây Bắc là vùng đất rừng đầu nguồn quan trọng.  + Đất phù sa: Phân bố ở các đồng bằng châu thổ sông Hồng, Sông Cửu Long và dải đồng bằng duyên hải miền Trung. | 0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ |
| **Câu 3**  **( 3.0đ)** | **\* Vai trò của ngành dịch vụ:**  + Cung ứng nguyên vật liệu, vật tư sản xuất; đồng thời đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.  + Tạo mối liên hệ giữa các ngành sản xuất, các vùng trong nước, giữa nước ta với nước ngoài.  + Tạo việc làm, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, tăng nguồn thu cho ngân sách.  **\* Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước vì:**  + Hà Nội là thủ đô của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm chính trị, hành chính lớn nhất phía Nam.  + Là hai thành phố lớn nhất cả nước, đông dân, dân cư tập trung với mật độ cao.  + Là hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, đặc biệt là các hoạt động công nghiệp; là nơi tập trung nhiều nhất các dịch vụ về tiêu dùng, sản xuất và dịch vụ công cộng. | 0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ  0.5đ |
| **Câu 4**  **( 4.0đ )** | **1. Thế mạnh của vùng Đông Nam Bộ:**  *- Vị trí địa lý rất thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội:*  + Nằm liền kề với những vùng giàu tài nguyên và thị trường tiêu thụ rộng lớn:   * Đồng bằng sông Cửu Long: Lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước cung cấp nguyên liệu nông sản và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp cho vùng. * Duyên hải miềnTrung: nguồn thủy sản, hải sản. * Tây Nguyên: Cây công nghiệp lâu năm, gỗ, chăn nuôi gia súc lớn.   + Tiếp giáp với Campuchia, vùng biển Đông rộng lớn, là đầu mối giao thông vận tải lớn với cụm cảng, sân bay tạo điều kiện để xuất nhập khẩu nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm với các vùng khác và nước ngoài.  *- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:*  + Đất đai: Quỹ đất lớn ( đất xám phù sa cổ và đất đỏ badan màu mỡ) chiếm 40% diện tích vùng, địa hình tương đối bằng phẳng tạo điều kiện hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày.  + Khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, trong năm có hai mùa ( mùa mưa và mùa khô) phân hóa rõ rệt.  + Nguồn nước chủ yếu do hệ thống sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ cung cấp đủ cho sản xuất và sinh hoạt.  Nhờ có đất đai màu mỡ, khí hậu thuận lợi và mạng lưới thủy lợi được cải thiện nên Đông Nam Bộ có tiềm năng to lớn để phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và cây công nghiệp hàng năm quy mô lớn.  + Thủy sản phong phú, gần với các ngư trường lớn: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu và Minh Hải – Kiên Giang, có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá.  + Lâm sản: cung cấp gỗ dân dụng, gỗ củi, nguyên liệu giấy. Ngoài ra còn có vườn quốc gia Nam Cát Tiên.  + Khoáng sản: Có sắt, cao lanh, đất sét, dầu mỏ, khí đốt ở thềm lục địa. Hệ thống sông Đồng Nai có tiềm năng thủy điện lớn.  *- Điều kiện kinh tế - xã hội:*  + Dân số đông, thị trường tiêu thụ, lực lượng lao động dồi dào và có trình độ chuyên môn cao.  + Có kinh nghiệm trong nền kinh tế thị trường và hết sức năng động.  + Nhận được vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất nước.  + Cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ sở hạ tầng khá phát triển so với các vùng khác ( điện, thông tin liên lạc, công nghiệp).  + Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp, giao thông vận tải và dịch vụ lớn nhất cả nước.  **2. Hạn chế:**  + Mùa khô kéo dài ( 3 – 4 tháng) dẫn đến thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.  + Dân cư tập trung đông đúc, nhiều nhà máy công nghiệp gây khó khăn cho quản lý, tình trạng ô nhiễm môi trường tăng cao. | 0.5đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ |
| **Câu 5**  **( 4.0đ)** | **a. Vẽ biểu đồ:**  *( nghìn ha) ( nghìn tấn)*    400 200  300 150  200 100    100 50  1985 1990 1999  **Sản lượng Diện tích**  **Biểu đồ sánh diện tích, sản lượng cà phê nước ta**  **giai đoạn 1985 – 1999.**  - Yêu cầu:  + Biểu đồ cân đối, chính xác khoảng cách tỷ lệ, đẹp.  + Có chú giải, tên biểu đồ.  *- Lưu ý các trường hợp trừ điểm:*  + Không có chú giải trừ 0.5 điểm.  + Không ghi đúng tên biểu đồ trừ 0.5 điểm.  + Không ghi đơn vị tính ở các trục tọa độ trừ 0.5 điểm.  + Vẽ biểu đồ đường biểu diễn được1/2 số điểm.  + Điểm trừ tối đa không quá 1/2 số điểm vẽ biểu đồ.  + Các dạng biểu đồ khác hoặc sai tỷ lệ không chấm điểm.  **b. Nhận xét:**  + Từ năm 1985 đến năm 1999 diện tích và sản lượng cây cao su đều tăng, diện tích tăng 2,18 lần, sản lượng tăng 4,48 lần.  + Diện tích cây cao su tăng chủ yếu do nhu cầu của thị trường tăng nhanh ( cả thị trường trong nước và nước ngoài). | 3.0đ  0.5đ  0.5đ |

**ĐỀ SỐ 10**

**C©u 1**: (1,5®) Trªn thùc ®Þa 2 ®iÓm c¸ch nhau 1.650km. NÕu biÓu thÞ kho¶ng c¸ch   
®ã trªn b¶n ®å cã tØ lÖ sè sau th× kho¶ng c¸ch ®ã trªn b¶n ®å lµ bao nhiÒu cm?

a) B¶n ®å cã tỉ lÖ sè: 1: 2.500.000

b) B¶n ®å cã tØ lÖ sè: 1: 7.500.000

**C©u 2**: (3 ®iÓm) A vµ B lµ hai ®Þa ®iÓm cïng n»m trªn vÜ tuyÕn 170B, A n»m trªn kinh tuyÕn 1040§, B n»m trªn kinh tuyÕn 107020’§. MÆt trêi mäc ë A lµ 6 giê 10’ vµ lÆn vµo lóc 18 giõo 20’.

a) Cho biÕt thêi ®iÓm mÆt trêi mäc vµ lÆn ë B.

b) Gãc nhËp x¹ lín nhÊt ë A vµ B vµo ngµy 22 th¸ng 12 lµ bao nhiªu?

**C©u 3**: (1,5 ®iÓm) Ch©u ¸ lµ Ch©u Lôc s«ng lín nhÊt thÕ giíi, tr¶i dµi tõ xÝch   
®¹o lªn ®Õn vïng cùc B¾c v× vËy khÝ hËu Ch©u ¸ rÊt ®a d¹y. Em h·y cho biÕt:

a) Ch©u ¸ cã nh÷ng ®íi khÝ hËu nµo? C¸c ®íi cã c¸c kiÓu khÝ hËu g×?

b) Mçi kiÓu t­¬ng øng víi c¶nh quan nµo?

**C©u 4**: (2 ®iÓm) H·y chøng minh khÝ hËu ViÖt Nam mang tÝnh chÊt nhiÖt ®êi giã   
mïa, ph©n ho¸ ®a d¹ng vµ thÊt th­êng.

**C©u 5**: (2 ®iÓm) Dùa vµo b¶ng sè liÖu sau:

DiÖn tÝch gieo thång nh©n theo nhãm c©y (ngh×n ha)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **N¨m**  **C¸c nhãm c©y** | **1990** | **2002** |
| Tæng sè | 9.040,0 | 12.831,4 |
| C©y l­¬ng thùc | 6.474,6 | 8.320,3 |
| C©y c«ng nghiÖp | 1.199,3 | 2.337,3 |
| C©y thùc phÈm, c©y ¨n qu¶ | 1.366,1 | 2.173,8 |

a) VÏ biÓu ®å thÝch hîp thÓ hiÖn c¬ cÊu diÖn tÝch gieo trång c¸c nhãm c©y.

b) Tõ b¶ng sè liÖu vµ biÓu ®å ®· vÏ, h·y nhËt xÐt sù thay ®æi c¬ cÊu c©y trång. Sù thay ®æi ®ã nãi lªn ®iÒu g×?

**®¸p ¸n**

**C©u 1**: (1,5®) Gäi a lµ kho¶ng c¸ch trªn b¶n ®å

a) LËp ®­îc tØ sè: 

Kho¶ng c¸ch b¶n ®å lµ 66cm 0,75®

b) LËp ®­îc tØ sè:



Kho¶ng c¸ch trªn b¶n ®å lµ: 22cm. 0,75®

**C©u 2**: (3®)

a) Mçi giê mÆt trêi di chuyÓn ®­îc: kinh tuyÕn . 0,25®

=> Mét ®é KT mÊt 4’ TG.

=> Mçi phót thêi gian mÆt trêi di chuyÓn ®­îc  0,25®

=> Mçi phót KT mÆt trêi di chuyÓn mÊt thêi gian:  0,25®

Kho¶ng c¸ch tõ A ®Õn B lµ:

107020’§ - 1040§ = 3020’ 0,25®

Thêi gian mÆt trêi di chuyÓn tõ B ®Õn A lµ:

30KT x 4’ + 210’KT x 4’’TG = 13’20’’ 0,25®

V× B n»m ë §«ng cña A nªn mÆt trêi mäc vµ lÆn ë B tr­íc A

lµ 13’20’’. 0,25®

VËy thêi gian mÆt trêi mäc ë B lµ:

6 giê 10’ - 13’20’’ = 5 giê 56’40’’ 0,25®

Vµ lÆn vµo lóc: 18 giê 20’ - 13’20’’ = 18 giê 6’40’’ 0,25®

b) - Ngµy 22/12 mÆt trêi chiÕu vu«ng gãc lóc gi÷a tr­a t¹i vÜ tuyÕn 23027’N

- Gãc nhËp x¹ lín nhÊt ë vÜ tuyÕn 170B vµo ngµy 22/12 lµ:

900 - (23027’ + 170) = 49060’0,5®

**C©u 3**: 1,5®

a) - Ch©u ¸ cã ®ñ c¸c ®íi khÝ hËu trªn tr¸i ®Êt: cùc vµ cËn cùc, «n ®íi, cËn   
 nhiÖt, nhiÖt ®íi, xÝch ®¹o.

- ¤n ®íi cã c¸c kiÓu: Lôc ®Þa, giã mïa, H¶i D­¬ng.

- CËn nhiÖt cã c¸c kiÓu: §Þa Trung H¶i, lôc ®Þa, giã mïa, nói cao. 0,75®

- NhiÖt ®íi: NhiÖt ®íi kh«, nhiÖt ®íi giã mïa.

b) Häc sinh nãi ®­îc 10 c¶nh quan t­¬ng øng víi 11 kiÓu khÝ hËu, trong ®ã kiÓu khÝ hËu nhiÖt ®íi giã mïa vµ ®íi xÝch ®¹o cã c¶nh quan rõng rËm nhiÖt ®íi. 0,75®

**C©u 4**:

- §­a ra ®­îc dÉn liÖu vÒ nhiÖt ®é, sè giê n¾ng trong n¨m . 0,5®

- Mçi n¨m chÞu ¶nh h­ëng cña 2 lo¹i giã mïa, tÝnh chÊt cña tõng

lo¹i giã. 0,5®

- Nªu ®­îc l­îng m­a vµ ®é Èm trung b×nh/n¨m.

- Ph©n ho¸:

+ Theo thêi gian: theo mïa.

+ Theo kh«ng gian: tõ B¾c vµo Nam; ®ång b»ng lªn miÒn nói. 0,5®

- ThÊt th­êng: Nãi lªn ®­îc tÝnh kh«ng æn ®Þnh vÒ l­îng vµ thêi

gian ho¹t ®éng. 0,5®

**C©u 5**:

- HS chuyÓn tõ sè liÖu tuyÖt ®èi sang sè liÖu t­¬ng ®èi (%) 0,5®

- VÏ ®­îc biÓu ®å h×nh trßn, ®Ñp, chÝnh x¸c. 0,5®

- NhËn xÐt sù thay ®æi diÖn tÝch vµ tØ träng. 0,5®

- ý nghÜa cña sù thay ®æi. 0,5®

- Sù chuyÓn dÞch c¬ cÊu c©y trång thÓ hiÖn an ninh l­¬ng thùc

®­îc ®¶m b¶o.

+ Ngµnh trång trät chuyÓn theo h­íng s¶n xuÊt n«ng s¶n hµng ho¸.

+ Khai th¸c ®­îc tiÒm n¨ng ®Êt trång c©y CN ë n­íc ta.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐỀ SỐ 11**

**Câu 1** (2 điểm): Lễ khai mạc Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội được tổ chức long trọng tại Hà Nội vào lúc 8 giờ sáng ngày 10/10/2010. Giả sử: có 1 nhà báo ở tại New York (Hoa Kì) muốn đến Hà Nội đúng vào lúc 8 giờ để dự lễ khai mạc thì nhà báo này cần phải xuất hành bằng máy bay tại New York vào lúc mấy giờ? Ngày nào? Biết rằng New York nằm trong múi giờ thứ 19 và máy bay phải bay mất 12 giờ mới đến Hà Nội.

**Câu 2** (4 điểm): Dựa vào bảng số liệu sau đây, hãy cho biết địa điểm A, B nằm trong kiểu khí hậu nào? Ở bán cầu nào? Vì sao?

**ĐỊA ĐIỂM A**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| **Nhiệt độ (0C)** | 10 | 12 | 15 | 17 | 22 | 27 | 29 | 25 | 22 | 18 | 15 | 11 |
| **Lượng mưa (mm)** | 65 | 80 | 32 | 30 | 42 | 19 | 10 | 15 | 42 | 67 | 80 | 67 |

**ĐỊA ĐIỂM B**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| **Nhiệt độ (0C)** | -50 | -30 | -20 | -10 | 5 | 14 | 10 | 3 | -7 | -18 | -35 | -45 |
| **Lượng mưa (mm)** | 10 | 12 | 10 | 9 | 14 | 30 | 40 | 30 | 20 | 15 | 15 | 10 |

**Câu 3** ( 4điểm ) . Em hãy trình bày những đặc điểm đặc trưng của khí hậu ba miền địa lí tự nhiên của nước ta. Vì sao Miền Bắc và Đông Bắc Bộ tính chất nhiệt đới bị giảm sút?

**Câu 4:** **(5 điểm)** Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta từ năm 1990 đến 2005.(đơn vị tỉ đồng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm cây trồng*** | **1990** | **1995** | **2005** |
| Cây lương thực | 33289,6 | 42110,4 | 63852,5 |
| Cây công nghiệp | 6692,3 | 12149,4 | 25585,7 |
| Cây ăn quả, rau đậu và cây khác | 9622,1 | 11923,6 | 18459,4 |
| **Tổng số** | **49604,0** | **66183,4** | **107897,6** |

a. Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt từ năm 1990 đến năm 2005.

c. Dựa vào biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét và giải thích?

**Câu 5:** (5 điểm) Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta thời kì 1989 – 2003.(Đơn vị: %)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Nông – lâm – ngư nghiệp** | **Công nghiệp – xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 1989 | 71,5 | 11,2 | 17,3 |
| 1996 | 69,8 | 10,5 | 19,7 |
| 1999 | 68,8 | 12,0 | 19,2 |
| 2003 | 60,3 | 16,5 | 23,2 |

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong thời kì 1989 – 2003.
2. Nhận xét và giải thích biểu đồ.

............HẾT...................

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Câu 1:** ( 2 điểm) Tính giờ:

- Việt Nam ở múi giờ thứ 7, New York ở múi giờ thứ 19 cách múi giờ gốc là 5 múi giờ về phía tây. (0,5đ)

New York cách Việt Nam là 5 + 7 = 12 múi giờ. (0,5đ)

- Do đó khi Hà Nội là 8 giờ ngày 10/10/2010 thì ở New York là 8 – 12 = - 4 tức là 20 giờ ngày 9/10/2010. (0,5đ)

- Mặt khác: máy bay phải bay mất 12 giờ mới đến Hà Nội. Nên để đến Hà Nội đúng vào giờ khai mạc Đại lễ thì nhà báo phải xuất phát tại New York là 20 – 12 = 8 giờngày 9/10/2010 (0,5đ)

**Câu 2:** (4 điểm) Xác định địa điểm A,B nằm ở các kiểu khí hậu:

\* Địa điểm A nằm trong kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải, bán cầu Bắc. (0,5đ)

Vì:

+ Các tháng mùa hè: nhiệt độ khá cao từ 220C đến 290C, cao nhất là tháng VII (290C) (phù hợp với mùa hè ở bán cầu Bắc.); lượng mưa thấp, thấp nhất vào tháng VII (10mm). Mùa hè nóng, khô. (0,75đ)

+ Các tháng mùa đông: nhiệt độ thấp hơn nhưng không thấp lắm từ 100C đến 150C, thấp nhất là tháng I (100C) (phù hợp với mùa đông ở bán cầu Bắc). Mùa đông ấm áp. (0,75đ)

+ Mưa tập trung vào các tháng X đến tháng II (mùa thu - đông). (0,25đ)

\* Địa điểm B nằm trong kiểu khí hậu cận cực, bán cầu Bắc. (0,5đ)

Vì: nhiệt độ trung bình rất thấp và cực đoan (0,25đ). Từ tháng XII đến tháng III, nhiệt độ rất thấp từ - 200C đến – 500C (phù hợp với mùa đông ở bán cầu Bắc) (0,5đ), nhiệt cao nhất là tháng VI (140C) (phù hợp với mùa hè ở bán cầu Bắc) (0,5đ)

**Câu 3 (4 điểm):**

\* Miền Bắc và Đông bắc bắc bộ: (1đ )

+ Mùa đông: Lạnh giá , mưa phùn , mùa đông đến sớm kết thúc muộn

+ Mùa hạ: Nóng ẩm và mưa nhiều ,kèm theo hiện tượng mưa ngâu

\* Miền Tây Bắc và bắc trung bộ : (1đ )

+ Mùa đông: Đến muộn và kết thúc sớm , chỉ có 3 tháng lạnh nhiệt độ dưới 180 C

+ Mùa hạ: Khô nóng , mùa mưa chuyển dần sang thu đông .

\* Miền Nam trung bộ và nam bộ : Nóng quanh năm , nhiệt độ trung bình năm cao (250C - 270C) , biên độ nhiệt năm nhỏ.Có một mùa khô sâu sắc kéo dài 6 tháng .(1đ )

\* Giải thích : (1đ)Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ tính chất nhiệt đới giảm sút mạnh mẽ vì:

- Miền nằm ở vị trí cận chí tuyến.

- Miền có địa hình thấp, 4 cánh cung mở ra ở phía Bắc nên gió mùa Đông Bắc tác động mạnh mẽ.

**Câu 4:** **(5 điểm)**

**a. Vẽ biểu đồ:** (2đ)

**- Xử lí bảng số liệu:** Cơ cấu giá trị trồng trọt qua các năm: (%) (1đ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nhóm cây trồng*** | ***1990*** | ***1995*** | ***2005*** |
| Cây lương thực | 67,1 | 63,6 | 59,2 |
| Cây công nghiệp | 13,5 | 18,4 | 23,7 |
| Cây ăn quả, rau đậu và cây khác | 19,4 | 18,0 | 17,1 |
| Tổng số | 100 | 100 | 100 |

*(Nếu học sinh tính sai tỉ lệ thì tuỳ theo mức độ để cho điểm)*

**- Vẽ biểu đồ cột chồng:** (1,5đ) Yêu cầu:

+ Chia tỉ lệ và khoảng cách năm và vẽ chính xác, bảng chú thích, Tên biểu đồ, số liệu đầy đủ.

***Chú ý:*:**

*+ Vẽ thiếu chính xác trừ 0,75điểm, thiếu tên biểu đồ hoặc chú thích trừ 0,25 điểm.*

*+ Trường hợp học sinh tính sai tỉ lệ trong phần xử lí bảng số liệu thì trừ điểm 1,0 điểm trong phần vẽ biểu đồ.*

**b- Nhận xét và giải thích: (2,5đ)**

\* Nhận xét: (1đ)

- Tỉ trọng của các loại cây trồng có sự chênh lệch rất lớn: Trong mỗi năm, cây lương thực chiếm cao nhất (năm 2005 cây lương thực chiếm 59,2; còn cây công nghiệp chiếm 23,7%, cây ăn quả, rau đậu và các loại cây khác chiếm 17,1%) (0,5đ)

- Từ năm 1990 đến năm 2005: cơ cấu giá trị ngành trồng trọt có sự chuyển dịch: Tỉ trọng cây lương thực giảm 7,9%, cây công nghiệp tăng nhanh nhất (10,2%). Tỉ trọng giá trị các cây khác giảm (2,3%). (0,5đ)

\* Giải thích: (1,5đ)

+ Do nguồn tài nguyên thuận lợi cho ngành trồng cây lương thực rất phong phú, nhu cầu lương thực cho con người và nguyên liệu cho các ngành chế biến trong và ngoài nước rất cao, là ngành truyền thống của nhân dân Việt Nam.... Nên tỉ trọng cây lương thực chiếm khá cao. (0,5đ)

+ Ngành nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nên nhà nước đã đầu tư nhiều hơn vào ngành trồng cây công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến phục vụ trong nước, đặc biệt cho xuất khẩu. Do đó tỉ trọng cây công nghiệp tăng nhanh, cây lương thực giảm. (0,5đ)

+ Cây ăn quả, rau đậu và các loại cây khác tỉ trọng giảm là do nhiều nguyên nhân như: giá cả thị trường luôn biến động, việc bảo quản, vận chuyển gặp khó khăn, công nghệ chế biến còn thấp, nhiều vùng phát triển còn mang tính tự phát chưa tập trung..... (0,5đ)

*Nếu học sinh tính sai tỉ lệ trong phần xử lí bảng số liệu nhưng vẫn nhận xét giải thích được những ý cơ bản thì phần nhận xét và giải thích chỉ đạt điểm tốt đa không quá 1,25điểm*

**Câu 5:** 5 điểm

**a. Vẽ biểu đồ:** (2đ)

- Yêu cầu: + Vẽ biểu đồ dạng miền.

+ Vẽ chính xác khoảng cách năm, tỉ lệ, có tên, có chú giải, sạch đẹp.

Nếu học sinh: Vẽ thiếu chính xác trừ 0,75điểm, thiếu tên biểu đồ hoặc chú thích trừ 0,25 điểm.

**b- Nhận xét và giải thích:** (3đ)

**\* Nhận xét:** (2đ)

- Từ năm 1989 đến năm 2003: Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng CNH – HĐH. (0,5đ)

+ Giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông – lâm – ngư nghiệp từ 71,5 xuống 60,3 (giảm 11,2%). (0,25đ)

+ Tăng tỉ trọng ở các khu vực công nghiệp – xây dựng: tăng từ: 11,2% lên 16,5%

( tăng 5,3%); (0,25đ)

+ Lao đông trong ngành dịch vụ có biến động: Giai đoạn 1989 – 1996 tăng (tăng 2,4%), giai đoạn 1996 – 1992 giảm nhẹ (giảm 0,5%), giai đoạn 1999 – 2003 tăng nhanh (4,0%). (0,5đ)

- Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế như trên là hợp lí nhưng còn chậm: (Trong vòng 14 năm, bình quân lao động trong ngành công nghiệp – xây dựng chỉ tăng 0,38% năm, còn lao động trong nông nghiệp chỉ giảm 0,8%) (0,5đ)

**\* Giải thích:** (1đ)

- Do sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động. (0,25đ)

- Nước ta đang ở thời kì đầu của quá trình CNH – HĐH nên khả năng thu hút lao động trong công nghiệp – xây dựng và dịch vụ còn hạn chế. (0,5đ)

- Dịch vụ ở nước ta có sự biến động về tỉ trọng do nhiều nguyên nhân từ đó kéo theo như cầu lao động trong dịch vụ bị biến động theo. (0,25đ)

**ĐỀ SỐ 12**

**Câu 1.** *(2 điểm)*

Ở Việt Nam vào lúc 10h ngày 01/3/2010, thì ở các vị trí 300Đ, 900Đ, 300T, 600T trên Trái Đất lúc đó là mấy giờ, ngày tháng năm nào?

**Câu 2.** *(3 điểm)*

Trình bày thành phần cấu tạo của khí quyển? Phân tích vai trò của khí quyển đối với đời sống và giải thích những nhân tố ảnh hưởng đến khí quyển và gây hậu quả làm thay đổi khí hậu trên Trái Đất?

**Câu 3.** *(2 điểm)*

Dựa vào kiến thức đã học, hãy:

a. Trình bày đặc điểm chính của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

b. Giải thích vì sao tính chất nhiệt đới của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bị giảm sút mạnh mẽ?

**Câu 4:** *(3 điểm)*

Vì sao đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm nhưng hệ thống sông Hồng thường gây ra lũ quét, lũ đột ngột, còn hệ thống sông Cửu Long có chế độ nước điều hoà hơn? Để khai thác nguồn lợi của hai hệ thống sông này cần có những biện pháp gì?

**Câu 5.** *(3 điểm)*

Hãy cho biết:

a.Việc phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta có những thuận lợi gì?

b. Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp như thế nào?

**Câu 6.** *(3 điểm)*

Vì sao nói: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng để phát triển một nền kinh tế đa dạng, đặc biệt là kinh tế biển?

**Câu 7.** *(4 điểm)*

Cho bảng số liệu sau:

*Sự biến động diện tích và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943 - 2005*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích rừng** *(Triệu ha)* | **Diện tích rừng**  **tự nhiên** *(Triệu ha)* | **Diện tích rừng trồng** *(Triệu ha)* | **Độ che phủ rừng** *(%)* |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,0 |
| 1976 | 11,1 | 11,0 | 0,1 | 33,8 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22,0 |
| 1990 | 9,2 | 8,4 | 0,8 | 27,8 |
| 2000 | 10,9 | 9,4 | 1,5 | 33,1 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động diện tích và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943 - 2005.

b. Nhận xét về sự biến động diện tích và độ che phủ rừng nước ta giai đoạn 1943 - 2005.

-----------------------------------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  *(2 đ)* | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | *Kinh độ* | 600T | 300T | 300Đ | 900Đ | **1050 Đ** | | *Giờ* | 23 | 1 | 5 | 9 | **10** | | *Ngày, tháng, năm* | 28/2/  2010 | 1/3/  2010 | 1/3/  2010 | 1/3  /2010 | 1/3/  2010 | | *2* |
| **2**  *(3 đ)* | **\* Thành phần cấu tạo của khí quyển:**  - Thành phần: Nitơ chiếm 78%, ôxi chiếm 21%, hơi nước và khí khác chiếm 1%.  - Cấu trúc: Gồm 3 tầng (tầng đối lưu, bình lưu và các tầng cao khí quyển)  **\* Vai trò của khí quyển:**  - Bảo vệ sự sống trên Trái Đất (tầng ôzôn)  - Cung cấp lượng khí ôxi cần thiết cho sinh vật  - Nơi diễn ra các quá trình thời tiết, khí hậu và hoàn lưu khí quyển.  - Điều hoà nhiệt cho bề mặt Trái Đất.  **\* Những tác nhân làm ảnh hưởng đến khí quyển và gây hậu quả thay đổi khí hậu Trái Đất:**  - Hiệu ứng nhà kính làm khí hậu Trái Đất nóng lên.  + Khí thải công nghiệp (khí CO2) làm tăng hiệu ứng nhà kính của khí quyển, làm nhiệt độ không khí tăng  + Trái Đất nóng lên làm băng ở 2 cực Trát Đất tan ra, nước biển dâng cao.  - Sự phá huỷ tầng ôzôn.  - Hiện tượng mưa axít. | *1*  *1*  *1* |
| **3**  *(2 đ)* | ***a) Đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ:***  - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước: nhiệt độ thấp, có mưa phùn.  - Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn (mùa đông kéo dài nhất nước ta).  - Mùa hạ: nóng ẩm và mưa nhiều.  ***b) Giải thích:***  - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa đông bắc lạnh từ phía bắc và trung tâm châu Á tràn xuống (mỗi năm có khoảng trên 20 đợt gió mùa cực đới tràn về).  - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nằm ở vị trí tiếp giáp với vùng ngoại chí tuyến, Á nhiệt đới Hoa Nam.  - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ không có địa hình che chắn. Các dãy núi cánh cung mở rộng về phía Bắc, tạo điều kiện cho các luồng gió mùa đông bắc dễ dàng xâm nhập vào Bắc Bộ. | *1*  *1* |
| **4**  *(3đ)* | ***Hệ thống sông Hồng:***  - Chảy trong khu vực địa hình phức tạp, có các dãy núi chạy theo hướng TB - ĐN và hướng vòng cung nên có nhiều phụ lưu cùng đổ vào sông Hồng, ở hạ lưu ít chi lưu để thoát nước.  - Chế độ mưa tập trung vào một mùa chiếm 70 - 80% tổng lượng nước trong năm, kết hợp với địa hình dốc nên nước đổ dồn về một lúc, nhưng thoát nước chậm.  - Miền núi và trung du Bắc bộ (thượng nguồn các con sông) là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người nên việc khai thác rừng còn bừa bải, đất trống, đồi trọc, không giữ được nước vào mùa mưa lũ.  🢣 Từ những nguyên nhân trên, hệ thống sông Hồng thường gây nên lũ quét, lũ ống, chế độ nước thất thường.  ***Hệ thống sông Cửu Long:***  - Là bộ phận của hạ lưu hệ thống sông Mê Công, chảy qua vùng sụt lún, thấp và bằng phẳng.  - Do sự điều tiết nguồn nước từ Biển Hồ (hồ Tôn-lê-xáp từ Campuchia).  - Có nhiều cửa sông để thoát nước ra biển, mạng lưới kênh rạch chằng chịt.  🢣 Điều tiết chế độ nước sông, sông chảy hiền hoà nước lên chậm và rút chậm nên mùa lũ kéo dài.  ***Biện pháp khắc phục:***  *Đối với hệ thống sông Hồng*:  - Đắp đê lớn để chống lũ lụt, tiêu lũ qua sông nhánh và vùng trũng, bơm nước từ đồng ruộng ra sông, nạo vét lòng sông.  - Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, xây dưng các hồ chứa nước phục vụ thuỷ điện, thuỷ lợi ở đầu nguồn.  *Đối với hệ thống sông Cửu Long:*  - Tiêu lũ qua vùng biển phía Tây theo kênh rạch, đắp đê bao để hạn chế lũ nhỏ.  - Làm nhà nổi, làng nổi, chủ động sống chung với lũ. Xây dựng các tuyến dân cư tại các vùng đất cao. | *1*  *1*  *1* |
| **5**  *(3 đ)* | ***\* Thuận lợi:***  - Tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp rất phong phú.  - Lực lượng lao động dồi dào và có truyền thống. Thị trường trong nước lớn: dân đông, nền kinh tế đang phát triển, tạo thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn.  - Cơ sớ vật chất - kĩ thuật và cơ sở hạ tầng đang từng bước hoàn thiện. Nhà nước có chính sách quan tâm đến phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến.  - Các sản phẩm công nghiệp chế biến ngày càng được thị trường thế giới ưa chuận.  ***\* Ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp:***  - Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản.  - Thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. | *2*  *1* |
| **6**  *(3 đ)* | ***\* Tiềm năng phát triển nền kinh tế đa dạng:***  DHNTB có vị trí quan trọng, là cầu nối BTB với TN và ĐNB. Địa hình, đất đai, sinh vật đa dạng, khí hậu phân hóa, vùng biển giàu tiềm năng, người dân cần cù, nhiều cảnh quan, nhiều di tích văn hóa – lịch sử ... tạo điều kiện để phát triển nhiều ngành kinh tế (công nghiệp: khai thác, chế biến, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng...; nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, ngư nghiệp; dịch vụ: thương mại, giao thông vận tải, du lịch ...).  ***\* Tiềm năng phát triển đối với các ngành kinh tế biển:***  - Khai thác và nuôi trồng thủy sản do: bờ biển dài, có nhiều bãi tôm, cá có giá trị, thuận lợi cho việc khai thác thủy sản; nhiều vũng vịnh, đầm phá, thuận lợi nuôi trồng những sản phẩm giá trị như: tôm, cá, đặc biệt là cá, cá sấu, tôm hùm... các vách đá ven biển đi nuôi chim yến.  - Khai thác và chế biến khoáng sản biển: cát thủy tinh (K.Hòa), titan (B.Định). Phát triển nghề muối (N.Thuận, B.Thuận).  - Giao thông vận tải biển: do đặc điểm vị trí, địa hình thuận lợi... trong vùng có nhiều hải cảng Đ.Nẵng, Q.Nhơn, D.Quất, C.Ranh...  - Du lịch biển - đảo: những điểm du lịch đã, đang và sẽ thu hút một lượng lớn du khách trong nước và quốc tế, đó là:  + Những TP ven biển: Đ.Nẵng, H.An, N.Trang...  + Những bãi biển đẹp: Non Nước, Nha Trang, Mũi Né...  + Những vịnh biển đẹp: Vân Phong, Đại Lãnh, Cam Ranh... | *1*  *2* |
| **7**  *(4 đ)* | ***a. Vẽ biểu đồ:***  - Biểu đồ kết hợp cột chồng - đường.  + Cột chồng: thể hiện tổng diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng.  + Đường: thể hiện độ che phủ.  - Yêu cầu: đảm bảo chính xác, đẹp, đầy đủ tên biểu đồ, đơn vị trên các trục, số liệu và chú thích.  ***b. Nhận xét:***  \* Từ năm 1943 đến năm 2005: Diện tích rừng và độ che phủ rừng của nước ta có sự thay đổi:  - Giai đoạn 1943 - 1983:  + Tổng diện tích rừng giảm mạnh (7,1 triệu ha).  + Diện tích rừng tự nhiên giảm 7,5 triệu ha.  + Diện tích rừng trồng tăng 0,4 triệu ha.  + Diện tích rừng trồng không bù lại được so với diện tích rừng tự nhiên bị mất đi nên độ che phủ rừng suy giảm 21%.  - Giai đoạn 1983 - 2005:  + Diện tích rừng tự nhiên phục hồi 3,4 triệu ha.  + Diện tích rừng trồng tăng: 2,1 triệu ha.  + Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng đều tăng nên tổng diện tích rừng nước ta tăng 5,5 triệu ha và độ che phủ rừng tăng thêm 16%.  - Sự biến đổi diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng từ 1943 - 2005 chứng tỏ chất lượng rừng nước ta suy giảm. | *2,5*  *1,5* |

**ĐỀ SỐ 13**

**C©u 1.**

B»ng kiÕn thøc ®· häc h·y lµm s¸ng tá ý kiÕn sau cña s¸ch gi¸o khoa §Þa lÝ 9: “Tµi nguyªn cña n­íc ta ®a d¹ng, t¹o c¬ së nguyªn liÖu, nhiªn liÖu vµ n¨ng l­îng ®Ó ph¸t triÓn c¬ cÊu c«ng nghiÖp ®a ngµnh”.

**C©u 2.**

Trung du miÒn nói B¾c Bé vµ T©y Nguyªn lµ 2 vïng chuyªn canh c©y c«ng nghiÖp lín ë n­íc ta. Gi÷a 2 vïng nµy cã sù kh¸c biÖt vÒ c¬ cÊu c©y c«ng nghiÖp nh­ thÕ nµo? Nguyªn nh©n v× sao?

**C©u 3.**

Cho b¶ng sè liÖu sau:

DiÖn tÝch gieo trång ph©n theo nhãm c©y *(§¬n vÞ: ngh×n ha*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **N¨m**  **C¸c nhãm c©y** | **1990** | **2002** |
| **Tæng sè** | 9040,0 | 12831,4 |
| **C©y l­¬ng thùc** | 6474,6 | 8320,3 |
| **C©y c«ng nghiÖp** | 1199,3 | 2337,3 |
| **C©y thùc phÈm, c©y ¨n qu¶, c©y kh¸c** | 1366,1 | 2173,8 |

a. H·y vÏ biÓu ®å thÓ hiÖn c¬ cÊu diÖn tÝch gieo trång ph©n theo nhãm c©y thêi k× 1990 – 2002?

b. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch tõ b¶ng sè liÖu vµ biÓu ®å ®· vÏ?

-------------------**HÕt-**-----------------

**H­íng dÉn chÊm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C©u hái** | **Néi dung** | **§iÓm** |
| **1**  (*3 ®iÓm*) | \* TNTN n­íc ta rÊt ®a d¹ng, phong phó, cã ý nghÜa rÊt lín ®èi víi sù ph¸t triÓn c«ng nghiÖp, nhÊt lµ tµi nguyªn kho¸ng s¶n, n­íc, sinh vËt…  **a. TN kho¸ng s¶n.** §a d¹ng, gåm 4 nhãm:  - Kho¸ng s¶n nhiªn liÖu: Gåm than, dÇu má, khÝ ®èt, cung cÊp nhiªn liÖu cho sù ph¸t triÓn c«ng nghiÖp n¨ng l­îng, ho¸ chÊt.  - Kho¸ng s¶n kim lo¹i: Gåm s¾t, m¨ngan, cr«m, thiÕc, ®ång, ch×, kÏm, b« xÝt…cung cÊp nguyªn liÖu cho sù ph¸t triÓn c«ng nghiÖp luyÖn kim ®en, luyÖn kim mµu.  - Kho¸ng s¶n phi kim lo¹i: Gåm apatÝt, pirÝt, phètphorÝt…cung cÊp nguyªn liÖu cho sù ph¸t triÓn c«ng nghiÖp ho¸ chÊt.  - Kho¸ng s¶n vËt liÖu x©y dùng: Gåm sÐt, ®¸ v«i, c¸t…cung cÊp nguyªn liÖu cho sù ph¸t triÓn c«ng ngiÖp s¶n xuÊt vËt liÖu x©y dùng.  **b. Tµi nguyªn n­íc.**  - Dåi dµo víi m¹ng l­íi s«ng ngßi dµy dÆc (2360 s«ng cã chiÒu dµi > 10 km), tr÷ n¨ng thuû ®iÖn lín (>30 triÖu kw), tËp trung chñ yÕu trªn hÖ thèng s«ng Hång, s«ng §ång Nai…cung cÊp n¨ng l­îng cho sù ph¸t triÓn c¸c ngµnh c«ng nghiÖp, ®Æc biÖt lµ thuû ®iÖn.  **c. Tµi nguyªn ®Êt, n­íc, khÝ hËu, sinh vËt (rõng, thuû h¶i s¶n).** Lµ ®iÒu kiÖn thuËn lîi ph¸t triÓn ngµnh N«ng – L©m – Ng­ nghiÖp, cung cÊp nguyªn liÖu cho sù ph¸t triÓn c«ng nghiÖp chÕ biÕn N«ng – L©m – Thuû s¶n. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **2**  (*4 ®iÓm*) | **a. Sù kh¸c biÖt vÒ c¬ cÊu c©y c«ng nghiÖp gi÷a Trung du miÒn nói B¾c Bé vµ T©y Nguyªn.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Trung du miÒn nói B¾c Bé** | **T©y Nguyªn.** | | **\*§Æc ®iÓm.**  **DiÖn tÝch tù nhiªn**  **§Þa h×nh**  **§Êt ®ai**  **KhÝ hËu**  **D©n sè**  **C¬ së vËt chÊt kü thuËt**  **\* C¬ cÊu c©y c«ng nghiÖp** | - 100965 km2 (chiÕm 30,7% diÖn tÝch c¶ n­íc).  - Chñ yÕu lµ nói, cao nguyªn hiÓm trë, bÞ c¾t xÎ m¹nh.  - §Êt FeralÝt ®á vµng vµ ®Êt ®á ®¸ v«i.  - NhiÖt ®íi Èm giã mïa cã mïa ®«ng l¹nh, ph©n ho¸ theo mïa.  - 11,5 triÖu ng­êi, mËt ®é 114 ng­êi/km2 (2002), lµ ®Þa bµn c­ tró cña c¸c d©n téc Ýt ng­êi (Tµy, Th¸i, M­êng, Dao, M«ng, Nïng…).  - §· x©y dùng ®­îc 1 sè c¬ së c«ng nghiÖp hç trî cho s¶n xuÊt (Thuû ®iÖn, c¬ khÝ, ho¸ chÊt, chÕ biÕn).  - ChÌ (ChiÕm 68,8% diÖn tÝch vµ 62,1% s¶n l­îng c¶ n­íc)-2001, s¬n, håi, quÕ, cµ phª, thuèc l¸. | - 54475 km2 (chiÕm 16,5% diÖn tÝch c¶ n­íc)  - Gåm c¸c cao nguyªn xÕp tÇng, cã bÒ mÆt t­¬ng ®èi b»ng ph¼ng.  - §Êt ®á Badan (1,4 triÖu ha = 66% c¶ n­íc).  - NhiÖt ®íi cËn xÝch ®¹o, ph©n ho¸ theo ®é cao.  - 4,4 triÖu ng­êi, mËt ®é 81 ng­êi/km2, lµ ®Þa bµn c­ tró cña c¸c d©n téc Ýt ng­êi (Gia-rai, £-®ª, C-ho, Bana…).  - §· x©y dùng ®­îc 1 sè c¬ së hç trî (Thuû ®iÖn, ®ån ®iÒn, n«ng tr­êng QD, CN chÕ biÕn).  - Cµ phª (chiÕm 85,1% diÖn tÝch, 90,6% s¶n l­îng c¶ n­íc), chÌ, cao su, ®iÒu, hå tiªu, b«ng, d©u t»m |   **b. Nguyªn nh©n.**  \* Sù kh¸c biÖt vÒ vÞ trÝ ®Þa lÝ, kh¸c biÖt vÒ c¸c ®iÒu kiÖn tù nhiªn (§Þa h×nh, ®Êt ®ai, khÝ hËu…)  - TDMNBB: §Þa h×nh nói cao, bÞ c¾t xÎ m¹nh, Ýt mÆt b»ng lín, ®Êt FeralÝt ®é ph× thÊp, khÝ hËu cã mïa ®«ng l¹nh, quy m« s¶n xuÊt nhá.  - T©y Nguyªn: §Þa h×nh cao nguyªn t­¬ng ®èi réng vµ b»ng ph¼ng, ®Êt ®á Badan cã ®é ph× cao, khÝ hËu cã nÒn nhiÖt cao quy m« s¶n xuÊt lín.  \* Sù kh¸c nhau vÒ ®Æc ®iÓm d©n c­, x· héi, lÞch sö khai th¸c l·nh thæ, tËp qu¸n s¶n xuÊt.  - TDMNBB: Cã kinh nghiÖm nhÊt ®Þnh trong trång vµ chÕ biÕn chÌ.  - T©y Nguyªn: Cã kinh nghiÖm nhÊt ®Þnh trong trång vµ chÕ biÕn cµ phª, cao su. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3**  (*3 ®iÓm*) | **a. VÏ biÓu ®å.**  ***\* Xö lÝ sè liÖu:***  - B¶ng xö lÝ sè liÖu ra %   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **N¨m**  **C¸c nhãm c©y** | **1990** | **2002** | | **Tæng** | 100,0 | 100,0 | | **C©y l­¬ng thùc** | 71,6 | 64,9 | | **C©y c«ng nghiÖp** | 13,3 | 18,2 | | **C©y thùc phÈm, c©y ¨n qu¶, c©y kh¸c** | 15,1 | 16,9 |   - B¸n kÝnh:  BK n¨m 1990 = 2,0  BK n¨m 2002 = 2,4  ***\* VÏ biÓu ®å:*** H×nh trßn (BK n¨m 1990 = 2,0, BK n¨m 2002 = 2,4)  **Yªu cÇu:** §Ñp, chÝnh x¸c, cã ®ñ kÝ hiÖu, tªn biÓu ®å, chó gi¶i, sè liÖu trong biÓu ®å.  **b. NhËn xÐt vµ gi¶i thÝch.**  ***\* NhËn xÐt.***  - DiÖn tÝch gieo trång t¨ng 3791,4 ngh×n ha (1,4 lÇn)  Trong ®ã:  + DiÖn tÝch c©y l­¬ng thùc t¨ng 1845,7 ngh×n ha (1,29 lÇn)  + DiÖn tÝch c©y c«ng nghiÖp t¨ng 1138 ngh×n ha (1,95 lÇn)  + DiÖn tÝch c©y thùc phÈm, c©y ¨n qu¶, c©y kh¸c t¨ng 807,7 ngh×n ha (1,59 lÇn).  - C¬ cÊu cã sù thay ®æi:  + TØ träng diÖn tÝch c©y l­¬ng thùc gi¶m 6,7%  + TØ träng diÖn tÝch c©y c«ng nghiÖp t¨ng 4,9%  + TØ träng diÖn tÝch c©y thùc phÈm, c©y ¨n qu¶, c©y kh¸c t¨ng 1,8%  ***\* Gi¶i thÝch.***  - DiÖn tÝch gieo trång t¨ng do më réng diÖn tÝch, khai hoang, c¶i t¹o ®Êt  - C¬ cÊu diÖn tÝch gieo trång thay ®æi lµ kÕt qu¶ sù thay ®æi vÒ c¬ cÊu kinh tÕ n«ng nghiÖp theo h­íng t¨ng c­êng ph¸t triÓn nÒn n«ng nghiÖp hµng ho¸ vµ ®a d¹ng ho¸ c©y trång | 0,5  1,0  0,5  0,5  0,25  0,25 |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày giảng:**

**CHỦ ĐỀ 5**

**SÖÏ PHAÂN HOAÙ LAÕNH THOÅ** **VIỆT NAM**

**(18 tiết)**

## I. VUØNG TRUNG DU VAØ MIEÀN NUÙI BAÉC BOÄ

**A- Kieán thöùc cô baûn:**

***1- Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå:***

- Laø vuøng laõnh thoå phía baéc ñaát nöôùc, naèm saùt chí tuyeán baéc. Phía Baéc giaùp Trung Quoác , Taây giaùp Laøo, Ñoâng giaùp ñoàng baèng Soâng Hoàng vaø bieån, Nam giaùp Baéc Trung Boä

- Chieám 30.7% dieän tích caû nöôùc vaø soá daân 11,5 tr ngöôøi chieám 14.4% daân soá caû nöôùc (2002), goàm 15tænh.

- Trung du vaø mieàn nuùi Baéc boä naèm lieàn keà vôùi ñoàng baèng soàng Hoàng laø caùi noâi cuûa neàn vaên hoaù Vieät Nam, giaùp moät vuøng bieån giaøu tieàm naêng .

⇒ Vò trí vuøng coù yù nghóa voâ cuøng quan troïng trong vieäc giao löu kinh teá trao ñoåi haøng hoaù vôùi caùc vuøng trong nöôùc , vôùi nöôùc baïn Trung Quoác , Laøo (qua caùc cöûa khaåu …) vaø caùc nöôùc trong khu vöïc Chaâu AÙ -Thaùi Bình Döông vaø theá giôùi (qua caùc caûng …)

***2- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân:***

- Vuøng coù ñaëc dieåm chung laø chòu söï chi phoái saâu saéc cuûa ñoä cao ñòa hình, goàm:

+Mieàn nuùi Baéc Boä: Coù ñòa hình nuùi cao vaø chia caét saâu ôû phía Taây Baéc, coøn phía Ñoâng Baéc laø ñòa hình nuùi trung bình. Ñaây laø vuøng ñaàu nguoàn cuûa heä thoáng soâng Hoàng vaø soâng Thaùi Bình.

+Trung du Baéc Boä: laø daûi ñaát chuyeån tieáp giöõa mieàn nuùi Baéc boä vaø Ñoàng baèng Soâng Hoàng ñaëc tröng laø ñòa hình ñoài baùt uùp xen keõ nhöõng caùnh ñoàng thung luõng baèng phaúng thuaän lôïi cho vieäc phaùt trieån caùc vuøng chuyeân canh caây coâng nghieäp vaø xaây döïng caùc khu coâng nghieäp , khu ñoâ thò .

- TD vaø MNBB phaân hoaù thaønh 2 tieåu vuøng Ñoâng Baéc vaø Taây Baéc vôùi nhöõng ñaëc ñieåm rieâng veà ÑKTN vaø theá maïnh KT:

+ Ñoâng Baéc : coù ñòa hình nuùi trung bình vaø nuùi thaáp vôùi nhieàu daõy nuùi hình caùnh cung. Khí haäu nhieät ñôùi aåm , muøa ñoâng laïnh. 🡪 coù theá maïnh KT laø khai thaùc khoaùng saûn; troàng caây coâng nghieäp, döôïc lieäu, rau quaû oân ñôùi vaø caän nhieät ñôùi; du lòch sinh thaùi vaø kinh teá bieån.

+Taây Baéc : coù ñòa hình nuùi cao, hieåm trôû. Khí haäu nhieät ñôùi aåm coù muøa ñoâng ít laïnh hôn. 🡪 coù theá maïnh KT laø phaùt trieån thuyû ñieän; troàng röøng, caây coâng nghieäp laâu naêm

- Caùc taøi nguyeân :

+ Taøi nguyeân nöôùc: (goàm nguoàn nöôùc vaø thuyû naêng ) taäp trung chuû yeáu ôû Taây Baéc (soâng Ñaø ).

+ Taøi nguyeân khoaùng saûn taäp trung ôû phía Ñoâng Baéc : Than , saét , ñoàng , chì , keõm , apatit

+ Taøi nguyeân bieån : goàm coù moät vuøng bieån giaøu tieàm naêng naèm ôû trong vònh Baéc Boä

+Taøi nguyeân du lòch : khaù phong phuù veà du lòch töï nhieân laãn du lòch nhaân vaên

+ Taøi nguyeân röøng : coù caû ôû Ñoâng Baéc vaø Taây Baéc nhöng hieän nay ñang bò caïn kieät nhieàu do vieäc chaët phaù böøa baõi .

* Khoù khaên :

- Ñòa hình hieåm trôû, chia caét nhaát laø ôû phía Taây Baéc do ñoù giao thoâng ñi laïi khoù khaên.

- Khí haäu dieãn bieán thaát thöôøng : möa baõo, reùt ñaäm, luõ queùt, … aûnh höôûng ñeán giao thoâng vaän taûi , saûn xuaát vaø ñôøi soáng .

- Taøi nguyeân röøng ngaøy caøng caïn kieät do bò taøn phaù naëng neà daãn ñeán xoùi moøn, saït lôû ñaát, luõ queùt, moâi tröôøng bò huyû hoaïi nghieâm troïng.

- Phaàn lôùn khoaùng saûn coù tröõ löôïng nhoû khoù khai thaùc.

***3-Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi:***

-Laø ñòa baøn cö truù xen keõ cuûa nhieàu daân toäc ít ngöôøi nhöng coù söï khaùc nhau giöõa Ñoâng Baéc vaø Taây Baéc:

+ Ñoâng Baéc laø ñòa baøn cö truù cuûa ngöôøi Taøy, Dao, Moâng, Nuøng …

+ Taây Baéc laø ñòa baøn cö truù cuûa ngöôøi Thaùi, Möôøng, Dao, Moâng…

Ngöôøi kinh cö truù haàu heát ôû caùc ñòa phöông trong vuøng.

-Ngoaøi ra söï phaân boá daân cö vaø trình ñoä daân cö coøn coù söï cheânh leâïch lôùn giöõa vuøng cao vaø vuøng thaáp

- Caùc chæ tieâu veà phaùt trieån daân cö - xaõ hoäi cuûa trung du vaø mieàn nuùi Baéc boä ñang ôû möùc thaáp hôn so vôùi caû nöôùc theå hieän ôû caùc chæ tieâu : tæ leä hoä ngheøo , GDP ñaàu ngöôøi , tuoåi thoï trung bình , tæ leä ngöôøi lôùn bieát chöõ vaø tæ leä daân thaønh thò. Ñaëc bieät Taây Baéc laø vuøng khoù khaên nhaát nöôùc.

***4 Tình hình phaùt trieån kinh teá:***

**a Ngaønh coâng nghieäp:** Coù hai ngaønh coâng nghieäp phaùt trieån khaù maïnh laø thuyû ñieän vaø khai khoaùng

- Thuyû ñieän: Goàm thuyû ñieän Hoaø Bình treân soâng Ñaø coâng suaát 1920 MW, thuyû ñieän Thaùc Baø 110 MW vaø caùc döï aùn thuyû ñieän Sôn La cuøng vôùi nhieàu thuyû ñieän ñòa phöông giöõ vai troø quan troïng trong vieäc ñieàu tieát nguoàn nöôùc, cung caáp ñieän naêng vaø phaùt trieån kinh teá .

- Coâng nghieäp khai khoaùng ñaëc bieät laø khai thaùc than, saét, kim loaïi maøu, phi kim, … laø cô sôû nguyeân lieäu cho coâng nghieäp naêng löôïng (nhieät ñieän Uoâng Bí, Phaû Laïi vaø moät soá döï aùn nhieät ñieän ñang ñöôïc trieån khai ), coâng nghieäp luyeän kim ñen, luyeän kim maøu (Thaùi Nguyeân) , hoaù chaát (Vieät Trì , Baéc Giang )

Ngoaøi ra coâng nghieäp nheï vaø coâng nghieäp cbeá bieán thöïc phaàm döïa vaøo nguoàn nguyeân lieäu cuûa ñòa phöông cuõng ñang phaùt trieån.

🡪 Toùm laïi : coâng nghieäp laø theá maïnh trong kinh teá cuûa vuøng, chieám 17,2% GDP coâng nghieäp cuûa toaøn quoác (naêm 2002).

\*YÙ nghóa cuûa thuyû ñieän Hoaø Bình :

Khôûi coâng ngaøy 6/11/1978 sau 15 naêm ñi vaøo khai thaùc 12/1994, coâng suaát laø 1920 MW haøng naêm saûn suaát 8,16 tæ kWh; Tröõ löôïng cuûa hoà laø 9,5 tæ m2; Saûn xuaát ñieän naêng; Ñieàu tieát luõ cung caáp nöôùc töôùi cho muøa ít möa ôû ñoàng baèng soâng Hoàng; Khai thaùc du lòch; Ñieàu hoaø khí haäu ñòa phöông.

**b Noâng nghieäp**

- Caây löông thöïc saûn xuaát taäp trung ôû caùc caùnh ñoàng ôû nuùi , luùa vaø ngoâ laø hai loaïi chính

- Caây coâng nghieäp nhôø khí haäu nhieät ñôùi vaø caän nhieät coäng vôùi ñaát ñai laø ñieàu kieän quan troïng ñeå phaùt trieån caây coâng nghieäp laâu naêm, ñaëc bieät laø cheø, hoài, moät soá caây aên quaû. Dieän tích saûn löôïng cuûa caây cheø ôû trung du mieàn nuùi Baéc giöõ vò trí haøng ñaàu cuûa caû nöôùc (68,8% dieän tích vaø 61,1% saûn löôïng ) noåi tieáng nhö cheø Moäc Chaâu, Taân Cöông …

- Chaên nuoâi: Ñaøn traâu nuoâi ôû TD vaø MNBB chieám tæ troïng lôùn nhaát caû nöôùc (57,3%), lôïn nuoâi ôû trung du chieám 22% daøn lôïn caû nöôùc (2002)

- Ngheà röøng phaùt trieån maïnh theo höôùng noâng – laâm keát hôïp goùp phaàn naâng cao ñôøi soáng caùc daân toäc vaø baûo veä moâi tröôøng sinh thaùi.

- Ngoaøi ra nuoâi troàng thuyû saûn cuõng ñem laïi hieäu quaû kinh teá roõ reät.

Tuy nhieân noâng nghieäp cuûa vuøng cuõng gaëp moät soá Khoù khaên: Thieáu qui hoaïch, thôøi tieát dieãn bieán thaát thöôøng, chöa chuû ñoäng ñöôïc thò tröôøng…

**c) Dòch vuï:**

- Giao thoâng vaän taûi khaù phaùt trieån baèng caùc heä thoáng ñöôøng saét, oâ toâ, caûng ven bieån noái caùc thaønh phoá thò xaõ cuûa vuøng vôùi thuû ñoâ Haø Noäi vaø caùc tænh ñoàng baèng soâng Hoàng.

- Thöông maïi: vuøng coù quan heä trao ñoåi mua baùn laâu ñôøi vôùi caùc vuøng trong nöôùc ñaëc bieät laø ñoàng baèng soâng Hoàng ,vôùi caùc nöôùc laùng gieàng ( Laøo , Trung Quoác) qua caùc cöûa khaåu bieân giôùi.

- Du lòch cuõng laø moät theá maïnh cuûa vuøng, ñaëc bieät laø du lòch höôùng veà coäi nguoàn ( Paùc Poù, Ñeàn Huøng, Taân Traøo…), du lòch sinh thaùi vaø vaên hoaù ( vònh Haï Long, SaPa, BaBeå, Tam Ñaûo …)

***5- Caùc trung taâm kinh teá:***

- Thaùi Nguyeân: trung taâm coâng nghieäp cô khí, luyeän kim.

- Vieät Trì: trung taâm coâng nghieäp hoaù chaát.

- Haï Long: laø thaønh phoá du lòch vaø laø trung taâm coâng nghieäp khai thaùc than

Caùc cöûa khaåu quoác teá quan troïng nhaát laø Moùng Caùi, Höõu Nghò vaø Laøo Cai.

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

1-Taïi sao trung du Baéc Boä laø ñòa baøn ñoâng daân vaø phaùt trieån kinh teá-xaõ hoäi cao hôn mieàn nuùi Baéc Boä?

***Höôùng daãn traû lôøi:***

-Trung du Baéc Boä naèm lieàn keà ñoàng baèng soâng Hoàng, moät vuøng coù trình ñoä phaùt trieàn kinh teá-xaõ hoäi cao.

- Trung du coù nguoàn nöôùc töông ñoái doài daøo, maët baèng xaây döïng toát coù nhieàu cô sôû coâng nghieäp vaø ñoâ thò ñaõ hình thaønh vaø ñang phaùt trieån nhö : Vieät Trì, Haï Long, Thaùi Nguyeân …

- Ñaây laø ñòa baøn troàng caây coâng nghieäp vaø chaên nuoâi gia suùc lôùn.

- Ñòa hình ñoài nuùi thaáp, giao thoâng deã daøng , khí haäu ít khaéc nghieät, nguoán ñaát töông ñoái lôùn.

⇒ thuaän lôïi cho daân cö sinh soáng

Ngöôïc laïi vuøng nuùi Baéc Boä laø vuøng giao thoâng ñi laïi khoù khaên do ñòahình chia caét, thôøi tieát dieãn bieán thaát thöôøng , ñaát noâng nghieäp haïn heïp, ñaát laâm nghieäp vaø ñaát chöa söû duïng chieám tæ troïng lôùn nhöng taøi nguyeân röøng ñaõ bò caïn kieät, muoán khai thaùc phaûi ñaàu tö nhieàu tieàn cuûa vaø coâng söùc. Thò tröôøng keùm phaùt trieån.

**2-** Vì sao vieäc phaùt trieån kinh teá , naâng cao ñôøi soáng caùc daân toäc phaûi ñi ñoâi vôùi baûo veä moâi tröôøng töï ï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân?

***Höôùng daãn traû lôøi:***

- Trong ñieàu kieän hieän nay cuûa ñaát nöôùc vieäc phaùt trieån kinh teá vaø naâng cao ñôøi soáng daân cö thöïc chaát laø ñaåy maïnh hôn nöõa vieäc khai thaùc taøi nguyeân thieân nhieân.

- Trong thöïc teá nguoàn taøi nguyeân ngaøy caøng caïn kieät vaø khai thaùc quaù möùc do ñoù dieän tích ñaát troáng ñoài troïc ngaøy moät taêng, thieân tai dieãn bieán phöùc taïp gaây thieät haïi lôùn. Söï suy giaûm chaát löôïng moâi tröôøng sinh thaùi taùc ñoäng xaáu ñeán nguoàn nöôùc caùc doøng soâng, hoà chöùa cuûa caùc nhaø maùy thuyû ñieän vaø nguoàn nöôùc cung caáp cho ñoàng baèng soâng Hoàng, do ñoù vieäc baûo veä taøi nguyeân vaø moâi tröôøng töï nhieân laø vieäc laøm heát söùc caàn thieát trong phaùt trieån kinh teá cuûa vuøng .

**3)** - Neâu yù nghóa cuûa vieäc phaùt trieån ngheà röøng theo höôùng noâng – laâm keát hôïp ôû Trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä

# Höôùng daãn traû lôøi

- Taêng ñoä che phuû röøng, haïn cheá xoùi moøn ñaát.

- Caûi thieän ñieàu kieän sinh thuyû cho caùc doøng soâng, ñieàu tieát nguoàn nöôùc cho caùc hoà thuyû lôïi, thuyû ñieän

- Laø nguyeân lieäu cho caùc nhaø maùy saûn xuaát giaáy, cheá bieán goã.

- Söû duïng nguoàn lao ñoäng nhaøn roãi trong noâng nghieäp , taêng thu nhaäp cuûa ngöôøi daân , caûi thieän ñôøi soáng ñoàng baøo caùc daân toäc, goùp phaàn xoaù ñoùi giaûm ngheøo.

**4)** Cho baûng soá lieäu sau: Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp ôû trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä ( tæ ñoàng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tieåu vuøng Naêm | 1995 | 2000 | 2002 |
| Taây Baéc | 320,5 | 541,1 | 696.2 |
| Ñoâng Baéc | 6179,2 | 10657,7 | 14301,3 |

Veõ bieåu ñoà coät vaø nhaän xeùt veà giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp ôû hai tieåu vuøng Ñoâng Baéc vaø Taây Baéc.

# Höôùng daãn traû lôøi

- Veõ bieåu ñoà coät nhoùm moãi naêm hai coät, chuù yù khoaûng caùch giöõa caùc naêm, teân bieåu ñoà .

- Nhaän xeùt: + Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp ôû trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä taêng lieân tuïc qua caùc naêm.

+ Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp ôû tieåu vuøng Ñoâng Baéc cao hôn tieåu vuøng Taây Baéc : naêm 1995 gaáp 19,3 laàn, naêm 2000 gaáp 19,7 laàn, naêm 2002 gaáp 20,5 laàn.

**5)** Neâu nhöõng theá maïnh veà taøi nguyeân thieân nhieân cuûa Trung du vaø mieàn nuùi Baéc Boä

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Caùc nguoàn taøi nguyeân laø theá maïnh cuûa vuøng :

+ Ñaát feralit ñoài nuùi thaáp thuaän lôïi ñeå troàng caây coâng nghieäp , ñaëc bieät laø cheø

+ Nöôùc : Taây Baéc ñaëc bieät laø soâng Ñaø thuaän lôïi ñeå xaây döïng caùc hoà thuyû ñieän , thuyû lôïi .

+ Khí haäu nhieät ñôùi vaø caän nhieät coù muøa ñoâng laïnh ⇒ ña daïng caây troàng

+ Khoaùng saûn ôû Ñoâng Baéc nhö: than, saét, thieát, boâxit, thieác …phaùt trieån coâng nghieäp khai khoaùng , luyeän kim

+ Taøi nguyeân bieån : Quaûng Ninh ⇒ phaùt trieån kinh teá bieån.

+Taøi nguyeân du lòch : vònh Haï Long ,hoà Ba Beå…⇒ phaùt trieån du lòch

**6)** Vì sao khai thaùc khoaùng saûn laø theá maïnh cuûa tieåu vuøng Ñoâng Baéc coøn phaùt trieån thuyû ñieän laø theá maïnh cuûa tieåu vuøng Taây Baéc

# Höôùng daãn traû lôøi

- Tieåu vuøng Ñoâng Baéc taäp trung nhieàu khoaùng saûn nhö: than, saét, thieát, boâxit, thieác …phaùt trieån coâng nghieäp khai khoaùng

- Tieåu vuøng Taây Baéc ñòa hình hieåm trôû laém thaùc nhieàu gheành, soâng doác nhieàu nöôùc ñaëc bieät laø soâng Ñaø thuaän lôïi ñeå phaùt trieån thuyû ñieän ( Hoaø Bình , Sôn La …)

## II. VUØNG ÑOÀNG BAÈNG SOÂNG HOÀNG

**A- Kieán thöùc coâ baûn:**

### 1 Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå

- Ñoàng baèng soâng Hoàng bao goàm 11 tænh vaø thaønh phoá vôùi dieän tích 14806km2 (khoaûng 4,4%)vaø 17,5 trieäu ngöôøi (khoaûng 22%)(2002)

- Vuøng ñoàng baèng soâng Hoàng bao goàm : chaâu thoå soâng Hoàng , vuøng tieáp giaùp trung du mieàn nuùi Baéc Boä, Baéc Trung Boä vaø vuøng nöôùc treân vònh Baéc boä

- Nhôø coù thuû ñoâ Haø Noäi neân ñoàng baèng soâng Hoàng giöõ vò trí trung taâm kinh teá , khoa hoïc kó thuaät vaø vaên hoaù cuûa caû nöôùc . Saân bay Noäi Baøi , caûng Haûi Phoøng laø cuûa ngoõ môû ra khu vöïc vaø theá giôùi . ⇒Vì theá neân ñoàng baèng soâng Hoàng coù vò trí ñaëc bieät quan troïng trong söï nghieäp phaùt trieån kinh teá- xaõ hoäi cuûa ñaát nöôùc .

***2- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân***

-Taøi nguyeân quan troïng nhaát cuûa ñoàng baèng soâng Hoàng laø ñaát phuø sa do ñoù ñaây laø vuøng coù dieän tích troàng caây löông thöïc lôùn thöù hai caû nöôùc . Phuø sa soâng Hoàng raát thích hôïp cho vieäc thaâm canh luùa nöôùc , troàng hoa maøu cuõng nhö troàng caùc caây coâng nghieäp ngaén ngaøy

\* Khoù khaên : muøa caïn nöôùc maën töû bieån xaâm nhaäp saâu vaøo ñaát lieàn , aûnh höôûng ñeán nöôùc soâng vaø caùc hoaït ñoäng cuûa vuøng ven bieån .

- Taøi nguyeân nöôùc doài daøo vôùi maïng löôùi soâng ngoøi daøy ñaëc phuïc vuï cho saûn xuaát vaø ñôøi soáng .

\* Khoù khaên : luõ luït veà muøa möa , thieáu nöôùc veà muøa khoâ do thuyû cheá soâng thaát thöôøng do ñoù phaûi coù heä thoáng ñeâ , thuyû noâng chuû ñoäng töôùi tieâu .

- Taøi nguyeân khí haäu nhieät ñôùi aåm gioù muøa nhöng coù moät muøa ñoâng laïnh (töø thaùng 10 naêm tröôùc ñeán thaùng 4 naêm sau ) ñoù laø ñieàu kieän thuaän lôïi ñeå phaùt trieån saûn xuaát vuï ñoâng ñaëc bieät laø caùc loaïi rau .

\* Khoù khaên : coù nhöõng ñôït reùt ñaäm , reùt haïi , söông muoái , luõ luït haïn haùn , baõo .

- Taøi nguyeân khoaùng saûn ôû ñoàng baèng soâng Hoàng khoâng nhieàu veà chuûng loaïi, tröõ löôïng vöøa vaø nhoû . Quan troïng nhaát laø than naâu (ñöùng ñaàu caû nöôùc ) (tröõ löôïng öôùc tích haøng naêm trieäu taán nhöng chöa coù ñieàu kieän khai thaùc ) , ngoaøi ra coøn coù tieàm naêng veà khí ñoát (Tieàn Haûi – Thaùi Bình )

- Taøi nguyeân bieån : ñang ñöôïc khai thaùc nhôø vieäc phaùt trieån nuoâi troàng ñaùnh baét thuyû saûn vaø phaùt trieån du lòch

- Taøi nguyeân du lòch : coù caùc vöôøn quoác gia , hang ñoäng baõi taém vaø du lòch söû

\* Khoù khaên chung :

* Thôøi tieát dieãn bieán phöùc taïp
* Luõ uùng muøa möa , haïn haùn muøa khoâ
* OÂ nhieãm moâi tröôøng
* Dieän tích ñaát maën pheøn khaù nhieàu

### 3 Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi

- Ñoàng baèng soâng Hoàng laø vuøng coù daân cö ñoâng ñuùc nhaát caû nöôùc vaø cuõng laø vuøng coù maät ñoä daân soá raát cao trung bình 1179km2  (2002)

\* Thuaän lôïi : thò tröôøng tieâu thuï lôùn , nguoàn lao ñoäng doài daøo

\* Khoù khaên : Bình quaân ñaát noâng nghieäp raát thaáp

- Thaønh phaàn daân toâïc chuû yeáu laø ngöôøi Kinh vôùi truyeàn thoáng vaø kinh nghieäm thaâm canh luùa nöôùc cao vaø raát gioûi ngheà thuû coâng myõ ngheä caùc daân toâïc ít ngöôøi ôû vuøng naøy coù tæ leä thaáp nhaát caû nöôùc (khoaûng 3,8% so vôùi caû nöôùc )

- Cö daân ñoàng baèng soâng Hoàng coù hoïc vaán vaøtrình ñoä daân trí cao hôn so vôùi caùc vuøng khaùc , phaàn lôùn tæ leä lao ñoäng ñaõ qua ñaøo taïo , ñoäi nguõ tri thöùc kó thuaät vaø coâng nhaân laønh ngheà ñoâng .

- Tæ leä gia taêng daân soá ôû ñoàng baèng soâng Hoàng thaáp vaø giaûm nhanh nhöng maät ñoä vaãn coøn cao

- Möùc ñoä ñoâ thò hoaù cuûa ñoàng baèng soâng Hoàng khoâng cao (tæ leä daân thaønh thò 19,9% ,caû nöôùc laø 23,6%)

- Treân nhieàu chæ tieâu veà cô sôû haï taàng noâng thoân vaø phaùt trieån daân cö xaõ hoäi thì ñoàng baèng soâng Hoàng ôû trình ñoä phaùt trieån cao so vôùi caû nöôùc : heä thoáng ñeâ ñieàu daøi treân 3000km ñaõ trôû thaønh yeáu toá vaên hoaù phi vaät theå trong neån vaên hoaù soâng Hoàng . ÔÛ ñaây coøn moät soá ñoâ thò hình thaønh töû laâu ñôøi tieâu bieåu laø Haø Noäi .

Toùm laïi , ñoàng baèng soâng Hoàng laø caùi noâi cuûa neàn vaên minh luùa nöôùc coù lòch söû hình thaønh sôùm , laø vuøng daân cö truø maät nhaát caû nöôùc , trình ñoä daân trí khaù cao . Ñaây laø vuøng tieâu bieåu cho truyeàn thoáng vaên hoaù , yeâu nöôùc , caàn cuø lao ñoäng cuûa daân cö Vieät Nam .

### 4 Tình hình phaùt trieån kinh teá

**a Coâng nghieäp**

- Ñoàng baèng soâng Hoàng laø vuøng coù ngaønh coâng nghieäp phaùt trieån vaøo loaïi sôùm nhaát nöôùc ta .Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp chieám 21% GDP coâng nghieäp caû nöôùc (2002) . Trong vuøng taäp trung nhieàu xí nghieäp coâng nghieäp haøng ñaàu caû nöôùc laø veà cô khí cheá taïo , saûn xuaát haøng tieâu duøng vaø cheá bieán thöïc phaåm

- Saûn phaåm coâng nghieäp cuûa vuøng khoâng nhöõng ñuû cho nhu caàu trong vuøng maø coøn ñuû cho caùc tænh phía Baéc vaø moät soá vuøng trong nöôùc : maùy coâng cuï , ñoäng cô ñieän , phöông tieän giao thoâng , thieát bò ñieän töû vaø nhieàu maët haøng tieâu duøng .

- Ñoàng baèng soâng Hoàng hieän nay ñaõ hænh thaønh moät soá khu, cuïm coâng nghieäp : taäp trung chuû yeáu ôû Haûi Phoøng , Haûi Döông , Vónh Phuùc , Haø Noäi .

**b Noâng nghieäp**

- Neàn noâng nghieäp cuûa ñoàng baèng soâng Hoàng laø neàn noâng nghieäp luùa nöôùc thaâm canh ôû trình ñoä khaù cao laø 1 trong 2 vöïa luùa cuûa Vieät Nam

Ñoàng baèng soâng Hoàng ñöùng sau ñoàng baèng soâng Cöûu Long veà saûn löôïng nhöng ñöùng ñaàu caû nöôùc veà naêng suaát luùa (65,4taï/ha naêm 2002)

- Trong cô caáu saûn xuaát vuï ñoâng vôùi taäp ñoaøn caây troàng öa laïnh ñem laïi hieäu quaû kinh teá cao ñang trôû thaønh vuï saûn xuaát chính ôû ñoàng baèng soâng Hoàng

- Chaên nuoâi chuû yeáu laø lôïn ñöùng ñaàu caû nöôùc , ngoaøi ra coøn nuoâi boø söõa , nuoâi gia caàm

- Nuoâi troàng vaø ñaùnh baét thuyû saûn ñang phaùt trieån taïi caùc vuøng nöôùc maëm, nöôùc lôï cöûa soâng ven bieån

**c Dòch vuï**

Ñoàng baèng soâng Hoàng laø moät trung taâm dòch vuï lôùn cho caû nöôùc : caùc hoaït ñoäng töø taøi chính , ngaân haøng , xuaát nhaäp khaåu , du lòch , böu chính vieãn thoâng , giao thoâng vaän taûi ñeàu phaùt trieån raát maïnh .Nhôø kinh teá phaùt trieån , daân cö ñoâng ñuùc , laïi coù maïng löôùi giao thoâng daøy ñaëc maø dòch vuï vaän taûi cuûa vuøng trôû neân soâi ñoäng vôùi hai ñaàu moái chính laø Haø Noäi vaø Haûi Phoøng

- Nhôø coù nhieàu ñòa danh du lòch höôùng veà coäi nguoàn , du lòch vaên hoaù , du lòch sinh thaùi vaø nghæ döôõng maø du lòch ôû ñaây coù ñieàu kieän phaùt trieån maïnh .

- Böu chính vieãn thoâng laø ngaønh phaùt trieån raát maïnh , Haø Noäi laø trung taâm thoâng tim tö vaán chuyeån giao coâng ngheä ñoàng thôøi laø moät trong hai trung taâm taøi chính ngaân haøng lôùn nhaát caû nöôùc .

### 5 Caùc trung taâm kinh teá vaø vuøng kinh teá Baéc boä

- Haø Noäi , Haûi Phoøng laø nhöõng trung taâm kinh teá lôùn cuûa ñoàng baèng soâng Hoàng . Hai thaønh phoá naøy cuøng vôùi thaønh phoá Haï Long cuûa Quaûng Ninh taïo thaønh 3 truï coät kinh teá cho vuøng kinh teá troïng ñieåm Baéc boä .

- Vuøng kinh teá troïng ñieåm Baéc boä ñang vaø seõ taùc ñoäng maïnh meõ ñeán söï chuyeån dòch cô caâu kinh teá theo höôùng coâng nghieäp hoaù , hieän ñaïi hoaù cuûa caû hai vuøng ñoàng baèng soâng Hoàng vaø trung du mieàn nuùi Baéc boä .

**B- Baøi Taäp**:

*1) Neâu nhöõng thuaän lôïi vaø khoù khaên veà töï nhieân, daân cö- xaõ hoäi cuûa ñoàng baèng soâng Hoàng ñoái vôùi vieäc phaùt trieån kinh teá- xaõ hoäi.*

# Höôùng daãn traû lôøi ( traû lôøi nhö phaàn ghi treân)

*2) Taàm quan troïng cuûa heä thoáng ñeâ ñieàu ôû ñoàng baèng soâng Hoàng?*

# Höôùng daãn traû lôøi

- Traùnh ñöôïc nguy cô phaù hoaïi cuûa luõ luït haøng naêm, nhaát laø vaøo muøa möa baõo.

- Dieän tích ñaát phuø sa vuøng cöa soâng Hoàng khoâng ngöøng môû roäng.

- Ñòa baøn phaân boá daân cö ñöôïc phuû khaép chaâu thoå , caùc hoaït ñoäng kinh teá phaùt trieån soâi ñoäng.

- Nhieàu di tích lòch söû, giaù trò vaên hoaù vaät theå vaø phi vaät theå ñöôïc löu giöõ vaø phaùt trieån .

3) Cho baûng soá lieäu sau: (%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tieâu chí Naêm | 1995 | 1998 | 2000 | 2002 |
| Daân soá | 100,0 | 103,5 | 105,6 | 108,2 |
| Saûn löôïng löông thöïc | 100,0 | 117,7 | 128,6 | 131,1 |
| Bình quaân löông thöïc theo ñaàu ngöôøi | 100,0 | 113,8 | 121,8 | 121,2 |

a) Veõ bieåu ñoà ñöôøng theå hieän toùc ñoä taêng daân soá, saûn löôïng löông thöïc vaø bình quaân löông thöïc theo ñaàu ngöôøi ôû ñoàng baèng soâng Hoàng.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích veà söï thay ñoåi cuûa daân soá, saûn löôïng löông thöïc vaø bình quaân löông thöïc theo ñaàu ngöôøi ôû ñoàng baèng soâng Hoàng trong thôøi kì treân?

# Höôùng daãn traû lôøi

a) Veõ ñuû ba ñöôøng, chính xaùc, ñeïp, coù ñaày ñuû: teân bieåu ñoà, chuù thích , ñôn vò cho caùc truïc.

b) Nhaän xeùt: daân soá, saûn löôïng löông thöïc vaø bình quaân löông thöïc theo ñaàu ngöôøi ñeàu taêng nhöng toác ñoä taêng khoâng gioáng nhau: saûn löôïng vaø bình quaân löông thöïc theo ñaàu ngöôøi taêng nhanh hôn daân soá.

Giaûi thích:

+ Saûn löôïng löông thöïc taêng nhanh nhaát do ñaåy maïnh thaâm canh, taêng vuï, aùp duïng khoa hoïc kyõ thuaät.

+ Daân soá taêng chaäm do thöïc hieän toát coâng taùc keá hoaïch hoaù daân soá.

+ Saûn löôïng löông thöïc taêng nhanh, daân soá cuõng taêng neân bình quaân löông thöïc taêng nhöng khoâng nhanh baèng saûn löôïng löông thöïc.

4)Neâu nhöõng thuaän lôïi vaø khoù khaên trong saûn xuaát löông thöïc ôû ñoàng baèng soâng Hoàng.

# Höôùng daãn traû lôøi

a) Thuaän lôïi:

- Ñaát phuø sa maøu môõ thích hôïp vôùi vieäc thaâm canh luùa nöôùc.

- Heä thoáng soâng ngoøi chaèn chòt laø nguoàn cung caáp nöôùc cho saûn xuaát.

- Khí haäu nhieät ñôùi gioù muøa coù muøa ñoâng laïnh coù theå ña daïng hoaù caùc loaïi caây troàng.

- Daân cö ñoâng, nguoàn lao ñoäng doài daøo, trình ñoä thaâm canh cao.

- Cô sôû vaät chaát töông ñoái hoaøn thieän ( cô giôùi hoaù, thuyû lôïi, gioáng, phaân boùn …)

- Chính saùch khuyeán khích phaùt trieån noâng nghieäp hôïp lí.

- Thò tröôøng tieâu thuï roäng lôùn.

b) Khoù khaên:

- Thôøi tieát, khí haäu dieãn bieán thaát thöôøng.

- Moät soá dieän tích ñaát bò nhieãm maën, thieáu nöôùc töôùi vaøo muøa ñoâng.

5) Vai troø cuûa vuï ñoâng trong vieäc saûn xuaát löông thöïc thöïc phaåm ôû Ñoàng baèng soâng Hoàng?

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Vuï ñoâng coù theå troàng ñöôïc nhieàu caây öa laïnh ñem laïi hieäu quaû kinh teá cao nhö : ngoâ ñoâng , su haøo , baép caûi , caø chua …

- Ngoâ ñoâng coù naêng suaát cao , oån ñònh dieän tích ñang môû roäng chính laø nguoàn löông thöïc , nguoàn thöùc aên cho gia suùc …

## III. VUØNG BAÉC TRUNG BOÄ:

**A- Kieán thöùc cô baûn:**

***1 Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå:***

- Baéc Trung Boä laø vuøng laõnh thoå keùo daøi treân nhieàu vó ñoä (khoaûng B 🡪 B) , Töø daõy Tam Ñieäp ñeán daõy Baïch Maõ, dieän tích 51513km2, daân soá 10,3 trieäu ngöôøi (2002), bao goàm 6 tænh (Thanh Hoùa, Ngheä An, Haø Tónh, Q Bình, QTrò, Thieân)

- Naèm giöõa hai vuøng kinh teá troïng ñieåm Baéc Boä vaø mieàn Trung , phía Taây giaùp Laøo , phía Ñoâng höôùng ra bieån Ñoâng . Vò trí cuûa vuøng gioáng nhö caàu noái giöõa Baéc vaø Nam cuûa ñaát nöôùc , giöõa Laøo vôùi bieån Ñoâng .

- Naèm treân truïc giao thoâng xuyeân Vieät (quoác loä 1A vaø ñöôøng saét thoáng nhaát ) coù nhieàu tuyeán ñöôøng ngang Ñoâng – Taây töø caûng bieån ñeán nöôùc baïn Laøo nhö ñöôøng soá 7 , soá 8 , soá 9 .

⇒ù vò trí thuaän lôïi cho vieäc giao löu caùc ñòa phöông trong caû nöôùc vaø quoác teá , Tröôùc heát laø vôùi thuû ñoâ Haø Noäi , vuøng kinh teá troïng ñieåm Baéc boä , vuøng kinh teá troïng ñieåm mieàn Trung vaø CHDCND Laøo .

***2- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân*** .

a) Ñòa hình: : phía Taây laø vuøng nuùi vaø goø ñoài thuoäc daûi Tröôøng Sôn Baéc tieáp ñeán laø daûi ñoàng baèng nhoû heïp ôû giöõa vaø cuoái cuøng daûi caùt , coàn caùt ven bieån

- Laõnh thoå heïp ngang , ñòa hình bò chia caét phöùc taïp bôûi caùc con soâng vaø daõy nuùi ñaâm ngang ra bieån .

- Khoù khaên : ñòa hình phöùc taïp bò chia caét , heïp ngang , keùo daøi .

Ñaïi boä phaän laõnh thoå laø ñoài nuùi , söôøn Ñoâng höôùng ra bieån coù ñoä doác lôùn .

Ñoàng baèng nhoû heïp bò chia caét

Soâng suoái doác , chaûy xieát thöôøng gaây luõ luït

b) Khí haäu: Khí haäu nhieät ñôùi gioù muøa aåm nhöng khaéc nghieät nhaát so vôùi caùc vuøng trong nöôùc , muøa ñoâng ít laïnh möa nhieàu , muøa haï khoâ noùng , laém thieân tai nhö baõo , luõ luït , gioù phôn Taây Nam , haïn haùn

c) Taøi nguyeân: Vuøng coù moät soá taøi nguyeân quan troïng: röøng, khoaùng saûn, bieån , du lòch …phaân boá khaùc bieät giöõa baéc vaø nam daõy Hoaønh Sôn .

- Ñaát coù 3 loaïi chính: + Ñaát pheralit ôû mieàn nuùi vaø trung du thuaän lôïi ñeå troàng caây CN, caây aên quaû

+ Ñaát phuø sa boài tuï ven soâng hoaëc caùc ñoàng baèng ven bieån troàng caây löông thöïc ,caây CN ngaén ngaøy (laïc)

+ Ñaát caùt ven bieån giaù trò saûn xuaát keùm

- Röøng : coù tröõ löôïng khaù lôùn ñaëc bieät laø caùc röøng tre, nöùa ,… do ñoù ngheà röøng khaù phaùt trieån .

- Bieån : vuøng coù bôø bieån daøi gaàn 700km vôùi 23 cöûa soâng trong ñoù moät soá cöûa soâng lôùn ñaõ xaây döïng caûng , nhieàu baõi taém ñeïp , nhieàu ñaàm phaù ñeå nuoâi troàng thuyû saûn .

Vuøng bieån coù theàm luïc ñòa roäng coù nhieàu khoaùng saûn vaø nhieàu ñaûo .

- Khoaùng saûn : khaù phong phuù vaø ña daïng taäp trung chuû yeáu ôû phía Baéc Hoaønh Sôn , goàm caùc loaïi : Ñaù voâi (Thanh Hoaù), Saét( Haø Tónh), Caùt thuyû tinh (Quaõng Bình , Quaõng Trò , Hueá ), Titan (Haø Tónh), Thieác ( Quyø Hôïp: Ngheä An)…phaùt trieån ngaønh coâng nghieäp khai khoaùng.

- Du lòch : coù nhieàu di saûn theá giôùi nhö Phong Nha- Keû Baøng , Coá Ñoâ Hueá , nhaõ nhaïc Cung ñình Hueá

* Khoù khaên : + Dieän tích röøng bò khai thaùc quaù möùc , taøn phaù nhieàu .

+ Taøi nguyeân bieån ñang caïn kieät

+ Khoaùng saûn : moät soá nôi coù tröõ löôïng nhoû .

***3- Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi***

- Baéc Trung Boä laø ñòa baøn cö truù cuûa 25 daân toäc, ngöôøi Kinh soáng chuû yeáu ôû ñoàng baèng ven bieån , coøn vuøng nuùi goø ñoài phía Taây laø ñòa baøn cö truù cuûa caùc daân toäc ít ngöôûi chuû yeáu laø Thaùi , Möôøng , Taøy , Moâng , Bru ,…

- Ñôøi soáng daân cö nhaát laø vuøng cao , bieân giôùi , haûi ñaûo coøn nhieàu khoù khaên , treân moät soá chæ tieâu phaùt trieån daân cö xaõ hoäi , Baéc Trung Boä vaãn laø vuøng khoù khaên cuûa caû nöôùc . Tuy nhieân ñaây laïi laø vuøng daân cö coù trình ñoä hoïc vaán töông ñoái khaù , ngöôøi daân coù truyeàn thoáng caàn cuø , duõng caûm giaøu nghò löïc ñaáu tranh vôùi thieân nhieân vaø giaëc ngoaïi xaâm .

- Baéc Trung Boä laø ñòa baøn coù nhieàu khu di tích lòch söû , vaên hoaù vaø di saûn theá giôùi (coá ñoâ Hueá, queâ Baùc, Phong Nha- Keõ Baøng) .

***4- Tình hình phaùt trieån kinh teá:***

**a) Noâng nghieäp:**

- Caây löông thöïc: Naêng suaát luùa vaø bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi thaáp vì gaëp nhieàu khoù khaên: dieän tích ñaát canh taùc ít , ñaát xaáu , thieân tai , cô sôû haï taàng chaäm phaùt trieån , daân soá taêng nhanh …Tuy nhieân nhôø vieäc ñaåy maïnh ñaàu tö thaâm canh taêng naêng suaát maø bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi ôû ñaây ñaõ taêng leân khaù nhanh, saûn xuaát taäp trung ôû ñoàng baèng ven bieån (Thanh – Ngheä- Tónh)

- Vuøng coù theá maïnh phaùt trieån chaên nuoâi traâu boø , nuoâi troàng khai thaùc thuyû saûn , caây coâng nghieäp ngaén ngaøy (laïc, coùi, mía) , phaùt trieån ngheà röøng theo höôùng noâng laâm keát hôïp ñeå giaûm thieåu thieân tai .

**b) Coâng nghieäp:**

- Toác ñoä phaùt trieån coâng nghieäp cuûa vuøng ngang baèng vôùi caû nöôùc nhöng giaù trò saûn löôïng coâng nghieäp vaãn ôû möùc raát thaáp chæ ñaït 3,8% GDP toaøn quoác (2002)

- Cô caáu ngaønh ña daïng, tuy nhieân theá maïnh thuoäc veà khai khoaùng vaø saûn xuaát vaät lieäu xaây döïng

+ Khai thaùc khoaùng saûn: saét (Thaïch Kheâ) ,Crom (Thanh Hoaù), Titan (Haø Tónh), Thieác : Quyø Hôïp (Ngheä An), ñaù voâi (Thanh Hoaù, Ngheä An)…

+ Saûn xuaát vaät lieäu xaây döïng: ñaùng keå nhaát laø xi maêng vaø gaïch ngoùi, taäp trung chuû yeáu ôû Thanh Hoaù, Ngheä An.

- Phaân boá coâng nghieäp chuû yeáu taäp trung ôû moät soá thaønh phoá vaø caùc ñòa phöông coù moû khoaùng saûn nhö: Vinh, Thanh Hoaù…

**c) Dòch vuï:**

- Giao thoâng vaän taûi: nhôø vò trí caàu noái giöõa hai mieàn ñaát nöôùc , laø cöûa ngoõ cuûa caùc nöôùc tieåu vuøng soâng Meâ Coâng ra Bieån Ñoâng vaø ngöôïc laïi vì vaäy vuøng trôû thaønh ñòa baøn trung chuyeån haøng hoaù, haønh khaùch khaù lôùn treân caùc tuyeán ñöôøng boä, ñöôøng saét, ñöôøng bieån .

- Du lòch ñang baét ñaàu phaùt trieån vôùi soá löôïng du khaùch ngaøy caøng taêng ñem laïi nguoàn lôïi ñaùng keå, nhaát laø du lòch höôùng veà coäi nguoàn ( coá ñoâ Hueá), thaéng caûnh (Phong Nha – Keõ Baøng, caùc baõi taém ñeïp)

***5- Caùc trung taâm kinh teá:***

+ Thanh Hoaù trung taâm coâng nghieäp lôùn phía Baéc .

+ Vinh : Haït nhaân trung taâm coâng nghieäp ,dòch vuï

+ Hueá : trung taâm du lòch

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

1- Ñieàu kieän töï nhieân ôû Baéc Trung Boä coù nhöõng thuaän lôïi vaø khoù khaên gì ñoái vôùi söï phaùt trieån kinh teá- xaõ hoäi ?

# Höôùng daãn traû lôøi: Noäi dung traû lôøi ôû phaàn kieán thöùc cô baûn

2- Phaân boá daân cö ôû Baéc Trung Boä coù nhöõng ñaëc ñieåm gì?

# Höôùng daãn traû lôøi

Phaân boá daân cö vaø hoaït ñoäng kinh teá coù söï khaùc bieät theo höôùng töø taây sang ñoâng: ngöôøi Kinh soáng chuû yeáu ôû ñoàng baèng ven bieån , coøn vuøng nuùi goø ñoài phía Taây laø ñòa baøn cö truù cuûa caùc daân toäc ít ngöôûi chuû yeáu laø Thaùi , Möôøng , Taøy , Moâng , Bru ,…

3) Neâu nhöõng thaønh töïu vaø khoù khaên trong phaùt trieån kinh teá noâng nghieäp, coâng nghieäp ôû Baéc Trung Boä.

# Höôùng daãn traû lôøi

- Thaønh töïu:

+ Ñaåy maïnh thaâm canh , taêng naêng suaát löông thöïc , taêng dieän tích troàng laïc , troàng röøng theo höôùng noâng laâm keát hôïp …

+ Taêng nhanh giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp , phaùt trieån caùc ngaønh troïng ñieåm …

- Khoù khaên: + Dieän tích ñaát canh taùc ít , ñaát xaáu. Thôøi tieát dieãn bieán phöùc taïp: baõo, luõ luït, gioù taây khoâ noùng. Söï xaâm nhaäp maën cuûa thuyû trieàu, söï laán ñaát cuûa caùt bieån.

+ Cô sôû haï taàng chaäm phaùt trieån , daân soá taêng nhanh

4) Cho baûng soá lieäu sau: Saûn löôïng löông thöïc coù haït bình quaân ñaàu ngöôøi ( Kg/ngöôøi)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Naêm  Saûn löôïng | 1995 | 1998 | 2000 | 2002 |
| Baéc Trung Boä | 235,5 | 251,6 | 302,1 | 333,7 |
| Caû nöôùc | 363,1 | 407,6 | 444,8 | 463,6 |

Veõ bieåu ñoà coät theå hieän bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi cuûa vuøng Baéc Trung Boä so vôùi caû nöôùc vaø nhaän xeùt.

# Höôùng daãn traû lôøi

- Veõ bieåu ñoà coät nhoùm, moãi naêm 2 coät, chuù yù khoaûng caùch giöõa caùc naêm, ghi soá lieäu treân töøng coät, coù teân bieåu ñoà.

- Nhaän xeùt: Bình quaân löông thöïc coù haït theo ñaàu ngöôøi cuûa vuøng Baéc Trung Boä thaáp hôn caû nöôùc vaø taêng daàn qua caùc naêm nhôø ñaåy maïnh thaâm canh taêng naêng suaát.

## IV. VUØNG DUYEÂN HAÛI NAM TRUNG BOÄ

**I- Kieán thöùc cô baûn:**

### 1 Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå

- Duyeân haûi Nam Trung Boä laø daûi ñaát heïp ngang hình cong , höôùng ra bieån , traûi daøi gaàn 6 vó ñoä töø 10033’B 🡪 160B (keùo daøi töû Ñaø Naüng ñeán Bình Thuaän ) . Bao goàm 8 tænh vaø thaønh phoá

- Phía Taây laø Taây Nguyeân , Laøo ; phía Ñoâng laø vuøng bieån roäng vôùi quaàn ñaûo Hoaøng Sa ,Tröôøng Sa ; phía Baéc giaùp Baéc Trung Boä , phía Nam giaùp Ñoâng Nam Boä .

Vôùi vò trí vaø hình daùng nhö treân duyeân haûi Nam Trung Boä coù yù nghóa veà chieán löôïc giao löu kinh teá vaø an ninh quoác phoøng : vuøng ñöôïc coi laø cöûa ngoõ cuûa Taây Nguyeân , laø caàu noái cuûa Nam boä vôùi caùc tænh phía Baéc , quan troïng hôn caû vuøng ñöôïc coi laø cô sôû haäu caàn ñeå khai thaùc kinh teá bieån ñaûo vaø baûo veä chuû quyeàn bieån Ñoâng .

***2 Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân:***

- Ñòa hình : coù söï phaân hoaù töø Taây sang Ñoâng : nuùi , goø ñoài ôû phía Taây , höôùng ñòa hình cong ra bieån , nuùi doác ñöùng veà phía Ñoâng coù nhöõng daûi nuùi chaïy saùt ra bieån chia caét daûi ñoàng baèng ven bieån. Bôø bieån doác khuùc khuyûu taïo neân nhieàu vuõng vònh nöôùc saâu , nhieàu baùn ñaûo , quaàn ñaûo vaø ñaûo ôû ven bôø

- Khí haäu : treân neàn chung cuûa caû nöôùc laø tính chaát nhieät ñôùi aåm gioù muøa , khí haäu vuøng naøy coøn mang saéc thaùi aù xích ñaïo . Cuï theå laø : toång löôïng nhieät trong naêm lôùn , löôïng möa töông ñoái thaáp , trung bình khoaûng 1200mm ,muøa khoâ keùo daøi , muøa möa ngaén keøm theo baõo luït

- Taøi nguyeân: Taøi nguyeân bieån vaø du lòch laø theá maïnh cuûa vuøng

+ Taøi nguyeân bieån : bôø bieån daøi khuùc khuyûu , bôø bieån roäng nhieàu baõi toâm baõi caù , nhieàu ngö tröôøng lôùn thích hôïp cho vieäc khai thaùc , nuoâi troàng thuyû saûn . Vuøng coøn coù moät soá ñaëc saûn bieån coù giaù trò kinh teá cao : toå chim yeán , ñoài moài , toâm huøm .

+ Taøi nguyeân du lòch : nhaát laø du lòch bieån vôùi caùc baõi taém ñeïp , caùc di tích lòch söû , vaên hoaù .

- Ngoaøi ra vuøng coøn coù moät soá taøi nguyeân khaùc nhö röøng , khoaùng saûn , ñaát thích hôïp cho vieäc phaùt trieån kinh teá noâng laâm ngö nghieäp .

**Khoù khaên** :

- Thieân tai thöôøng gaây thieät haïi lôùn trong ñiôøi soáng saûn xuaát cuûa daân cö ñaëc bieät laø möa baõo , haïn haùn

- Ñoä che phuû röøng thaáp , röøng bò taøn phaù coïâng vôùi muøa khoâ keùo daøi do ñoù hieän töôïng sa maïc hoaù coù nguy cô môû roäng nhaát laø caùc tænh Ninh Thuaän , Bình Thuaän. Vì theá vieäc troàng vaø baûo veä röøng coù yù nghóa heát söùc quan troïng

***3 Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi***

- Duyeân haûi Nam Trung Boä coù söï khaùc bieät veà daân cö , daân toäc , phaân boá vaø hoaït ñoäng kinh teá giöõa vuøng ñoài nuùi phía Taây vaø vuøng ñoàng baèng ven bieån phía Ñoâng.

+ Ñoàng baèng duyeân haûi phía Ñoâng coù ngöôøi Kinh vaø 1 boä phaän lôùn ngöôøi Chaêm sinh soáng, kinh teá chuû yeáu laø coâng nghieäp, dòch vuï vaø khai thaùc nuoâi troàng thuyû saûn .

+ Vuøng goø ñoài phía Taây laø ñòa baøn cö truù cuûa 1 soá daân toäc ít ngöôøi (Cô-tö , Ba-na , EÂ-ñeâ ,…) vôùi maät ñoä thaáp , kinh teá chuû yeáu laø chaên nuoâi boø , troàng caây coâng nghieäp , troàng röøng, tæ leä hoä ngheøo cao. Vì vaäy caàn ñaàu tö xaây döïng cô sôû haï taàng ,phaùt trieån kinh teá, ñaåy maïnh coâng taùc giaûm ngheøo .

- Ñôøi soáng cuûa ngöôøi daân trong vuøng coøn nhieàu khoù khaên nhöng nhaân nhaân coù tính caàn cuø lao ñoäng , giaøu kinh nghieäm trong phoøng choáng thieân tai vaø khai thaùc bieån xa

- Nhìn chung treân moät soá chæ tieâu phaùt trieån daân cö xaõ hoäi , vuøng khoâng coù khoaûng caùnh cheânh leäïch khaù lôùn so vôùi möùc trung bình caû nöôùc, ñaùng ghi nhaän laø tæ leä ngöôøi lôùn bieát chöõ vaø tæ leä daân thaønh thò cao hôn möùc trung bình caû nöôùc . Ñieàu ñoù theå hieän trình ñoä lao ñoäng , hoïc vaán cuûa ngöôøi daân töông ñoái khaù .

***4 Tình hình phaùt trieån kinh teá***

**a Noâng nghieäp**

- Nuoâi boø vaø khai thaùc nuoâi troàng thuyû saûn laø theá maïnh trong noâng nghieäp cuûa vuøng.

+ Döïa vaøo vuøng goø ñoài phía Taây ñeå phaùt trieån ñaøn boø .

+ Vuøng bieån phía Ñoâng giaøu tieàm naêng , ngö daân coù kinh nghieäm ñi bieån , do ñoù ngö nghieäp laø theá maïnh chieám 27% giaù trò thuyû saûn caû nöôùc .

+ Nheà laøm muoái , cheá bieán haûi saûn cuõng khaù phaùt ñaït . Caùc maët haøng xuaát khaåu chuû löïc laø möïc , toâm , caù ñoâng laïnh .

- Ngoaøi ra saûn xuaát löông thöïc , troàng caây coâng nghieäp , troàng röøng cuõng ñem laïi hieäu quaû lôùn cho vuøng . Tuy nhieân do quyõ ñaát haïn cheá , ñoàng baèng heïp , ñaát xaáu vaø thieáu nöôùc , baõo luït vaøo muøa möa do ñoù saûn löôïng löông thöïc vaø bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi coøn thaáp hôn caû nöôùc .

**b. Coâng nghieäp**

- Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp cuûa vuøng duyeân haûi Nam Trung Boä taêng tröôûng khaù nhanh so vôùi caû nöôùc nhöng tæ troïng coøn khieâm toán trong toãng saûn löôïng coâng nghieäp caû nöôùc (5,6%)

- Caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm : Cô khí , saûn xuaát haøng tieâu duøng, cheá bieán laâm saûn , thöïc phaåm

Ñaëc bieät duyeân haûi Nam Trung Boä coù löïc löôïng coâng nhaân cô khí coù tay ngheà cao naêng ñoäng trong kinh teá thò tröôøng . Nhieàu döï aùn quan troïng ñang ñöôïc trieån khai ñaëc bieät laø xaây döïng nhieàu khu coâng nghieäp trong phaïm vi kinh teá troïng ñieåm mieàn Trung . Ví duï : khu coâng nghieäp Lieâu Chieåu (Ñaø Naüng ) , Chu Lai – Kì Hoaø (Quaûng Nam ) , Dung Quaát (Quaûng Ngaõi ) , Nam Tuy Hoaø (Phuù Yeân ) , Nhôn Hoäi (Bình Ñònh )…

- Phaân boá coâng nghieäp chuû yeáu ôû caùc thaønh phoá ven bieån nhö Ñaø Naüng , Quy Nhôn , Nha Trang ,…

**c. Dòch vuï :** Phaùt trieån nhaát laø giao thoâng vaän taûi vaø du lòch

- Nhôø ñieàu kieän vò trí thuaän lôïi laø caàu noái Baéc Nam vaø Ñoâng Taây do ñoù coù khoái löôïng haøng hoaù vaø haønh khaùch raát lôùn ñöôïc vaän chuyeån qua ñòa baøn cuûa vuøng .

+ Quan troïng nhaát laø hoaït ñoäng cuûa caùc caûng bieån : Ñaø Naüng , Quy Nhôn , Nha Trang . Trong ñoù Ñaø Naüng vaø Quy Nhôn laø caûng coù hoaït ñoäng xuaát nhaäp khaåu coù quy moâ ngaøy caøng lôùn .

+ Giao thoâng Baéc – Nam vôùi quoác loä 1A , ñöôøng saét thoáng nhaát .

+ Giao thoâng Ñoâng Taây vôùi caùc tuyeán töø Taây Nguyeân ra caûng bieån cuûa vuøng quoác loä 14 ,24, 19, 25, 26, 27,28.

- Du lòch : laø moät trong nhöõng theá maïnh raát lôùn cuûa vuøng , hoaït ñoäng du lòch bieån dieãn ra soâi ñoäng quanh naêm taïi caùc baõi bieån (Nha Trang, Qui Nhôn, Ñaø Naüng) , caùc quaàn theå di saûn vaên hoaù (phoá coå Hoäi An, di tích Myõ Sôn …) . Nha Trang ñöôïc coi laø thaønh phoá du lòch cuûa vuøng vaø cuûa caû nöôùc .

***5. Caùc trung taâm kinh teá vaø vuøng kinh teá troïng ñieåm mieàn Trung***

- Ñaø Naüng , Quy Nhôn , Nha Trang laø 3 trung taâm kinh teá lôùn cuûa vuøng ñoàng thôøi ñöôïc coi laø cöûa ngoõ cuûa Taây Nguyeân . Caû 3 ñeàu laø thaønh phoá bieån , taäp trung nhieàu ngaønh coâng nghieäp vôùi caùc hoaït ñoäng xuaát nhaäp khaåu nhoän nhòp nhaát vuøng .

- Vuøng kinh teá troïng ñieåm mieàn Trung goàm 5 tình vaø thaønh phoá coù vai troø thuùc ñaåy söï chuyeån dòch cô caáu kinh teá cuûa caû 3 vuøng.

**Toùm laïi:** Duyeân haûi Nam Trung Boä coù vò trí ñòa lí thuaän lôïi naèm treân truïc giao thoâng xuyeân quoác gia veà ñöôøng saét , ñöôøng boä , ñöôøng bieån , ñöôøng haøng khoâng vôùi heä thoáng caûng laø cöûa ngoõ ra vaøo cuûa Taây Nguyeân , Nam Laøo vaø Ñoâng Baéc Campuchia .

- Vuøng coù nhieàu tieàm naêng veà bieån vaø haûi ñaûo ñeå phaùt trieån caùc ngaønh kinh teá bieån .

- Bôø bieån daøi , nhieàu vuøng vònh vaø caùc baõi taém ñeïp , haøng loaït danh lam thaéng caûnh vaø di tích lòch söû vaên hoaù noåi tieáng taïo cho vuøng coù khaû naêng trôû thaønh trung taâm du lòch lôùn nhaát caû nöôùc .

- Vuøng coù trình ñoä daân trí töông ñoái cao nhaân daân kieân cöôøng trong ñaáu tranh ,caàn cuø trong lao ñoäng , nhieàu kinh nghieäm trong phoøng choáng thieân tai vaø caùc ngaønh kinh teá bieån .

Saûn phaåm chuû yeáu cuûa vuøng laø caùc loaïi saûn phaåm töø bieån : yeán xaøo , haûi saûn , ñoài moài , toâm huøm , caù khoâ , nuôùc maém , muoái ,…

* Khoù khaên :

- Laø daûi ñaát heïp , ñòa hình doác , nghieân töø Taây sang Ñoâng do ñoù soâng suoái ngaén doác .

- Laø nôi hoäi tuï caùc tai bieán thôøi tieát khí haäu,thieân tai thöôøng xuyeân xaûy ra vôùi möùc ñoä ngaøy caøng aùc lieät

- Röøng bò taøn phaù naëng neà ,ñaát ñoài troïc coøn nhieàu hieän töôïng sa maïc hoaù ngaøy caøng môû roäng .

- Cô sôû haï taàng thieáu ñoàng boä vaø coøn laïc haäu nhaát laø vuøng phía Taây .

- Toác ñoä taêng daân soá töï nhieân coøn cao laø söùc eùp ñoái vôùi neân kinh teá nhaát laø ôû noâng thoân vaø mieàn nuùi .

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

**1-** Trong phaùt trieån kinh teá – xaõ hoäi vuøng Duyeân haûi Nam Trung Boä coù nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi vaø khoù khaên gì ?

# Höôùng daãn traû lôøi

-Thuaän lôïi : coù ñieàu kieän phaùt trieån kinh teá bieån , phaùt trieån noâng nghieäp döïa vaøo ñoàng baèng heïp ven bieån vôùi caây löông thöïc , caây coâng nghieäp ngaén ngaøy …vuøng goø ñoài phaùt trieån caây coâng nghieäp laâu naêm vaø chaên nuoâi ; phaùt trieån kinh teá röøng vaø du lòch

-Khoù khaên : nhieàu thieân tai , dieän tích röøng thu heïp → sa maïc hoaù coù nguy cô môû roäng .

2) Taïi sao vaán ñeà baûo veä vaø phaùt trieån röøng coù taàm quan troïng ñaëc bieät ôû caùc tænh cöïc Nam Trung Boä ?

***Höôùng daãn traû lôøi***

Do khí haäu khoâ haïn, ñoä che phuû cuûa röøng thaáp deã coù nguy cô sa maïc hoaù môû roäng ñaëc bieät ôû Ninh Thuaän vaø Bình Thuaän neân caàn phaûi baûo veä vaø phaùt trieån röøng ñeå taêng dieän tích röøng, giaûm nguy cô sa maïc hoùa.

3- Nhaän xeùt tieàm naêng phaùt trieån kinh teá bieån ôû Baéc Trung Boä vaø Duyeân haûi Nam Trung Boä

# Höôùng daãn traû lôøi

Caû hai vuøng coù taøi nguyeân bieån ña daïng , phong phuù raát thuaän lôïi cho xaây döïng neàn kinh teá bieån phaùt trieån toaøn dieän vôùi nhieàu ngaønh saûn xuaát:

+ Giao thoâng vaän taûi bieån thoâng qua heä thoáng caûng bieån: Cöûa Loø, Chaân Maây, Ñaø Naüng, Qui Nhôn, Nha Trang, Cam Ranh .

+ Ñaùnh baét vaø nuoâi troàng thuyû saûn: caùc baõi caù, baõi toâm, vuõng, vònh, ñaûo, baùn ñaûo…

+ Saûn xuaát muoái: Sa Huyønh, Caø Naù…

+ Du lòch bieån: Saàm Sôn, Cöõa Loø, Thieân Caàm, Nhaät Leä, Laêng Coâ, Non Nöôùc, Sa Huyønh, Qui Nhôn, Nha Trang, Muõi Neù…

4- Cho baûng soá lieäu veà saûn löôïng thuyû saûn ôû Baéc Trung boä vaø Duyeân haûi Nam Trung Boä naêm 2002 (nghìn taán)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Baéc Trung Boä | Duyeân haûi Nam Trung Boä |
| Nuoâi troàng | 38,8 | 27,6 |
| Khai thaùc | 153,7 | 493,5 |

a) Veõ bieåu ñoà coät choàng theå hieän saûn löôïng thuyû saûn ôû hai vuøng treân.

b) So saùnh saûn löôïng nuoâi troàng vaø khai thaùc thuyû saûn cuûa hai vuøng Baéc Trung Boä vaø Duyeân haûi Nam Trung Boä, giaûi thích?

# Höôùng daãn traû lôøi

- So saùnh :

+ Baéc Trung Boä nuoâi troàng thuyû saûn nhieàu hôn Duyeân haûi Nam Trung Boä .

+ Duyeân haûi Nam Trung Boä khai thaùc nhieàu hôn Baéc Trung Boä 3 laàn .

- Giaûi thích :

+ Baéc trung Boä coù dieän tích nuoâi troàng thuyû saûn lôùn gaáp 1,5 laàn so vôùi duyeân haûi Nam Trung Boä vaø ngöôøi daân coù kinh nghieäm nuoâi troàng thuyû saûn .

+ Duyeân haûi Nam Trung Boä coù hai ngö tröôøng caù troïng ñieåm : Ninh Thuaân – Bình Thuaän , Hoaøng Sa – Tröôøng Sa vaø ngöôøi daân coù kinh nghieäm ñaùnh baét caù xa bôø .

5- Cho baûng soá lieäu veà dieän tích maët nöôùc nuoâi troàng thuyû saûn theo caùc tænh naêm 2002.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Caùc tænh, thaønh phoá | Ñaø Naüng | Quaûng Nam | Quaûng Ngaõi | Bình Ñònh | Phuù Yeân | Khaùnh Hoaø | Ninh Thuaän | Bình Thuaän |
| Dieän tích (nghìn ha) | 0,8 | 5,6 | 1,3 | 4,1 | 2,7 | 6,0 | 1,5 | 1,9 |

Veõ bieåu ñoà coät theå hieän dieän tích nuoâi troàng thuyû saûn ôû caùc tænh, thaønh phoá cuûa vuøng Duyeân haûi Nam Trung Boä naên 2002 vaø neâu nhaän xeùt

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Veõ bieåu ñoà coät ñôn , ghi soá lieäu treân moãi coät.

- Nhaän xeùt: caùc tænh ñeàu coù dieän tích nuoâi troàng thuyû saûn khaù lôùn, ñöùùng ñaàu laø Khaùnh Hoaø vaø Quaûng Nam

**V. VUØNG TAÂY NGUYEÂN**

**A- Kieán thöùc Cô Baûn :**

***1- Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå :***

- Dieän tích 54 475 km2, goàm 5 tænh ,naèm treân cao nguyeân cuûa Tröôøng Sôn Nam , khoâng giaùp bieån nhöng coù moái quan heä beàn chaët vôùi Duyeân haûi Nam Trung Boä vaø Ñoâng Nam Boä , laø ngaû ba bieân giôùi giöõa Vieät Nam , Laøo vaø Cam – Pu – Chia .

- Thuaän lôïi giao löu kinh teá – xaõ hoäi vôùi caùc vuøng trong nöôùc vaø caùc nöôùc tieåu vuøng soâng Meâ Coâng .

- Raát quan troïng veà an ninh quoác phoøng .

***2 Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân***

**a- Ñòa hình :**

- Cao , ñöôïc ví nhö maùi nhaø cuûa baùn ñaûo Ñoâng Döông bao goàm caùo cao nguyeân xeáp taàng coù ñoä cao trung bình töø 600🡪800 m so vôùi möïc nöôùc bieån

- Taây Nguyeân naèm veà phía Taây cuûa daõy Tröôøng Sôn Nam , beà maët ñòa hình doác thoaûi daàn töø Ñoâng sang Taây, laø nôi baét nguoàn cuûa nhieàu doøng soâng chaûy veà caùc vuøng laân caän , do ñoù doïc theo doøng chaûy ta thaáy taàm quan troïng cuûa vieäc baûo veä röøng ñaàu nguoàn .

**b- Khí haäu** : caän xích ñaïo coù hai muøa möa vaø khoâ roõ reät .

Do chòu aûnh höôûng chuû yeáu cuûa gioù muøa TaâyNam neân Taây nguyeân coù muøa heø, thu möa khaù ñeàu ñaën , thôøi tieát deã chòu .

Muøa ñoâng, xuaân haàu nhö khoâng coù möa , muøa khoâ haïn gay gaét do chòu aûnh höôûng gioù muøa Ñoâng Baéc ôû Ñoâng Tröôøng Sôn .

Taây Nguyeân coù neàn nhieät ñoä trung bình khoaûng 20 0 C söï cheânh leäch nhieät ñoä ngaøy vaø ñeâm khaù lôùn , nhöõng nôi coù ñòa hình cao thôøi tieát maùt meû .

**c- Caùc nguoàn taøi nguyeân :**

- Ñaát badan : chieám 2/3 dieän tích ñaát badan cuûa caû nöôùc , raát thích hôïp cho vieäc troàng caùc caây coâng nghieäp daøi ngaøy vaø moät soá loaïi caây aên quaû taäp trung chuû yeáu ôû caùc cao nguyeân Ñaét Laêk , Mô Noâng , Plaây ku , Di Linh

- Röøng : dieän tích vaø tröõ löôïng ñöùng ñaàu caû nöôùc (gaàn 3trieäu ha, chieám 29,3% dieän tích röøng caû nöôùc).

- Khoaùng saûn : boâxít khoaûng hôn 3 tæ taán coù tröõ löôïng ñöùng ñaàu caû nöôùc taäp trung chuû yeáu ôû caùc tænh Ñaéc Noâng , Ñaéc Laék , Gia Lai , Kom Tum .

- Thuyû naêng soâng suoái khaù doài daøo chæ ñöùng sau vuøng Taây Baéc chieám khoaûng 21% tröõ naêng thuyû ñieän cuûa caû nöôùc .

- Du lòch laø theá maïnh cuûa vuøng ñaëc bieät laø du lòch sinh thaùi vôùi nhieàu caûnh ñeïp , söï ña daïng sinh hoïc , khí haäu maùt meû .

* Khoù khaên :

- Muøa khoâ keùo daøi khoác lieät , röøng thieáu nöôùc nghieâm troïng .

- Maát röøng do laøm raãy troàng caø pheâ , chaùy röøng , saên baén böøa baõi ñoäng vaät hoang daõ . Laøm cho dieän tích ñoài troïc ngaøy caøng nhieàu , ñaát bò thoaùi hoaù nghieâm troïng , nhieàu loaïi thuù quyù hieám vaø caùc laâm saûn ñaëc höõu bò giaûm suùt hoaëc tuyeät chuûng

***3 Ñaëc dieåm daân cö xaõ hoäi***

- Ñaây laø vuøng coù daân soá ít , maät ñoä thaáp vaø phaân boá khoâng ñeàu .

- Daân toäc ít ngöôøi chieám khoaûng 30% taïo ra böùc tranh vaên hoùa daân toäc phong phuù vaø coù nhieàu neùt ñaëc thuø .

- Ngöôøi daân coù truyeàn thoáng ñoaøn keát , ñaáu tranh Caùch Maïng kieân cöôøng

- Treân nhieàu chæ tieâu phaùt trieån daân cö xaõ hoäi , Taây Nguyeân vaãn coøn laø vuøng khoù khaên cuûa ñaát nöôùc : tæ leä ngheøo cao , tæ leä ngöôøi lôùn bieát chöõ vaø tuoåi thoï trung bình coøn thaáp .

Hieän nay Ñaûng vaø nhaø nöôùc ñaõ laøm nhieàu vieäc ñeå phaùt trieån Taây Nguyeân töông xöùng vôùi taàm quan troïng veà chieán löôïc vaø taøi ngueân phong phuù cuûa vuøng nhö: Xaây döïng Thuyû ñieän Yaly, naâng caáp vaø xaây döïng tuyeán ñöôøng Hoà Chí Minh, aùp duïng caùc phöông thöùc saûn xuaát môùi : thaâm canh , ñònh canh , ñònh cö , tieáp nhaän neàn vaên hoaù môùi vaø baûo toàn neàn vaên hoaù cuõ cuûa Taây Nguyeân .

Nhieäm vuï quan troïng haøng ñaàu cuûa Taây Nguyeân hieän nay laø ñaåy nhanh chuyeån dòch cô caáu kinh teá , taêng cöôøng ñaàu tö ñaåy maïnh coâng taùc xoaù ñoùi giaûm ngheøo , töøng böôùc caûi thieän ñôøi soáng nhaân daân , ngaên chaën naïn phaù röøng , baûo veä ñoäng vaät hoang daõ .

***4 Tình phaùt trieøn kinh te***á

**a Noâng nghieäp**

- Troàng caây coâng nghieäp laâu naêm laø moät trong nhieàu theá maïnh cuûa Taây Nguyeân . Vuøng naøy thích hôïp vôùi caùc loaïi caây nhö caø pheâ , cao su , cheø,hoà tieâu ,…

+ Caây caø pheâ laø loaïi caây troàng nhieàu nhaát taäp trung ôû tænh Ñaéc Laék , ngoaøi ra coøn coù ôû Gia Lai Ñaây laø loaïi caây haøng hoaù chuû löïc cuûa Taây Nguyeân vaø caû nöôùc : dieän tích vaø saûn löôïng ngaøy caøng taêng bôûi vì: • Ñieàu kieän ñaát badan phuø hôïp

• Khí haäu Taây Nguyeân muøa möa , muøa khoâ roõ reät thuaän lôïi cho vieäc gieo troàng , thu hoaïch , cheá bieán vaø baûo quaûn .

• Ñaàu tö thaâm canh cao vaø thò tröôøng môû roäng .Löu yù vieäc môû roäng quaù möùc dieän tích caø pheâ aûnh höôûng ñeán taøi nguyeân röøng vaø nguoàn sinh thaùi cuûa caùc doøng soâng chaûy veà vuøng laân caän

+ Caây cheø : dieän tích vaø saûn löôïng ñöùng thöù hai caû nöôùc taäp trung chuû yeáu ôû Laâm Ñoàng vaø moät ít ôû Gia Lai

- Ngoaøi ra caây löông thöïc , caây coâng nghieäp ngaén ngaøy , hoa , rau quaû oân ñôùi vaø chaên nuoâi gia suùc lôùn cuõng ñöôïc phaùt trieån ôû nhieàu ñòa phöông .

- Laâm nghieäp laø moät trong nhöõng ngaønh phaùt trieån maïnh ôû Taây Nguyeân taäp trung ôû caùc tænh Ñaéc Laék , Laâm Ñoàng , Gia Lai .

Taây Nguyeân daãn ñaàu caû nöôùc veà ñoä che phuû röøng 54,8% naêm 2003 vaø ñang phaán ñaáu ñaït 65% naêm 2002 . Laâm nghieäp phaùt trieån theo höôùng khai thaùc röøng töï nhieân keát hôïp vôùi troàng môùi khoanh nuoâi , giao khoaùng baûo veä vaø gaén khai thaùc vôùi cheá bieán .

• Toùm laïi : saûn xuaát noâng nghieäp ôû Taây Nguyeân ngaøy caøng taêng nhanh nhöng vaãn chöa ñoàng ñeàu giöõa caùc tænh . Ñöùng ñaàu laø Ñaéc Laék vaø Laâm Ñoàng bôûi vì : Ñaéc Laék laø vuøng troïng ñieåm caây caø pheâ caû nöôùc , coøn Laâm Ñoàng laø troïng ñieåm caây cheø vaø hoa , rau quaû oân ñôùi .

**b- Coâng nghieäp**

- Giaù trò saûn suaát coâng nghieäp ôû Taây Nguyeân taêng khaù nhanh qua caùc naêm nhöng chieám tæ troïng thaáp so vôùi caû nöôùc .

- Caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm goàm cheá bieán noâng,laâm taäp trung ôû caùc thaønh phoá :Buoân MaThuoät , Ñaø Laït , Plaây-ku.

- Thuûy ñieän : Yaly treân soâng Xeâ-xan , Ñraây Hinh vaø moät soá nhaø thuyû ñieän ñang ñöôïc xaây döïng

- Vieäc phaùt trieån thuyû ñieän coù yù nghóa raát quan troïng :

+ Khai thaùc theá maïnh thuyû naêng cuûa vuøng

+ Cung caáp naêng löôïng cho vuøng vaø hoaø chung löôùi ñieän quoác gia .

+ Cung caáp nguoàn nöôùc töôùi phuïc vuï cho saûn xuaát noâng nghieäp ñaëc bieät laø caây coâng nghieäp , caây löông thöïc vaø sinh hoaït , ñieàu naøy raát quan troïng cho Taây Nguyeân moät vuøng raát thieáu nöôùc do muøa khoâ keùo daøi

+ Phaùt trieån thuyû ñieän ôû Taây Nguyeân ñoàng nghóa vôùi vieäc thuùc ñaåy phaùt trieån vaø baûo veä röøng goùp phaàn oån ñònh nguoàn sinh thuyû caùc doøng soâng chaûy veà caùc vuøng laân caän , ñaûm baûo nguoàn nöôùc cho caùc nhaø maùy thuyû ñieän : Trò An , Thaùc Mô , Vónh Sôn ,Soâng Hinh , Ña Nhim . Ñoàng thôøi ñaûm baøo nöôùc töôùi sinh hoaït cho nhaân daân caùc vuøng .

- Vieäc xaây döïng thuyû ñieän môû ñaàu cho vieäc xaây döïng cô sôû haï taàng cuûa TaâyNguyeân

**c. Dòch vuï**

- Phaùt trieån nhaát laø xuaát khaåu noâng laâm saûn : Taây Nguyeân ñöùng sau ñoàng baèng soâng Cöûu Long veà xuaát khaåu noâng saûn nhöng ñöôùng ñaàu caû nöôùc veà xuaát khaåu Caø pheâ vaø goã .

- Du lòch , ñaëc bieät laø du lòch sinh thaùi vaø du lòch vaên hoaù . Trung taâm du lòch laø Ñaø Laït .

***d. Caùc trung taâm kinh teá***

- Plaây-ku : Trung taâm coâng nghieäp, ñaøo taïo nghieân cöùu khoa hoïc cöûa Taây Nguyeân .

- Buoân Ma Thuoät : Trung taâm du lòch sinh thaùi, nghæ döôõng, nghieân cöùu khoa hoïc ñaøo taïo, saûn xuaát hoa quaû.

- Ñaø Laït : Phaùt trieån noâng nghieäp, cheá bieán noâng laâm saûn trung taâm dòch vuï thöông maïi

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

**1-** Taây Nguyeân coù nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi vaø khoù khaên gì trong phaùt trieån saûn xuaát noâng, laâm nghieäp?

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) Thuaän lôïi:

- Ñieàu kieän töï nhieân: ñòa hình nuùi vaø cao nguyeân vôùi dieän tích ñaát bazan ñöùng ñaàu caû nöôùc, khí haäu caän xích ñaïo coù hai muøa möa vaø khoâ roõ reät, sinh vaät nhieät ñôùi vaø caän nhieät phaùt trieån phong phuù.

- Kinh teá- xaõ hoäi: maïng löôùi giao thoâng ñöôïc môû roäng, xaây döïng nhieàu coâng trình thuyû ñieän, hình thaønh caùc vuøng chuyeân canh lôùn vôùi nhieàu döï aùn ñaàu tö nöôùc ngoaøi …

b) Khoù khaên:

- Töï nhieân: muøa khoâ keùo daøi gaây thieáu nöôùc töôùi cho saûn xuaát, dieän tích vaø chaát löôïng röøng bò suy giaûm ( khai thaùc böøa baõi, du canh du cö, khai thaùc troàng Caø Pheâ )

- Kinh teá – xaõ hoäi : giaù caû noâng saûn baáp beânh; thieáu lao ñoäng nhaát laø lao ñoäng laønh ngheà, caùn boä khoa hoïc kyõ thuaät, cô sôû haï taàng thieáu ; coâng nghieäp coøn yeáu keùm …

2- Trong xaây döïng kinh teá – xaõ hoäi Taây Nguyeân coù nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi vaø khoù khaên gì ?

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Thuaän lôïi :

+ Ñòa hình : cao nguyeân xeáp taàng , ñaát bazan roäng lôùn , maøu môõ , khí haäu caän xích ñaïo,maùt meû , coù moät muøa khoâ keùo daøi thích hôïp vôùi nhieàu loaïi caây troàng , ñaëc bieät laø caây coâng nghieäp .

+ Röøng coù dieän tích vaø tröõ löôïng lôùn nhaát caû nöôùc

+ Tieàm naêng thuyû ñieän lôùn .Khoaùng saûn boâ xit coù tröõ löôïng lôùn . Giaøu tieàm naêng du lòch

- Khoù khaên: muøa khoâ thieáu nöôùc , thöôøng xaûy ra chaùy röøng ; moâi tröôøng suy thoaùi do chaët phaù röøng , saên baén böøa baõi ; daân cö thöa thôùt , phaân boá khoâng ñeàu vaø thieáu lao ñoäng , ñôøi soáng ñoàng baøo caùc daân toäc coøn nhieàu khoù khaên

3 – Cho baûng soá lieäu sau veà dieän tích vaø saûn löôïng caø pheâ ôû Taây Nguyeân (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1995 | 1998 | 1001 |
| Dieän tích | 79 | 79,3 | 85,1 |
| Saûn löôïng | 85,7 | 88,9 | 90,6 |

1. Veõ bieåu ñoà so saùnh dieän tích vaø saûn löôïng caø pheâ ôû Taây Nguyeân so vôùi caû nöôùc
2. Nhaän xeùt vaø giaûi thích.

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) Veõ bieåu ñoà coät nhoùm

b) Nhaän xeùt: Qua bieåu ñoà ta thaáy:

- Dieän tích vaø saûn löôïng caây Caø Pheâ ôû Taây Nguyeân taêng ñeàu qua caùc naêm.

- Dieän tích vaø saûn löôïng Caø Pheâ ôû Taây Nguyeân luoân daãn ñaàu trong caû nöôùc

Giaûi thích : coù dieän tích ñaát ñoû bazan lôùn phuø hôïp vôùi ñieàu kieän sinh thaùi caây caø pheâ , khí haäu coù moät muøa möa vaø moät muøa khoâ thuaän lôïi cho gieo troàng , thu hoaïch vaø baûo quaûn saûn phaåm ; thò tröôøng xuaát khaåu caø pheâ nöôùc ta ngaøy caøng môû roäng …

4) Cho baûng soá lieäu veà dieän tích caây coâng nghieäp laâu naêm ôû Taây Nguyeân ( nghìn ha)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Caây coâng nghieäp | 1995 | 1998 |
| Toång soá  Caø Pheâ  Cao su  Cheø  Caùc caây coâng nghieäp khaùc | 230,7  147,4  52,5  15,6  15,2 | 407,4  293,9  86,3  18,7  8,5 |

a) Veõ bieåu ñoà cô caáu dieän tích caây coâng nghieäp laâu naêmôû Taây Nguyeân qua caùc naêm treân.

b) Nhaän xeùt vaø giaûi thích söï thay ñoåi veà qui moâ vaø cô caáu dieän tích caây coâng nghieäp laâu naêm ôû Taây Nguyeân qua caùc naêm treân.

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) – Xöû lí soá lieäu (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Caây coâng nghieäp | 1995 | 1998 |
| Toång soá  Caø Pheâ  Cao su  Cheø  Caùc caây coâng nghieäp khaùc | 100,0  63,9  22,8  6,8  6,5 | 100,0  72,1  21,2  4,6  2,1 |

- Veõ hai bieåu ñoà hình troøn khoâng baèng nhau , ghi ñaày ñuû naêm, chuù thích , teân bieåu ñoà

b) Nhaän xeùt: - töø naêm 1995 ñeán 1998 dieän tích caây coâng nghieäp laâu naêm ôû Taây Nguyeân taêng khaù nhanh)1,77 laàn) trong ñoù: Caø Pheâ taêng gaàn 2 laàn, Cao su taêng 1,6 laàn, cheø taêng 1,2 laàn

- Cô caáu dieän tích caây coâng nghieäp laâu naêm ôû Taây Nguyeân coù söï thay ñoåi: caây caø pheâ vaø caây cao su toác ñoä taêng tröôûng nhanh ,chieám tæ troïng lôùn.

Giaûi thích : - Do ñaát ñai vaø khí haäu ôû ñaây thích hôïp cho caây coâng nghieäp laâu naêm

- Nhaø nöôùc coù chính saùch khuyeán khích phaùt trieån caây coâng nghieäp chuû ñaïo cho xuaát khaåu trong ñoù coù caø pheâ vaø cao su vì vaäy dieän tích caø pheâ vaø cao su ngaøy caøng môû roäng.

- Thò tröôøng trong vaø ngoaøi nöôùc ñöôïc môû roäng.

5) Cho baûng soá lieäu ñoä che phuû röøng cuûa caùc tænh ôû Taây Nguyeân naêm 2003

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Caùc tænh | Kon Tum | Gia Lai | Ñaêk Laêk | Laâm Ñoàng |
| Ñoä che phuû röøng (%) | 64,0 | 49,2 | 50,2 | 63,5 |

Veõ bieåu ñoà thanh ngang theå hieän ñoä che phuû röøng theo caùc tænh vaø nhaän xeùt

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Veõ bieåu ñoà thanh ngang, teân bieåu ñoà

- Nhaän xeùt: ñoä che phuû röøng thaáp do phaù röøng laøm raãy troàng caø pheâ , chaùy röøng, khai thaùc quaù möùc. Kon Tum vaø Laâm Ñoàng laø 2 tænh coù tæ leä che phuû röøng coøn khaù cao vì ñaây laø vuøng röøng ñaàu nguoàn nöôùc.

**VI. VUØNG ÑOÂNG NAM BOÄ**

**A- Kieán thöùc cô baûn:**

***1- Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå***

- Ñoâng Nam Boä goàm 6 tænh , thaønh phoá vôùi dieän tích 23.550km2 vaø 10,9 trieäu daân

- Vò trí coù nhieàu lôïi theá nhö laø caàu noái giöõa Taây Nguyeân , Duyeân haûi Nam Trung Boä vôùi Ñoàng baèng soâng Cöûu Long , giöõa ñaát lieàn vôùi bieån Ñoâng giaøu tieàm naêng , ñaëc bieät laø daàu khí treân theàm luïc ñòa .

- Thaønh phoá Hoà Chí Minh ñöôïc coi laø trung taâm cuûa khu vöïc Ñoâng Nam AÙ , do ñoù Ñoâng Nam Boä coù nhieàu lôïi theá veà giao löu kinh teá vaên hoaù vôùi caùc vuøng trong nöôùc vaø caùc nöôùc trong khu vöïc ASEAN.

***2- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân***

• Vuøng ñaát lieàn

- Ñòa hình : Ñoâng Nam Boä naèm treân vuøng ñoàng baèng vaø bình nguyeân roäng , chuyeån tieáp töø cao nguyeân Nam Trung Boä ñeán Ñoàng baèng soâng Cöûu Long vôùi nhöõng vuøng goø ñoài löôïn soùng , ñòa hình thoaûi (ñoä doác khoâng quaù 15o) do ñoù raát thuaän lôïi cho vieäc xaây döïng nhöõng khu coâng nghieäp , ñoâ thò vaø giao thoâng vaân taûi

- Khí haäu : caän xích ñaïo vôùi neàn nhieät ñoä cao vaø haàu nhö ít thay ñoåi trong naêm ,ñaëc bieät laø söï phaân hoaù theo muøa phuø hôïp vôùi hoaït ñoäng cuûa gioù muøa, nguoàn thuyû sinh toát.

Nhìn chung ñaây laønôi coù khí haäu töông ñoái ñieàu hoaø , ít thieân tai nhöng veà muøa khoâ cuõng hay bò thieáu nöôùc

- Taøi nguyeân :

+ Ñaát : ñaát badan vaø ñaát xaùm treân phuø sa coå chieám dieän tích lôùn nhaát raát thích hôïp vôùi caùc loaøi caây coâng nghieäp vaø caây aên quaû

+ Röøng : taäp trung chuû yeáu ôû Bình Döông , Bình Phöôùc nhöng dieän tích khoâng nhieàu . Vieäc baûo veä röøng coù yù nghóa quan troïng vì : baûo veä moâi tröôøng sinh thaùi, khoâng bò maát nöôùc ôû caùc hoà chöùa, giöõ möïc nöôùc ngaàm baûm baûo nöôùc töôùi cho caùc vuøng chuyeâm canh caây coâng nghieäp .

• Vuøng bieàn : roäng aám theàm luïc ñòa noâng, taøi nguyeân bieån phong phuù , nguoàn daàu khí ôû theàm luïc ñòa , thuyû saûn doài daøo , giao thoâng vaø du lòch bieån phaùt trieån .

\* Khoù khaên :

- Treân ñaát lieàn ít khoaùng saûn

- Maát röøng ñaàu nguoàn , tæ leä che phuû röøng thaáp

- OÂâ nhieãm moâi tröôøng do chaát thaûi coâng nghieäp vaø ñoâ thò ngaøy caøng taêng ñaëc bieät laø moâi tröôøng nöôùc thuoäc phaàn haï löu soâng Ñoàng Nai

Do ñoù vieäc baûo veä moâi tröôøng caû treân ñaát lieàn vaø treân bieån laø nhieäm vuï quan troïng cuûa vuøng .

***3- Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi***

- Ñoâng Nam Boä laø vuøng ñoâng daân 10,9 trieäu ngöôøi (2002) coù nguoàn lao ñoäng doài daøo ñaëc bieät laø lao ñoäng coù kó thuaät , thò tröôøng tieâu duøng roäng lôùn

Vaán ñeà noåi baëc laø söï phaùt trieån ñoâ thò, coâng nghieäp trong moät moâi tröôøng khaù thuaän lôïi taïo söùc huùt ngaøy caøng lôùn , lao ñoäng töø nhieàu vuøng ñaát nöôùc tôùi ñeå tìm kieám cô hoäi vieäc laøm daãn ñeán nguy cô quaù taûi daân ñoä thò ñaëc bieät laø Thaønh phoá Hoà Chí Minh

- Ngöôøi daân naêng ñoäng saùng taïo trong coâng cuoäc ñoåi môùi vaø phaùt trieån khoa hoïc kó thuaät

- Treân nhieàu chæ tieâu phaùt trieån daân cö xaõ hoäi Ñoâng Nam Boä laø vuøng phaùt trieån cao hôn möùc trung bình caû nöôùc

- Ñoâng Nam Boä coù nhieàu ñòa danh veà lòch söû vaø vaên hoaù : nhaø Beø , beán Saøi Goøn , toaø thaùnh Taây Ninh, dinh Ñoäc Laäp , ñòa ñaïo Cuû Chi , nhaø tuø Coân Ñaûo ,… laø cô sôû ñeå phaùt trieån ngaønh du lòch.

***4- Tình hình phaùt trieån kinh teá***

**a- Coâng nghieäp**

- Tröôùc 1975 coâng nghieäp Ñoâng Nam Boä phuï thuoäc vaø nöôùc nghoaøi chuû yeáu laø saûn xuaát haøng tieâu duøng vaø coâng nghieäp thöïc phaåm, taäp trung chuû yeáu ôû Saøi Goøn- Chôï Lôùn .

- Sau naêm 1975 coâng nghieäp ôû Ñoâng Nam Boä phaùt trieån maïnh, ñaëc bieät chuù troïng phaùt trieån veà coâng nghieäp naëng . Giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp ñöùng ñaàu toaøn quoác chieám gaàn 60% giaù trò saûn löôïng coâng nghieäp caû nöôùc (trong ñoù Thaønh phoá Hoà Chí Minh chieám gaàm 50% )

- Cô caáu coâng nghieäp bao goàm moät soá ngaønh troïng ñieåm: coâng nghieâp naêng löôïng( khai thaùc

daàu , nhieät ñieän , thuyû ñieän), coâng nghieäp naëng( luyeän kim, cô khí, hoaù chaát), cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm, saûn xuaát haøng tieâu duøng (chuû yeáu laø deät may)

- Phaân boá chuû yeáu ôû caùc trung taâm Thaønh phoá Hoà Chí Minh , Bieân Hoaø , Vuõng Taøu .

**b- Noâng nghieäp**

- Ñoâng Nam Boä laø vuøng troïng ñieåm saûn xuaát caây coâng nghieäp laâu naêm xuaát khaåu cuûa caû nöôùc bao goàm cao su, caø ph, hoà tieâu,ñieàu . Nhôø ñieàu kieän thuaän lôïi veà thoå nhöôõng, khí haäu, cô sôû cheá bieán vaø thò tröôøng .Trong ñoù caây cao su laø caây coâng nghieäp haøng hoaù xuaát khaåu quan troïng nhaát, dieän tích vaø saûn löôïng ñöùùng ñaàu toaøn quoác taäp trung ôû caùc tænh Ñoàng Nai,Bình Döông, Bình Phöôùc .

Sôõ dó caây cao su ñöôïc troàng ôû ñaây vì ñaát ñai vaø khí haäu phuø hôïp (nhieät ñôùi noùng aåm quanh naêm, ñaát badna, ñaát xaùm, phuø sa coå ) . Ngöôøi daân coù tay ngheà cao, giaøu kinh nghieäm vaø coù nhieàu cô sôû cheá bieán muû cao su ñeå xuaát khaåu taäp trung ôû thaønh phoá Hoà Chí Minh . Thò tröôøng nhaäp muû cao su nhieàu nhaát cuûa Vieät Nam laø Trung Quoác, Nhaät Baûn, Singapo, Haøn Quoác

- Ngoaøi caây cao su vaø moät soá caây coâng nghieäp laâu naêm treân Ñoâng Nam Boä coøn phaùt trieån caùc caây coâng nghieäp haèng naêm nhö boâng, laïc, ñaäu töông, mía,… vôùi khoái löôïng lôùn .

Moät soá caây aên quaû ñaëc saûn nhö saàu sieâng, mít toá nöõ, choâm choâm, maêng cuït ,…

- Ngaønh chaên nuoâi gia suùc gia caàm chuù troïng theo phöông phaùp coâng nghieäp ñaëc bieät laø nuoâi boø söõa

- Nuoâi troàng vaø ñaùnh baét thuyû haûi saûn cuõng chieâùm tæ troïng ñaùng keå trong cô caáu noâng nghieäp vuøng .

- Khoù khaên : Röøng ñaàu nguoàn vaø röøng ngaäp maën bò taøn phaù , thieáu nöôùc veà muøa khoâ , oâ nhieãm moâi tröôøng ,…

- Moät soá giaûi phaùp ñoái vôùi vuøng naøy :

+ Ñaåy maïnh thaâm canh , naâng cao chaát löôïng gioáng caây vaø con

+ Baûo veä moâi tröôøng khoûi söï oâ nhieãm cuûa coâng nghieäp vaø ñoâ thò

+ Taêng cöôøng ñaàu tö cho thuyû lôïi

+ Baûo veä vaø phaùt trieån röøng ñaàu nguoàn, gìn giöõ söï ña daïng veà sinh hoïc cuûa röøng ngaäp maën

**c- Dòch vuï**

- Laø ngaønh kinh teá phaùt trieån maïnh ôû Ñoâng Nam Boä khoâng chæ phuïc vuï cho nhaân daân trong vuøng maø coøn cho nhu caàu thò tröôøng Nam Boä vaø moät phaàn caû nöôùc .

Caùc hoaït ñoäng dòch vuï nhaát laø thöông maïi vaän taûi du lòch , böu chính vieãn thoâng ,..

- Vôùi caûng Saøi Goøn vaø saân bay Taân Sôn Nhaát, Thaønh phoá Hoà Chí Minh laø ñaàu moái giao thoâng quan troïng nhaát cuûa vuøng vaø cuûa caû nöôùc baèng nhieàu loaïi hình : oâtoâ, ñöôøng saét, ñöôøng bieån , ñöôøng haøng khoâng ,…

- Ñaây laø vuøng daãn ñaàu caû nöôùc veà hoaït ñoäng xuaát nhaäp khaåu .

Xuaát khaåu chuû yeáu laø daàu thoâ , thöïc phaåm cheá bieán , haøng coâng nghieäp nheï. Nhaäp khaåu chuû yeáu laø maùy moùc vaø nguyeân vaät lieäu .

- Ñoâng Nam Boä laø ñòa baøn thu huùt maïnh nhaát ñaàu tö nöôùc ngoaøi (chieám 50% toång voán ñaàu tö nöôùc ngoaøi vaøo naêm 2003 )(voán FDP)

- Du lòch laø moät trong nhöõng theá maïnh cuûa vuøng, Thaønh phoá Hoà Chí Minh laø trung taâm lôùn nhaát toaøn quoác, hoaït ñoäng du lòch dieãn ra soâi ñoäng quanh naêm ñem laïi hieäu quaû kinh teá .

***5- Caùc trung taâm kinh teá vaø vuøng kinh teá troïng ñieåm phía Nam*** .

- Thaønh phoá Hoà Chí Minh, Bieân Hoaø, Vuõng Taøu laø 3 trung taâm kinh teá ôû Ñoâng Nam Boä, quan troïng nhaát laø Thaønh phoá Hoà Chí minh .

- Vuøng kinh teá troïng ñieåm phía Nam goàm 7 tænh thaønh,thaønh phoá hieän nay vôùi dieän tích , daân soá,GDP vaø giaù trò xuaát khaåu ñaõ vöôït qua giôùi haïn cuûa vuøng kinh teá Ñoâng Nam Boä vaø ñang theå hieän chöùc naêng ñuùng nghóa cuûa noù laø vuøng troïng ñieåm cho caùc tænh phía Nam vaø caû nöôùc

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

**1-**- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thieân nhieân aûnh höôûng nhö theá naøo ñeán söï phaùt trieån kinh teá cuûa Ñoâng Nam Boä

***Höôùng daãn traû lôøi***: Traû lôøi nhö phaàn ghi ôû treân.

2- Cho bieát vì sao Ñoâng Nam Boä coù söùc thu huùt maïnh lao ñoäng cuûa caû nöôùc ?

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Coù vò trí thuaän lôïi , maët baèng xaây döïng toát thuaän lôïi cho qui hoaïch, phaùt trieån ñoâ thò vaø xaây döïng caùc khu coâng nghieäp.

- Daân cö ñoâng, thò tröôøng tieâu thuï roäng,coù chính saùch phaùt trieån kinh teá hôïp lyù thu huùt maïnh meõ ñaàu tö nöôùc ngoaøi taïo nhieàu tieàm naêng trong phaùt trieån kinh teá.

- Coù Thaønh phoá Hoà Chí Minh laø trung taâm kinh teá lôùn vaø naêng ñoäng nhaát trong caû nöôùc.

- Coù nhieàu cô hoäi vieäc laøm vôùi thu nhaäp cao hôn caùc vuøng khaùc, ñieàu kieän soáng vaên minh, hieän ñaïi hôn..

3-- Tình hình saûn xuaát noâng nghieäp ôû Ñoâng Nam Boä thay ñoåi nhö theá naøo töø sau khi ñaát nöôùc thoáng nhaát ?

***Höôùng daãn traû lôøi:*** Traû lôøi nhö phaàn ghi ôû treân

4) Cho baûng soá lieäu daân soá thaønh thò vaø noâng thoân ôû thaønh phoá Hoà Chí Minh ( nghìn ngöôøi)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm  Vuøng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Noâng thoân | 1174,3 | 845,4 | 855,8 |
| Thaønh thò | 3466,1 | 4380,7 | 4623,2 |

Veõ bieåu ñoà coät choàng theå hieän daân soá thaønh thò vaø noâng thoân ôû thaønh phoá Hoà Chí Minh qua caùc naêm. Nhaân xeùt.

***Höôùng daãn traû lôøi***

Xöû lí soá lieäu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm  Vuøng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Noâng thoân | 25,3 | 16,2 | 15,6 |
| Thaønh thò | 74,7 | 83,8 | 84,4 |

Veõ bieåu ñoà coät choàng , coù chuù giaûi , teân bieàu ñoà.

, Nhaän xeùt: + Tæ leä daân soá ôû thaønh thò raát cao so vôùi noâng thoân

+ Tæ leä daân soá ôû noâng thoân ngaøy caøng giaûm , ôû thaønh thò ngaøy caøng taêng ⇒ Phaûn aùnh toác ñoä ñoâ thò hoaù ngaøy caøng cao, phuø hôïp vôùi xu theá phaùt trieån chung cuûa quaù trình coâng nghieäp hoaù hieän ñaïi hoaù ñaát nöôùc

5- Nhôø nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi naøo maø Ñoâng Nam Boä trôû thaønh vuøng saûn xuaát caây coâng nghieäp lôùn cuûa caû nöôùc ?

***Höôùng daãn traû lôøi***

Coù ñaát bazan , ñaát xaùm , khí haäu caän xích ñaïo noùng aåm phuø hôïp vôùi ñieàu kieän sinh thaùi cuûa nhieàu caây coâng nghieäp ñaëc bieät laø cao su , coù taäp quaùn vaø kinh nghieäm saûn xuaát , coù nhieàu cô sôû cheá bieán vaø thò tröôøng tieâu thuï roäng …

6- Cho baûn soá lieäu cô caáu kinh teá cuûa thaønh phoá Hoà Chí Minh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Toång soá | Noâng , laâm ,ngö nghieäp | Coâng nghieäp xaây döïng | Dòch vuï |
| 100,0 | 1,7 | 46,7 | 52,6 |

*Veõ bieåu ñoà troøn theå hieän cô caáu kinh teá cuûa thaønh phoá Hoà Chi Minh vaø neâu nhaän xeùt*

***Höôùng daãn traû lôøi***

Veõ moät hình troøn coù chuù thích teân bieåu ñoà

- Nhaän xeùt : tæ troïng ngaønh coâng nghieäp xaây döïng vaø dòch vuï cao , ngaønh noâng , laâm ngö nghieäp thaáp phuø hôïp vôùi quaù trình chuyeån ñoåi cô caáu ngaønh kinh teá

6 – Cho baûng soá lieäu moät soá saûn phaåm tieâu bieåu cuûa caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm Nam Trung Boä so vôùi caû nöôùc , naêm 2001 (caû nöôùc = 100%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm | Saûn phaåm tieâu bieåu | |
| Teân saûn phaåm | Tæ troïng so vôùi caû nöôùc |
| Khai thaùc nhieân lieäu | Daàu thoâ | 100,0 |
| Ñieän | Ñieän saûn xuaát | 47,3 |
| Cô khí – ñieän töû | Ñoäng cô ñiezen | 77,8 |
| Hoaù chaát | Sôn hoaù hoïc | 78,1 |
| Vaät lieäu xaây döïng | Xi maêng | 17,6 |
| Deät may | Quaàn aùo | 47,5 |
| Cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm | Bia | 39,8 |

a) Veõ bieåu ñoà thích hôïp theå hieän tæ troïng moät soá saûn phaåm tieâu bieåu cuûa caùc ngaønh coâng nghieäp troïng ñieåm ôû Ñoâng Nam Boä so vôùi caû nöôùc.

b) Cho bieát vai troø cuûa vuøng Ñoâng Nam Boä trong phaùt trieån coâng nghieäp cuûa caû nöôùc.

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) Veõ bieåu ñoà coät theå hieän caùc saûn phaåm theo tæ leä 100%

b) Vai troø: +Thuùc ñaåy coâng nghieäp phaùt trieån laøm taêng giaù trò saûn löôïng coâng nghieäp cuûa caû nöôùc , naâng cao tæ troïng ngaønh coâng nghieäp trong cô caáu kinh teá caû nöôùc .

+ Goùp phaàn ñöa nöôùc ta vaøo haøng nguõ caùc nöôùc coâng nghieäp ( giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp cao , chieám 56,6 % giaù trò saûn xuaát coâng nghieäp caû nöôùc )

**VII.** **VUØNG ÑOÀNG BAÈNG SOÂNG CÖÛU LONG**

**I- Kieán thöùc cô baûn**

***1- Vò trí ñòa lí vaø giôùi haïn laõnh thoå*** :

- Ñoàng baèng soâng Cöûu Long naêm lieàn keà phía Taây vôùi Ñoâng Nam Boä , coù 3 maët giaùp bieån , phía Baéc giaùp Campuchia . Bao goàm 13 tænh vaø thaønh phoá .

- YÙ nghóa :

+ Ñoàng baèng soâng Cöûu Long naèm ôû phaàn cöïc Nam cuûa Ñaát nöôùc do ñoù coù ñieàu kieän töï nhieân thuaän lôïi cho vieäc phaùt trieån kinh teá , nhaát laø caây noâng nghieäp .

+ Vò trí naèm saùt vuøng Ñoâng Nam Boä laø moät vuøng kinh teá naêng ñoäng nhaát nöôùc . Do ñoù ñaõ nhaän ñöôïc söï hoã trôï veà nhieàu maët nhö coâng nghieäp cheá bieán , thò tröôøng tieâu thuï vaø xuaát khaåu .

+ Phía Baéc giaùp Campuchia qua tuyeán ñöôøng thuyû treân soâng Meâ Coâng coù theå giao löu thuaän lôïi vôùi caùc nöôùc trong löu vöïc soâng Meâ Coâng . Ñoàng baèng soâng Cöûu Long laø moät boä phaän quan trong cuûa tieåu vuøng soâng Meâ Coâng . Caûng Caàn Thô laø caûng soâng quoác teá .

+ Vuøng coù maët laø bôø bieån , theàm lucï ñòa roäng , noâng . Ngoaøi nguoàn lôïi haûi saûn doài daøo vuøng coøn coù nguoàn daàu khí raát lôùn ñang ñöôïc thaêm doø vaø ñöa vaøo khai thaùc .

Keát luaän : Vôùi vò trí nhö vaäy Ñoàng baèng soâng Cöûu Long coù nhieàu lôïi theá ñeå phaùt trieån kinh teá treân ñaát lieàn vaø treân bieån môû roäng hôïp taùc vôùi caùc nöôùc tieåu vuøng soâng Meâ Coâng .

***2- Ñieàu kieän töï nhieân vaø taøi nguyeân thiên nhieân***

- Ñoàng baèng soâng Cöûu Long laø moät boä phaän cuûa chaâu thoå soâng Meâ Coâng

- Soâng Meâ Coâng coù nguoàn nöôùc doài daøo , nguoàn caù vaø thuyû saûn phong phuù , boài ñaép phuø sa vaø môû roäng nhö ñaát muõi Caø Mau , laø tuyeán ñöôøng giao thoâng quan troïng cuûa caùc tænh phía Nam vôùi caùc nöôùc tieåu vuøng soâng Meâ Coâng

- Ñòa hình : töông ñoái baèng phaèng vaø thaáp , ñoä cao trung bình khoaûng töø 3🡪5m

- Khí haäu : caän xích ñaïo , noùng aåm quanh naêm , hai muøa möa –khoâ roõ reät vaø caân ñoái , thôøi tieát töông ñoái oån ñònh

- Taøi nguyeân :

+ Ñaát : khaù ña daïng , chieám dieän tích lôùn nhaát laø phuø sa ngoït , ñaát maën vaø ñaát pheøn .

- Phuø sa ngoït phaân boá doïc theo soâng Tieàn , soâng Haäu

- Ñaát pheøn : chuû yeáu ôû vuøng töù giaùc Lonh Xuyeân , Ñoàng Thaùp Möôøi vaø moät soá vuøng truõng nhö ôû röøng U Minh Thöôïng ,Caø Mau

- Ñaát maën ôû ven bieån töø Beán Tre ñeán Kieân Giang

+ Söï ña daïng sinh hoïc caû treân caïn vaø döôùi nöôùc , röøng ngaäp maën chieám dieän tích khaù lôùn ôû ven bieån vaø treân baùn ñaûo Caø Mau .

+ Taøi nguyeân bieån : noâng , roïâng , bôø bieån daøi , bieån aám , ngö tröôøng lôùn nguoàn lôïi haûi saûn doài daøo raát thuaän lôïi cho vieäc khai thaùc vaø ñanh baét

+ Khoaùng saûn : ít chuû yeáu laø than buøn vaø ñaù xaây döïng

\* Khoù khaên:

-Ñòa hình thaáp do coù nhieàu vuøng truõng , thaáp , bò ngaäp nöôùc trong muøa möa

- Dieän tích ñaát maën , ñaát pheøn coøn khaù lôùn caàn phaûi caûi taïo

- Muøa möa thöôøng bò luõ luït : thöøa nöôùc soâng nhöng thieáu nöôùc saïch , ñôøi soáng nhaân daân vuøng luõ gaëp - hieàu khoù khaên

- Muøa khoâ thieáu nöôùc ngoït cho saûn xuaát vaø sinh hoaït , nguy cô xaâm nhaäp maën thöôøng vaøo saâu ñeán 50km , nguy cô chaùy röøng xaûy ra

- Röøng nöôùc maën ñang bò caïn kieät (do chaùy röøng , phaù röøng ñeå nuoâi toâm ,…)

- Khoaùng saûn ít chuû yeáu than buøn vaø ñaù xaây döïng

* Giaûi phaùp :

- Xaây döïng caùc döï aùn thoaát luõ ra bieån Taây

- Caûi taïo ñaát maën ñaát pheøn

- Cô caùc döï aùn cung caáp nöôùc ngoït cho sinh hoaït vaø saûn xuaát cho muøa khoâ (vaán ñeà quan troïng haøng ñaàu )

- Chuû ñoäng soáng chung vôùi luõ vaø khai thaùc lôïi theá cuûa luõ soâng Meâ Coâng

- Baûo veä röøng vaø heä sinh thaùi

***3- Ñaëc ñieåm daân cö xaõ hoäi***

- Ñaây laø vuøng ñoâng daân sau ñoàng baèng soâng Hoàng (16,7 trieäu ngöôøi naêm 2002)

- Thaønh phaàn daân toäc : ngoaøi ngöôøi Kinh coøn coù ngöôøi Chaêm , Khô-me , Hoa ,…

- Ngöôøi daân ôû ñaây coù nhieàu kinh nghieäm saûn xuaát noâng nghieäp haøng hoaù nhaïy beùn vôùi caùi môùi , thích öùng linh hoaït , coù nhieàu hình thöùc chuû ñoäng soáng chung vôùi luõ haøng naêm .

Tuy nhieân coøn nhieàu tieâu chí phaùt trieån daân cö xaõ hoäi Ñoàng baèng soâng Cöûu Long vaãn ôû möùt thaáp so vôùi möùt trung bình cuûa caû nöôùc nhaát laø veà maët baèng daân trí vaø trình ñoä ñoâ thò hoaù . Vì vaäy phaûi ñaët vaán ñeà phaùt trieån kinh teá ñi ñoâi vôùi naâng cao maët baèng daân trí vaø phaùt trieån ñoâ thò ôû vuøng naøy.

***4- Tình hình phaùt trieàn kinh teá***

***a)* Noâng nghieäp**

- Daãn ñaàu caû nöôùc veà dieän tích ,saûn löôïng cuõng nhö bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi : dieän tích : 51%, saûn löôïng : 51,5% , bình quaân löông thöïc ñaàu ngöôøi laø 1066,3kg (gaáp 2,3 laàn caû nöôùc ). Luùa troàng chuû yeáu ôû caùc tænh : Kieân Giang , An Giang , Ñoàng Thaùp , Soùc Traêng , Long An vaø Tieàn Giang. Do ñoù ñaây laø vuøng xuaát khaåu gaïo chuû löïc cuûa nöôøc ta vaø baûm baûo ñöôïc vaán ñeà an ninh löông thöïc cho caû nöôùc

- Troàng caây aên quaû vôùi nhieàu loaïi ñaëc saûn . Phaân boá haàu khaép caùc tænh nhaát laø doïc hai beân soâng Tieàn , soâng Haäu

- Nuoâi troàng ñaùnh baét thuyû chieám hôn 50% toång saûn löôïng caû nöôùc ñaëc bieät laø nuoâi toâm caù xuaát khaåu , ñaây laø moät trong nhöõng lôïi theá cuûa nöôùc ta treân thò tröôøng theá giôùi vaø khu vöïc . Taäp trung nhieàu nhaát laø ôû caùc tænh Kieân Giang , Caø Mau , An Giang

- Ngoaøi ra vuøng coøn coù nhieàu tieàm naêng khai thaùc caây coâng nghieäp nuoâi vòt ñaøn , troàng vaø baûo veä tröøng ngaäp maën treân baùn ñaûo Caø Mau

**2- Coâng nghieäp**

- Chieám khoaûng 20% GDP vuøng vaø caû nöôùc

- Trong cô caáu saûn xuaát quan troïng nhaát laø coâng nghieäp cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm chieám khoaûng 65% giaù trò coâng nghieäp trong vuøng . Ñaây laø ngaønh troïng ñieåm

- Phaân boá ôû haàu heát caùc thaønh phoà , thò xaõ trong vuøng ñeàu coù caùc cô sôû cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm vôùi quy moâ lôùn nhoû khaùc nhau

- Ngoaøi ra ngaønh saûn xuaát vaät lieäu xaây döïng cô khí vaø saûn xuaát haøng tieâu duøng cuõng laø nhöõng ngaønh raát quan troïng cuûa vuøng

**c- Dòch vuï**

Bao goàm xuaát phaäp khaåu , vaän taûi thuyû vaø du lòch sinh thaùi :

- Xuaát khaàu chuû löïc laø gaïo (chieám khoaûng 80% löôïng gaïo xuaát khaåu caû nöôùc , xuaát khaåu hoa quaû ) vaø haûng thuyû saûn cuõng ñöùng ñaàu caû nöôùc

- Vaän taûi thuyû vôùi nhieàu hoaït ñoäng giao thöông dieãn ra soâi ñoäng ngaøy ñeâm treân soâng nöôùc , ñaây cuõng laø moät ñaëc ñieåm noåi baäc trong hoaït ñoäng dòch vuï ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long (do maïng löôùi soâng ngoøi , keânh raïch chaèng chòt ).Ñaây cuõng laø moät tieâu chí phaùt trieån ñöôøng giao thoâng noâng thoân ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long

- Du lòch sinh thaùi baét ñaàu khôûi saéc vôùi nhieàu loaïi hình ñaëc thuø ñaëc bieät laø du lòch soâng nöôùc , tôùi thaêm caùc mieät vöôøn, tham quan thaéng caûnh vaø di tích lòch söû .

***5- Caùc trung taâm kinh teá***

Coù 4 trung taâm kinh teá (Caàn Thô ,Myõ Tho, Long Xuyeân ,Caø Mau trong ñoù lôùn nhaát laø thaønh phoá Caàn Thô (vì coù vò trí ñòa lí quan troïng , naèm beân bôø soâng Haäu , caùch thaønh phoá Hoà Chí Minh khoaûng 20km , ñaây laø thaønh phoá coâng nghieäp dòch vuï quan troïng ,trong ñoù laø Traø Noùc laø khu coâng nghieäp lôùn nhaát toaøn vuøng , ñaïi hoïc Caàn Thô laø trung taâm ñaøo taïo nghieân cöùu khoa hoïc quan troïng nhaát cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long , Caûng Caàn Thô vöøa laø caûng noäi ñòa vöøa laø caûng cöûa ngoõ cuûa tieåûu vuøng soâng Meâ Coâng.

**B- Caâu hoûi vaø baøi taäp:**

1) Neâu theá maïnh veà taøi nguyeân thieân nhieân ñeå phaùt trieån kinh teá – xaõ hoäi ôû ñoàng baèng soâng Cöûu Long

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Taøi nguyeân ñaát ña daïng, chieám dieän tích lôùn nhaát laø phuø sa ngoït thuaän lôïi troàng caây löông thöïc (luùa)

- Ñaát maën, ñaát pheøn: troàng röøng ngaäp maën, nuoâi troàng thuyû saûn , caûi taïo ñeå troàng luùa.

- Taøi nguyeân bieån : noâng , roïâng , bôø bieån daøi , bieån aám , ngö tröôøng lôùn nguoàn lôïi haûi saûn doài daøo, sinh vaät ña daïng caû treân caïn vaø döôùi nöôùc raát thuaän lôïi cho vieäc khai thaùc vaø ñanh baét

- Khoaùng saûn : ít chuû yeáu laø than buøn vaø ñaù xaây döïng thuaän lôïi cho khai thaùc khoaùng saûn, cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm

2) Ñoàng baèng Soâng Cöûu Long coù nhöõng theá maïnh gì ñeå phaùt trieån nuoâi troàng vaø ñaùnh baét thuûy saûn

***Höôùng daãn traû lôøi***

Ñieàu kieän thuaän lôïi ñeå phaùt trieån :

-Coù nhieàu soâng nöôùc , khí haäu aám aùp ,nhieàu nguoàn thöùc aên cho caù ,toâm vaø nhieàu thuyû saûn khaùc

- Vuøng bieån roäng vaø aám quanh naêm

- Vuøng röøng ven bieån cung caáp nhieàu nguoàn toâm gioáng töï nhieân vaø thöùc aên cho caùc vuøng nuoâi toâm treân caùc vuøng ñaát ngaäp maën

- Luõ haøng naêm cuûa soâng Meâ Coâng ñem ñeán nguoàn thuyû saûn raát lôùn

- Saûn phaåm troàng troït chuû yeáu laø troàng luùa nöôùc vôùi nguoàn toâm caù phong phuù chính laø nguoàn thöùc aên nuoâi caù toâm ôû haàu heát caùc ñòa phöông.

--Nguoàn lao ñoäng : doài daøo, coù kinh nghieäm , thích öùng linh hoaït vôùi neàn kinh teá thò tröôøng .

-Coù nhieàu cô sôû cheá bieán thuyû saûn xuaát khaåu

-Coù thò tröôøng tieâu thuï roäng …

3)Ñoàng baèng soâng Cöûu Long coù nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi gì ñeå trôû thaønh vuøng saûn xuaát löng thöïc lôùn nhaát caû nöôùc

***Höôùng daãn traû lôøi***

Nhöõng ñieàu kieän thuaän lôïi ñeå Ñoàng baèng Soâng Cöûu Long trôû thaønh vuøng saûn xuaát löông thöïc chính cuûa caû nöôùc:

- Ñòa hình thaáp vaø baèng phaúng, khí haäu caän xích ñaïo noùng aåm quanh naêm, soâng ngoøi keânh raïch daøy ñaëc, nguoàn nöôùc doài daøo, caây troàng phaùt trieån thuaän lôïi, ñaëc bieät laø caây luùa.

- Ñaát phuø sa chieám dieän tích lôùn nhaát caû nöôùc, thuaän lôïi ñeå troàng caây löông thöïc.

- Daân cö ñoâng, nguoàn lao ñoäng doài daøo, coù kinh nghieäm troäng luùa, naêng ñoäng thích öùng linh hoaït vôùi saûn xuaát haøng hoaù.

- Coù ngaønh coâng nghieäp cheá bieán löông thöïc thöïc phaåm phaùt trieån maïnh,thò tröôøng tieâu thuï roäng, xuaát khaåu gaïo laø maët haøng xuaát khaåu chuû löïc cuûa vuøng Ñoàng baèng SCL

4)Cho baûng soá lieäu veà tình hình saûn xuaát thuyû saûn ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long, Ñoàng bằøng soâng Hoàng vaø caû nöôùc naêm 2002 ( nghìn taán).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Saûn löôïng | Ñoàng baèng soâng Cöûu Long | Ñoàng baèng soâng Hoàng | Caû nöôùc |
| Caù bieån khai thaùc | 493,8 | 54,8 | 1189,6 |
| Caù nuoâi | 283,9 | 110,9 | 486,4 |
| Toâm nuoâi | 142,9 | 7,3 | 186,2 |

a) Veõ bieåu ñoà theå hieän tæ troïng khai thaùc thuyû saûn ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long vaø Ñoàng baèng soâng Hoàng so vôùi caû nöôùc. Nhaän xeùt.

b) Ñoàng baèng soâng Cöûu Long coù nhöõng theá maïnh gì ñeå phaùt trieån ngaønh thuyû saûn?

c) Taïi sao Ñoàng baèng soâng Cöûu Long coù theá maïnh ñaëc bieät trong ngheà nuoâi toâm xuaát khaåu?

d) Nhöõng khoù khaên hieän nay trong phaùt trieån thuyû saûn ôû ñoàng baèng naøy. Neâu moät soá bieän phaùp khaéc phuïc

***Höôùng daãn traû lôøi***

a) Xöû lí baûng soá lieäu :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Saûn löôïng | ÑB SCL | ÑB SH | Caû nöôùc |
| Caù bieån khai thaùc | 41,5% | 4,6% | 100% |
| Caù nuoâi | 58,4% | 22,8% | 100% |
| Toâm nuoâi | 76,7% | 3,9% | 100% |

- Veõ bieåu ñoà coät choàng coù chuù giaûi, teân bieåu ñoà

- Nhaän xeùt: Tæ troïng saûn löôïng caù bieån khai thaùc , caù nuoâi , toâm nuoâi ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long vöôït xa Ñoàng baèng soâng Hoàng . Ñoàng baèng soâng Cöûu Long laø vuøng saûn xuaát thuyû saûn lôùn nhaát nöôùc vôùi tæ troïng saûn löôïng caùc ngaønh raát cao

-Saûn löôïng caùc ngaønh thuyû saûn ñeàu chieám treân 50% saûn löôïng caû nöôùc , ñaëc bieät laø toâm nuoâi 76,7%

b) -Ñieàu kieän töï nhieân :

+Dieän tích maët nöôùc töï nhieân lôùn

+Nguoàn caù toâm doài daøo : nöôùc ngoït , nöôùc maën , nöôùc lôï .Caùc baõi toâm ,caù treân bieån roäng lôùn .

-Nguoàn lao ñoäng : Coù kinh nghieäm thích öùng linh hoaït vôùi neàn kinh teá thò tröôøng .

-Coù nhieàu cô sôû cheá bieán thuyû saûn xuaát khaåu

-Coù thò tröôøng tieâu thuï roäng …

c) -Coù dieän tích maët nöôùc roäng lôùn ôû baùn ñaûo Caø Mau , nuoâi toâm ñem laïi nguoàn lôïi lôùn .

- Nguoàn lao ñoäng doài daøo , coù kinh nghieäm , thích öùng linh hoaït vôùi saûn xuaát haøng hoaù , tieáp thu kó thuaät nhanh

- Coù nhieàu cô sôû cheá bieán

-Coù thò tröôøng tieâu thuï roäng .

d) -Khoù khaên : Ñaàu tö ñaùnh baét xa bôø coøn haïn cheá . Chöa ñaàu tö nhieàu vaøo cheá bieán chaát löôïng cao …

-Bieän phaùp : Chuû ñoäng nguoàn gioáng an toaøn vôùi naêng xuaát cao . Chuû ñoäng thò tröôøng , traùng neù caùc raøo caûn cuûa caùc nöôùc nhaäp khaåu thuyû saûn cuûa Vieät Nam .

5) YÙ nghóa cuûa vieäc caûi taïo ñaát maën, ñaát pheøn ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long.

***Höôùng daãn traû lôøi***

* Taêng dieän tích ñaát saûn xuaát noâng nghieäp
* Goùp phaàn giaûi quyeát vieäc laøm, taêng thu nhaäp caûi thieän ñôøi soáng nhaân daân.
* Söû duïng trieät ñeå nguoàn taûi nguyeân, baûo veä moâi tröôøng

6) Cho baûng soá lieäu veà saûn löôïng thuyû saûn ôû Ñoàng Baèng soâng Cöûu Long (nghìn taán)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Ñoàng baèng soâng Cöûu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Caû nöôùc | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

Veõ bieåu ñoà coät theå hieän saûn löôïng thuyû saûn ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long vaø caû nöôùc.

***Höôùng daãn traû lôøi***

- Veõ bieåu ñoà coät: moãi naêm 2 coät, ghi ñuû soá lieäu, chuù thích, teân bieåu ñoà (chuù yù khoaûng caùch giöõa caùc naêm)

- Nhaän xeùt:

+ Saûn löôïng thuyû saûn ôû Ñoàng baèng soâng Cöûu Long cao nhaát trong caû nöôùc.

+ Taêng lieân tuïc qua caùc naêm

7) Cho baûng soá lieäu veà saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi( Kg/ngöôøi) cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng vaø Ñoàng baèng soâng Cöûu Long thôøi kì 1985- 2005

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Naêm | 1985 | 1995 | 2005 |
| Ñoàng baèng soâng Hoàng | 223 | 321 | 343 |
| Ñoàng baèng soâng Cöûu Long | 503 | 760 | 1114 |

1. Veõ bieåu doà so saùnh saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi cuûa hai ñoàng baèng qua caùc naêm treân.
2. Neâu nhaän xeùt.
3. Giaûi thích taïi sao saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long luoân cao hôn Ñoàng baèng soâng Hoàng

***Höôùng daãn traû lôøi***

1. Veõ bieåu ñoà coät nhoùm, ghi soá lieäu, chuù thích , teân bieåu ñoà
2. Nhaän xeùt:

+ Saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng vaø Ñoàng baèng soâng Cöûu Long ñeàu taêng.

+ Ñoàng baèng soâng Hoàng taêng hôn 1,5 laàn , Ñoàng baèng soâng Cöûu Long taêng gaàn 2,2 laàn .

+ Saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long luoân cao hôn cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng .

1. Giaûi thích Saûn löôïng luùa bình quaân theo ñaàu ngöôøi cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long luoân cao hôn cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng vì:

+ Dieän tích ñaát troàng cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long lôùn hôn cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng

+ Soá daân cuûa Ñoàng baèng soâng Cöûu Long ít hôn soá daân cuûa Ñoàng baèng soâng Hoàng

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_